

# Sơ Lược Về Pháp Môn Niệm Phật Trong Tu Tập Phật Giáo

**Thiện Phúc**

Trong giáo thuyết Phật giáo, mỗi vị Phật đều có Tịnh Độ riêng của Ngài. Trong Phật giáo có nhiều tịnh độ khác, như các cõi Nhẫn Tịnh Độ, Tinh Tấn Tịnh Độ, Trí Huệ Tịnh Độ, Đông Độ của Đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, và A Súc Bệ Phật, vân vân. Trong giáo thuyết nhà Phật, Tịnh Độ là thế giới thanh tịnh không nằm trong sáu cõi luân hồi bởi vì một khi đã sanh vào cõi nước này, chắc chắn sẽ đạt thành chánh quả chứ không còn bị tái sanh vào cõi Ta Bà lần nữa. Dĩ nhiên, một khi đã thành Phật nơi cõi trang nghiêm Tịnh Độ, vị ấy sẽ vì lòng từ bi mẫn chúng mà thị hiện vào cảnh giới Ta Bà để dẫn dắt những chúng sanh khác đi đến giác ngộ. Tại sao người ta lại mong muốn tái sanh vào cảnh giới Tịnh Độ? Trong thế giới của loài người, hành giả thật tâm tu hành thường phải chịu nhiều chướng ngại; họ thường phải làm việc nhiều giờ và vì vậy có rất ít thời giờ tập trung tu tập; trong xã hội ấy lại có nhiều tội phạm và thái độ hờn giận không ngớt; con người luôn lo lắng kiếm tiền để nuôi nấng gia đình, và còn nhiều những hình thức lôi kéo khác khiến cho hành giả không tập trung được vào tu tập. Mặc dầu Đức Phật đã tịch diệt trên 2.500 năm trước tại vùng Câu Thi Na của miền Bắc Ấn, nhưng giáo pháp mang đầy tình thương, trí tuệ và vô ưu của Ngài vẫn còn đây. Và đạo Phật vẫn tiếp tục là một tôn giáo vĩ đại đã giác ngộ nhân loại từ hơn hai mươi lăm thế kỷ nay. Chính Đức Phật có lần đã dạy: “Giống như biển cả, tuy mênh mông, nhưng chỉ có một vị, vị mặn; cũng như vậy, giáo lý của ta, tuy có nhiều mặt và bao la như đại dương nhưng chỉ có một vị, vị vô ưu của Niết Bàn.” Niết Bàn trong Phật giáo không phải là một nơi chốn để cho chúng ta đi đến, mà nó chỉ là trạng thái của sự chấm dứt hoàn toàn mọi lo âu, thay đổi; trạng thái của sự an tịnh tuyệt đối, của sự không còn dục vọng lừa dối và đau khổ; cũng như sự diệt trừ hoàn toàn sự luân hồi sanh tử. Hành giả Tịnh Độ chơn thuần không xem Đức Phật có thể cứu rỗi cho mình thoát khỏi những tội lỗi cá nhân của chính chúng ta. Ngược lại, chúng ta nên xem Phật là bậc toàn giác, là vị cố vấn toàn trí, là đấng đã chứng ngộ và chỉ bày con đường giải thoát. Ngài dạy rõ nguyên nhân và phương pháp chữa trị duy nhất nỗi khổ đau phiền não của con người. Ngài vạch ra con đường và chỉ dạy chúng ta làm cách nào để thoát khỏi những khổ đau phiền não này. Ngài là bậc Thầy hướng dẫn cho chúng ta. Phật xuất hiện vì một đại sự nhân duyên: “Khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật,” hay là giác ngộ theo kinh Pháp Hoa, Phật tánh theo kinh Niết Bàn và thiên đường cực lạc theo kinh Vô Lượng Thọ. Nói tóm lại, hễ Hình Ngay thì Bóng Trắng. Nếu bạn muốn gặt quả vị Phật, bạn phải gieo chủng tử Phật. Hình đẹp xấu thế nào, bóng hiện trong gương cũng như thế ấy, lời Phật dạy muôn đời vẫn thế, biết được quả báo ba đời, làm lành được phước, làm dữ mang họa là chuyện đương nhiên. Người trí biết sửa đổi hình, kẻ dại luôn hờn với bóng. Trước cảnh nghịch cảnh thuận

cảnh, hành giả Tịnh Độ chơn thuần đều an nhiên tự tại, chứ không oán trời trách đất. Ngược lại, hành giả phải dụng công niệm Phật cho đến khi vãng sanh Tịnh Độ và thành Phật quả tại đó. Hành giả Tịnh Độ nên luôn nhớ rằng trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thích Tôn có lời huyền ký như sau: “Đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta dùng lòng từ bi thương xót, riêng lưu trụ kinh Vô Lượng Thọ trong khoảng một trăm năm. Nếu chúng sanh nào gặp kinh này, tùy ý sở nguyện, đều được đắc độ.” Trong Kinh Đại Tập, Đức Thế Tôn đã bảo: “Trong thời mạt pháp, ỨC ỨC NGƯỜI TU HÀNH, ÍT CÓ KẸ NÀO ĐẮC ĐẠO, CHỈ NƯƠNG THEO PHÁP MÔN NIỆM PHẬT MÀ THOÁT LUÂN HỒI.”

Nên nhớ rằng Đức Phật là một nhân vật sống thật chứ không phải là huyền thoại. Ngài đã tùy căn cơ và hoàn cảnh mà giáo hóa chúng sanh. Như trường hợp của bà hoàng hậu Vi Đề Hy thì ngài hướng dẫn cho bà cách niệm Phật tịnh tâm, cuối cùng giúp bà có cuộc sống an lạc và giải thoát hiện đời. Bên cạnh đó, những giáo pháp căn bản của pháp môn Niệm Phật cũng sẽ giúp chúng sinh thấy rõ tất cả mọi căn rễ của tội lỗi đến từ vô minh, vì vậy mà từ đó họ có thể triệt tiêu được những gì cần triệt tiêu. Ngày nay con đường khó khăn nhọc nhằn của trí tuệ trong đó hành giả phải tự tu luyện chính mình không còn có thể thực hiện được đối với nhiều người, nếu không phải đối với đa số, ngay cả đối với những người xuất gia. Trong tình huống này, con đường dễ dàng của đức tin là con đường duy nhất mà người ta có thể đi theo. Ngay từ khoảng bốn trăm năm trước tây lịch, phong trào tu tập bằng con đường dễ dàng của đức tin đã có ưu thế ở Ấn Độ, và đến đầu tây lịch thì nó đã đạt đến đỉnh cao. Và các trường phái Tịnh Độ vẫn tiếp tục phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ cho mãi đến ngày hôm nay vì nó không chỉ chú trọng đến những phần tử tinh hoa mà nó còn là phương tiện hữu hiệu trợ giúp những người căn cơ cùn nhụt. Hành giả Tịnh Độ nên nhớ Phật giáo có tám mươi bốn ngàn pháp môn; nghĩa là có vô số pháp môn thực hành khác nhau. Con số tám mươi bốn ngàn là một con số biểu tượng, tiêu biểu cho vô số pháp môn của Phật. Tuy nhiên, chúng ta chọn pháp môn nào thích hợp với chúng ta nhất. Chúng ta không bao giờ bài bác bất cứ pháp môn nào khác. Mặc dù pháp môn khác không thích hợp với chúng ta, nó có thể thích hợp với khả năng của người khác. Hành giả tu Phật nên luôn nhớ rằng đầu pháp môn thực hành có khác nhau, nhưng tất cả đều đưa tới những mục đích như nhau là những hiểu biết và tri kiến chân chánh, thanh tịnh và giác ngộ.

Người tu theo Phật nên luôn nhớ rằng trong các thân bảo, sinh mạng là hơn, nếu mạng mình còn là còn tất cả. Chỉ mong sao cho thân mạng này được sống còn, thì lo chi không có ngày gãy dựng nên cơ nghiệp. Tuy nhiên, vạn vật ở trên đời nếu đã có mang cái tướng hữu vi, tất phải có ngày bị hoại diệt. Đời người cũng thế, hễ có sanh là có tử; tuy nói trăm năm, nhưng mau như ánh chớp, thoáng qua tựa sương, như hoa hiện trong gương, như trăng lộng đáy nước, hơi thở mong manh, chữ nào có bền lâu? Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ rằng khi sanh ra đã không mang theo một đồng, nên khi chết rồi cũng không cầm theo một chữ, suốt đời làm lụng khổ thân tích chứa của cải, rồi cuộc vô ích cho bản thân mình trước cái sanh lão bệnh tử. Sau khi chết đi, của cải ấy liền trở qua tay người khác một cách phủ phàng. Lúc ấy không có một chút phước lành nào để cho thân thức nương cậy về kiếp sau, cho nên phải đọa vào tam đồ ác đạo. Cổ đức có dạy: “Thiên niên thiết mộc

*khai hoa dị, nhất thất nhơn thân vạn kiếp nan.” Nghĩa là cây sắt ngàn năm mà nay nở hoa cũng chưa lấy làm kinh dị, chớ thân người một khi đã mất đi thì muôn kiếp cũng khó mà tái hồi. Vì thế, Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ những gì Phật dạy: “Thân người khó được, Phật pháp khó gặp. Được thân người, gặp Phật pháp, mà ta nỗ lực cho thời gian luống qua vô ích, quả là uống cho một kiếp người.” Cuối cùng, trong tu tập Phật giáo, hành giả Tịnh Độ chơn thuần không xem Đức Phật có thể cứu rỗi cho mình thoát khỏi những tội lỗi cá nhân của chính chúng ta. Ngược lại, chúng ta nên xem Phật là bậc toàn giác, là vị cố vấn toàn trí, là đấng đã chứng ngộ và chỉ bày con đường giải thoát. Ngài dạy rõ nguyên nhân và phương pháp chữa trị duy nhất nỗi khổ đau phiền não của con người. Ngài vạch ra con đường và chỉ dạy chúng ta làm cách nào để thoát khỏi những khổ đau phiền não này. Ngài là bậc Thấy hướng dẫn cho chúng ta. Phật xuất hiện vì một đại sự nhân duyên: “Khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật.”*

## **(A) Sơ Lược Về Tịnh Độ Trong Giáo Thuyết Phật Giáo**

### **I. Sơ Lược Về Tịnh Độ Trong Giáo Thuyết Phật Giáo:**

Trong Phật giáo, Tịnh Độ được mô tả là một nơi không có khổ đau, không có giới tính, và điều kiện rất thuận tiện cho việc tiến tu đến khi thành Phật quả. Giáo lý chính của phái Tịnh Độ là tất cả những ai niệm danh hiệu Phật A Di Đà với lòng thành tín nơi ơn cứu độ lời nguyện của Ngài sẽ được tái sanh nơi cõi Tịnh Độ an lạc của Ngài. Do đó phép tu quán tưởng quan trọng nhất trong các tông phái Tịnh Độ là luôn luôn trì tụng câu “Nam Mô A Di Đà Phật” hay “Tôi xin gửi mình cho Đức Phật A Di Đà.” Những đòi hỏi tu tập để được vãng sanh Tịnh Độ mà ngài Thế Thân đã trình bày về năm cách tu tập tĩnh thức và ngài Thiện Đạo đã hệ thống hóa với ngũ chánh hành. Hai cách giải thoát trong Tịnh Độ Tông: 1) Hoành Xuất, bằng trì trai giữ giới và tu hành thiền định mà hành giả được sanh vào cõi hóa độ phương tiện; 2) Hoành Siêu, nghe bản nguyện của Đức Phật A Di Đà mà phát tín tâm niệm hồng danh của ngài sẽ được vãng sanh vào cõi báo độ chân thực. Tịnh Độ Tông là một truyền thống Phật giáo phổ cập tại vùng Đông Á, mà những tín đồ cố gắng tu tập để được vãng sanh về cõi Cực Lạc, cõi Phật của Đức Phật A Di Đà. Những tín đồ của truyền thống này xem truyền thống như là “sự tu tập dễ dàng,” bởi vì nó không đòi hỏi sự tu tập thiền định khó khăn để đạt tới Phật quả như trong Phật Giáo Đại Thừa ở Ấn Độ. Thay vào đó, hành giả nhờ vào tha lực của Đức Phật A

Di Đà. Tông phái này dựa vào lời nguyện thứ 18 trong Kinh A Di Đà, trong đó Ngài hứa rằng những ai tín tâm tin tưởng nơi Ngài sẽ được vãng sanh về cõi Tịnh Độ của Ngài và sẽ đạt thành Phật quả tại đây một cách dễ dàng. Tín đồ của tông phái này thường biểu lộ niềm tin bằng cách trì niệm danh hiệu của Đức Phật “Nam Mô A Di Đà Phật.” Trường phái này tự truy nguyên nguồn gốc của mình từ thời Ngài Huệ Viễn, vị sơ tổ của truyền thống Tịnh Độ Trung Hoa, truyền thống cho rằng chính Ngài Long Thọ là vị tổ đầu tiên tại Ấn Độ. Ngày nay, rất nhiều Phật tử ở Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật và Việt Nam thực hành theo Tịnh Độ tông vì không cần phải được truyền giới mà vẫn được vãng sanh Cực Lạc. Họ tin rằng ngay cả những người tại gia cũng được vãng sanh về đây.

Trong cảnh giới Tịnh Độ lại không có những chướng ngại vừa kể trên. Mọi người đều tu tập theo chánh pháp, và tất cả những điều kiện từ vật chất, xã hội, đến kinh tế, vân vân đều hưởng thụ và giúp người ta dễ dàng tiến tu trên đường đạo. Vì việc chứng đạo dễ dàng nên người ta ước nguyện vãng sanh về cõi Cực Lạc. Hơn nữa, cõi Cực Lạc thù thắng hơn nhiều cõi Tịnh Độ khác vì con đường đến đó dễ dàng: phàm phu dù không có nhận thức về ‘không tánh’ hay không có ‘ý nguyện’ vị tha (Bồ Đề Tâm) vẫn có thể vãng sanh về cõi này được. Cõi Tịnh Độ được thiết lập do công phu tu tập của một vị Tỳ Kheo tên là Pháp Tạng, cách nay nhiều kiếp có lời nguyện kiến tạo một cảnh giới trong đó mọi chúng sanh đều có thể dễ dàng tu tập chánh pháp. Khi chưa thành Phật, Pháp Tạng đã phát nhiều lời thệ nguyện hứa thiết lập một cảnh giới mà trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật đã diễn tả những phương cách để những người khác có thể sinh vào cảnh giới ấy. Khi ngài Pháp Tạng thọ pháp với nhiều vị Phật trong đời quá khứ, đã phát lời nguyện thí xả và tu tập viên mãn những pháp môn thiền định tịnh trụ và minh sát. Nhờ vậy mà Bồ Tát Pháp Tạng thành Phật hiệu là A Di Đà, rồi nhờ vào oai lực của thiện nghiệp và trí tuệ mà Ngài tạo nên được cảnh giới Cực Lạc. Làm sao để được sanh vào cảnh giới Cực Lạc? Chỉ cần có niềm tin mãnh liệt nơi Đức Phật A Di Đà và trì niệm hồng danh của Ngài là đủ. Khi lâm mạng chung thời (chết) nhờ oai đức của Đức Phật A Di Đà, hành giả sẽ được tiếp dẫn vãng sanh vào cảnh giới thanh tịnh đó. Đây là một quan niệm khá đơn giản và làm cho nhiều người phải đặt câu hỏi: “Đức Phật đã từng nói rằng không ai có thể cứu độ chúng ta ngoài bản thân chúng ta. Chúng

ta phải tu tập theo Chánh pháp và chuyển hóa tâm thức của bản thân. Như vậy có mâu thuẫn hay không khi nói rằng chỉ cần có niềm tin là đủ, những việc còn lại Đức Phật A Di Đà sẽ lo liệu tất cả?” Vâng, đây là một mâu thuẫn. Trong khi Đức Phật A Di Đà có thể khuyến tấn và hướng dẫn chúng ta, bản thân chúng ta phải tu tập. Kinh Vô Lượng Thọ lập nên pháp tu gồm: giới hạnh, thanh tịnh ác hạnh, phát tâm thí xả, và cuối cùng là thiền chỉ và thiền quán về những phẩm tính của Đức Phật và cảnh giới Tịnh Độ. Như vậy, với tâm phẫn chấn, hành giả hồi hướng những công đức tu hành mong được vãng sanh về cõi Cực Lạc, và mục đích cuối cùng là đạt thành Phật quả vì lợi ích của chúng sanh. Như vậy ở đây niềm tin là sức mạnh hỗ trợ cho việc thiền định. Niềm tin này không phát sinh từ trạng thái mù quáng hay tâm trạng tuyệt vọng, mà do nhận thức được những phẩm chất thù thắng của chư Phật, của giáo pháp và của Tăng già. Tu tập pháp môn niệm hồng danh Đức Phật A Di Đà để phát triển những phẩm chất thù thắng trên. Thí dụ như nhờ vào câu niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” song song với việc tưởng nhớ đến tâm nguyện thí xả của Đức Phật A Di Đà khiến cho chúng ta càng tán thán và càng nỗ lực phát triển Bồ Đề Tâm trong đời sống của chúng ta hơn. Nhờ vào việc tập trung vào tiếng niệm hồng danh Đức Phật A Di Đà, hành giả có thể đoạn trừ những tạp niệm và phát triển khả năng tập trung. Hành giả có thể đạt được tịnh trú bằng cách quán tưởng hình tượng của Đức Phật A Di Đà và cõi nước Cực Lạc của Ngài. Biệt quán về vô ngã được phát triển qua thiền định về tánh không tự hiện hữu của cõi nước Cực Lạc và ngay của bản thân mình. Như vậy chúng ta thấy được rằng việc tu tập pháp môn Tịnh Độ rất thâm sâu phong phú chứ không đơn thuần chỉ là việc niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà. Trong những sinh hoạt hằng ngày chúng ta luôn niệm Phật để tự nhắc nhở mình về các phẩm hạnh thù thắng của ngôi Tam Bảo. Trong khi đi bộ hay lái xe, chúng ta vẫn có thể tu tập chánh niệm với âm thanh của tiếng niệm Phật. Nên nhớ rằng giới hạnh là nguyên do chính yếu để được vãng sanh về cảnh giới thanh tịnh, chúng ta trở nên tỉnh giác hơn với những việc mà chúng ta đang làm, những lời mà chúng ta đang nói, và những điều mà chúng ta đang nghĩ. Có vài thắc mắc về việc niệm hồng danh Đức Phật A Di Đà, có phải chỉ cần niệm như vậy đã là đầy đủ. Trong Từ ngữ Hán văn, chữ “niệm Phật” có một số nghĩa khác nhau. Niệm có 3 nghĩa chánh: i) niệm là tập trung tâm thức hay thiền định, ii) niệm là một thời điểm, iii) niệm là

tụng thành tiếng. Vì vậy tại Ấn Độ, tu tập niệm hồng danh Đức Phật A Di Đà chủ yếu trong việc thiền tập. Tại Trung Hoa và Việt Nam lại nhấn mạnh vào việc niệm danh hiệu của Ngài. Một từ “niệm” có cả hai sự nhấn mạnh vừa kể trên.

## ***II. Triết Lý Của Tịnh Độ Tông:***

Đại sư Huệ Viễn (523-592) lập ra tông Tịnh Độ ở Trung Hoa nhằm dạy một pháp môn dễ tu dễ chứng, căn cứ trên bộ kinh A Di Đà. Trong một thời gian dài, Tịnh Độ Trung Hoa dựa vào Phật Thích Ca Mâu Ni và những vị Bồ Tát quan trọng như Di Lặc, Quán Thế Âm và Địa Tạng. Theo Tiến Sĩ Edward Conze trong quyển “Phật Giáo: Tinh Hoa và Sự Phát Triển,” mặc dầu Bồ Tát Di Lặc luôn được phổ biến, phái thờ phụng ngài Văn Thù và đức Phật Tỳ Lô Giá Na bành trướng một cách rộng rãi vào thế kỷ thứ VIII, kinh điển và ảnh tượng cho thấy đức Phật Vô Lượng Quang được biết tới vào khoảng năm 650 sau tây lịch, và sau đó Bồ Tát Quán Thế Âm được liên kết chặt chẽ với Phật A Di Đà. Trong khi ở Ấn Độ cho mãi đến ngày nay người ta không thấy những hình ảnh biểu thị Phật A Di Đà và cõi cực lạc của ngài, thì tại Trung Hoa lại đưa ra rất nhiều ảnh tượng thuộc loại này. Chúng ta không biết vì lý do gì mà cõi cực lạc của đức Phật A Di Đà đã kích thích óc tưởng tượng của người Trung Hoa đến mức đó. Nói gì thì nói, ngày nay đức Phật A Di Đà và cõi cực lạc của ngài đã phổ biến trong hầu hết các trường phái Tịnh Độ trên thế giới. Tịnh Độ Tông cho rằng thế giới Tây Phương là nơi ở của Đức Phật A Di Đà và đặt niềm tin vào “cứu độ nhờ đặt sự tin tưởng tuyệt đối vào quyền năng từ bên ngoài.” Họ đặt nặng việc khẩn nguyện hồng danh Đức Phật A Di Đà, xem đây là việc quan trọng của một tín đồ, nhằm tỏ lòng biết ơn đối với Đức Phật cứu độ. Các bản luận về Thập Địa Kinh của các ngài Long Thọ và Thế Thân là những tác phẩm Ấn Độ được Tịnh Độ Tông nhìn nhận vì con đường “dễ dàng” và “tha lực” đã được minh giải trong các bộ luận này. Ngài Long Thọ đã cả quyết rằng có hai phương tiện đạt đến Phật quả, một “khó” (ý nói các tông khác) và một “dễ” (ý nói Tịnh Độ tông). Một như là đi bộ còn một nữa là đáp thuyền. Tín ngưỡng Di Đà sẽ là tối thượng thừa trong các thừa để cho tất cả những ai cần đến. Ý tưởng được cứu độ được coi như là mới mẻ trong Phật giáo. Khi vua Milinda (một vị vua Hy Lạp trị vì tại Sagara vào khoảng năm 115 trước Tây Lịch) đã hỏi luận sư Na Tiên (Nagasena) rằng thật

là vô lý khi một người ác lại được cứu độ nếu y tin tưởng nơi một vị Phật vào đêm hôm trước ngày y chết. Tỳ Kheo Na Tiên đáp rằng: “Một hòn đá, dầu nhỏ cách mấy, vẫn chìm trong nước; nhưng ngay cả một tảng đá nặng trăm cân, nếu đặt trên tàu, cũng sẽ nổi bổng bên trên mặt nước.” Trong lúc các tông phái khác của Đại thừa chuyên chú về tự giác, thì Tịnh Độ Tông lại dạy y chỉ nơi Phật lực. Đức Phật của những tông phái khác là Thích Ca Mâu Ni, trong lúc Đức Phật của Tịnh Độ tông là A Di Đà hay Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ. Quốc độ của Ngài ở Tây phương thường được gọi là Tây Phương Tịnh Độ. Vô Lượng Quang hay Vô Lượng Thọ là một vị Phật đã được lý tưởng hóa từ Đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni. Theo Giáo Sư Takakusu trong Cương Yếu Triết Học Phật Giáo, nếu Phật A Di Đà chỉ thuần là lý tưởng trên nguyên tắc, đơn giản đó là “Vô Lượng.” Vô Lượng như thế sẽ là một với Chân Như. Vô Lượng nếu miêu tả xét theo không gian, sẽ là Vô Lượng Quang; nếu xét theo thời gian là Vô Lượng Thọ. Đây là Pháp Thân. Pháp thân này là Báo thân nếu Phật được coi như là Đức Phật ‘giáng hạ thế gian.’ Nếu ngài được coi như một vị Bồ Tát đang tiến lên Phật quả, thì Ngài là một vị Phật sẽ thành như tiền thân Đức Phật là Bồ Tát Cần Khổ. Chính Đức Thích Ca Mâu Ni đích thân mô tả hoạt động của Bồ tát Pháp Tạng như một tiền thân của Ngài. Thệ nguyện của vị Bồ Tát đó hay ngay cả của Đức Thích Ca Mâu Ni, được biểu lộ đầy đủ bằng 48 lời nguyện trong kinh. Triết lý của Tịnh Độ tông căn cứ vào những lời nguyện quan trọng của Phật A Di Đà. Thệ nguyện của vị Bồ Tát đó hay ngay cả của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, được biểu lộ đầy đủ bằng 48 lời nguyện trong kinh. Nguyện thứ 12 và 13 nói về Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ rằng: “Nếu ta không chứng được Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ, ta sẽ không thành Phật.” Khi Ngài thành Phật, Ngài có thể tạo nên cõi Phật tùy ý. Một Đức Phật, lẽ dĩ nhiên là Ngài trụ tại “Niết Bàn Vô Trụ,” và do đó Ngài có thể ở bất cứ nơi nào và khắp ở mọi nơi. Nguyện của Ngài là lập nên một cõi Cực Lạc cho tất cả chúng sanh. Một quốc độ lý tưởng trang nghiêm bằng bảo vật, có cây quý, có ao quý để tiếp nhận những thiện tín thuần thành. Nguyện thứ 18 được xem là quan trọng nhất, hứa cho những ai y chỉ hoàn toàn nơi Phật lực với trọn tấm lòng thanh tịnh và chuyên niệm trì Phật hiệu, sẽ được thác sinh vào cõi Cực Lạc này. Nguyện thứ 19, nguyện tiếp dẫn trước giờ lâm chung những ai có nhiều

công đức. Nguyên thứ 20 nói rằng ai chuyên niệm danh hiệu Ngài với ý nguyện thác sanh vào nơi quốc độ của Ngài thì sẽ được như ý.

### **III. Kinh Quán Vô Lượng Thọ:**

Kinh *A Di Đà Tiểu Bản* là một bản toát yếu hay trích yếu của Đại phẩm Đại Vô Lượng Thọ Kinh (Sukhavati-Vyuha). Bộ chót trong số ba kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh (Amitayr-dhyana-sutra) cho chúng ta biết nguyên lai của giáo lý Tịnh Độ do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết. Nguyên do Đức Phật thuyết Kinh A Di Đà là khi thái tử A Xà Thế nổi loạn chống lại vua cha là Tần Bà Sa La và hạ ngục nhà vua này. Hoàng hậu Vi Đề Ha cũng bị giam vào một nơi. Sau đó Hoàng Hậu thỉnh Đức Phật chỉ cho bà một chỗ tốt đẹp hơn, nơi không có những tai biến xảy ra như vậy. Đức Thế Tôn liền hiện thân trước mặt bà và thị hiện cho thấy tất cả các Phật độ, và bà chọn quốc độ của Đức Phật A Di Đà coi như là tối hảo. Phật bèn dạy bà cách tụng niệm về quốc độ này để sau cùng được thác sanh vào đó. Ngài dạy bà bằng giáo pháp riêng của Ngài, và đồng thời giảng giáo pháp của Phật A Di Đà. Đức Phật đã căn dặn ngài A Nan như sau: “Này A Nan! Hãy ghi nhớ bài thuyết pháp này và lặp lại cho đại chúng ở Kỳ Xà Quật nghe. Thuyết giáo này, ta gọi đây là Kinh A Di Đà.” Đối tượng của bài thuyết pháp này của Phật là sự tôn thờ Phật A Di Đà, và từ đó chúng ta cũng thấy rằng giáo thuyết của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cuối cùng cũng không khác với giáo thuyết của Phật A Di Đà. Kinh A Di Đà Tiểu Bản là giáo tụng chính yếu của tông Tịnh Độ. Theo Tịnh Độ tông, việc chuyên tâm niệm Phật là cần thiết để đào sâu đức tin, vì nếu không có đức tin này thì không bao giờ có sự cứu độ trọn vẹn.

### **IV. Ba Cửa Tịnh Độ:**

Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, pháp môn không cao không thấp, cao thấp do căn tánh mà phân. Vì chúng sanh căn cơ sai biệt nhau, nên pháp tu cũng có nhiều cách. Tuy nhiên, căn bản có ba môn tu trong Tịnh Độ. **Thứ nhất là Pháp Môn Quán Tưởng:** Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, quán tưởng là như trong Quán Kinh dạy: “Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh. Cho nên khi tâm các bạn tưởng Phật, thì tâm ấy chính là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, tâm ấy là tâm Phật, tâm ấy



chính là Phật. Biến chánh biến tri của Phật từ nơi tâm tưởng mà sanh. Vì thế các bạn phải nhớ nghĩ và quán tưởng kỹ thân Đức Phật kia.” Thiên Thai sơ nói mấy chữ “Chư Phật Như Lai” sắp xuống, là thuyết minh tất cả chư Phật; lại nói mấy chữ “Phải nhớ nghĩ” sắp xuống, là chỉ cho quán tưởng riêng Đức Phật A Di Đà, pháp giới thân là pháp thân của Báo Phật. Tâm chúng sanh tịnh, pháp thân tự hiện, nên gọi là “vào;” như khi vầng hồng nhật mọc lên tắt bóng hiện xuống trăm sông. Đây là chỉ cho Phật thân tự tại, có thể tùy vật hiện hình vậy. Lại “pháp giới thân” là chỉ cho thân Phật, khắp tất cả chỗ, lấy pháp giới làm thể. Khi hành giả chứng được môn Quán Phật Tam Muội này, giải nhập tương ứng, nên nói “vào trong tâm tưởng.” “Tâm này là Phật” là Phật nguyên vẫn không, nhân chúng sanh tâm tịnh mới có, sợ e người hiểu lầm cho rằng bỗng nhiên mà có, nên mới nói “là Phật.” Mới khởi tu quán nên nói “làm,” sự tu đã thành nên gọi “là”. Diệu Tông Thích nói: “Muốn tưởng thân Phật phải hiểu rõ quán thể. Thể đó là bản giác; từ nơi đây mà khởi thành pháp quán. Bản giác là thân pháp giới của chư Phật, vì chư Phật không sở chứng chi khác, toàn chứng bản tánh của chúng sanh. Nếu thỉ giác có công, bản giác mới hiển, nên nói “pháp thân từ nơi tâm tưởng mà sanh.” Lại Đức Di Đà cùng tất cả chư Phật đồng như một pháp thân, một trí huệ, sự ứng dụng cũng như vậy. Hiển được thân Đức Di Đà tức là hiển được thân chư Phật, tỏ được thân chư Phật tức là lộ được thể Di Đà. Cho nên trong văn kinh nói rộng qua chư Phật để kết về sự quán tưởng Đức A Di Đà. Từ mấy chữ “thân pháp giới” trở xuống là nói về sự giao cảm của đạo cảm ứng và ước về lý giải nhập tương ứng. Đại Sư Dung Tâm đã phê bình về hai lối giải trên như sau: “Nếu không có lời giải trước, thì môn quán tưởng ấy không phải là quán Phật; như không có lời giải sau, e hành giả hiểu lầm rằng thể của chúng sanh và Phật khác nhau, nên hai lối giải đã tác thành cho nhau mà thuyết minh thuyết Quán Pháp vậy.” **Thứ nhì là Pháp Môn Ưc Niệm:** Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, nói ước niệm là hành giả hoặc duyên theo tướng tốt, hoặc trì danh hiệu của Phật, đều gọi là ước niệm. Môn này có cả lý lẫn sự. Trước hết là “Lý Nhất Tâm”. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Giải Thoát Trưởng Giả nói: “Nếu tôi muốn thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai và thế giới an lạc, thì tùy ý liền được thấy. Tôi có thể biết rõ tất cả chư Phật, quốc độ tùy thuộc, cùng những việc thần thông của các ngài. Bao nhiêu cảnh tượng trên đây, không từ đâu mà đến, không đi

về đâu, không có xứ sở và không chỗ trụ; cũng như thân tôi không thật có đi, đứng, tới lui. Các Đức Như Lai kia không đến chỗ tôi, tôi cũng không đi đến chỗ của các Ngài. Sở dĩ như thế, vì tôi hiểu rõ tất cả chư Phật cùng với tâm mình đều như mộng. Lại hiểu tự tâm như nước trong chum, các pháp như hình bóng hiện trong nước. Tôi đã ngộ tâm mình như nhà huyền thuật, tất cả chư Phật như cảnh huyền hóa. Lại biết chư Phật chư Bồ Tát trong tự tâm, đều như tiếng vang, như hang trống, tùy theo âm thanh mà phát ra tiếng dội lại. Ví tôi ngộ giải tâm mình như thế nên có thể tùy niệm thấy Phật.” Về đoạn kinh trên, ngài Trinh Nguyên giải rằng: “Từ đầu đến mấy chữ ‘chỗ của các Ngài’ chính là thuyết minh lý duy tâm, nếu ngộ tức tâm mà vô tâm liền vào chân như tam muội. Khi hành giả hiểu rõ các cảnh tượng đều như huyền, duy tâm hiện ra, đã ngộ duy tâm và tức tâm tức Phật, thì tùy chỗ tưởng niệm, không đâu chẳng là Phật. Đoạn văn sau nêu ra bốn điều thí dụ với đều đủ bốn quán thông và biệt để hiển lý duy tâm, tất cả vẫn viên dung không ngại. Cảnh mộng là dụ cho lý không đến không đi, có nghĩa là toàn thể đều duy tâm. Hình bóng trong nước là dụ cho lý không ra không vào, vì duy tâm nên tất cả đều “không”. Tượng huyền hóa là dụ cho lý chẳng có chẳng không, vì duy tâm nên tất cả đều “giả”. Tiếng vang là dụ cho lý chẳng tan chẳng hợp, vì duy tâm nên tất cả đều “trung”. Nếu hành giả hiểu rõ lý trên đây, rồi chấp trì bốn chữ A Di Đà Phật, sẽ không còn những thứ sau đây: tâm có tâm không, tâm cũng có cũng không, tâm chẳng phải có chẳng phải không, dứt cả quá khứ hiện tại vị lai mà niệm, đó gọi là “lý ức niệm” hay lý nhất tâm. Ngày đêm sáu thời cứ như thế mà nhiếp tâm trì niệm, không cho gián đoạn, không sanh một niệm, thì chẳng cần vượt giai tầng mà đi thẳng vào cõi Phật. Đây cũng gọi là “lý nhất tâm.” Tóm lại, lý nhất tâm là người thông đạt bốn lý quán trên, dùng tâm ấy mà niệm Phật, tương ứng với không huệ, đi đến chỗ thuần chơn. Lý nhất tâm là hành môn của bậc thượng căn. Kế thứ là về “sự ức niệm,” (sự nhất tâm) như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhớ Phật niệm Phật, hiện đời hoặc đương lai nhất định sẽ thấy Phật, cách Phật không xa, không cần mượn phương tiện chi khác mà tâm tự được khai ngộ.” Hay như các kinh sách khác đã chỉ dạy, ‘hoặc hệ niệm suốt một đời, hoặc trì niệm trong ba tháng, bốn mươi chín ngày, một ngày đêm, cho đến bảy ngày đêm, hoặc mỗi buổi sớm mai giữ mười niệm. Nếu hành giả dùng lòng tin sâu, nguyện thiết, chấp trì câu niệm Phật như rỗng gặp nước, như cạp

dựa non, thì được sức Phật gia bị đều vãng sanh về Cực Lạc. Theo trong Kinh cho đến hạng phàm phu tạo tội ngũ nghịch thập ác, nếu khi lâm chung chí tâm xưng danh hiệu Phật mười niệm, cũng được vãng sanh. Và đây gọi là “sự nhất tâm.” Tóm lại, sự nhất tâm là hành giả tâm còn giữ niệm, mỗi niệm không cho xen hở, đi đến chỗ không còn tạp niệm. Sự nhất tâm thông dụng cho hàng trung hạ. **Thứ ba là Pháp Môn Chứng Hạnh:** Pháp môn này bao gồm Nguyễn Lực Vãng Sanh, Tâm Lực Vãng Sanh, Thần Lực Vãng Sanh, và Phước Lực Vãng Sanh.

#### ***V. Ba Mối Nghi Của Phật Tử Về Tịnh Độ:***

Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Niệm Phật Thập Yếu, có nhiều người thật tâm muốn niệm Phật, hoặc đã từng hành trì rồi, nhưng vì sự học hiểu về giáo lý còn kém, nên khi nghe kẻ khác biện luận bài bác, liền khởi lòng nghi. Những mối nghi đó rất nhiều, nhưng chỉ nêu lên đây ba mối nghi chánh. **Thứ Nhất, Tịnh Độ Chỉ Là Một Quyền Thuyết:** Có kẻ thấy trong kinh điển tả cảnh Tịnh Độ quá trang nghiêm, bỗng sanh niệm nghi rằng: “Cõi Cực Lạc là quyền tiện của Phật nói ra để cho người hăm mộ gắng tu làm lành lánh dữ, đại khái như thuyết thiên đường, chứ làm gì có một thế giới từ đất đai đến cây cối, lầu các đều bằng thất bảo như vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, xích châu, mã não. Lại nữa, thân người bằng chất ngọc nhuyễn kim cương, hóa sanh từ hoa sen không có già, bệnh, chết. Các thức ăn mặc trân quý đều tùy ý niệm hiện ra. Như thế toàn là những chuyện đầu đầu, xa với thực tế làm sao mà tin được? Để giải thích điều này Hòa Thượng Thích Thiên Tâm đã đáp rằng: “Những ý nghĩ trên phần (a) đó đều còn hạn cuộc theo sự nghe thấy của tai mắt phàm tình. Người muốn học Phật không nên đem trí phàm phu mà suy lường Thánh cảnh. Đừng nói đầu xa, ngay ở Việt Nam ta khi cụ Phan Thanh Giản đi sứ sang Pháp trở về thuật lại, nói bên ấy đèn không đốt mà cháy, xe thuyền không ngựa hay người kéo mà tự chạy, trăm việc sánh bằng trời đất, duy có sự sống chết là còn thuộc quyền tạo hóa định đoạt mà thôi. Vua và triều thần nghe nói đều không tin. Đến như chỗ bạn thân mà cũng mỉm cười cho là cụ Phan đi xa về nói khoác. Kỳ thật thì những điều cụ Phan vừa kể đều là sự thật. **Thứ Nhì, Có Người Nghe Nói Pháp Môn Tịnh Độ Hành Trì Giản Dị Mà Kết Quả Rất Mau Chóng Cao Siêu Nên Nghi Ngờ:** Đầu lại có phương pháp thành Phật quá dễ dàng như thế? Bởi đường lối thường thức của các môn tu là Chỉ và Quán. Khi hạ thủ công

phu, trước tu “Chỉ,” kế tiếp tu “Quán;” hoặc trước tu Quán, kế tiếp tu Chỉ. Lần lần tiến đến “Trong Quán có Chỉ, trong Chỉ có Quán.” Khi tới trình độ “Chỉ Quán không hai, định huệ tịch chiếu” mới gọi là bước vào cảnh giới tự tâm. Rồi từ đó về sau, nếu mỗi đời đều tiếp tục tinh tấn tu hành, theo như trong kinh luận nói, phải trải qua một muôn đại kiếp mới lên ngôi “Bất Thối Chuyển.” Tại sao chỉ một câu niệm Phật, ngay trong đời này lại được vãng sanh lên ngôi Bất Thối, há chẳng phải là dễ dàng quá ư? Khi đề cập đến nghi vấn này, chúng ta nên biết tu các pháp môn khác chỉ hoàn toàn nương nơi tự lực, cho nên phải khó. Riêng đường lối tu Tịnh Độ có hai năng lực, là tự tâm lực và Phật lực tiếp dẫn, nên sự thành công rất dễ. Ví như một người chân yếu, muốn tự mình lên tận đỉnh núi cao là điều rất khó. Nhưng nếu kẻ ấy được một vị đại lực sĩ khoác cánh tay phăng phăng đưa bước tiến tới thì kết quả lên tới đỉnh nào có khó chi! Về môn Tịnh Độ cũng thế, khi ta chuyên tâm niệm Phật tức là lúc tâm lực phát triển. Niệm đến một lòng không loạn, là lúc tâm lực hoàn toàn hiện bày. Đang khi ấy nghiệp lực bị hàng phục không còn làm chướng ngại, lại được thêm Phật lực tiếp dẫn, nên tuy nghiệp chưa trừ dứt, mà được vãng sanh. Khi sanh về Tây Phương rồi, sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, sự không thối chuyển cho đến khi thành Phật là một điều hiển nhiên dễ hiểu.

**Thứ Ba, Chúng Sanh Ít Nhân Duyên Phước Đức Không Thế Sanh Về Tịnh Độ:** Cảnh Cực Lạc mầu đẹp trang nghiêm vô lượng, chẳng phải dùng ít nhân duyên căn lành phước đức mà được sanh về. Nhìn gẫm lại mình, căn lành phước đức còn sơ bạc, nghiệp chướng lại nhiều, mong gì đời này được duyên tốt vãng sanh? Xin kính khuyên quý vị muôn ngàn lần chớ nên nghĩ như thế. Bởi khi các vị lần chuỗi niệm Phật được, là căn lành phước đức của quý vị đã sâu dày rồi. Thử nghĩ lại xem, trên thế gian này biết bao nhiêu kẻ không nghe được danh hiệu Phật? Biết bao nhiêu người tuy nghe hồng danh Đức A Di Đà, nhưng mãi tranh danh đoạt lợi, đeo đuổi theo các điều trần nhiễm, không chịu niệm Phật. Nay các vị đã nghe Phật pháp và chí tâm niệm Phật, há không phải là có căn lành phước đức lớn đó sao? Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Phật bảo ngài Di Lặc Bồ Tát: “Nếu có chúng sanh nào nghe danh hiệu Đức Phật kia, vui mừng khắp khởi, cho đến một niệm, nên biết kẻ ấy được lợi lớn, đã đầy đủ phước đức vô thượng.” Lời này đủ chứng minh rằng biết niệm Phật tức là đã có nhiều phước đức căn lành rồi. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có dẫn sự tích những người

phạm tội cực ác (như Trương Thiện Hòa, Hùng Tuấn, Duy Cung, và các loài súc sanh như chim Bát Kha, Anh Vĩ, vân vân), chí tâm niệm Phật đều được vãng sanh. Phước đức căn lành của quý vị đã vượt xa hơn những người ác và loại súc sanh kia. Vậy cần chi phải e ngại là ngay trong đời này không được sanh về Cực Lạc?

### ***VI. Bốn Sắc Thái Tín Ngưỡng Di Đà:***

Theo Tịnh Độ tông, Phật Di Đà thù thắng hơn cả trong số Ngũ Trí Như Lai mặc dù quốc độ của Ngài ở Tây Phương chứ không ở Trung Ương, Ngài là một trong những vị Phật chính trong Phật giáo. Do vậy chúng ta thấy được các quan niệm của các tông phái Di Đà về vấn đề Phật Đà Luận của Đại Thừa. Theo thuyết “Tánh Cù” của tông Thiên Thai và “Lượng Bộ Bất Nhị” của tông Chân Ngôn, nguyên lý “một trong tất cả và tất cả trong một” đã được sẵn sàng chấp nhận. Trong số Ngũ Trí Như Lai, Đức Phật Di Đà ở phương Tây có thể đồng nhất với Trung Ương Đại Nhật Như Lai, là Đức Phật của pháp giới thể tánh. Các bản nguyện của Ngài, sự chứng quả Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ, và sự thiết lập Cực Lạc Quốc Độ được mô tả đầy đủ trong Kinh A Di Đà. Lẽ đương nhiên khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trong Kinh Pháp Hoa, ẩn dụ cho các đệ tử rằng không nên xem Ngài như vị Phật 80 tuổi già với vóc người nhỏ thó, bởi vì Ngài thực sự là một vị Phật lâu đời lâu kiếp, và hiện thân đầy khắp vũ trụ; phải coi Ngài như là một với Đức Phật Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Phật Thích Ca đã nhấn mạnh vào đức tin tuyệt đối nơi Phật A Di Đà. Tín tâm là phương tiện duy nhất để giải thoát. Theo Giáo Sư Junjiro Takakusu trong Cương Yếu Triết Học Phật Giáo, tín ngưỡng Di Đà gồm có bốn sắc thái. *Thứ nhất là Sắc Thái Thiên Thai và Chân Ngôn:* Theo đó Phật Di Đà là một trong Ngũ Trí Như Lai, ngự ở Tây phương, có Đức Đại Nhật Như Lai ở giữa. *Thứ nhì là Sắc thái dung thông niệm Phật:* Theo đó, giá trị của một người tin tưởng nơi Phật A Di Đà có thể truyền đến người khác và ngược lại. Nghĩa là một tôn giáo hỗ tương hỗ trợ bằng đức tin. *Thứ ba là Sắc thái của Tịnh Độ tông:* Theo đó tín ngưỡng Di Đà độc nhất chỉ được giảng theo nơi tam kinh Tịnh Độ, đặc biệt căn cứ trên những lời nguyện của Đức Phật A Di Đà. *Thứ tư là Sắc thái của tông Chân Ngôn:* Theo đó tín ngưỡng này được giảng dạy một cách chặt chẽ theo nguyện thứ 18 của Phật A Di Đà, mô tả trong kinh Trường Di Đà.

### **VII. Tâm Của Hành Giả Tu Tập Tịnh Độ:**

Tâm là một tên khác của A Lại Da Thức (vì nó tích tập hạt giống của chư pháp hoặc huân tập các hạt giống từ chủng tử chủng pháp mà nó huân tập). Không giống như xác thân vật chất, cái tâm là phi vật chất. Chúng ta nhận thức được những tư tưởng và cảm nghĩ của chúng ta cùng nhiều điều khác bằng trực giác, và chúng ta kết luận sự hiện hữu của chúng bằng phép loại suy. Tâm là gốc của muôn pháp. Trong Tâm Địa Quán Kinh, Đức Phật dạy: “Trong Phật pháp, lấy tâm làm chủ. Tất cả các pháp đều do tâm sanh.” Tâm tạo ra chư Phật, tâm tạo thiên đường, tâm tạo địa ngục. Tâm là động lực chính làm cho ta sung sướng hay đau khổ, vui hay buồn, trầm luân hay giải thoát. Trong Kinh Đại Bảo Tích, Đức Thế Tôn bảo Ngài Di Lặc Bồ Tát: “Mười Tâm cho hành giả Tịnh Độ này không phải hạng phàm ngu, bất thiện, hay kẻ ác nhiều phiền não có thể phát được.” Những gì là mười? **Thứ nhất**, đối với chúng sanh khởi lòng đại từ, không làm tổn hại. **Thứ nhì**, đối với chúng sanh khởi lòng đại bi, không làm bức não. **Thứ ba**, đối với chánh pháp của Phật, hết lòng hộ trì, không tiếc thân mạng. **Thứ tư**, đối với chánh pháp sanh lòng thẳng nhận, không chấp trước. **Thứ năm**, đối với tâm điềm tĩnh an vui, không tham sự lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng. **Thứ sáu**, đối với tâm cầu chủng trí của Phật trong tất cả thời không quên lãng. **Thứ bảy**, đối với chúng sanh, khởi lòng tôn trọng, cung kính, không cho là hạ liệt. **Thứ tám**, không tham trước thế luận, với phần Bồ Đề sanh lòng quyết định. **Thứ chín**, tâm thanh tịnh, không tạp nhiễm, siêng trông các căn lành. **Thứ mười**, đối với chư Phật, xả ly các tướng, khởi lòng tùy niệm.

Theo Đại Sư Ấn Quang, Tổ thứ XIII của Tịnh Độ Tông Trung Hoa: “Tâm bao hàm hết khắp cả thập pháp giới, đó là Phật pháp giới, Bồ Tát pháp giới, Duyên Giác pháp giới, Thanh Văn pháp giới, Thiên pháp giới, Nhân pháp giới, A Tu La pháp giới, Súc Sanh pháp giới, Ngạ Quỷ pháp giới, và Địa Ngục pháp giới. Một tâm mà hay sanh tất cả. Phật cũng do tâm sanh, mà địa ngục cũng do tâm tạo.” Tâm kết hợp chặt chẽ với thân đến độ các trạng thái tinh thần ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sự an vui của thân. Một số bác sĩ khẳng quyết rằng không có một chứng bệnh nào được xem thuần túy là thân bệnh cả. Do đó, trừ khi trạng thái tinh thần xấu này là do ác nghiệp do kiếp trước gây ra quá nặng, khó có thể thay đổi được trong một sớm một

chiều, còn thì người ta có thể chuyển đổi những trạng thái xấu để tạo ra sự lành mạnh về tinh thần, và từ đó thân sẽ được an lạc. Tâm con người ảnh hưởng đến thân một cách sâu xa, nếu cứ để cho tâm hoạt động một cách bừa bãi và nuôi dưỡng những tư duy bất thiện, tâm có thể gây ra những tai hại khó lường được, thậm chí có thể gây ra sát nhân. Tuy nhiên, tâm cũng có thể chữa lành một cái thân bệnh hoạn. Khi tâm được tập trung vào những tư duy chân chánh với tinh tấn và sự hiểu biết chân chánh thì hiệu quả mà nó tạo ra cũng vô cùng tốt đẹp. Một cái tâm với những tư duy trong sáng và thiện lành thật sự sẽ dẫn đến một cuộc sống lành mạnh và thư thái. Trong Kinh Pháp Cú, đức Phật dạy: Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm nói năng hoặc hành động, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe (1). Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng với hình (2). Nhà lợp không kín ắt bị mưa dột thế nào, kẻ tâm không tu tất bị tham dục lọt vào cũng thế (13). Nhà khéo lợp kín ắt không bị mưa dột, kẻ tâm khéo tu tất không bị tham dục lọt vào (14). Tâm kẻ phàm phu thường xao động biến hóa rất khó chế phục gìn giữ, nhưng kẻ trí lại chế phục tâm mình làm cho chánh trực một cách dễ dàng, như thợ khéo uốn nắn mũi tên (33). Như con cá bị quăng lên bờ sợ sệt và vùng vẫy thế nào, thì cũng như thế, các người hãy đem tâm lo sợ, phấn đấu để mau thoát khỏi cảnh giới ác ma (34). Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục, xao động không dễ nắm bắt; chỉ những người nào đã điều phục được tâm mình mới được yên vui (35). Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục, biến hóa u-ẩn khó thấy, nhưng người trí lại thường phòng hộ tâm mình, và được yên vui nhờ tâm phòng hộ ấy (36). Tâm phàm phu cứ lén lút đi một mình, đi rất xa, vô hình vô dạng như ẩn nấu hang sâu, nếu người nào điều phục được tâm, thì giải thoát khỏi vòng ma trói buộc (37). Người tâm không an định, không hiểu biết chánh pháp, không tin tâm kiên cố, thì không thể thành tựu được trí tuệ cao (38). Người tâm đã thanh tịnh, không còn các điều hoặc loạn, vượt trên những nghiệp thiện ác thông thường, là người giác ngộ, chẳng sợ hãi (39). Hãy biết rằng thân này mong manh như đồ gốm và giam giữ tâm người như thành quách, người hãy đánh dẹp ma quân với thanh huệ kiếm sẵn có của mình và nắm giữ phần thắng lợi, chớ đừng sanh tâm đấm trước (40). Thân này thật là ngắn

ngủ! Nó sẽ ngủ một giấc dài dưới ba thước đất, vô ý thức bị vất bỏ như khúc cây khô vô dụng (41). Cái hại của kẻ thù gây ra cho kẻ thù hay oan gia đối với oan gia, không bằng cái hại của tâm niệm hưởng về hành vi tà ác gây ra cho mình (42). Chẳng phải cha mẹ hay bà con nào khác làm, nhưng chính tâm niệm hưởng về hành vi chánh thiện làm cho mình cao thượng hơn (43). Những vị A-la-hán đã bỏ hết lòng sân hận, tâm như cội đất bằng, lại chí thành kiên cố như nhân đà yết la, như ao báu không bùn, nên chẳng còn bị luân hồi xoay chuyển (95). Những vị A-la-hán ý nghiệp thường vắng lặng, ngũ nghiệp hành nghiệp thường vắng lặng, lại có chánh trí giải thoát, nên được an ổn luôn (96). Trong những thời quá khứ, ta cũng từng thả tâm theo dục lạc, tham ái và nhân du, nhưng nay đã điều phục được tâm ta như con voi đã bị điều phục dưới tay người quản tượng tài giỏi (326). Hãy vui vẻ siêng năng, gìn giữ tự tâm để tự cứu mình ra khỏi nguy nan, như voi gắng sức để vượt khỏi chốn sa lầy (327). Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, có vị sa Môn hỏi Phật: ‘Bởi lý do gì mà biết được đời trước, mà hội nhập được đạo chí thượng?’ Đức Phật dạy: ‘Tâm thanh tịnh, chí vững bền thì hội nhập đạo chí thượng, cũng như khi lau kính hết dơ thì trong sáng hiển lộ; đoạn tận ái dục và tâm không mong cầu thì sẽ biết đời trước’ (chương 28).” Đức Phật cũng dạy: “Phải thận trọng, đừng chủ quan với tâm ý; tâm ý không thể tin được. Hãy thận trọng đừng gần nữ sắc, gần nữ sắc thì tai họa phát sanh. Khi nào chứng quả A-La-Hán rồi, chừng đó mới tin được nơi tâm ý (chương 13).”

Nói tóm lại, chỉ một tâm này mà có đủ đầy bốn cõi. Từ Lục Phạm Tứ Thánh đều do tâm này tạo ra. Cái tâm có thể tạo ra thiên đường, tạo ra địa ngục. Tâm làm mình thành Phật, thì cũng chính tâm này làm mình thành nạ quỷ, súc sanh, hay địa ngục, Bồ Tát, Duyên Giác hay Thanh Văn. Vì mọi thứ đều do tâm tạo, nên mọi thứ đều chỉ ở nơi tâm này. Nếu tâm muốn thành Phật thì Phật Pháp Giới là quyến thuộc của mình. Các pháp giới khác lại cũng như vậy. Người con Phật chân thuần phải thấy như vậy để nhất cử nhất động từ đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào cũng phải chế phục mình theo đúng lễ nghĩa của một người con Phật. Phật tử chân thuần nên luôn nhớ rằng chỉ vì tâm niệm không chuyên nhất, ý chí không kiên cố, cứ tùy theo duyên cảnh mà xoay chuyển để rồi bị cảnh giới dẫn dắt gây tội tạo nghiệp. Chúng ta quên mất mục đích tu hành của chúng ta là tu để thành Phật, thành Bồ Tát, hay thành bất cứ quả vị Thánh nào trong Tứ Thánh. Thay vào đó, chúng ta chỉ



biết tạo ra địa ngục, ngạ quỷ hay súc sanh mà thôi. Phật hay ma đều do một niệm sai biệt mà ra. Phật thì có tâm từ, ma thì có tâm tranh thắng bất thiện. Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật dạy: “Vị Bồ tát Ma ha Tát thấy rằng thế giới chỉ là sự sáng tạo của tâm, mặt na và ý thức; rằng thế giới được sinh tạo do phân biệt sai lầm bởi cái tâm của chính mình; rằng không có những tướng trạng hay dấu hiệu nào của một thế giới bên ngoài mà trong đó nguyên lý đa phức điều động; và cuối cùng rằng ba cõi chỉ là cái tâm của chính mình.

Có người hỏi Diên Thọ Đại Sư rằng cảnh “Duy Tâm Tịnh Độ” đầy khắp cả mười phương sao không hưởng nhập mà lại khởi lòng thủ xả cầu về Cực Lạc, để tọa trên liên đài, như vậy đâu có khế hợp với lý vô sanh. Đã có tâm chán ước ưa tịnh như vậy thì đâu thành bình đẳng? Đại Sư đáp: “Duy Tâm Tịnh Độ là phần của các bậc đã liễu ngộ tự tâm, đã chứng được pháp thân vô tướng. Tuy nhiên, theo kinh Như Lai Bất Tư Nghì Cảnh Giới, thì những bậc Bồ Tát chứng được Sơ Địa hay Hoan Hỷ Địa vào Duy Tâm Độ cũng nguyện xả thân để mau sanh về Cực Lạc. Vì thế phải biết rằng “Ngoài Tâm Không Pháp.” Vậy thì cảnh Cực Lạc đâu thể ở ngoài tâm. Về phần lý Vô Sanh và Tâm Bình Đẳng, dĩ nhiên lý thuyết là như vậy. Tuy nhiên, những kẻ đạo lực chưa đủ, trí cạn, tâm thô, tạp nhiễm nặng, lại gặp các cảnh ngũ dục cùng trần duyên lôi cuốn mạnh mẽ, dễ gì chứng nhập vào được. Cho nên những kẻ ấy cần phải cầu sanh Cực Lạc, để nhờ vào nơi cảnh duyên thắng diệu ở đó, mới mau chứng vào cảnh “Tịnh Độ Duy Tâm” và thực hành Bồ Tát đạo được. Hơn nữa, Thập Nghi Luận có dạy: “Bậc trí tuy đã liễu đạt được Duy Tâm song vẫn hằng hái cầu về Tịnh Độ, vì thấu suốt sanh thể như huyễn không thể cầu tìm được. Đó mới gọi là chân thật vô sanh. Còn các kẻ ngu si, người vô trí, không hiểu được lý đó, cho nên bị cái nghĩa “Sanh” ràng buộc, vì vậy khi nghe nói “Sanh” thì nghĩ rằng thật có cái tướng “Sanh.” Khi nghe nói “Vô Sanh” thì lại lầm hiểu là không sanh về đâu cả. Bởi vậy cho nên mới khởi sanh ra các niệm thị phi, chê bai, phỉ báng lẫn nhau, gây ra những nghiệp tà kiến, báng pháp. Những người như vậy, thật đáng nên thương xót!”

## ***(B) Pháp Môn Niệm Phật Trong Giáo Thuyết Phật Giáo***

### ***I. Tổng Quan Và Ý Nghĩa Của Niệm Phật:***

Niệm Phật có nghĩa là niệm hồng danh Phật ra tiếng hay không ra tiếng (gọi tên Phật bằng lời), hay quán tưởng về tướng tốt của Phật. Nghĩa là nhờ vào Đức Phật A Di Đà, người đã dùng sức của chính mình để gia hộ và trì giữ cho chúng sanh yếu mềm đang tu hành; gia trì còn có nghĩa là cầu đảo, vì mong cầu Phật lực hộ trì cho tín giả. Nói chung gia trì có nghĩa là “hộ trì”. Rồi sau đó nhờ Phật lực gia trì mà được vãng sanh Cực Lạc. Chúng sanh được vãng sanh Tịnh Độ nhờ sự trợ giúp của hai vị Phật; đó là sự chỉ dẫn của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, và Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật. Ấn Quang Đại Sư khuyên người chuyên nhất niệm Phật cho tâm mình không còn tham luyến chi đến việc trần lao bên ngoài. Đừng quên cái chết đang rình rập bên mình chẳng biết xảy ra lúc nào. Nếu như không chuyên nhất niệm Phật cầu sanh về Tây Phương, thì khi cái chết đến thành linh, chắc chắn là phải bị đọa vào trong tam đồ ác đạo. Nơi đó phải chịu khổ có khi đến vô lượng chư Phật ra đời hết rồi mà vẫn còn bị xoay lăn trong ác đạo, không được thoát ly. Vì thế, hành giả lúc nào cũng phải nghĩ đến thân người mong manh, cái chết thành linh. Đời trước và đời này đã tạo ra vô lượng vô biên ác nghiệp, và luôn nghĩ đến sự khổ nơi tam đồ ác đạo đang đợi chúng ta, để luôn tỉnh ngộ mà tâm không còn tham luyến chi đến các cảnh ngũ dục, lục trần ở bên ngoài nữa. Theo thuyết Chuyên Tu Vô Gian của Trung Quốc Tịnh Độ Liên Tông Nhị Tổ là ngài Thiện Đạo Đại Sư, Nhứt Tâm Niệm Phật cần phải hội đủ các điều kiện sau đây: thân chuyên lễ Phật A Di Đà, chớ không lễ tạp nhạp; miệng chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà, chớ không xưng tạp hiệu; và ý chuyên tưởng Phật A Di Đà, chớ không tưởng tạp niệm. Có nhiều phương cách niệm Phật như niệm hồng danh Phật A Di Đà; quán tưởng những tướng hảo của Phật A Di Đà và những vị Bồ Tát nơi Tịnh Độ; tu tập Phổ Hiền Hạnh Nguyện, vân vân. Kỳ thật, niệm Phật là một trong những công án quan trọng cho hành giả tu Phật. Công án niệm Phật được dùng khi chúng ta coi niệm Phật A Di Đà như là một công án. Ngay trong phút giây hồng danh Phật được niệm ra, nó là điểm tập trung then chốt mà mọi nghi hoặc ảo tưởng phải được để qua

một bên. Đồng thời tự hỏi coi ai là người đang niệm Phật? Khi dựa vào công án, mọi mê mờ vọng tưởng đều bị bức vỡ giống như những gút chỉ bị cắt đứt. Khi mà không còn gì nữa để cho những thứ này tái xuất hiện, cũng là lúc ánh nhật quang phổ chiếu khắp trời. Khi ảo tưởng không khởi và mê mờ biến mất, lúc đó tâm ta tĩnh lặng và trong suốt. Mục đích trước mắt của việc niệm Phật là đạt được nhất tâm, từ nhất tâm người ta có thể từ từ thấy tánh để rồi đạt được mục đích tối hậu là Phật quả. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thích Tôn có lời huyền ký như sau: “Đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta dùng lòng từ bi thương xót, riêng lưu trụ kinh Vô Lượng Thọ trong khoảng một trăm năm. Nếu chúng sanh nào gặp kinh này, tùy ý sở nguyện, đều được đắc độ.” Trong Kinh Đại Tập, Đức Thế Tôn đã bảo: “Trong thời mạt pháp, ức ức người tu hành, ít có kẻ nào đắc đạo, chỉ nương theo Pháp môn Niệm Phật mà thoát luân hồi.” Ngài Thiên Như Thiền Sư, sau khi đắc đạo, cũng đã khuyên dạy: “Mạt pháp về sau, các kinh diệt hết, chỉ còn lưu bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sanh. Nếu kẻ nào không tin, tất sẽ bị đọa địa ngục.” Bởi đời mạt pháp về sau, khi các kinh đều diệt hết, chúng sanh căn cơ đã yếu kém, ngoài câu niệm Phật, lại không biết pháp môn nào khác để tu trì. Nếu không tin câu niệm Phật mà tu hành, tất phải bị luân hồi. Và trong nẻo luân hồi, việc lành khó tạo, điều ác dễ làm, nên sớm muộn gì cũng sẽ bị đọa địa ngục. Theo Ấn Quang pháp sư, một bậc cao Tăng thời cận đại ở Trung Hoa, cũng đã bảo: “Sự cao siêu nhiệm mầu của pháp môn niệm Phật, chỉ có Phật với Phật mới hiểu biết hết được. Những kẻ khinh chê pháp môn niệm Phật, không phải chỉ khinh chê hạng ông già bà cả tu Tịnh Độ, mà chính là khinh chê luôn cả chư Phật và các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, và Long Thọ. Thời mạt pháp đời nay, chúng sanh nghiệp nặng tâm tạp. Nếu ngoài môn Niệm Phật mà tu các môn khác, nơi phần gieo trí huệ phước đức căn lành thì có, nơi phần liễu sanh thoát tử trong hiện thế thì không. Tuy có một vài vị cao đức hiện những kỳ tích phi thường, song đó đều là những bậc Bồ Tát nương theo bản nguyện để dạy dỗ chúng sanh đời mạt pháp, như trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói. Nhưng các vị ấy cũng chỉ vừa theo trình độ của chúng sanh mà thị hiện ngộ đạo chớ không phải chứng đạo. Chỉ riêng pháp môn Tịnh Độ, tuy ít người tu chứng được niệm Phật tam muội như khi xưa, nhưng có thể nương theo nguyện lực của mình và bản nguyện của Phật A Di Đà, mà đời nghiệp vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Khi về cõi ấy rồi thì không còn luân hồi, không bị thối chuyển, lần lần tu tập cho đến lúc chứng quả vô sanh.”

## **II. Niệm Phật Môn:**

Chân ý của đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi Ngài thị hiện độ sanh là muốn cho tất cả chúng sanh thoát khỏi sự Sống Chết, chứng ngay đạo Bồ Đề. Tuy nhiên, vì chúng sanh căn cơ sai khác và vì vậy không thể hoàn toàn gặp được sự mong đợi xuất thế của Ngài, vì vậy mà Ngài lần lượt dẫn dụ hết phương tiện này đến phương tiện khác, tất cả nhằm thích ứng với nhiều căn cơ cá biệt của chúng sanh. Với các bậc căn tính cao, đức Phật nói Phật thừa, chỉ ngay Tự Tính để họ có thể đạt được Phật quả ngay trong một đời, như trường hợp của Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm hay Long Nữ trong kinh Pháp Hoa. Với bậc căn tính trung bình, Ngài nói các thừa Bồ Tát, Duyên Giác hay Thanh Văn, khiến cho họ từng bước tu tập và chứng quả. Còn đối với các vị căn tính thấp kém, đức Phật lại dạy Ngũ Giới và Thập Thiện. Trong “Lá Thư Từ Tổ Ấn Quang,” Đại Sư Ấn Quang dạy: “Những pháp môn khác nhau, tuy có lớn, nhỏ, mau, chậm không đồng, nhưng đều phải dùng sức mình tu tập sâu dầy mới có thể thoát nẻo luân hồi và chứng được Tự Tính. Nếu vẫn còn một mảy may kiến hoặc hay tư hoặc thì gốc Sanh Tử vẫn chưa dứt trừ được. Dầu cho định lực và huệ lực của hành giả có thâm sâu thế mấy, thì y vẫn phải luân chuyển trong Sanh Tử. Chỉ có trình độ của các bậc A La Hán mới dứt hẳn Sanh Tử. Tuy nhiên, siêu việt Sanh Tử chỉ là quả nhỏ của A La Hán; hành giả vẫn còn phải hướng về nẻo Đại Bồ Đề, nương theo nguyện thọ sanh trong mười phương thế giới. Hành giả có thể phải tu tập lục độ ba la mật và vạn hạnh, để đạt được quả vị Phật và cứu độ chúng sanh. Tùy đó tùy nơi công hạnh của mình mà lần lượt chứng năm mươi hai giai đoạn của Bồ Tát quả, rồi đến quả vị diệu giác, trước khi cuối cùng đạt đến Phật quả.” Hành giả Tịnh Độ nên luôn ghi nhớ rằng giữa thời Mạt Pháp này, bậc thiện tri thức rất ít, trong khi căn cơ của chúng sanh lại hạn hẹp. Thật khó tìm được người ngộ Đạo, chứ đừng nói chi đến bậc thực chứng? Vì biết được thật vô cùng khó khăn cho chúng sanh đạt được giải thoát nếu chỉ nhờ nơi tự lực, nên ngoài những pháp môn khác, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy riêng môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Với phương pháp này, miễn lòng Tin và Nguyện được chân thành khẩn thiết, dầu cho kẻ phạm tội Ngũ Nghịch hay Thập Ác, khi lâm mạng

chung thời, thấy tướng địa ngục hiện ra, mà theo lời khuyên giải của một vị thiện tri thức và niệm hồng danh đức Phật từ một đến mười lần; cũng được nhờ từ lực của Phật A Di Đà, tiếp dẫn vào Tịnh Độ, nói chi là những người tu các pháp lành và không phạm quá ác! Niệm hồng danh Phật ra tiếng hay không ra tiếng (gọi tên Phật bằng lời), hay quán tưởng về tướng tốt của Phật. Mục đích trước mắt của việc niệm Phật là đạt được nhất tâm, từ nhất tâm người ta có thể từ từ thấy tánh để rồi đạt được mục đích tối hậu là Phật quả. Trong Kinh Đại Tập, Đức Thế Tôn đã bảo: “Trong thời mạt pháp, ức ức người tu hành, ít có kẻ nào đắc đạo, chỉ nương theo Pháp môn Niệm Phật mà thoát luân hồi.” Bên cạnh đó, trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thích Tôn có lời huyền ký như sau: “Đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta dùng lòng từ bi thương xót, riêng lưu trụ kinh Vô Lượng Thọ trong khoảng một trăm năm. Nếu chúng sanh nào gặp kinh này, tùy ý sở nguyện, đều được đắc độ.” Trong “Lá Thư Từ Tổ Ấn Quang,” Đại Sư Ấn Quang dạy: “Muốn được lợi ích thật sự trong hiện đời, phải y cứ pháp môn Tịnh Độ, Tín và Nguyện niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, tất sẽ thoát khỏi những cõi Sanh Tử. Nếu không như vậy, đừng nói chi đến kẻ không được chơn truyền của Phật giáo không thể giải thoát, mà ngay cả những người đã nhận chơn truyền cũng chẳng có hy vọng gì được giải thoát! Vì được chơn truyền Pháp chỉ là triệt ngộ được Đạo chứ không phải là Chứng Ngộ. Chỉ có Chứng Ngộ, ở mức độ từ A La Hán trở lên mới thoát vòng Sinh Tử, còn triệt ngộ được Đạo thì vẫn còn trong vòng ấy. Tu các pháp môn khác đòi hỏi phải dứt trừ nghiệp chướng và phải đạt được Chân Lý trước khi thoát được Sinh Tử. Với pháp môn Tịnh Độ, hành giả chỉ cần niệm hồng danh Phật với Tín Nguyện sâu trong khi dứt các ác nghiệp, làm các điều lành, do đó mà đồng thời tu cả hai phần chánh và phụ để chắc chắn được vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Kỳ thật, tu theo cách này, về phẩm vị còn được chiếm ngôi vị vãng sanh cao nhất. Chẳng những người đã hoàn thiện tu tập Tịnh Độ quyết định được vãng sanh, mà những kẻ phạm tội Ngũ Nghịch và thập ác, khi sắp mệnh chung, tỉnh ngộ, biết hết sức hổ thẹn, sợ hãi và chí thành niệm Phật cũng đều được vãng sanh. Bởi vì đức Phật lòng từ bi rộng lớn và xem đó là lời kêu gọi Ngài cứu độ chúng sanh. Bất cứ ai thành khẩn cầu sự trợ giúp của Ngài thì Ngài sẽ tỵ hợp họ lại để cứu độ. Đây được gọi là 'nương nhờ Phật lực mà đời nghiệp vãng sanh.' Người đời Mạt Pháp, nếu tu các pháp môn khác, bỏ pháp

môn Tịnh Độ, chỉ được phước báo cõi nhơn thiên hoặc giả gieo nhân giải thoát cho những kiếp tương lai mà thôi. Do bởi ngày nay có ít người thật sự có đủ sức dứt trừ nghiệp chướng, nên gốc rễ sinh tử vẫn tiếp tục tồn tại. Trong những hoàn cảnh như vậy, làm sao mà hành giả có thể ngăn ngừa được sự phát khởi của những mầm mống sinh tử?” Theo trường phái Tịnh Độ, hành giả càng tinh chuyên tu tập thiện nghiệp và thâm sâu trong định lực thì trình độ vãng sanh càng cao. Hành giả sẽ sớm thấy Phật A Di Đà ngay sau khi vãng sanh và có thể nghe được vi diệu Pháp. Vì vậy mà ngay cả những người đã ngộ Đạo, dứt trừ vọng tưởng và đạt được Chân Lý cũng phải hồi hướng công đức vãng sanh về Tịnh Độ, để cầu viên chứng Pháp Thân và nhanh chóng đạt được Phật quả. Pháp môn Tịnh Độ tuy rộng lớn như thế, mà cách tu lại rất dễ dàng. Vì lý do đó, chẳng những phàm nhân khó tin mà hành Nhị Thừa cũng chất chứa nghi ngờ, cho đến các bậc quyền vị Bồ Tát lại cũng có lòng ngờ vực. Chỉ có những người đã gieo trồng chủng tánh Tịnh Độ từ những đời quá khứ cũng như những bậc Bồ Tát Đại Thừa mới có thể có lòng tin sâu chắc.

### **III. Quán Tưởng Môn:**

**Quán Phật:** Quán Phật có nghĩa là quán niệm hồng danh của Phật. Theo Kinh Duy Ma Cật, chương mười hai, phẩm Thấy Phật A Súc, Đức Thế Tôn hỏi Duy Ma Cật rằng: “Ông nói ông muốn đến đây để thấy Như Lai thì lấy chi quán sát?” Duy Ma Cật thưa: “Như con quán thực tướng của thân, thân Phật cũng thế. Con quán Như Lai đời trước không đến, đời sau không đi, hiện tại không ở; không quán sắc, không quán sắc như, không quán sắc tánh; không quán thọ, tướng, hành, thức, không quán thức như, không quán thức tánh; không phải tứ đại sinh, cũng không như hư không; sáu nhập không tích tập, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm đã vượt qua; không ở ba cõi, đã lìa ba cấu; thuận ba môn giải thoát; có đủ ba minh, cùng ngang vô minh, không một tướng, không khác tướng, không có tự tướng, không có tha tướng, không phải không tướng, không phải chấp tướng; không bờ bên này, không bờ bên kia, không giữa dòng mà hóa độ chúng sanh; quán tịch diệt cũng không diệt hẳn; không đây, không kia, không nương nơi đây, không nương nơi kia; không thể dùng trí mà hiểu được, không thể dùng thức mà biết được; không tối không sáng; không danh không tướng; không mạnh không yếu; không phải sạch không phải nhơ; không ở phương sở,

không lia phương sở; không phải hữu vi, không phải vô vi; không bày không nói; không bố thí, không bôn xển; không giữ giới, không phạm giới; không nhẫn không giận; không tinh tấn không giải đãi; không định không loạn; không trí không ngu; không thực không dối; không đến không đi; không ra không vào; bất đường nói năng; không phải phước điền, không phải không phước điền; không phải xứng cúng dường, không phải không xứng cúng dường; không phải thủ, không phải xả; không phải có tướng, không phải không tướng; đồng với chân tế bình đẳng như pháp tánh; không thể cân, không thể lường, qua các sự cân lường, không lớn không nhỏ; không phải thấy, không phải nghe, không phải giác, không phải tri; lia các kiết phước, bình đẳng các trí, đồng với chúng sanh; đối các pháp không phân biệt; tất cả không tổn thất, không trước không nào, không tác không khởi, không sanh không diệt, không sợ không lo, không mừng không chán, không đã có, không sẽ có, không hiện có, không thể lấy tất cả lời nói phân biệt chỉ bày được. Bạch Thế Tôn! Thân Như Lai như thế, con quán cũng thế, nếu người nào quán theo đây gọi là chánh quán, quán khác gọi là tà quán.”

**Quán Tưởng Đức Phật A Di Đà:** Quán tưởng những tướng hảo của Phật A Di Đà và những vị Bồ Tát nơi Tịnh Độ. Theo Tịnh Độ Tông, "Quán Tưởng Môn" hay quán tưởng vào một đề mục để trí tuệ sáng suốt và dứt trừ điên đảo mộng tưởng. Quán Kinh dạy: “Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh. Cho nên khi tâm các bạn tưởng Phật, thì tâm ấy chính là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, tâm ấy là tâm Phật, tâm ấy chính là Phật. Biển chánh biến tri của Phật từ nơi tâm tưởng mà sanh. Vì thế các bạn phải nhớ nghĩ và quán tưởng kỹ thân Đức Phật kia.” Quán tưởng niệm Phật là một trong bốn phương pháp niệm Phật. Quán tưởng niệm Phật là chiếu theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ để quán tưởng y báo chánh báo nơi cõi Cực Lạc. Trong kinh này có dạy 16 phép quán, nếu quán hạnh được thuần thực, thì lúc mở mắt hay nhắm mắt hành giả đều thấy cảnh Cực Lạc hiện tiền, tâm thần dạo chơi nơi cõi tịnh, khi mạng chung quyết định sẽ vãng sanh. Công đức của pháp này lớn lao không thể nghĩ bàn, nhưng vì cảnh quán quá vi tế sâu mầu, nên ít người hành trì được thành tựu. Bởi đại để có năm điều khó, ít có người được đầy đủ, nên phép quán tưởng này thuộc về môn khó hành trì: Nếu độn căn, tất khó thành tựu; nếu tâm thô thiển, tất khó thành tựu; nếu không biết khéo dùng phương tiện xoay chuyển trong khi tu, tất khó thành tựu; nếu ghi nhận

ấn tượng không sâu, tất khó thành tựu; nếu tinh lực yếu kém, tất khó thành tựu.

**Quán Lý Nhất Tâm:** Trong Kinh Hoa Nghiêm, Giải Thoát Trưởng Giả nói: “Nếu tôi muốn thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai và thế giới an lạc, thì tùy ý liền được thấy. Tôi có thể biết rõ tất cả chư Phật, quốc độ tùy thuộc, cùng những việc thần thông của các ngài. Bao nhiêu cảnh tượng trên đây, không từ đâu mà đến, không đi về đâu, không có xứ sở và không chỗ trụ; cũng như thân tôi không thật có đi, đứng, tới lui. Các Đức Như Lai kia không đến chỗ tôi, tôi cũng không đi đến chỗ của các Ngài. Sở dĩ như thế, vì tôi hiểu rõ tất cả chư Phật cùng với tâm mình đều như mộng. Lại hiểu tự tâm như nước trong chum, các pháp như hình bóng hiện trong nước. Tôi đã ngộ tâm mình như nhà huyền thuật, tất cả chư Phật như cảnh huyền hóa. Lại biết chư Phật chư Bồ Tát trong tự tâm, đều như tiếng vang, như hang trống, tùy theo âm thanh mà phát ra tiếng dội lại. Ví tôi ngộ giải tâm mình như thế nên có thể tùy niệm thấy Phật.” Về đoạn kinh trên, ngài Trinh Nguyên giải rằng: “Từ đầu đến mấy chữ ‘chỗ của các Ngài’ chính là thuyết minh lý duy tâm, nếu ngộ tức tâm mà vô tâm liền vào chân như tam muội. Khi hành giả hiểu rõ các cảnh tượng đều như huyền, duy tâm hiện ra, đã ngộ duy tâm và tức tâm tức Phật, thì tùy chỗ tưởng niệm, không đâu chẳng là Phật. Đoạn văn sau nêu ra bốn điều thí dụ với đều đủ bốn quán thông và biệt để hiển lý duy tâm, tất cả văn viên dung không ngại: *Thứ nhất* là cảnh mộng là dụ cho lý không đến không đi, có nghĩa là toàn thể đều duy tâm. *Thứ nhì* là hình bóng trong nước là dụ cho lý không ra không vào, vì duy tâm nên tất cả đều “không”. *Thứ ba* là tượng huyền hóa là dụ cho lý chẳng có chẳng không, vì duy tâm nên tất cả đều “giả”. *Thứ tư* là Tiếng vang là dụ cho lý chẳng tan chẳng hợp, vì duy tâm nên tất cả đều “trung”. Nếu hành giả hiểu rõ lý trên đây, rồi chấp trì bốn chữ A Di Đà Phật, sẽ không còn những thứ sau đây: Tâm có tâm không; tâm cũng có cũng không; tâm chẳng phải có chẳng phải không; dứt cả quá khứ hiện tại vị lai mà niệm, đó gọi là “lý ức niệm” hay lý nhất tâm. Và ngày đêm sáu thời cứ như thế mà nhiếp tâm trì niệm, không cho gián đoạn, không sanh một niệm, thì chẳng cần vượt giai tầng mà đi thẳng vào cõi Phật. Đây cũng gọi là “lý nhất tâm.” Tóm lại, lý nhất tâm là người thông đạt bốn lý quán trên, dùng tâm ấy mà niệm Phật, tương ứng với không huệ, đi đến chỗ thuận chơn. Lý nhất tâm là hành môn của bậc thượng căn.



**Quán Sự Nhất Tâm:** Về “sự ức niệm,” như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhớ Phật niệm Phật, hiện đời hoặc đương lai nhất định sẽ thấy Phật, cách Phật không xa, không cần mượn phương tiện chi khác mà tâm tự được khai ngộ.” Hay như các kinh sách khác đã chỉ dạy, ‘hoặc hệ niệm suốt một đời, hoặc trì niệm trong ba tháng, bốn mươi chín ngày, một ngày đêm, cho đến bảy ngày đêm, hoặc mỗi buổi sớm mai giữ mười niệm. Nếu hành giả dùng lòng tin sâu, nguyện thiết, chấp trì câu niệm Phật như rồng gặp nước, như cọp dựa non, thì được sức Phật gia bị đều vãng sanh về Cực Lạc. Theo trong Kinh cho đến hạ phạm phu tạo tội ngũ nghịch thập ác, nếu khi lâm chung chí tâm xưng danh hiệu Phật mười niệm, cũng được vãng sanh. Và đây gọi là “sự nhất tâm.” Tóm lại, sự nhất tâm là hành giả tâm còn giữ niệm, mỗi niệm không cho xen hở, đi đến chỗ không còn tạp niệm. Sự nhất tâm thông dụng cho hàng trung hạ.

#### **IV. Mục Đích Niệm Phật:**

**Lý Do Hành Giả Nên Niệm Phật:** Ấn Quang Đại Sư khuyên người chuyên nhất niệm Phật cho tâm mình không còn tham luyến chi đến việc trần lao bên ngoài. Đừng quên cái chết đang rình rập bên mình chẳng biết xảy ra lúc nào. Nếu như không chuyên nhất niệm Phật cầu sanh về Tây Phương, thì khi cái chết đến thành linh, chắc chắn là phải bị đọa vào trong tam đồ ác đạo. Nơi đó phải chịu khổ có khi đến vô lượng chư Phật ra đời hết rồi mà vẫn còn bị xoay lăn trong ác đạo, không được thoát ly. Vì thế, hành giả lúc nào cũng phải nghĩ đến thân người mong manh, cái chết thành linh. Đời trước và đời này đã tạo ra vô lượng vô biên ác nghiệp, và luôn nghĩ đến sự khổ nơi tam đồ ác đạo đang đợi chúng ta, để luôn tỉnh ngộ mà tâm không còn tham luyến chi đến các cảnh ngũ dục, lục trần ở bên ngoài nữa.

**Từ Nhất Tâm Đến Mục Đích Tối Hậu Là Phật Quả:** Mục đích trước mắt của việc niệm Phật là đạt được nhất tâm, từ nhất tâm người ta có thể từ từ thấy tánh để rồi đạt được mục đích tối hậu là Phật quả. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thích Tôn có lời huyền ký như sau: “Đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta dùng lòng từ bi thương xót, riêng lưu trụ kinh Vô Lượng Thọ trong khoảng một trăm năm. Nếu chúng sanh nào gặp kinh này, tùy ý sở nguyện, đều được đắc độ.” Trong Kinh Đại Tập, Đức Thế Tôn đã bảo: “Trong thời mạt pháp, ức ức người tu hành, ít có kẻ nào đắc đạo, chỉ nương theo Pháp môn Niệm Phật mà

thoát luân hồi.” Ngài Thiên Như Thiên Sư, sau khi đắc đạo, cũng đã khuyên dạy: “Mạt pháp về sau, các kinh diệt hết, chỉ còn lưu bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sanh. Nếu kẻ nào không tin, tất sẽ bị đọa địa ngục.” Bởi đời mạt pháp về sau, khi các kinh đều diệt hết, chúng sanh căn cơ đã yếu kém, ngoài câu niệm Phật, lại không biết pháp môn nào khác để tu trì. Nếu không tin câu niệm Phật mà tu hành, tất phải bị luân hồi. Và trong nẻo luân hồi, việc lành khó tạo, điều ác dễ làm, nên sớm muộn gì cũng sẽ bị đọa địa ngục. Theo Ấn Quang pháp sư, một bậc cao Tăng thời cận đại ở Trung Hoa, cũng đã bảo: “Sự cao siêu nhiệm mầu của pháp môn niệm Phật, chỉ có Phật với Phật mới hiểu biết hết được. Những kẻ khinh chê pháp môn niệm Phật, không phải chỉ khinh chê hạng ông già bà cả tu Tịnh Độ, mà chính là khinh chê luôn cả chư Phật và các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, và Long Thọ. Thời mạt pháp đời nay, chúng sanh nghiệp nặng tâm tạp. Nếu ngoài môn Niệm Phật mà tu các môn khác, nơi phần gieo trí huệ phước đức căn lành thì có, nơi phần liễu sanh thoát tử trong hiện thế thì không. Tuy có một vài vị cao đức hiện những kỳ tích phi thường, song đó đều là những bậc Bồ Tát nương theo bản nguyện để dạy dỗ chúng sanh đời mạt pháp, như trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói. Nhưng các vị ấy cũng chỉ vừa theo trình độ của chúng sanh mà thị hiện ngộ đạo chớ không phải chứng đạo. Chỉ riêng pháp môn Tịnh Độ, tuy ít người tu chứng được niệm Phật tam muội như khi xưa, nhưng có thể nương theo nguyện lực của mình và bản nguyện của Phật A Di Đà, mà đời nghiệp vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc. Khi về cõi ấy rồi thì không còn luân hồi, không bị thối chuyển, lần lần tu tập cho đến lúc chứng quả vô sanh.”

**Niệm Phật Để Được Vãng Sanh:** Chúng sanh tu tập cầu vãng sanh về Cực Lạc nhiều không kể xiết, còn hơn vô số điểm giọt mưa. Tuy nhiên, theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Niệm Phật Thập Yếu, chúng sanh cầu về Tịnh Độ không riêng những hạng chán cảnh khổ Ta Bà ngũ trước ác thế, mà cũng có hạng vì thương xót muốn tế độ chúng sanh cõi Ta Bà, cho đến những bậc “thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.” Tuy sở nguyện có cao thấp, một khi đã sanh về Cực Lạc thì cũng đồng được sự lợi ích như nhau, nghĩa là tất cả đều không thối chuyển, cuối cùng đều đạt đến quả vị Phật. Cổ đức đã bảo: “Pháp môn Tịnh Độ rất cao thâm nhiệm mầu, duy có Phật với Phật mới biết hết được, vì bậc Đăng giác còn nguyện vãng sanh, ngôi Nhất Sanh Bồ Tát

còn phải trụ nơi miền Cực Lạc để học hỏi. Các Kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Đại Bảo Tích, vân vân đều khen ngợi Tịnh Độ và đề cập đến sự vãng sanh.” Xét chung về tâm nguyện cầu sanh của những vị ấy, có ba loại vãng sanh. *Thứ nhất là “Tâm Lực Vãng Sanh”*: Theo Kinh Đại Bảo Tích, Đức Thế Tôn bảo Ngài Di Lạc về mười tâm như sau: “Có mười thứ tâm (Thập Tâm Tịnh Độ) mà không phải hạng phàm phu, bất thiện hay kẻ có nhiều phiền não có thể phát được. Nếu có kẻ nào thành tựu một trong mười tâm trên, muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà không được như nguyện, đó là điều không khi nào có.” *Thứ nhì là “Phước Lực Vãng Sanh”*: Theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Muốn sanh về Cực Lạc, phải tu ba thứ phước. Ba thứ phước này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai”. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ bi không giết hại, tu mười nghiệp lành. Thọ trì tam quy, giữ kỹ các giới, không phạm oai nghi. Phát lòng Bồ Đề, tin lý nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại Thừa, khuyến tấn người tu hành. Ngoài ra, những kẻ cất chùa xây tháp, tạo tượng, lễ bái tán tụng, giữ gìn trai giới, đốt hương, rải hoa, cúng dường tràng phan bảo cái, trai Tăng bố thí, nếu hạnh lành thuần thực, dùng lòng tín nguyện hồi hướng, đều có thể vãng sanh. *Thứ ba là “Nguyện Lực Vãng Sanh”*: Pháp Môn Chúng Hạnh là môn nói về hành giả dùng nhiều hạnh để vãng sanh về Cực Lạc. Như trong Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát khuyến tấn Thiện Tài đồng tử và đại chúng nơi hải hội dùng mười đại nguyện cầu sanh Tịnh Độ (see Thập Hạnh Phổ Hiền). Trong mỗi nguyện ấy đều có nói khi nào cõi hư không, cõi chúng sanh, nghiệp chúng sanh, phiền não của chúng sanh hết, thì nguyện tôi mới hết. Và hành giả phải dùng ba nghiệp thân, khẩu, ý, thực hành nguyện đó không gián đoạn, không chán mỏi. Đến khi lâm chung, tất cả mọi thứ tùy thân đều để lại, cho đến các căn đều tan rã, duy những đại nguyện ấy hằng theo bên mình trong khoảng sát na hành giả liền được sanh về Cực Lạc. *Thứ tư là “Thần Lực Vãng Sanh”*: Trong Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, Đức Quán Thế Âm Bồ tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào trì tụng thần chú Đại Bi, mà còn bị đọa vào ba đường ác, tôi thề không thành Chánh Giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, mà không được sanh về cõi Phật, tôi thề không thành Chánh Giác. Tụng trì thần chú Đại Bi nếu không được vô lượng tam muội biện tài, tôi thề không thành Chánh Giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu không được như

nguyện, thì chú này không được gọi là chú Đại Bi Tâm Đà La Ni; duy trừ cầu những việc bất thiện, trừ kẻ tâm không chí thành.” Ngoài ra, những kẻ chí tâm trì tụng các chú như Bạch Tán Cái, Chuẩn Đề, Vãng Sanh, đều có thể sanh về Cực Lạc hoặc các Tịnh Độ khác.

### **V. Các Loại Niệm Phật:**

**Hai Loại Niệm Phật:** Theo Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, có hai loại niệm Phật: *Thứ nhất là Duyên Tướng Niệm Phật:* Niệm Phật là duyên tướng theo ba mươi hai tướng tốt của Phật, làm sao cho khi mở mắt hay nhắm mắt cũng đều thấy Phật. *Thứ nhì là Chuyên Xưng Danh Hiệu:* Một phương pháp khác thông dụng hơn là chuyên xưng danh hiệu, chấp trì không tán loạn, cứ bền giữ như thế, trong đời này cũng được thấy Phật. Phép xưng danh cần phải lắng lòng không cho tán loạn, mỗi niệm nối tiếp nhau, buộc tâm nơi hiệu Phật. Khi miệng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tâm phải soi theo mỗi câu mỗi chữ cho rành rẽ rõ ràng. Khi xưng danh hiệu Phật, không luận ít hay nhiều, đều phải một lòng một ý tâm tâm nối nhau. Niệm như thế mới có thể diệt được tám triệu kiếp tội nặng nơi đường sanh tử. Nếu chẳng vậy thì tội chướng khó tiêu trừ. Thông Niệm Phật có nghĩa là niệm chung danh hiệu chư Phật ba đời. Biệt Niệm Phật có nghĩa là niệm hồng danh một vị Phật đặc biệt để tập trung tư tưởng hay nhất tâm.

**Bốn Loại Niệm Phật:** Niệm Phật không chỉ chuyên về miệng niệm, mà còn dùng tâm để tưởng niệm. Theo Ấn Quang Đại Sư trong quyển “Lá Thư Tịnh Độ,” nói chung, có **bốn phương pháp niệm Phật:** thật tướng, quán tướng, quán tượng và trì danh. Trong số bốn phương này, chỉ có trì danh là lời cuốn rộng rãi. Trì danh đã dễ tu lại không khởi ma sự. Nếu muốn quán tướng, phải đọc và học kỹ Quán Kinh và hiểu rõ những nguyên lý trong đó: “Tâm tức Phật,” “Tâm tịnh Phật hiện,” “Các cảnh đều duy Tâm, không nên chấp trước.” Một khi đã hiểu rõ cảnh không phải từ bên ngoài đến, không sanh chấp trước, thì cảnh càng mau nhiệm và tâm càng thuần nhất. Nếu đạt tới đó thì ích lợi của quán tướng thật là có ý nghĩa. Trái lại, như cảnh quán chẳng thuần, lẽ đạo chưa thông suốt, chỉ đem tâm mong muốn mau được thấy cảnh thì toàn thể là vọng. Chẳng những không giao cảm được với chư Phật, mà còn làm nhân cho ma sự. Chuyện này xảy ra là do bởi nơi gấp gáp muốn thấy cảnh, nên tâm càng trở nên vọng động. Từ lúc đầu dụng tâm đã không đúng, chẳng biết đó là ma cảnh hiện ra. Vì vậy mà

vui mừng khắp khởi, tư tưởng và cảm giác không được bình yên. Lợi dụng cơ hội này, ma liền dựa vào làm cho tâm mê tánh mất. Lúc đó, đầu cho có Phật sống hiện ra cũng không cách chi cứu độ! *Thứ Nhất là Thật Tướng Niệm Phật*: Đây là nhập vào đệ nhất nghĩa tâm, niệm tánh Phật bản lai của chính mình. Đây chính là quán pháp thân thật tướng của Phật, kết quả sẽ chứng được ‘Chân Như Tam Muội.’ Phương pháp này thuộc về thiền định, nhưng cảnh giới do tâm thiền hiển lộ lại là ‘Tịnh Độ.’ Pháp này không gồm thấu những bậc trung hay hạ căn, nếu không phải là bậc thượng thượng căn, tất không thể ngộ nhập. Vì thế trong Tịnh Độ Tông ít có người đề xướng, mà phần hồng hóa lại thuộc về các vị bên Thiên Tông. Theo thiền ý, khi còn đi trên đoạn đường hành trì chưa đạt đến địa vị viên giác, thì tất cả các pháp môn đều là phương tiện, niệm Phật cũng là phương tiện, mà tham thiền cũng là phương tiện. Theo tam kinh Tịnh Độ, Đức Thích Tôn mở phương tiện chỉ bày cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, khuyên chúng hữu tình nên niệm Phật cầu sanh về thế giới ấy để không còn bị luân hồi, mượn cảnh duyên thắng diệu để tiếp tục tu hành mau tiến lên Phật quả. Niệm Phật tinh chuyên cũng tỏ ngộ như bên Thiên Tông, nhưng điểm chánh yếu của môn niệm Phật là cầu vãng sanh, còn tỏ ngộ được bao nhiêu cũng thuộc về thứ yếu. Thêm vào đó, cổ đức có dạy: “Quân tử cầu chư kỷ, tiểu nhân cầu chư nhân.” Nghĩa là người quân tử thì tìm đáp án nơi chính mình, dựa vào năng lực của chính mình, còn kẻ tiểu nhân thì nương tựa nơi tha nhân. Phật tử chân thuần vẫn tu hành theo pháp môn niệm Phật, nhưng không nên có tâm ý lại, phải biết rằng sự cảm ứng là tự mình chiêu cảm lấy, chứ không do nơi khác. Đồng ý niệm Phật là một pháp tu thù thắng mà chư Phật và chư Tổ đã đối căn mà thiết lập. Đối với những chúng sanh còn đầy lòng tham, luôn hy vọng chỉ dùng một ít sức lực mà thu được kết quả lớn, nên chư Phật phải phương tiện nói rằng Phật lực tiếp dẫn với mục đích là muốn chúng sanh nỗ lực niệm Phật. Kỳ thật, người niệm danh hiệu Phật mà được vãng sanh Tịnh Độ là hoàn toàn do tự dựa vào chính sức lực của mình. Cho nên pháp Thật Tướng Niệm Phật luận về chỗ cứu cánh mà vẫn nhiếp thuộc Tịnh Độ. Nhưng nếu nói đến phương tiện vãng sanh thì pháp này vẫn chưa chính thức thuộc về Tịnh Độ, như ý nghĩa trong tam kinh Tịnh Độ mà Đức Phật đã đề xướng. Có lẽ vì vậy mà chư tổ bên Tịnh Độ Tông chỉ đề cập để cho rộng thêm về nghĩa lý Tịnh Độ, mà không rộng tuyên hóa để khuyên người tu chẳng? *Thứ Nhì là Pháp*

*Quán Tưởng Niệm Phật:* Quán Tưởng Niệm Phật cũng là một trong bốn phương pháp niệm Phật. Quán tưởng niệm Phật là chiếu theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ để quán tưởng y báo chánh báo nơi cõi Cực Lạc. Trong kinh này có dạy 16 phép quán, nếu quán hạnh được thuần thực, thì lúc mở mắt hay nhắm mắt hành giả đều thấy cảnh Cực Lạc hiện tiền, tâm thần dạo chơi nơi cõi tịnh, khi mạng chung quyết định sẽ vãng sanh. Công đức của pháp này lớn lao không thể nghĩ bàn, nhưng vì cảnh quán quá vi tế sâu mầu, nên ít người hành trì được thành tựu. Bởi đại để có năm điều khó, ít có người được đầy đủ, nên phép quán tưởng này thuộc về môn khó hành trì. Nếu độn căn, tất khó thành tựu. Nếu tâm thô thiếu, tất khó thành tựu. Nếu không biết khéo dùng phương tiện xoay chuyển trong khi tu, tất khó thành tựu. Nếu ghi nhận ấn tượng không sâu, tất khó thành tựu. Nếu tinh lực yếu kém, tất khó thành tựu. Theo Kinh Duy Ma Cát, chương mười hai, phẩm Thấy Phật A Súc, Đức Thế Tôn hỏi Duy Ma Cát rằng: “Ông nói ông muốn đến đây để thấy Như Lai thì lấy chi quán sát?” Duy Ma Cát thưa: “Như con quán thực tướng của thân, thân Phật cũng thế. Con quán Như Lai đời trước không đến, đời sau không đi, hiện tại không ở; không quán sắc, không quán sắc như, không quán sắc tánh; không quán thọ, tướng, hành, thức, không quán thức như, không quán thức tánh; không phải tứ đại sinh, cũng không như hư không; sáu nhập không tích tập, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm đã vượt qua; không ở ba cõi, đã lìa ba cấu; thuận ba môn giải thoát; có đủ ba minh, cùng ngang vô minh, không một tướng, không khác tướng, không có tự tướng, không có tha tướng, không phải không tướng, không phải chấp tướng; không bờ bên này, không bờ bên kia, không giữa dòng mà hóa độ chúng sanh; quán tịch diệt cũng không diệt hẳn; không đây, không kia, không nương nơi đây, không nương nơi kia; không thể dùng trí mà hiểu được, không thể dùng thức mà biết được; không tối không sáng; không danh không tướng; không mạnh không yếu; không phải sạch không phải nhơ; không ở phương sở, không lìa phương sở; không phải hữu vi, không phải vô vi; không bày không nói; không bố thí, không bỏn xẻn; không giữ giới, không phạm giới; không nhẫn không giận; không tinh tấn không giải đãi; không định không loạn; không trí không ngu; không thực không dối; không đến không đi; không ra không vào; bất đường nói năng; không phải phước điền, không phải không phước điền; không phải xứng cúng dường, không phải không xứng cúng dường; không phải thủ,

không phải xả; không phải có tướng, không phải không tướng; đồng với chân tế bình đẳng như pháp tánh; không thể cân, không thể lường, qua các sự cân lường, không lớn không nhỏ; không phải thấy, không phải nghe, không phải giác, không phải tri; lia các kiết phước, bình đẳng các trí, đồng với chúng sanh; đối các pháp không phân biệt; tất cả không tổn thất, không trước không não, không tác không khởi, không sanh không diệt, không sợ không lo, không mừng không chán, không đã có, không sẽ có, không hiện có, không thể lấy tất cả lời nói phân biệt chỉ bày được. Bạch Thế Tôn! Thân Như Lai như thế, con quán cũng thế, nếu người nào quán theo đây gọi là chánh quán, quán khác gọi là tà quán.” *Thứ Ba là Quán Tượng Niệm Phật*: Quán Tượng Niệm Phật là một trong bốn loại niệm Phật, niệm hình tượng hóa thân của Đức Phật A Di Đà trong tâm mình, hoặc nhìn hình tượng mà niệm hồng danh ngài. Quán tượng niệm Phật là niệm hình tượng hóa thân của Đức Phật A Di Đà trong tâm mình, hoặc nhìn hình tượng mà niệm hồng danh ngài. Quán tượng niệm Phật là phương thức đem một bức tượng Phật A Di Đà để trước mặt, ghi nhận mọi nét của bức tượng ấy, rồi quán tưởng cho đến khi dù không có tượng, lúc mở mắt hay nhắm mắt đều thấy hình tượng Phật hiện rõ trước mắt. Phương pháp này cũng khó, vì cần phải có tinh lực mạnh, ký ức sâu, và trí phương tiện khéo. Đã có người áp dụng cách thức này, nhưng vì không khéo dùng phương tiện thay đổi, nên bị hư hỏa xông lên, mang chứng nhức đầu khó trị. Tuy nhiên, xét lại dùng phép quán tượng để vãng sanh, không thấy nói trong kinh điển. Đây chỉ là cách thức phụ giúp cho sự trì danh hiệu Phật, để hành giả tâm không tán loạn, để được chánh niệm mà thôi. Nếu người tu với lòng thành tín, cũng có thể được cảm ứng, tiêu tội nghiệp sanh phước huệ, từ nơi hình tượng giả mà thấy được Phật tướng thật và được vãng sanh. *Thứ Tư là Trì Danh Niệm Phật*: Trì danh hay chuyên xưng danh hiệu của một vị Phật, một phương pháp khác thông dụng hơn là chuyên xưng danh hiệu, chấp trì không tán loạn, cứ bền giữ như thế, trong đời này cũng được thấy Phật. Phép xưng danh cần phải lắng lòng không cho tán loạn, mỗi niệm nối tiếp nhau, buộc tâm nơi hiệu Phật. Khi miệng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tâm phải soi theo mỗi câu mỗi chữ cho rành rẽ rõ ràng. Khi xưng danh hiệu Phật, không luận ít hay nhiều, đều phải một lòng một ý tâm tâm nối nhau. Niệm như thế mới có thể diệt được tám triệu kiếp tội nặng nơi đường sanh tử. Nếu chẳng vậy thì tội chướng khó tiêu trừ. Vậy hành giả nên

xem xét căn cơ và hoàn cảnh của mình, không nên hưởng tới việc quá cao xa ngoài sức; thành ra muốn tìm lợi lại nhận lấy sự tai hại. Tổ Thiệu Đạo đã nói: “Chúng sanh thời Mạt Pháp thần thức rối loạn, đem tâm thô mà quán cảnh nhiệm, quyết khó thành!” Cho nên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thương xót, riêng đề nghị pháp môn trì danh, vì e rằng có người không khéo dụng tâm, lạc vào ma cảnh. Tu theo pháp trì danh rất dễ, chỉ giữ một niệm nối nhau sẽ được vĩnh sanh. Lại sự chí thành khẩn thiết cũng là phương pháp mầu nhiệm để trị vọng tâm và ma cảnh. Hành giả nên xét kỹ và đem hết tâm lực cố gắng tu hành! “Trì Danh Niệm Phật.” Trì danh là pháp tu Tịnh Độ phổ thông nhất hiện nay. Trong “Lá Thư Từ Tổ Ấn Quang,” Đại Sư Ấn Quang dạy: “Hành giả Tịnh Độ nên luôn nhớ rằng do bởi niệm Phật mau gấp nên mới lao hơi, đó là tại hành giả không khéo. Niệm Phật phải tùy sức mình, hoặc niệm thầm hay niệm ra tiếng, niệm lớn hay niệm nhỏ đều được. Sao lại cứ phải một bề niệm to tiếng để đến nỗi phải kiệt sức và bệnh hoạn?” Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm, có mười cách trì danh khác nhau. Trì danh niệm Phật là phương pháp niệm ra tiếng hay niệm thầm bốn hoặc sáu chữ hồng danh “Nam Mô A Di Đà Phật.” Trì bốn chữ “A Di Đà Phật” được điểm lợi là dễ nhiếp tâm; nếu trì đủ sáu chữ thì được điểm lợi là dễ phát khởi sự kính thành cơ cảm. Phương pháp này trong Kinh Phật Thuyết A Di Đà, Đức Thích Tôn đã đề xướng, hiện đang được thông dụng nhất.

#### ***VI. Mười Loại Niệm Phật Trì Danh:***

Như trên đã đề cập, trì danh có nghĩa là thụ trì và niệm tưởng danh hiệu của Đức Phật A Di Đà (người niệm Phật gọi là trì danh hành giả. Trì danh là nắm giữ danh hiệu Phật trong tâm trí mình). Trì danh là pháp tu Tịnh Độ phổ thông nhất hiện nay. Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm, có mười cách trì danh khác nhau. ***Thứ nhất là “Phản Văn Trì Danh”***: Phương pháp này, miệng vừa niệm, tai vừa nghe vào trong, kiểm soát từng chữ từng câu cho rành rõ ràng, hết câu này đến câu khác. Nghe có hai cách, hoặc dùng tai nghe, hoặc dùng tâm nghe. Tuy nghe vào trong nhưng không trụ nơi đâu, lần lần quên hết trong ngoài, cho đến quên cả thân tâm cảnh giới, thời gian không gian, chỉ còn một câu Phật hiệu. Cách thức phản văn khiến cho hành giả dễ gạt trừ vọng tưởng, mau được nhất tâm. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Chân Giáo thể phương này Thanh tịnh do nghe tiếng. Muốn chứng



vào tam muội, nên như thế mà tu hành” chính là ý trên đây. **Thứ nhì là “Số Châu Trì Danh”**: Đây là cách thức miêng vừa niệm, tay vừa lần chuỗi. Ban đầu ý niệm còn ràng buộc nơi tràng hạt, sau lần buông bỏ đi đến cảnh nhứt tâm. Phương pháp số châu khiến cho niệm lực mạnh mẽ, ví như người yếu chân đi núi, nhờ nương cây gậy mà tiến bước lên cao mãi. Niệm cách mấy lần lại cần phải ghi số mỗi thời hoặc mỗi ngày là bao nhiêu câu. Ghi số có điểm lợi là bắt buộc người tu phải giữ định số, trừ được bệnh biếng trễ; nhưng cần chú ý đừng quá tham mau tham nhiều mà niệm không được rành rẽ rõ ràng. Người xưa tuy niệm nhiều nhưng cũng ở trong sự rành rẽ, do nhờ hai điểm là thuần thực và định tâm. Ngẫu Ích Đại Sư, vị tổ thứ chín của Liên Tông, từng khai thị: “Muốn đi đến cảnh giới ‘nhứt tâm bất loạn,’ không có cách chi kỳ diệu khác. Trước tiên hành giả cần phải lần chuỗi ghi số, niệm niệm rành rẽ rõ ràng, mỗi ngày hoặc ba muôn, năm muôn, cho đến mười muôn câu, giữ khóa trình quyết định chẳng thiếu, thề một đời không thay đổi. Niệm như thế lâu ngày lần lần thuần thực, không niệm vẫn tự niệm, chừng ấy ghi số hay không ghi số cũng được. Và niệm như thế kèm thêm tín nguyện tha thiết, mà không được vãng sanh, thì chư Phật ba đời đều mang lỗi nói dối. Khi đã vãng sanh, tất cả pháp môn đều được hiện tiền. Nếu như ban sơ vì cầu cao tự ý, muốn tỏ ra không chấp tướng, muốn học theo lối viên dung tự tại, đó là tín nguyện chẳng bền sâu, hành trì không hết sức; dù có giảng suốt mười hai phần giáo, giải ngộ một ngàn bảy trăm công án, cũng là việc ở bên bờ sanh tử mà thôi.” Lời khuyên dạy này thật là cây kim chỉ nam cho người niệm Phật. **Thứ ba là “Tùy Tức Trì Danh”**: Niệm Phật thầm hay niệm se se tiếng, nương theo hơi thở, mỗi hơi thở ra vào đều một câu Phật hiệu; đó là ý nghĩa của tùy tức trì danh. Bởi mạng sống con người liên quan với hơi thở, nếu biết nương theo đây mà niệm, thì khi sống hằng không rời Phật, lúc lâm chung tắc hơi vừa tắt, liền về cảnh giới Liên Bang. Nhưng nên chú ý là phương thức này khi tập đã thuần thực, cần niệm ra tiếng, chớ không nên chỉ niệm thầm. Như thế niệm lực mới mạnh, ý nguyện cầu vãng sanh dễ được phát khởi. Bằng không, ý niệm vãng sanh sẽ khó tha thiết và sợ e lại lạc vào công dụng Ngũ Đình Tâm Quán của Tiểu Thừa. **Thứ tư là “Truy Đảnh Trì Danh”**: Khi dùng cách này, nên niệm nhỏ tiếng, mỗi chữ mỗi câu đều kế tiếp nhau liên tủa chặt chẽ, thành hình thế chữ sau đuổi theo chữ trước, câu này gối đầu câu kia nên gọi là “Truy Đảnh.” Áp dụng phương thức như thế,

nhờ sự kín đáo bền chặt, trung gian không xen hở, nên tạp niệm không có chỗ xen vào. Dùng đến pháp này thì tình ý khẩn trương, tâm miệng đồng tiến, oai lực của chánh niệm bao trùm tất cả, khiến cho nghiệp tướng vô minh tạm thời chìm lắng, ánh mâu tam muội bộc phát chiếu xa. Từ xưa người tu tịnh nghiệp trong lúc tình tướng mênh mang rối loạn, thường dùng cách thức này. **Thứ năm là “Giác Chiếu Trì Danh”**: Niệm Phật theo giác chiếu là một mặt niệm Phật, một mặt hồi quang soi trở lại chân tánh của mình. Do niệm như thế, hành giả sẽ đi vào cảnh giới hư linh siêu tuyệt, chỉ còn cảm giác thân tâm của mình cùng chân tâm Phật ngưng đọng thành một khối, sáng tròn rờ rờ, đầy rộng mênh mang. Khi đó phòng nhà vật dụng thấy đều ẩn mất, cho đến thân giả tứ đại của ta cũng không biết rơi lạc vào chỗ nào. Niệm theo đây thì báo thân chưa mãn đã chứng tịch quang, Phật hiệu vừa tuyên liền vào tam muội. Đem thân phàm phu mà dự vào cảnh thánh, thật không chi mau lẹ hơn phương pháp trên đây. Song chỉ tiếc, nếu chẳng phải bậc thượng thượng căn tất không thể lãnh hội thực hành, nên phần độ cơ của cách thức này vẫn còn sơ hẹp. **Thứ sáu là “Lễ Bái Trì Danh”**: Phương thức này là vừa lạy vừa niệm Phật. Hoặc niệm một câu, lạy một lạy, hoặc một mặt niệm, một mặt lạy, không luận câu Phật nhiều hay ít. Cách lễ Phật lại phải hết sức nhẹ nhàng chậm rãi, lễ niệm song hành, thân miệng hợp nhất. Nếu thêm vào đó ý thành khẩn tha thiết, thì thành ra ba nghiệp đều tập trung, ngoài câu Phật hiệu, không còn một tơ hào vọng niệm. Phương pháp này có sở năng phá trừ hôn trầm, công đức và hiệu lực rất to lớn, vì hành giả vận dụng cả ba nghiệp để trì niệm. Cư sĩ Vương Nhật Hư khi xưa từng áp dụng cách trên đây, mỗi ngày đêm ông lễ niệm trung bình là một ngàn lạy. Nhưng dường như đây là lối niệm đặc biệt của hạng người tâm lực tinh tấn, thiếu khả năng tất khó vững bền, bởi lạy lâu thân thể mỗi mệ dễ sanh chán nản. Cho nên thông thường, cách thức này chỉ hợp kiêm dụng, khó bề chuyên dụng. **Thứ bảy là “Ký Thập Trì Danh”**: Đây là cách niệm ký số, cứ lấy mỗi mười câu làm một đơn vị. Người hơi ngắn có thể niệm thành hai lượt, mỗi lượt năm câu; hoặc chia ra ba lượt, hai lượt ba câu, một lượt bốn câu. Sau khi niệm đủ mười câu, đều lần qua một hạt chuỗi. Niệm theo lối này, tâm đã niệm Phật, lại còn phải ghi nhớ số. Như thế dù không chuyên cũng bắt buộc phải chuyên, nếu không chuyên thì số mục liền sai lạc. Cho nên pháp này đại để là một phương tiện cưỡng bức cho hành giả chuyên tâm, rất có công hiệu với

những kẻ có nhiều tạp niệm. Ấn Quang Đại Sư thường khuyên các liên hữu áp dụng cách thức trên đây. **Thứ tám là “Liên Hoa Trì Danh”**: Lấy bốn sắc hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, vừa niệm vừa tưởng, luân lưu chuyển tiếp, là danh nghĩa của lối niệm trên đây. Hành giả khi niệm câu Phật hiệu thứ nhất, tưởng trước mặt mình hiện ra một đóa sen xanh to lớn, phóng ánh sáng xanh. Câu thứ hai, tưởng đóa sen vàng. Cho đến câu thứ ba, thứ tư, là hoa sen đỏ, trắng, màu nào phóng quang ánh sáng ấy. Kế tiếp lại tưởng hoa sen màu xanh, cứ như thế mà luân lưu mãi. Đồng thời khi hoa hiện, lại tưởng có hương sen thanh nhẹ phảng phất xung quanh. Bởi có nhiều hành giả trong Liên Hoa Tông dùng mọi pháp thức vẫn khó ngăn được tạp niệm, nên cổ nhân mới phát minh ra lối niệm này. Đây là cách dùng hình sắc thay đổi để buộc tâm tưởng cho chuyên nhất, và hình sắc này lại lấy tướng hoa sen nơi ao thất bảo ở cõi Cực Lạc “Một câu Di Đà, một đóa bảo liên,” bởi hoa sen Tịnh Độ hiện thành không rời hoa sen công đức của tâm niệm Phật. Và khi mạng chung, thần thức của hành giả sẽ nương theo hoa sen báu ấy mà sanh về Cực Lạc. Chư liên hữu nếu thấy có duyên với phương thức trên đây, nên áp dụng để mau đi vào niệm Phật diệu liên hoa tam muội. **Thứ chín là “Quang Trung Trì Danh”**: Vì có hành giả khi nhắm mắt niệm Phật, thường bất chợt thấy những hình tướng ô uế, hoặc màu sắc đen tối xao động nổi lên, nên cổ đức mới truyền dạy cho cách thức này. Đây là phương pháp vừa niệm Phật, vừa tưởng mình đang ngồi giữa vùng ánh sáng trong suốt to rộng. Khi tâm đã an định trong vùng quang minh ấy, hành giả cảm thấy thần trí sáng suốt mát mẽ, không những tạp tướng trừ dứt, mà các tướng uế sắc cũng tiêu tan. Rồi chánh niệm do đó được bền lâu, và tam muội cũng do đó lần lần thành tựu. Đây tuy là phương tiện đặc biệt chuyên trừ tướng uế ác nhưng dù không có nghiệp bệnh ấy, nếu muốn tinh thần thư thái để đi sâu vào niệm Phật tam muội, hành giả cũng nên áp dụng cách thức này. **Thứ mười là “Quán Phật Trì Danh”**: Pháp quán tưởng trong Quán Kinh rất trọng yếu, công đức cực kỳ to rộng, nhưng chưa phải là phương tiện phổ thông cho chúng sanh thời mạt pháp hành trì. Nhưng vì không muốn bỏ công đức đặc biệt của quán pháp, nên cổ nhân đã thể dụng trong mười sáu phép quán, lựa cách thức dễ tu tập nhất, lấy trì danh làm chánh, quán Phật làm phụ, gọi là Quán Phật Trì Danh. Hành giả mỗi ngày sau khi niệm Phật, lại để riêng một thời tịnh tâm quán tưởng sắc tướng quang minh của Phật A Di Đà. Cách quán Phật

nầy rút lựa phép quán thứ mười ba trong Quán Kinh, tướng Đức A Di Đà thân cao một trượng sáu, sắc vàng ròng, đứng bên bờ ao thất bảo. Nếu chưa quán tướng được ao thất bảo, hành giả có thể tưởng Đức Phật đứng trong vùng ánh sáng giữa hư không trước mắt mình, tay trái đưa ngang ngực bắt ấn kiết tường, tay mặt buông sả xuống theo thể tiếp dẫn. Muốn quán Phật cho thành tựu, trước tiên nên quán đại khái toàn thân, kế chỉ chuyên tâm quán tướng lông trắng giữa đôi mày. Tướng bạch hào nầy rồng không trong suốt như bạch ngọc, có tám cạnh, xoay về bên hữu cao thành năm vòng. Bạch hào là tướng căn bản trong ba mươi hai tướng hảo, khi tướng ấy quán thành, do sự cơ cảm, các tướng kia đều lần lượt hiện rõ. Tuy nhiên, muốn được phần chắc chắn hành giả cũng nên duyệt xem trong kinh, để ghi nhớ rõ 32 tướng tốt của Phật trước khi dụng công. Phương pháp trên đây sở dĩ để trì danh vào phần chánh, vì nếu quán tướng không thành vẫn còn phần trì danh để bảo đảm cho sự vãng sanh. Nhưng thật ra, trì danh cũng giúp quán tướng, quán tướng lại phụ lực cho trì danh; hai phần nầy hỗ trợ đưa hành giả đến chỗ song song thành tựu. Pháp thức nầy tuy có phần khó hơn các lối khác, song nếu thành tựu thì công đức to rộng vô biên, nên xin đưa ra sau cùng để làm duyên khuyến tấn.

### ***VII. Mười Loại Niệm Phật Ký Số:***

Niệm là hơi thở, ký số là đếm số, mười loại niệm ký số là đếm số hơi thở từ một đến mười. Đây là phương pháp của ngài Từ Vân, tổ thứ ba của Trung Quốc Tịnh Độ Liên Tông. Chính yếu của phương pháp nầy là trong một hơi thở, hành giả phải xưng đủ mười câu Phật hiệu. Trước hết hít một hơi thở vào, ngưng lại, niệm đủ số mười câu Phật hiệu. Kế đến thở ra hít vào một hơi khác, rồi tiếp tục niệm y như trước. Nếu người hơi ngắn thì có thể chia làm hai phần, mỗi hơi chỉ niệm năm câu Phật hiệu thôi. Phương pháp nầy có nhiều điểm lợi, trong khi miệng niệm Phật thì tai nghe tiếng và tâm trí ghi nhớ số. Như thế dù không chuyên tâm cũng phải chuyên, vì nếu không thì số mục mà mình đang đếm sẽ bị sai lạc. Đây là một trong những phương pháp rất tốt cho những ai có tâm tán loạn. Nên nhớ, khi xưng niệm danh hiệu Phật, chẳng nên nghĩ gì khác, cũng chẳng nên nghĩ hoặc. Nếu chí tâm thành ý niệm như thế, thì mỗi câu niệm Phật mới đủ sức diệt được tội nặng trong 80 ức kiếp sanh tử. Nếu chẳng như vậy thì sức diệt tội sanh phước sẽ giảm đi và nghiệp chướng cũng khó mau dứt trừ. Trong “Lá

Thư Từ Tổ Ấn Quang,” thư thứ sáu, có đoạn Đại Sư Ấn Quang nhắc tứ chúng liên quan đến lời dạy của Lão Sư Từ Vân như sau: “Hình thức tu tập niệm Phật tùy thuộc vào hoàn cảnh của từng cá nhân một, chứ không có một khuôn phép nào định sẵn cho mọi người cả... Nếu như hành giả công chuyện đa đoan, không có thời gian rảnh rỗi, nên định vào buổi sáng sớm. Sau khi súc miệng rửa mặt xong xuôi, nếu có bàn thờ Phật thì đến trước bàn thờ lễ ba lạy. Rồi đứng thẳng lên chấp tay và nhất tâm niệm 'Nam Mô A Di Đà Phật' hết một hơi là một hơi là một niệm. Niệm như thế đủ mười hơi, tiếp tục đọc bài kệ:

'Nguyện cùng người niệm Phật,  
 Đồng vãng sanh Cực Lạc,  
 Thấy Phật thoát sanh tử,  
 Như Phật độ tất cả.'

Đọc xong bài kệ, lễ ba lạy rồi lui ra. Nếu như không có bàn thờ Phật, thì chấp tay hướng về phía Tây cũng như các thức trên mà niệm. Phép Thập Niệm này Lão Sư Từ Vân cũng lập ra cho hàng vua quan, bần việc triều chính, không đủ thì giờ tu tập. Tại sao phải niệm luôn hết một hơi? Vì tâm chúng sanh tán loạn, lại không rảnh để chuyên niệm, niệm như vậy là mượn hơi nhiếp tâm khiến cho qui nhất. Tuy nhiên, số lần niệm phải tùy thuộc vào hơi dài hay ngắn. Không nên cố hay ép, vì làm vậy sẽ dẫn đến mỗi mệt mà thôi. Hành giả chỉ nên giữ mười niệm mà thôi, chứ không nên niệm hai mươi hoặc ba mươi, vì làm như vậy cũng sẽ đưa tới mỗi mệt không cần thiết. Bởi vì tán tâm niệm Phật khó được vãng sanh, phép này giúp làm cho tâm được chuyên nhất, tuy số niệm có ít nhưng công đức rất sâu, quyết định sẽ vãng sanh Cực Lạc.

### ***VIII. Bốn Mười Tám Pháp Niệm Phật:***

Theo sự tường thuật của học giả Phật giáo Trịnh Vi Am, có bốn mươi tám pháp niệm Phật. ***Thứ Nhất Là Niệm Phật Nên Giữ Ý Căn:*** Đã đem tâm này niệm Phật, bạn không nên trụ trên cả việc thiện lẫn việc ác. Tức là hằng ngày chỉ làm mọi việc với ý niệm bất đắc dĩ phải làm, nên làm rồi xả bỏ, chứ đừng vướng víu vào chúng mà chướng ngại đến tâm niệm của mình. Kỳ thật, sở dĩ tâm niệm chúng ta cứ mãi day dưa với những việc tạp nhạp thiện ác vì nó chưa thuần. Nếu mình niệm Phật đến lúc tâm địa sáng tỏ thì ý địa tự nhiên chuyên ròng nơi quán sát chứ không có chỗ cho duyên tạp sự. Phải biết niệm Phật có

thể chuyển phàm thành Thánh, là phương tiện giải thoát thứ nhất của thế gian và xuất thế gian vậy. **Thứ Nhì Là Niệm Phật Nên Giữ Gìn Khẩu Nghiệp:** Một khi đã dùng miệng này niệm Phật, phàm tất cả những việc Sát, Đạo, Dâm, Vọng không nên buông lời nói càn nói quấy. Một khi nói lỡ, nên tự nghĩ rằng: người niệm Phật không nên nói như thế, rồi cố gắng niệm lớn ít tiếng danh hiệu Phật để trấn áp tâm mình và gột rửa ngay những lời bất thiện ấy. **Thứ Ba Là Niệm Phật Phải Chính Thân Nghiệp:** Đã đem thân này niệm Phật, thời trong mọi lúc cũng như trong mọi cử chỉ, đi, đứng, ngồi, nằm, thân cần phải đoan chánh, vì thân có được đoan chánh thì tâm mới được thanh tịnh. Người niệm Phật nên tự nghiệm điều này, thật không bao giờ dối. **Thứ Tư Là Niệm Phật Lăn Chuỗi:** Niệm Phật một tiếng, tay lần một hạt. Chỉ nên niệm bốn chữ, đừng lộn sáu chữ, vì bốn chữ rất dễ thành khối. Trong bốn chữ A Di Đà Phật, hoặc lần chuỗi tại chữ A, hoặc lần tại chữ Đà, hoạch định cho có pháp tắc không được lậm lậm, đây là pháp mượn chuỗi để nhiếp tâm. **Thứ Năm Là Niệm Phật Lớn Tiếng:** Nếu lúc thần trí hôn trầm hay khi vọng tưởng đua khởi, hãy nên trấn tĩnh tinh thần, to tiếng niệm Phật, niệm cho được vài ba trăm tiếng, thì tự nhiên sẽ đổi thành cảnh giới an tịnh. Bởi vì nhĩ căn rất thính, nên ngoại duyên dễ vào, tiếng làm cho tâm động, tạp tưởng nổi dậy, nên phải to tiếng niệm Phật để giữ gìn nhĩ căn, hầu mở tỏ tâm linh. Bấy giờ, tâm chỉ nghe tiếng của chính mình, mỗi tiếng liên tục, đầy đủ, tất cả những gì phải quấy, nên hư, tự nhiên phóng xả. **Thứ Sáu Là Niệm Nhỏ Tiếng:** Nếu lúc tinh thần tán thất, hoặc khi nhiều việc nhọc nhằn hay phải nhiều điều bức bách, thì không cần phải niệm to, chỉ nên thâu liễm thần minh nhỏ tiếng niệm kỹ. Đến khi hơi thở điều hòa, tinh thần hưng khởi, an định tâm hồn mới nên niệm to tiếng. **Thứ Bảy Là Niệm Thâm:** Nếu tâm khí không được điều hòa, hoặc người hay chỗ có trở ngại, niệm to, niệm nhỏ đều thấy không tiện, thì chỉ nên động môi, dùng pháp niệm thâm hay kim cang trì (diamond recitation), không bắt buộc nhiều ít, nhưng cần nhất là mỗi chữ mỗi câu phải từ tự tâm lưu xuất. **Thứ Tám Là Mặc Niệm:** Lại, hoặc niệm to, niệm nhỏ đều không hợp, tay lần chuỗi lại hiềm phiền phức, niệm thâm vẫn thấy còn có dấu vết, thì xưa có phương tiện chí xảo là không cần động mồm, không phát ra tiếng, chỉ bắt tâm niệm duyên chuyên một cảnh, âm thầm dùng lưỡi gõ vào răng trước hay tâm tưởng cũng được, tùy ý, chỉ phải làm sao cho tiếng thật rõ ràng, nhưng tiếng không phải là phát ra từ cửa

miệng, mà phải phát ra từ tự tánh. Tánh nghe lại phải dung thông nội tâm, nội tâm lại phải in nơi đầu lưỡi, đầu lưỡi kéo lấy niệm căn, từ tánh nghe nghe tự tánh, ba thứ dung hội, niệm niệm viên thông, lâu sau sẽ được thành tựu pháp quán: Duy tâm thức. **Thứ Chín Là Điều Hòa Hơi Thở:** Hoặc lúc khí tịnh, tâm bình, thì trước nên tưởng thân mình đang ở trong vòng hào quang tròn, thâm quán trên đầu chót mũi, tưởng hơi thở ra vào, mỗi một hơi thở thâm niệm một câu A Di Đà Phật. Phương tiện điều hòa hơi thở, không hưỡn, không gấp, tâm niệm và hơi thở nương nhau, theo nhau ra, vào, đi, đứng, ngồi, nằm đều nên làm như thế, đừng để gián đoạn. Thường phải tự “mật trì”, nhiếp tâm đã lâu, cả hơi thở lẫn câu niệm, cả hai đều không còn phân biệt, tức thân tâm này cùng đồng với hư không. Trì đến thuần thực, tâm nhãn khai thông, tam muội thoát nhiên hiện tiền, chính là “Duy tâm Tịnh độ” đó. **Thứ Mười Là Tùy Phận:** Hoặc lúc hôn trầm nhiều thì nên kinh hành niệm Phật, hay khi tạp loạn nhiều thì nên ngồi ngay thẳng, yên lặng mà niệm. Giả sử đi hay ngồi đều không hợp, thời hoặc quỳ, hoặc đứng, cho đến tạm nằm, cũng đều cho phương tiện rộng rãi, có thể niệm Phật được cả. Cốt yếu bốn chữ hồng danh đừng để một niệm lãng quên, đó là yếu thuật hàng phục tâm ma vậy. **Thứ Mười Một Là Chỗ Nào Cũng Niệm Phật Được:** Không luận chỗ sạch hay chẳng, hoặc chỗ vắng vẻ hay chỗ chộn rộn, chỗ vừa dạ hoặc nơi thất ý, chỉ “Hồi quang phản chiếu” và suy nghĩ: những cảnh thế này ta đã gặp hơn trăm ngàn muôn ức lần, từ nhiều kiếp đến giờ; chỉ có việc “Niệm Phật vãng sanh” là ta chưa có thể thực hành trọn vẹn được, nên vẫn còn bị trong vòng lẩn quẩn luân hồi. Giờ đây ta cũng chẳng quản niệm được cùng chẳng, chỉ thể giữ chặt “tâm niệm Phật” này, dầu chết cũng không để dứt “niệm đầu”. Tại sao? Bởi niệm đầu mà để một phút gián đoạn, thời tất cả thiện, ác, vô ký bao nhiêu tạp niệm lại sanh. Vì lẽ đó, nên dù lúc đi đại, tiểu tiện, hay sản phụ lúc lâm bồn, chỉ chăm chú việc niệm Phật, càng khổ càng niệm, càng đau càng niệm nhiều hơn, như con thơ gọi mẹ, không sợ mẹ hiềm giận; nếu sợ mẹ giận mà không gọi nữa, ắt đứa trẻ sẽ bị sa chân vào hầm phẩn nhớp, vì những sự đại đột do nó gây nên. Như thế chỉ có chết mất đi mà không làm sao được gặp mẹ. **Thứ Mười Hai Là Niệm Phật Có Định Thời Hay Không?:** Trong pháp thứ mười một, không có định thời, nếu như vậy sẽ ít người làm được. Bài này phương tiện nói có định thời là sớm, tối hai thời, hoạch định thường khóa, từ nay đến suốt đời, không thêm, không bớt;

ngoài ra, trong suốt 24 tiếng đồng hồ, có thể niệm được một câu, thì nên niệm một câu, có thể niệm được nhiều câu, thì nên niệm nhiều câu, bất luận niệm lớn hay nhỏ. Cổ đức có dạy:

“Ít nói một câu tạp  
Nhiều niệm một câu Phật  
Đẹp đẽ biết bao nhiêu!”

**Thứ Mười Ba Là Có Đối Trước Tượng Phật Hay Không Khi Niệm Phật?:** Lúc đối trước tượng Phật, phải cho tượng này là thật Phật, không cần câu chấp một phương hướng nào, chẳng luận một thân nào trong ba thân của Phật, chỉ tự nghĩ: ta chỉ nhứt tâm, tâm chỉ nhứt Phật, mắt nhìn tượng Phật, tâm niệm danh Phật, thật hết sức thành kính, mà hết sức thành kính tất được linh cảm. Lúc không có tượng Phật, nên ngồi ngay ngắn, xoay mặt về phương Tây, lúc khởi tâm động niệm, nên niệm tưởng hào quang của Đức Phật A Di Đà trụ trên đỉnh đầu ta, mỗi niệm, mỗi câu, tự chẳng để rơi vào khoảng không, hắc nghiệp cũng có thể tiêu diệt. **Thứ Mười Bốn Là Niệm Phật Trong Lúc Bận Rộn:** Nếu niệm được một câu, thì nên niệm một câu, có thể niệm 10 câu, thì nên niệm 10 câu; chỉ làm sao trong 100 điều bận rộn, có được trong khoảnh khắc một chút rảnh rang liền buông bỏ thân tâm, sáng suốt tưng trờ. Ngài Bạch Lạc Thiên có bài thi rằng:

“Đi niệm A Di Đà  
Ngồi niệm A Di Đà  
Ví dù bận rộn như tên  
A Di Đà Phật  
Niệm lên thường thường.”

Người xưa dụng tâm như thế, thật không thể chê được. **Thứ Mười Lăm Là Lúc Nhàn Rỗi Nên Niệm Phật:** Trong đời, có nhiều kẻ quá ư khốn khổ, muốn chút rảnh rang cũng không sao có được, nên không thể tu hành. Nay ta được rảnh rang, lại nghe biết được pháp niệm Phật này, cần phải cố gắng, tương tục thúc liễm thân tâm, chuyên trì niệm Phật; như thế mới không uổng phí tắc bóng quang âm. Nếu để tâm niệm buông trôi, không làm được việc gì, luống tiêu hao ngày tháng, cô phụ bốn ơn, một mai vô thường thoát đến, sẽ lấy gì để chống cự đây? **Thứ Mười Sáu Là Người Sang Giàu Phải Nên Niệm Phật:** Phước đức của đời này đều từ việc tu hành kiếp trước. Những vị tôn quý vinh hoa, quá nửa là các bậc cao Tăng chuyển thế. Nhưng, tuy có vinh hoa mà không được trường cửu, nếu lại tạo điều nghiệt chướng, ắt khó thoát khỏi



biển trầm luân. Vậy nên các ngài phải tự suy nghĩ: những gì ta có thể mang theo được khi nhắm mắt? Ấy là công đức niệm Phật. Cũng như thuyền đi nhờ nước. Thế nên, hoặc lập thất niệm Phật, hoặc mời chư Tăng hưởng dẫn mình niệm Phật, in khắc kinh sách Tịnh độ, hoặc đặt tượng Phật Di Đà để chiêm ngưỡng mà niệm, việc làm tuy ít, nhưng phải dụng công cho nhiều, lại phải chí quyết vãng sanh, đó là con đường tu hành của tất cả mọi người, chẳng luận giàu, nghèo, sang, hèn. Làm vị sứ giả của ngôi Pháp Vương còn gì tôn quý hơn! **Thứ Mười Bảy Là Kẻ Nghèo Hèn Cũng Nên Niệm Phật:** Than ôi! Có kẻ đã đem thân làm nô lệ, bị người khác sai sử, vất vả, khổ sở, mà không cầu mong thoát khỏi, thì về sau càng khổ hơn. Nên biết bốn chữ hồng danh chẳng luận sang, hèn, giàu, nghèo, trẻ, già, trai, gái, chỉ cần mỗi ngày vào lúc sáng sớm, chí tâm xoay mặt về phương Tây, niệm 10 câu danh hiệu Phật, không xen, không dứt, để cầu sanh Cực Lạc, thì hiện đời sẽ được hưởng nhiều lợi ích, khi thác tự nhiên được vãng sanh. Đức Phật A Di Đà thật là chiếc thuyền cứu mạng cho mọi người trong biển khổ vậy. **Thứ Mười Tám Là Tịnh Tế Niệm Phật:** Đã là người có trí huệ thì đừng để bị mê hoặc, cần phải hết sức tịnh tế niệm Phật để cho trí huệ được thêm kiên cố. Phải biết, người trí niệm Phật thì thiên hạ sẽ có rất nhiều người niệm Phật. Người trí niệm Phật thời những kẻ tu hành theo ngoại đạo sẽ dễ trở về chánh đạo. Tại sao? Vì tiếng tăm của người trí có thể mở tỏ lòng dạ họ, vì có tác dụng trí của người trí cứu rỗi họ. **Thứ Mười Chín Là Lão Thật Niệm Phật:** Đã không cầu danh lợi, cũng không khoe tài năng, chắc thật tu hành, thật là rất khó có người làm được. Tổ sư dạy: về phương diện tham thiền, bởi tìm một người si độn cũng không có. Nay người niệm Phật chính lo mình không được si độn mà thôi. Hai chữ Lão Thật là một đại lộ thẳng tắp đưa người sanh Tây Phương vậy. Tại sao? Vì hai chữ Lão Thật là ngoài bốn chữ A Di Đà Phật không thêm một mảy may vọng tưởng nào. **Thứ Hai Mươi Là Được Điều Vui Mừng Nên Nhớ Niệm Phật:** Hoặc như nơi người mà vui, hoặc như nơi việc mà mừng, mối manh tuy nhỏ nhút, nhưng đều là những cảnh vui vẻ của kiếp người. Song phải biết: cái vui đó như huyễn, không thật, không thể còn lâu, vậy nên nương nơi giây phút tươi vui đó, xoay tâm niệm Phật, thời ắt được nhờ ánh hào quang của Phật, trong thuận cảnh ấy, bỏ dứt đi ít nhiều ác niệm, những điều tốt đẹp liên miên, như ý tu hành, mãi đến lúc mạng chung, sẽ được vãng sanh Cực Lạc, há chẳng vui mừng lắm sao! **Thứ Hai Mươi Một Là**

**Hứa Nguyện Niệm Phật:** Trì danh niệm Phật nguyên để cầu vãng sanh; nhưng oai phong của chư Phật không thể nghĩ bàn, hễ niệm danh hiệu của các Ngài thì sở nguyện đều tùy tâm. Vì lẽ đó, trong kinh dạy: “Niệm Phật có mười điều lợi ích. Những việc cầu cúng quỷ thần, tạp tu sự sám, khẩn hứa nhiều ác nguyện, tin xằng những việc bói toán, xăm quẻ, không bằng dùng phương pháp niệm Phật để cầu nguyện. Có người hỏi: vả như niệm Phật mà không ứng nghiệm thì sao? Đáp: Ông chưa niệm Phật mà đã lo không ứng nghiệm, chính cái nơn không ứng nghiệm đó sẽ đem đến cái kết quả không ứng nghiệm vậy. Nơn thế nào thì quả thế ấy, há không đáng sợ lắm sao? **Thứ Hai Mười Hai Là Niệm Phật Để Cầu Cởi Mở (Vượt Qua Trở Ngại):** Phàm tất cả nghịch cảnh quanh ta, đều do trái duyên nên có hiện, ta phải cố cam nhận chịu, không nên lại khởi ác niệm, để phải dẫn khởi oan trái đến mãi về sau không dứt. Ta phải nên tùy thuận nhận lãnh, có thể tránh được thời tránh, dứt được thời dứt, chỉ tùy nơn duyên mà đừng quên niệm Phật. Phật có vô lượng trí huệ, phước đức quang minh, ngài sẽ gia hộ cho ta: dù gặp nghịch duyên, trái cảnh, cũng chuyển thành thuận cảnh, thuận duyên ngay. **Thứ Hai Mười Ba Là Hổ Then, Tự Gắng Niệm Phật:** Phàm đời này hay kiếp trước, ác quả đã thành tựu, thì khổ báo ắt đến, mà một phần khổ ở đời này tức là một phần ác trong kiếp trước, không thể đổ thừa cho vận mạng bất tề, mà chỉ nên tự hổ phận mình chẳng sớm lo tu. Mỗi một khi tưởng Phật, tưởng như lông trong thân đều dựng đứng, năm vóc như rã rời, buồn, thương, cảm mến, đau xót, không muốn sống. Như vậy thời mỗi câu, mỗi chữ từ trong gan, tủy mà ra, mới là chơn cảnh niệm Phật. Ngày nay, kẻ Tăng, người tục niệm Phật, hoặc miệng niệm mà tâm tán, hoặc chỉ nhiếp tâm lúc niệm, dứt niệm thì tâm mê. Lại có người đang lúc niệm Phật xen nói chuyện tạp. Thế thì dù niệm suốt đời cũng không linh cảm. Mọi người thấy vậy, cho rằng: niệm Phật vãng sanh là những lời dối. Lỗi ấy đâu phải do Phật sao? **Thứ Hai Mười Bốn Là Niệm Phật Khẩn Thiết:** Phàm người ở trong tất cả hoàn cảnh khổ đáng thương, mà ta không thương, tất trái với nhân tình, nhưng ở trong tất cả hoàn cảnh đáng thương, ta chỉ thương suông thì làm sao hợp được với tánh Phật? Đã thương thì phải tìm phương thoát khổ, phải tìm cách cho mọi người rốt ráo thoát khổ. Phải biết rằng: Phật sở dĩ được tôn xưng là đấng Đại Bi, vì Ngài hay cứu khổ cho chúng sanh. Ta do lòng từ bi niệm Phật là cốt cầu lòng từ bi của Phật ban cho, cứu vớt khổ não cho chúng ta, thì cái niệm đó

phải khẩn thiết đến bậc nào? **Thứ Hai Mười Lăm Là Cúng Đường Niệm Phật:** Phàm gặp giai tiết (tiết đoan ngo, tiết trung thu...) hoặc ngày vía Phật, Bồ Tát, thì nên hương đăng hoa quả tùy phận cúng dường, đó chỉ là tài cúng, chưa phải pháp cúng. Pháp cúng thuộc về tâm, quý hơn tất cả tài cúng. Gần đây vì tà giáo thịnh hành, bày đặt ra các pháp cúng kiến, la liệt quả phẩm, tam sên, heo, dê, gà, vịt, có ích gì cho sự tu hành? Thậm chí còn bày bố trận đồ, chiêu hồn dẫn quỷ, tà mị, dị đoan, càng làm cho hao tài tổn mạng, đối trá bậy bạ, phỉnh gạt người đời. Chỉ pháp môn niệm Phật thì vạn bệnh tiêu trừ, không tốn, không hao, lại ít người chịu biết đến. Kính mong những trang thức giả đừng để bị lầm. **Thứ Hai Mười Sáu Là Niệm Phật Để Báo Ân Cha Mẹ:** Ân của cha mẹ là cái ân to lớn nhất phải làm sao báo đáp? Cung phụng tất cả những thức uống ăn, lập công danh để hiển đạt phụ mẫu, chỉ là phép báo đáp của thế gian; mặc dù không phải là bất thiện, xong xét cho tốt thì đấy chưa phải trọn vẹn, vì dù sao cũng vẫn còn trong vòng khổ lụy của kiếp người. Chỉ có cách là ta niệm Phật, và khuyên cha mẹ niệm Phật, đem công đức ấy hồi hướng Tây phương, đó là gieo một hạt giống kim cương, về sau ta và cha mẹ cùng tự được giải thoát. Huống chi một câu niệm Phật lại có thể tiêu diệt được vô biên tội chướng. Những ai muốn báo thâm ân cha mẹ, không thể không biết pháp này. **Thứ Hai Mười Bảy Là Bồ Thí Bằng Cách Niệm Phật:** Phàm thấy người khổ não, trước phải giúp cho họ an thân (cho cơm, cho áo) rồi sau mới an ủi khuyên họ niệm Phật. Bởi vì, cứu cái khổ trong nhứt thời, bồ thí là gấp, mà cứu cái khổ nhiều kiếp, phương pháp niệm Phật lại gấp hơn. Hoặc thấy người hay vật bị nạn, sức mình không cứu rồi được, phải gấp rút niệm Phật cầu an cho hồn thức ấy. Hoặc đêm thanh tụng niệm cầu nguyện cho mọi loài thoát khỏi tai ương. Gặp lúc đao binh, tật dịch, năm canh trì niệm Phật danh, cầu cho chúng sanh được tiêu trừ mọi oan khổ. Nên quán tưởng: Một câu A Di Đà Phật của ta đây, trên trời hữu đánh, dưới dưới đáy phong luân. **Thứ Hai Mười Tám Là Tự Tâm Niệm, Tự Tâm Nghe:** Tâm tưởng rồi mới động đến lưỡi, lưỡi khua động thành tiếng lại trở vào tự tâm, là pháp: Tâm Niệm Tâm Nghe vậy. Mà hễ tâm niệm tâm nghe thời mắt không thể thấy bậy, mũi không thể ngửi bậy, thân không thể động bậy, vì chủ nhưn ông (tự tâm) đã bị bốn chữ A Di Đà Phật bắt cóc mất rồi. **Thứ Hai Mười Chín Là Niệm Phật Trong Tiếng Niệm:** Tiếng niệm Phật đã thuần thục rồi, thời trong sáu trần chỉ còn một thanh trần. Tất

cả sáu căn hoàn toàn gói nơi nhĩ căn. Thân cũng không còn cảm biết tới lui, lưỡi cũng không còn biết khua động, ý cũng không còn cảm biết phân biệt, mũi cũng không còn cảm biết hít thở, mắt cũng không còn cảm thấy mở nhắm. Hai thứ viên thông của hai ngài Quán Thế Âm và Đại Thế Chí cũng tức là một, không chi là chẳng viên và chẳng chi là không thông cả. Vì căn tức là trần, trần tức là căn, căn và trần tức là thức. Mười tám giới đều dung hợp thành một giới. trước chưa được thuần, lâu sau sẽ dần dần thâm nhập. Phạm trong khi niệm Phật phải lựa một chỗ vắng, yên, sạch, khoảng 4 hay 5 thước vuông, đi nhiều một vòng theo phía tay mặt, rồi sau từ từ cất tiếng niệm Phật, tiếng cao lên dần dần, niệm như vậy độ ba vòng trở lên sẽ tự cảm thấy tâm, tiếng tổ bày, vòng quanh khắp thái hư, bao bọc cả 10 phương, trùm đầy toàn pháp giới. Đó là cách an trụ thân, tâm, thế giới vào trong tiếng niệm Phật, và đó là đem thân tâm của mình an trụ trong tiếng niệm Phật, mà niệm Phật đây là cảnh thù thắng để tiêu diệt tâm địa phiền não như trước, hành giả cần phải gắng tập cho kỳ được. **Thứ Ba Mười Là Niệm Phật Trong Ánh Sáng Của Tự Tâm:** Phạm tiếng là tiếng của tự tâm, thì ánh sáng cũng là ánh sáng của tự tâm. Hễ tiếng của tự tâm quanh lộn ở chỗ nào thì ánh sáng của tự tâm phóng ra ở chỗ ấy; nếu ta an trụ trong tiếng của tự tâm mà niệm Phật tức là an trụ trong ánh sáng của tự tâm mà niệm Phật vậy. Đây cũng là cảnh thù thắng diệt được lòng tham phiền não như bản, hành giả nên gắng siêng tu tập. **Thứ Ba Mười Một Là Niệm Phật Trong Thể Của Tự Tâm:** Tiếng nói của tự tâm vòng quay và ánh sáng của tự tâm chiếu phát, tự nhiên tâm thể phối bày. Một chơn tâm này như tấm gương tròn lớn (đại viên cảnh) rộng thông sáng suốt, không gì ngăn ngại, mười phương, ba đời, ta, Phật, và chúng sanh, vòng khổ của đời trước, đài sen nơi cảnh tịnh đều là bóng trong gương cả. Cho nên niệm Phật trong tiếng tức trong ánh sáng, trong ánh sáng tức trong gương, không phải một, không phải khác. Đây cũng là cảnh thù thắng tột cùng, diệt hẳn được tâm như, cần phải gia công hết lòng tu tập. **Thứ Ba Mười Hai Là Niệm Phật Không Dứt:** Buổi sáng niệm, buổi tối cũng niệm; vô sự niệm, hữu sự cũng niệm; chỗ sạch niệm, chỗ dơ vẫn niệm; không một niệm nào mà không phải là niệm Phật. Giả sử hằng ngày có sự thù tiếp bạn bè, đãi đằng khách khứa, phải có lúc gián đoạn, nhưng chỉ gián đoạn thỉnh niệm, chớ không thể gián đoạn được tâm niệm. Niệm Phật mà công phu đến thế, thì sẽ dễ thành tam muội lắm. **Thứ Ba Mười Ba Là Niệm Phật**

**Không Xen Tạp Niệm:** Không xen tạp niệm tức là Chỉ, Chỉ là nhơn của Định, dừng được tạp niệm, thì chánh niệm (định) tự nhiên phát hiện. Tạp niệm có ba: thiện, ác và vô ký, trừ hết ba thứ mới là không tạp. Tâm cần vắng lặng, vắng lặng thời các niệm thiện, ác không sanh. Tâm cần sáng suốt, sáng suốt thời vô ký niệm không có. Ngoài Phật không có niệm nên thường vắng lặng, trong niệm có Phật nên thường sáng suốt, rõ ràng. **Thứ Ba Mười Bốn Là Niệm Phật Không Dừng:** Không Dừng tức là Quán, Quán là nhơn của Huệ. Câu niệm Phật trước đã qua, câu sau chưa đến, câu hiện tại cũng không dừng. Cứ thế mà quán sát, rõ ràng nhưng không câu chấp, không câu chấp nhưng lại rõ ràng. Đuổi như vậy mãi sẽ thấu đạt lẽ vạn pháp duy tâm, tức Phật tức tâm, tức tâm tức Phật. **Thứ Ba Mười Lăm Là Tức Thiền Tức Niệm Phật:** Thiền cũng là niệm Phật. Hoặc khởi từ một câu thoại đầu gọi là tham thiền, hoặc ngồi mà dứt niệm gọi là tọa thiền. Tham hay tọa đều là thiền cả. Thiền hay Phật đều là tâm cả. Thiền tức là thiền của Phật. Phật tức là Phật của Thiền. Pháp môn niệm Phật đâu có gì ngại với pháp tham thiền, tọa thiền? Vả lại, người tham thiền có thể dùng bốn chữ A Di Đà Phật làm một câu thoại đầu, niệm đến, niệm lui, niệm xuôi, niệm ngược, trở lại, xoay qua không rời đương niệm, mặc dù không nói tham thiền, mà thiền ở trong đó rồi. Người tọa thiền cần phải đến giai đoạn một niệm tương ưng, hoát nhiên như vin vào chỗ hư không, mới là đắc thủ. Niệm Phật đến lúc nhứt tâm bất loạn, không phải tương ưng là gì? Niệm đến lúc tâm không, không phải vĩnh viễn tương ưng sao? Trong lúc niệm Phật, không hôn trầm, không tán loạn, chỉ, quán, định, huệ mỗi niệm viên thành; nếu muốn tìm thiền, thiền ở đâu nữa? **Thứ Ba Mười Sáu Là Tức Giới Tức Phật:** Trì giới luật của Phật để trị thân, trì danh hiệu của Phật để trị tâm. Trì lâu thì thân thuần, niệm lâu được tâm không. Tánh của niệm hay tánh của giới không hai; luôn luôn trì giới thì tội lỗi không hiện, luôn luôn niệm Phật thời lúc lâm chung hành giả có thể vượt qua được “cận tử nghiệp,” để vượt qua khỏi ba cõi. Nếu giữ giới đã có công phu, liền đem công đức này hồi hướng Tây phương, chắc chắn được về trung phẩm. Còn như chưa có thể giữ trọn cả hai, thời nên phải siêng niệm Phật, như cứu lửa cháy đầu. **Thứ Ba Mười Bảy Là Tức Giáo Tức Phật:** Một đại tạng kinh đều từ tâm khởi, tâm nếu không Phật thì giáo lý cũng luống mà thôi. Nhưng có tâm ai mà không Phật? Chỉ vì tự mình không niệm vậy. Người có học giáo lý, ắt có coi Kinh Lăng Nghiêm, mà có coi Kinh

Lãng Nghiêm ắt có kẻ chê Đức Thế Chí mà trọng đức Quán Âm, một chút chấp trước đó cũng đủ kết thành nguồn gốc sanh tử, dù học hay, thấy xa, hiểu rộng, chẳng qua chỉ giúp cho cái mầm khổ thêm tươi mà thôi, không giúp ích được gì trong việc thoát ly sanh tử. Xin hãy mau mau bỏ đi, bỏ tất cả, để tâm niệm Phật câu vãng sanh Tây phương, gần gũi đức Di Đà. Còn nếu không buông bỏ được thì hãy đem công đức học kinh, giảng thuyết này hồi hướng Tây phương, phát bốn điều thệ nguyện rộng lớn, cũng được kết quả không lường. Thảng hoặc hoằng dương được pháp môn Tịnh độ, nói cho người ta hiểu công đức niệm Phật, thời nháy mắt, động niệm đều là trang nghiêm Tịnh độ, thế thì được vãng sanh thượng phẩm đâu còn nghi gì? **Thứ Ba Mười Tám Là Không Trì Mà Trì:** Khi vừa làm xong một việc gì, hay lúc nói dứt một lời nào, còn chưa kịp đá động đến câu niệm Phật, nhưng bốn chữ hồng danh của Phật đã nổi hiện lên ngay. Đây là trạng thái dễ thành tam muội (chánh định). **Thứ Ba Mười Chín Là Trì Mà Không Trì:** Trì danh niệm Phật không mỗi chán, khoan khoái lại càng khoan khoái hơn. Trong lúc niệm Phật, trì niệm bốn chữ thật rõ ràng, niệm đầu không lay động, bốn chữ bỗng nhiên tạm dừng. Cũng không phải có cái niệm tức bốn chữ, cũng không có cái niệm ngoài bốn chữ, như thế có thể tạm gọi là được thắng cảnh, chớ chưa phải thật tâm không. Nhưng siêng năng niệm Phật, cảnh này thường hiện, thời dần dần được tâm không. Nếu nhân một niệm tâm không liền bị hôn trầm, thì gọi là không có huệ. Phải biết rằng: tâm càng không thời niệm càng linh, tâm càng không thời niệm càng tịnh, đem cái ta trong tâm Phật mà niệm Phật ở trong tâm ta, không và bất không (có) đâu còn xứ sở? Ví như mặt trời, mặt trăng rực rỡ nơi bửu cung, vòng quanh núi Tu di, châu lưu chiếu thiên hạ. Ôi! Còn gì bằng Diệu giác được viên minh! **Thứ Bốn Mười Là Cô Thân Niệm Phật:** Tỳ kheo tu hành không cần bạn hữu. Cảnh niệm Phật càng vô tịch càng hay! Cao thấp tùy hợp, huyễn gấp tùy phần, cốt mong nhứt tâm. Chính lúc bấy giờ nên biết: thân cô nhưng tâm không cô, vì tâm của chư Phật và Đức Di Đà chưa từng tạm rời ta. Chư Phật luôn biết được những gì đang xảy ra trong chúng ta. Nếu chúng ta khởi niệm lên là chư Phật hay liền, lo gì cô tịch? Nếu pháp môn Tịnh độ còn điều gì chưa được hiểu rõ, nên tìm kinh sách Tịnh độ mà coi. Như kinh A Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ, Thiên Thai Trí Giả Đại Sư Thập Nghi Luận, Thiên Như Hòa Thượng Tịnh Độ Hoặc Vấn, Đại Hựu Thiền Sư Tịnh độ chỉ quy, Long Thơ Tịnh Độ Văn,

Tịnh Độ Thân Chung, Tây Phương Công Cứ, Tây Phương Xác Chỉ, Di Đà Sơ Sao, vân vân... Đây chỉ dẫn một ít điều rõ ràng để hiểu, ngoài ra, còn nhiều thứ hay hơn, không kể xiết. Nên tìm học hỏi nơi các bậc cao minh thông hiểu tịnh độ. **Thứ Bốn Mười Một Là Kết Kỳ Niệm Phật:** Kết kỳ là kết thất (7 ngày làm một kỳ); nếu kết kỳ một mình, thì nên sắm bốn thứ để ăn: cơm khô, trái cây, gừng sống, dầu mè; tám thứ để dùng: lư hương, đèn dầu, bồ đoàn, ghế dựa, áo bông, khăn hay mũ, thùng vệ sinh, giấy vệ sinh. Ngoài 12 thứ đó, không để một thứ gì cả. Có thể trong suốt một tuần, không cho ai lai vãng, để rảnh rang biệem Phật. Nếu có 5, 6 người đồng phát tâm kết kỳ niệm Phật, thời cần phải thỉnh một vị hộ thất, lập quy điều cho nghiêm chỉnh dán ở trước cửa. Tất cả mọi cử động, ăn uống, hương hoa đều do vị hộ thất cung cấp có thể suốt trong bảy ngày, chí tâm niệm Phật. Nếu còn hạn cuộc trong tình chấp buộc ràng, chưa biết những điều lợi hại của việc tu hành, thì đừng nên sớm khinh suất mà làm việc này. **Thứ Bốn Mười Hai Là Hội Tu Niệm Phật:** Bốn hay năm người hẹn nhau hội họp tu pháp niệm Phật. Trước hết phải đặt điều ước, trật tự, sau mới bắt đầu niệm. Lúc đầu niệm thì một tiếng mỗ một tiếng niệm, một người xướng bao nhiêu người niệm theo, đều đều, không nên so le, lộn xộn, mà làm loạn động tâm người đồng niệm. **Thứ Bốn Mười Ba Là Niệm Phật Để Thành Tựu Cho Người:** Hoặc ở yên một chỗ niệm Phật mà cầu nguyện cho người, hoặc đồng với người khác kết kỳ niệm Phật. Hoặc đem pháp môn niệm Phật chỉ dạy cho người biết, hoặc cho người mượn sách tịnh độ mà xem, hoặc phá những mối nghi lầm của người khác trong pháp môn này, hoặc khuyên người bền chí niệm Phật, những việc ấy đều tốt và đều có công đức cả. Nhưng nếu người trong lúc lâm chung mà có mình đến hộ niệm, khiến cho người bệnh luôn nhớ câu niệm Phật, vừa nhớ vừa niệm, làm cho người ấy sau khi tắt hơi rồi được vãng sanh về cõi Tây phương, đó là thành tựu pháp thân huệ mạng cho người công đức này lại còn thù thắng hơn! **Thứ Bốn Mười Bốn Là Niệm Phật Khi Có Tai Nạn:** Phàm lúc xảy ra tai nạn, mà nhớ phát tâm niệm Phật, tất có kỳ ứng (ứng nghiệm lạ thường). Tuy rằng một nước bị can qua hay một làng bị dịch lệ, mà niệm Phật để cầu, thì một người niệm một người an, trăm người niệm trăm người an. Không phải Phật có lòng riêng, lúc nào cũng trong ánh sáng bình đẳng, vô tâm mà ứng hiện. Vì sao? Vì động niệm thành tiếng tự mình rõ biết hào quang sáng của đức A Di Đà trụ trên đỉnh đầu ta, thời tự nhiên mỗi niệm đầy đủ, mỗi niệm

bền chắc, mỗi niệm dài lâu, thời hào quang của Phật chiếu đến gia hộ, các vị thiện thần độ trì, tự mình có thể lìa khỏi nạn tai, xin đừng chuyển niệm. **Thứ Bốn Mười Lăm Là Niệm Phật Trong Lúc Chiêm Bao:** Nguyên lực bền chắc, công phu tinh thuần, ban ngày giữ niệm khăng khăng, ban đêm vẫn giữ niệm khư khư, thời trong giấc chiêm bao tự mình có thể niệm Phật, đó là triệu chứng sắp vãng sanh, vậy phải giữ điều hòa và phải cố gắng lên mãi, đừng lui, đừng loạn. **Thứ Bốn Mười Sáu Là Niệm Phật Trong Lúc Bệnh:** Bệnh nặng là cơ sắp chết, chết là mối quan hệ của các Thánh, phàm, tịnh, uế. Trong lúc bệnh nặng phải khởi tưởng niệm là sẽ chết, để không sợ chết. Phải siêng niệm Phật, quyết định chờ chết, ắt có hào quang của Phật đến tiếp dẫn, làm toại chí nguyện vãng sanh của ta. Nếu trong lúc bệnh, đừng không niệm Phật, thì tất cả sự ái luyến sợ sệt, phiền não hiện lên rần rần, các thứ tạp niệm như tằm trở dậy. Thế thì con đường sanh tử lấy gì cứu vớt? Ngày xưa, có một vị Tăng bệnh nặng, rên thành tiếng “ôi cha”. Bỗng tự biết người tu lúc nghĩ nhớ đến đạo mà lại rên như thế là sai, liền khởi niệm A Di Đà Phật. Nhưng cơn đau không chịu dứt, nên một tiếng rên “ôi cha” là một tiếng niệm Phật tiếp theo, ngày đêm không dứt. Khi lành bệnh, thầy bảo mọi người: Trong lúc bệnh tôi rên thành tiếng “ôi cha” và chen một tiếng niệm A Di Đà Phật, hôm nay bệnh lành, tiếng A Di Đà Phật hiện còn mà tiếng “ôi cha” chẳng biết biến đâu. Hy hữu thay! Đây là trường hợp tinh tấn trong lúc bệnh vậy. **Thứ Bốn Mười Bảy Là Phút Lâm Chung Nên Niệm Phật:** Phút lâm chung nên cố gắng ghi nhớ bốn chữ A Di Đà Phật đừng để sót quên. Nếu niệm lớn được thời niệm, còn không niệm lớn được thì niệm nhỏ. Trường hợp lớn nhỏ đều không niệm được ví quá mệt, thì nên ghi khắc, thâm tưởng bốn chữ trong thâm tâm, đừng cho quên sót. Những người hầu hạ chung quanh phải thường nhắc nhở, khuyến khích người bệnh nhớ Phật, niệm Phật. Phải biết rằng trong nhiều đời nhiều kiếp, sợ dĩ ta bị loạn niệm trong lúc này (gần chết) mà phải luân hồi mãi trong vòng ba cõi. Tại sao? Vì sanh tử luân hồi đều do nhứt niệm làm chủ, nếu nhứt niệm chuyên chú niệm Phật, thì thân tuy chết nhưng tâm thần không tán loạn, liền theo nhứt niệm ấy mà vãng sanh Tịnh độ. Vậy nên hãy nhứt tâm ghi nhớ bốn chữ A Di Đà Phật đừng quên! **Thứ Bốn Mười Tám Là Phát Nguyện, Sám Hối & Niệm Phật:** Than ôi! Trong đời có thiếu gì kẻ không biết niệm Phật, có người cho niệm Phật là dị đoan nên không chịu niệm, người xuất gia cho niệm Phật là việc



tất nhiên của mình phải làm, chớ không biết tại sao phải niệm, kẻ cuồng huệ biết có Phật, nhưng lại không khưng niệm, kẻ ngu si không biết Phật nên không niệm. Đây là đem so sánh, còn có những ngu phu, ngu phụ, nghe nói lý như quả cũng biết niệm Phật, nhưng lại mong cầu được phước báo đời sau, vẫn không thoát khỏi hột giống luân hồi. Tìm kẻ thật vì đường sanh tử mà niệm Phật, trong trăm người họa chăng chỉ có một hai! Nên biết rằng, người đã niệm Phật, tức xứng hợp với lòng từ của Phật, phát thệ nguyện rộng lớn tế độ chúng sanh. Tất cả tội cấu oan khiến thấy đều sám hối. Tất cả những công đức dù nhỏ dù lớn đều đem hồi hướng Tây phương, như thế mới là Chánh Nhơn Niệm Phật.

### ***IX. Các Loại Niệm Phật Khác:***

Ngoài ra còn có các loại niệm Phật khác như ***Chơn Niệm Phật:*** Hành giả Tịnh Độ nên luôn nhớ rằng một câu niệm Phật bao trùm đại tạng giáo. Nó bao gồm tất cả, đầy đủ và không chừa sót một pháp môn nào. Chỉ có những bậc liễu triệt tất cả các truyền thống Phật giáo mới có thể làm hành giả chân niệm Phật. Mặt khác, dầu là hạng người u tối, không hiểu chi cả, chỉ biết thành thật tu tập theo lời giáo dẫn, cũng có thể làm người chân niệm Phật. Ngoài hai hạng chân niệm Phật này, chân hay không là do tự mình cố gắng, tự xét xem mình có thực hành đúng giáo pháp hay không? Theo Đại Sư Ấn Quang trong “Lá Thư Từ Tổ Ấn Quang,” Chơn Niệm Phật bao gồm: Mỗi câu tràng hạt Phật là Tâm. Phật đã là Tâm chạy uổng tìm. Bể Phật dung hòa Tâm với Cảnh. Trời Tâm bình đẳng Phật cùng sanh. Bỏ Tâm theo Phật còn mơ mộng. Chấp Phật là Tâm chẳng trọn lành. Tâm Phật nguyên lai đều huyền giá. Phật Tâm đồng diệt đến viên thành. Một khi hành giả đã có ý quyết định không còn nghi ngờ gì nữa thì cần gì phải hỏi kết quả của người khác? Dầu cho cả thế gian này không có ai khác đạt được kết quả đi nữa thì hành giả cũng chẳng sanh một niệm nghi ngờ. Bởi vì những lời dạy chân thật này của chư Phật chư Tổ có thể đủ làm bằng chứng. Nếu quý vị, được gọi là hành giả Tịnh Độ, cứ tiếp tục hỏi han về kết quả của người khác, có nghĩa là quý vị thiếu tín tâm nơi lời Phật dạy, do vậy mà việc tu tập của quý vị khó lòng mang lại kết quả. Bậc trí giả không bỏ lời Phật để chạy theo lời phàm. Những ai không vững vàng mà chỉ bị dẫn dắt bởi kết quả của người khác, thật là đáng thương xót! Hòa Thượng Thích Thiển Tâm trong Liên Tông Thập Tam Tổ đã

chú giải về “Chơn Niệm Phật” của Tổ Ấn Quang như sau: “Mỗi câu tràng hạt Phật là Tâm có nghĩa là khi lần chuỗi niệm Phật, thì tâm phải thanh tịnh, nghĩa là miệng niệm, tai nghe rõ tiếng niệm Phật, và ý không suy nghĩ vu vơ, nói cách khác, chớ nên khởi sanh vọng tưởng, thì ngay đó mỗi câu niệm đều được cảm ứng đạo giao hay tương ứng với chư Phật. Đây chính là “Sự Tướng Hành Trì” là pháp thức niệm Phật của hàng liên hữu hiện nay. Phật đã là Tâm uống chạy tìm có nghĩa là phải biết Phật không phải từ bên ngoài đến, mà chính thật là do từ Tâm của mình mà thành. Vì cái tâm ấy nó bao hàm hết khắp cả mười phương pháp giới. Một tâm mà hay sanh ra tất cả. Nếu hành giả nhất quyết cầu Phật ở ngoài Tâm mình thì kẻ đó chưa rõ pháp môn “Lý Tánh Duy Tâm.” Cổ đức dạy: “Phật tại Tây Phương vốn chẳng xa. Tây phương ngay ở tại lòng ta.” Lại nữa, tam đồ ác đạo vốn không xa, tam đồ ngay ở tại lòng ta. Cho nên hành giả luôn bình tâm kiểm điểm xem trong Tâm mình có Phật hay chỉ có Tam Đồ. Bể Phật dung hòa Tâm với Cảnh có nghĩa là muốn được thành đạo giải thoát, chứng quả vị Đại Bồ Đề của Phật, hành giả phải dung hòa cả hai phần Sự và Lý. Phải biết Tâm là Lý vì nó vô hình vô tướng. Còn Sự là Cảnh vì nó có hình có tướng. Trời Tâm bình đẳng Phật cùng sanh có nghĩa là hễ Tâm bình đẳng thì chính là Tâm Phật, vì các pháp đều bình đẳng, đều có đủ ba môn giải thoát là Không, Vô Tướng, và Vô Nguyện như nhau cả. Phật được gọi là đấng Bình Đẳng, vì đối với tất cả các loài chúng sanh, Ngài đều dùng lòng từ bi, thương xót và hóa độ giống y như nhau. Tổ muốn nhắc chúng ta trong tu hành cho được thành đạo phải dứt bỏ cái tâm phân biệt. Bỏ Tâm theo Phật còn mơ mộng có nghĩa là như có kẻ nào tu hành mà cứ để cho cái Tâm của mình cứ luôn luôn chạy theo vọng tưởng, tức là phan duyên, quên mất cái Chân Tâm của mình đi, tu như thế mà muốn được thành đạo hay được Phật rước về chốn Tây Phương Cực Lạc, thì kẻ đó chỉ là người mơ mộng mà thôi, quyết sẽ chẳng bao giờ thành Phật được. Phật tử chơn thuần phải để cho Tâm của mình luôn thanh tịnh thì mới hợp với Tâm của Phật và mới thấy được Phật. Chấp Phật là Tâm chẳng trọn lành có nghĩa là người tu hành nào mà cứ luôn miệng nói lý rằng tâm tôi đã là Phật, cần chi phải tu hành, cần chi phải lạy Phật hay niệm Phật, cần chi phải tụng kinh, xuất gia, thọ giới, cần chi phải đi chùa nghe pháp, vân vân. Vì thế nên không chịu tu theo cách Hành Trì Sự Tướng, không chịu Y Giáo Phụng Hành. Ngược lại, Tâm chứa đầy những cống cao, ngã

mạn, kẻ đó ắt chẳng được trọn lành. Khi lành chẳng được trọn, ắt phải là trọn ác. Tổ muốn nhắc chúng ta chớ nên nói lý suông “Phật là Tâm” trên đầu môi chót lưỡi, mà bỏ đi sự thực hành. Tâm Phật nguyên lai đều giả huyễn có nghĩa là trong cái Chơn Như Pháp Tánh Giới ấy, thì Tâm cũng không có, nghĩa là Tâm bất khả đắc, Phật cũng bất khả đắc. Nếu người tu hành nào mà còn thấy có Phật có Tâm thì còn bị dính mắc vào trong các sự chấp trước, ắt sẽ không bao giờ giải thoát được. Tổ muốn khai thị cho chúng ta về Đệ Nhất Nghĩa Không là cảnh giới đại triệt, đại ngộ của các bậc Thánh nhân giải thoát, chứ không phải là cảnh giới của hàng phàm phu bạt địa chúng ta. Vì chúng ta là phàm phu chưa chứng đắc một chút gì cả nên cần phải chấp vào nơi sự tướng để mà tu. Nghĩa là thấy có vọng tâm cần dứt trừ, hay thấy có Phật để cầu tiếp dẫn. Phật Tâm đồng diệt đến viên thành có nghĩa là nếu như ai mà tu chứng đắc đến được cảnh giới không còn thấy có Tâm nữa như ngài Huệ Khả trả lời đức Đạt Ma Tổ Sư ‘Tôi tìm Tâm không được,’ hay không thấy có Phật, thì các bậc ấy đã chứng đạo và trở về được cái thể Nhất Chơn rồi vậy. Bát Nhã Tâm Kinh gọi là ‘Ngũ uẩn giai không’ tức là phải chân bước lên bờ giải thoát.

**Nhứt Tâm Niệm Phật:** Khi niệm Phật, hành giả phải chú tâm nghĩ tưởng đến pháp thân Phật. Trong khi niệm Phật, hành giả nên thờ ra vô điều đặn thế nào mà mình cảm thấy thoải mái nhất, chứ đừng gượng ép thờ dài thờ ngắn; vì gượng ép sẽ có nguy cơ bệnh đường hô hấp. Người làm công quả giúp việc nhà bếp dốt nát, mặt mày lem luốc, nhưng chuyên trì niệm hồng danh Phật sẽ thành tựu vãng sanh Cực lạc; ngược lại người thông minh đỉnh ngộ mà chỉ nhàn đàm hý luận, thì chuyện vào địa ngục là không thể nghĩ bàn. Trong “Lá Thư Từ Tổ Ấn Quang,” Đại Sư Ấn Quang dạy: “Nếu hành giả niệm Phật khó qui nhất, phải nhiếp tâm niệm kỹ. Tiêu chuẩn chính yếu cho phép nhiếp tâm là sự chí thành và tha thiết. Thật khó để đạt được sự nhiếp tâm nếu lòng không chí thành. Tuy nhiên, lòng chí thành vẫn chưa đủ. Hành giả phải chú ý lắng nghe lời niệm. Bất luận niệm thầm hay niệm ra tiếng, niệm ấy phải khởi từ tâm. Rồi tiếng niệm ấy phát ra từ nơi miệng và đi vào lỗ tai mình. Ngay lúc miệng niệm thầm, tướng niệm vẫn hiện hữu nơi ý. Tâm và miệng niệm rõ ràng, tai nghe rõ ràng và tâm nhiếp như thế thì vọng niệm sẽ tự dứt.” Hành giả Tịnh Độ nên luôn nhớ rằng nếu chúng ta muốn được giải thoát trong hiện đời, chúng ta nên tập trung nơi pháp môn Tịnh Độ. Các kinh Kim Cang và Pháp Hoa nên tạm gác qua một

bên, cho đến khi nào lý Tịnh Độ được thông suốt và đạt được nhất tâm qua niệm Phật rồi sẽ hay. Nếu bây giờ chúng ta vừa tu tập niệm Phật vừa nghiên cứu kinh điển, có lẽ chúng ta sẽ không có đủ thời gian và năng lực. Do vậy mà chúng ta sẽ không đạt được bên nào mà còn chẳng được lợi ích của bên nào cả. Cũng theo Đại Sư Ấn Quang, tổ thứ mười ba của Trung Quốc Tịnh Độ Liên Tông, muốn cho được nhất tâm niệm Phật để có thể diệt được vô lượng tội chướng trong nhiều kiếp sanh tử, khi niệm Phật hành giả phải nhất tâm. *Thứ nhất* là buộc tâm mình lại, đừng để cho tán loạn hay nghĩ tưởng vu vơ. *Thứ nhì* là mỗi câu niệm Phật phải nối tiếp nhau, không mau không chậm, đều đặn như giọt nước mưa trên mái nhà nhiều xuống. Giọt trước không chờ giọt sau. *Thứ ba* là từng câu từng chữ niệm Phật phải cho thật rõ ràng. *Thứ tư* là miệng xưng niệm hồng danh, mắt chăm chú nhìn tượng Phật, tai nghe rõ tiếng niệm Phật của mình.

**Niệm Phật Tam Muội:** Trong khi niệm Phật, hành giả nên thở ra vô đều đặn thế nào mà mình cảm thấy thoải mái nhất, chứ đừng gượng ép thở dài thở ngắn; vì gượng ép sẽ có nguy cơ bệnh đường hô hấp. Người làm công quả giúp việc nhà bếp đốt nát, mặt mày lem luốt, nhưng chuyên trì niệm hồng danh Phật sẽ thành tựu vãng sanh Cực Lạc; ngược lại người thông minh đỉnh ngộ mà chỉ nhàn đàm hý luận, thì chuyện vào địa ngục là không thể nghĩ bàn. Có hai thứ tam muội: định khẩu Tam Muội và định tâm Tam Muội. Theo Đại Sư Huệ Viễn trong Liên Tông Thập Tam Tổ, niệm Phật Tam Muội là nhớ chuyên và tưởng lặng. Thứ nhất là “Nhớ Chuyên”, nghĩa là tâm trí lúc nào cũng chuyên nghĩ nhớ đến Đức Phật A Di Đà, chớ không bị chia chẻ nhiều lối, do đó mà được vào trong cảnh “chí một, tâm đồng”; chí một là tâm chỉ có duy nhất một chí quyết, ấy là “cầu vãng sanh Cực Lạc,” và tâm đồng là tâm giống y hệt như tâm của chư Phật, tức là tâm hoàn toàn lặng lẽ, thanh tịnh. Thứ hai là Tưởng Lặng. Tất cả các tư tưởng phù phiếm của chúng sanh đều bị lặng chìm hết cả. Làm được như vậy là được vào trong cảnh “khí thanh, thần sáng.” Hai điều này tự nhiên thâm hợp, nương về mà phát sanh ra diệu dụng. Khi khí thanh thì trí huệ phát sanh. Trí này có khả năng soi ngộ đến tất cả các đạo lý nhiệm mầu. Thần sáng có nghĩa là tinh thần chiếu suốt các nơi tăm tối, không chỗ tối tăm nào mà chẳng được soi tới.

**Dung Thông Niệm Phật:** Lương Nhãn (1072-1132), vị sáng lập ra giáo phái Viên Thông Niệm Phật tại Nhật vào thế kỷ thứ XII. Đây là

một trường phái chiết trung giữa hai tông phái Thiên Thai và Tịnh Độ. Trên thực tế, đây là một sự hòa hợp giữa học thuyết Pháp Hoa và tín ngưỡng Di Đà. Người ta nói chính đức Phật A Di Đà đã hiện thân thuyết pháp về chân lý cho Lương Nhẫn: “Một trong tất cả, tất cả trong một; một hành động cho tất cả, tất cả hành động cho một (Nhất Tức Nhất Thiết, Nhất Thiết Tức Nhất).” Đó là quan niệm cứu rỗi nhờ nơi tha lực; hỗ tương hỗ trợ là ý tưởng căn bản. Theo đó một hành vi sùng tín đức Phật A Di Đà của người này sẽ giúp ích cho người khác. Thực hành của họ không phải chỉ vì họ mà thôi mà vì tất cả sự cứu rỗi cho toàn thể xã hội nữa. Tín ngưỡng này biến mất ngay sau khi Lương Nhẫn thị tịch, nhưng lại được Pháp Minh, một trong số những tín đồ, đã phục hoạt lại vào năm 1321. Tuy phái Dung Thông Niệm Phật thuộc Di Đà Giáo, nhưng lại dùng kinh Pháp Hoa và cả kinh Hoa Nghiêm. Do vậy mà chúng ta có thể xem nó thuộc về học thuyết “Thánh Đạo” hơn là thuộc về học thuyết “Tịnh Độ.” Hiện tại trung tâm giảng pháp của trường phái này được đặt tại “Đại Niệm Phật Tự” ở gần Hirano, Osaka, quản trị khoảng 357 ngôi chùa trên toàn cõi nước Nhật.

**Tịnh Tọa Niệm Phật:** Tịnh tọa niệm Phật là ngồi mà niệm Phật. Có nhiều cách ngồi; tuy nhiên, có hai cách chính thường được sử dụng là Bán Già Phu Tọa và Kiết Già Phu Tọa. Bán già là tư thế ngồi niệm Phật được khuyên dành cho những người nào chưa thể chịu được tư thế kiết già một thời gian dài mà không cảm thấy quá đau đớn, mặc dầu tư thế này kém cân bằng và vững vàng, không thuận lợi trong tịnh tọa niệm Phật bằng tư thế kiết già. Kiểu ngồi bán già, kiểu ngồi của chư Bồ Tát, bàn chân này để lên đùi chân kia, hay ngược lại (chân trái để bên trên đùi phải và chân phải bên dưới đùi trái, hai đầu gối chạm chiếu dưới đất, để giúp hai đầu gối chạm đất dễ dàng chúng ta có thể đặt một cái gối mỏng bên dưới hai đầu gối), khác với kiểu ngồi kiết già của chư Phật (hai bàn chân để lên hai bắp đùi). Kiết già là thế ngồi hoa sen, theo kiểu ngồi của Phật Tổ Thích Ca, hai chân chéo nhau, bàn chân ngửa lên. Ở phương đông, thế ngồi kiết già (bông sen) được coi là thế ngồi thích hợp nhất cho tịnh tọa niệm Phật. Chính tư thế này của đức Phật đã được các tranh tượng thờ mô tả. Trong tư thế bông sen, hai chân khoanh chéo nhau, bàn chân phải đặt lên đùi trái và bàn chân trái đặt trên đùi phải; lưng ngồi thẳng; tay đặt phẳng lên hai bàn chân, lòng tay ngửa lên. Khác với phần lớn các phái Phật giáo khác, hành giả đặt bàn tay trái lên bàn tay phải để tượng trưng cho ưu thế của phần thụ

động của thân thể đối với phần hoạt động trong hình thức tịnh tọa này. Có hai thế ngồi kiết già. Thứ nhất là Hàng Ma Kiết Già: Chân trái treo lên đùi phải. Khi bạn ngồi tịnh tọa với chân trái đặt lên đùi phải, và chân phải được đặt trên bắp chuối trái. Đó là thế liên hoa tròn đầy, hay thế Kim cang bảo, hay thế ngồi Bồ Đề. Nếu bạn ngồi tịnh tọa trong tư thế này thì tâm bạn sẽ chóng được ổn định trong lúc niệm Phật. Thứ nhì là Cát Tường Kiết Già: Chân phải treo lên chân trái, bàn tay phải đặt trên bàn tay trái. Khi ngồi trong tư thế “Liên Hoa” bạn nên giữ cho thân được thẳng. Không nên ngã ngửa về phía sau hay chú ý đầu về phía trước. Đừng lắc lư về bên phải hay bên trái. Ngồi thẳng nhưng không cứng nhất như miếng cây hay thanh sắt. Khi ngồi trong tư thế “Liên Hoa” bạn nên giữ cho thân được thẳng. Không nên ngã ngửa về phía sau hay chú ý đầu về phía trước. Đừng lắc lư về bên phải hay bên trái. Ngồi thẳng nhưng không cứng nhất như miếng cây hay thanh sắt. Khi ngồi, bạn nên để đầu lưỡi chạm bên trong phần trên của miệng. Bằng cách này nước miếng sẽ chảy thẳng vào bao tử của bạn. Khi niệm Phật trong tư thế ngồi này, bạn nên thở đều đặn. Bạn nên thở với cùng một nhịp thở trong mọi lúc. Thở vào và thở ra dài hay ngắn là tùy nơi thời thở của bạn, chứ đừng gò ép. Khi ngồi trong tư thế này, bạn đừng sợ bị đau. Có lẽ bạn sẽ không cảm thấy đau sau khi đã ngồi trên nửa giờ, nhưng khi chân bắt đầu đau, bạn nên kiên nhẫn. Càng đau càng kiên nhẫn. Nếu bạn đủ kiên nhẫn thì chẳng bao lâu sau bạn có thể ngồi một giờ, hai giờ, hay lâu hơn nữa. Nên nhớ là tập trung vào Niệm Phật chứ không xen lẫn thứ gì khác. Nếu có thứ gì khác chen vào, đừng để ý, cứ trở về câu niệm Phật của mình.

**Kinh Hành Niệm Phật:** Niệm Phật bằng cách đi tới đi lui để tránh buồn ngủ (có thể đi trong sân nhà, sân chùa, hay quanh Phật điện). Kinh hành niệm Phật bằng cách đi tới đi lui để tránh buồn ngủ (có thể đi trong sân nhà, sân chùa, hay quanh Phật điện). Sau một thời khóa tịnh tọa niệm Phật, hành giả thường đi bách bộ trong một hàng, đầu ngó xuống, nhìn dưới đất. Loại thực tập này được dùng để làm cho cơ thể khỏe khoắn và giữ cho tâm chánh niệm trong khi vừa đi vừa niệm Phật.

**Công Án Niệm Phật:** Công án niệm Phật được dùng khi chúng ta coi niệm Phật A Di Đà như là một công án. Ngay trong phút giây hồng danh Phật được niệm ra, nó là điểm tập trung then chốt mà mọi nghi hoặc ảo tưởng phải được để qua một bên. Đồng thời tự hỏi coi ai là

người đang niệm Phật? Khi dựa vào công án, mọi mê mờ vọng tưởng đều bị bức vỡ giống như những gút chỉ bị cắt đứt. Khi mà không còn gì nữa để cho những thứ này tái xuất hiện, cũng là lúc ánh nhật quang phổ chiếu khắp trời. Khi ảo tưởng không khởi và mê mờ biến mất, lúc đó tâm ta tĩnh lặng và trong suốt.

### ***X. Những Đặc Điểm Của Niệm Phật:***

***Năm Điểm Phải Biết Tự Xét Lấy Mình Của Người Chuyên Tu Niệm Phật:*** Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Liên Tông Thập Tam Tổ, để tránh bị ma chướng trên đường tu, có năm điểm mà người tu Tịnh Độ phải tự xét lấy mình. *Thứ nhất* là Muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc, không phải chỉ dùng chút ít phước lành hay đôi chút công hạnh lơ là mà được. *Thứ nhì* là Muốn thoát được sự thống khổ luân hồi trong vạn kiếp, không phải chỉ dùng tâm dần dà, chờ hên hay biếng trễ mà được. *Thứ ba* là Phải nghĩ rằng cơn vô thường mau chóng, mới sáng sớm đó đã lại đến xế chiều. Đâu nên không siêng năng, lo dự bị trước hay sao? *Thứ tư* là Nên nhớ rằng sức chí nguyện không thắng nổi sức tình ái được. *Thứ năm* là Lại cũng nên nhớ rằng tâm niệm Phật không hơn nổi tâm dục trần được.

***Năm Trường Hợp Phân Biệt Ma Cảnh Hay Thật Cảnh:*** Theo Phật giáo, có năm trường hợp phân biệt ma cảnh hay thật cảnh: *Thứ nhất* là các trường hợp thấy cảnh nhân quả không phù hợp, quán tưởng cái này lại thấy cái kia, hy vọng cảnh giới này lại thấy cảnh giới khác; hoặc giả cảnh hiện ra không giống như đã được diễn tả trong kinh, tất cả đều là ma cảnh. *Thứ nhì* là chư Phật và chư Bồ Tát đều có tâm từ bi thanh tịnh, nên dù quý Ngài có hiện tướng quý thần chúng ta vẫn cảm thấy an nhiên tự tại. Ngược lại, bản chất của ma quỷ là dữ tợn hung ác, nên dù chúng có hiện ra tướng Phật, Bồ Tát hay những người hiền lương đạo đức, chúng ta vẫn cảm thấy xao động nóng nảy không yên. *Thứ ba* là ánh sáng của Phật làm ta cảm thấy êm dịu mát mẻ, không có bóng, không chói mắt. Ánh sáng của ma, ngược lại, làm cho ta chói mắt, bức rức không yên, và có bóng như trong kinh Lăng Già đã nói. *Thứ tư* là lời thuyết giảng của chư Phật và chư Bồ Tát hợp với kinh điển và thuận theo chân lý. Lời của ma thì trái với lẽ phải và không đúng với lý kinh Phật dạy trong các kinh điển. *Thứ năm* là khi thảng tướng hiện ra, muốn thử nghiệm, hành giả chỉ nhứt tâm tụng Bát Nhã tâm kinh, hay nhiếp tâm trì chú, niệm Phật. Nếu là Thánh cảnh thì khi

càng niệm, cảnh càng hiện rõ. Nếu là ma cảnh, khi càng tụng cảnh càng mờ đi rồi biến mất, bởi tà không bao giờ lấn được chánh. Tuy nhiên, hành giả đã tiến tới một mức độ cao thì phải dẹp bỏ tất cả những hiện cảnh, dù Phật, Bồ Tát hay ma.

Năm trường hợp theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Niệm Phật Thập Yếu. Hành giả niệm Phật có khi thấy các tướng song lại là ma cảnh; điều này là do nhân quả không tương ứng. Chẳng hạn như người đang quán tướng Phật, đột nhiên thấy tướng mỹ nữ. Người tinh tấn niệm Phật mong thấy thắng cảnh ở Tây Phương, song chợt thấy một vùng nhà cửa ô tạp, nam nữ cùng các loài súc vật đi qua đi lại lẩn xẩn. Người mong thấy sen báu, nhưng bỗng thấy một cỗ xe nhỏ. Do nhân quả không hợp nhau như thế, nên biết là cảnh ma. Có năm trường hợp; tuy nhiên, phải lấy tất cả năm điều kiện này để xét nghiệm, chớ không thể chỉ lấy một hay hai điều. Vì có những thiên ma hoặc thần tiên theo ngoại phái, muốn dắt dẫn ta hưởng về đường lối của họ, nên giả hiện tướng chư Phật chư Bồ Tát để thuyết pháp. Tuy môn của họ không phải là con đường cứu cánh giải thoát, song họ có nghiệp lành, hoặc sức thiền định khá cao, nên hào quang phát ra cũng làm cho ta được mát mẻ êm dịu. Lại lối thuyết pháp của họ đôi khi cũng khuyên làm lành lánh dữ, giữ giới, ăn chay, niệm Phật, song có vài điểm sai khác không hợp với kinh Phật, phải nhận định kỹ và phải hiểu rõ giáo lý mới biết được. Chẳng hạn như họ cũng khuyên ăn chay niệm Phật, nhưng lại dạy phải vận hành câu niệm Phật khắp châu thân gọi là ‘Chuyển Pháp Luân’ để khai mạch Nhâm, Đốc, và mở Nê Hoàn Cung. Đây là lối thuyết pháp của hàng ma ngoại đạo. Hoặc có loài ma hiện ra tướng Tăng bảo: “Phật đồng Phật xi măng không độ được nước, vì xuống nước phải chìm; Phật tượng Phật gỗ không độ được lửa, vì gặp lửa phải bị cháy; chỉ có Phật tâm mới không bị vật chi làm hoại. Tu được Phật Tâm thanh tịnh thì không cần phải tu thân khẩu nữa; cho nên dù ăn thịt uống rượu, có vợ con cũng vô hại. Lối tu thân và khẩu như giữ giới ăn chay, tụng kinh, trì chú, niệm Phật, là những cách khổ hạnh bó buộc vô ích.” Đây là lời thuyết pháp của hạnh tình mị lâu năm, hoặc loài ma ái dục. Có những hạng ma ngoại đạo công năng tu khá cao, có thể dùng sức thiền định gia bị, khiến cho hành giả thân tâm được an định trong vòng bảy ngày, hoặc hai mươi một ngày. Nhưng lối thuyết pháp của họ không siêu thoát, kết cuộc chỉ trong vòng ngã chấp. Cổ đức bảo: “Thấy ma không ma, ma liền tự hoại; thấy quái



không quá, quá liền tự bại.” Câu này có nghĩa là nếu thấy ma mà lòng không xao động sợ hãi, giữ chánh niệm được vững vàng, hoặc chí tâm niệm, loài ma quá ấy không làm chi được, sẽ tự bỏ đi. Chẳng những khi thấy ma quá phải như thế, mà dù cho lúc tu hành được một phần kết quả, hay thấy thắng tướng, cũng đừng nên quá bi cảm, kinh ngạc hoặc vui mừng. Ví như ta có hạt kim cương làm rớt dưới đáy hồ, vì nước đục nên dò kiếm mãi vẫn mất tích. Nay nước lắng trong lại tìm thấy được, hạt kim cương ấy nguyên là của đã có, việc chi đến đổi phải kinh ngạc, vui mừng? Người tu nếu tâm không bình tĩnh, quá bi thương, tất bị loài bi ma ám nhập làm cho thương tiếc mãi chẳng thôi. Nhưng nếu quá vui mừng, cũng bị loài ma hoan hỷ ám nhập, làm cho cười mãi như điên cuồng. Lại hành giả niệm Phật tuy cũng mong được thấy Thánh cảnh, nhưng đừng quá mơ tưởng ước ao, bởi niệm tức là đã cầu rồi. Nên giữ tâm trạng điềm tĩnh “cầu mà không cầu, không cầu mà cầu,” mới không bị sự mong cầu làm xao động. Cứ chí tâm niệm Phật, lâu ngày niệm lực thanh tịnh, đạo cảm ứng giao thông, tất thấy được Thánh cảnh. Nếu mãi để lòng mong ước, đó tức là vọng tưởng, ma sẽ thừa cơ len lỏi vào để phá hoại. Sau đây là năm trường hợp: Thứ nhất, các cảnh nhân quả không phù hợp, quán tướng này song thấy tướng khác, cầu cảnh nọ mà lại hiện cảnh kia, như trên vừa nói. Và lại, cảnh hiện ra không giống như trong kinh điển tả, đều là cảnh ma. Thứ nhì, chư Phật chư Bồ Tát tâm từ bi trong sạch, cho nên dù các ngài có hiện tướng quỷ thần đến thử thách, ta vẫn cảm thấy an nhiên thanh tịnh. Trái lại, bản nghiệp các loài ma là phiền não hiểm ác, nên dù hiện tướng Phật đến khuyên dạy, ta tự cảm thấy xao động nóng nảy không yên. Thứ ba, ánh sáng của Phật làm cho ta cảm thấy êm dịu mát mẻ, lại không có bóng, không chói mắt. Ánh sáng của ma làm cho ta chói xót đôi mắt, bức rức không yên, và có bóng. Như trong Kinh Lăng Già đã diễn tả. Thứ tư, lời thuyết pháp của chư Phật chư Bồ Tát hợp với kinh điển, thuận theo chân lý. Lời của ma trái lẽ phải, không đúng với kinh Phật đã chỉ dạy. Thứ năm, khi thắng tướng hiện ra, muốn khảo nghiệm, hành giả chỉ chánh ý tụng Bát Nhã Tâm Kinh, hoặc nhiếp tâm trì chú niệm Phật. Nếu là Thánh cảnh, càng niệm lại càng rõ ràng, vì vàng thật không sợ lửa. Nếu là ma cảnh, trì niệm một hồi nó liền ẩn mất, bởi tà không thể lẩn chánh.

**Tám Điều Cốt Yếu Của Người Tu Tịnh Độ:** Theo Tế Tĩnh Đại Sư, Tổ thứ 12 của Liên Tông Thập Tam Tổ, có tám điều cốt yếu mà người

Phật tử tu Tịnh Độ cần phải nên ghi nhớ năm lòng. *Thứ nhất* là vì sự sanh tử mà phát lòng Bồ Đề. Đây là đường lối chung của tất cả những người học đạo. *Thứ nhì* là dùng tín nguyện sâu mà trì danh niệm Phật. Đây là chánh tông của pháp môn Tịnh Độ. *Thứ ba* là lấy sự nhiếp tâm chuyên chú mà niệm Phật để làm phương tiện dụng công. *Thứ tư* là lấy sự chiết phục phiền não hiện hành làm việc quan yếu để tu tâm. *Thứ năm* là lấy sự giữ chắc bốn trọng giới (không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ) làm căn bản vào đạo. *Thứ sáu* là dùng các thứ khổ hạnh làm trợ duyên để tu hành, đừng quá tham cầu các thứ ngũ dục. *Thứ bảy* là lấy sự nhất tâm bất loạn làm chỗ quy túc của pháp môn Tịnh Độ. *Thứ tám* là lấy các điềm lành để làm chứng nghiệm cho sự vãng sanh.

**Mười Thắng Sự:** Theo hai Đại Sư Trí Giả và Thiên Như trong Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, người nào chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi: *Thứ nhất*, ngày đêm thường được tất cả chư Thiên, đại lực thần tướng và hằng sa quyến thuộc ẩn hình ủng hộ. *Thứ nhì*, thường được hai mươi lăm vị Đại Bồ Tát như Đức Quán Thế Âm và tất cả Bồ Tát theo thủ hộ bên mình. *Thứ ba*, hằng được chư Phật ngày đêm hộ niệm; Đức A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ người ấy. *Thứ tư*, tất cả ác quỷ như Dạ Xoa, La Sát đều không thể làm hại. Tất cả rồng độc, rắn độc và thuốc độc đều không thể xâm phạm. *Thứ năm*, không bị những tai nạn như nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạn tử. *Thứ sáu*, những nghiệp ác về trước lần lượt tiêu diệt. Những oan mạng bị đương nhơn giết, nhờ công đức niệm Phật, đều được giải thoát, không còn theo báo phục. *Thứ bảy*, đêm nằm nghỉ yên ổn, hoặc mơ thấy điềm lành hay thấy sắc thân thắng diệu của Phật A Di Đà. *Thứ tám*, tâm thường an vui, nhan sắc sáng nhuận, khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt đẹp. *Thứ chín*, thường được mọi người kính trọng giúp đỡ, hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật. *Thứ mười*, khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được thấy Phật A Di Đà và các Thánh chúng tay bưng đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ sự vui nhiệm mầu.

### **XI. Tứ Đoạt & Tứ Hạnh Niệm Phật Môn:**

**Tứ Đoạt Niệm Phật:** Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Niệm Phật Thập Yếu, môn niệm Phật vãng sanh là giáo pháp viên đốn

Đại thừa bởi người tu lấy sự giác ngộ quả địa làm điểm phát tâm ở nhân địa. Từ một phàm phu trong tứ sanh lục đạo, nhờ Phật tiếp dẫn mà lên ngôi Bất Thối, đồng hàng với bậc thượng vị Bồ Tát; nếu chẳng phải chính miệng Phật nói ra, ai có thể tin được? Bởi muốn vào vị sơ trụ lên ngôi Tín Bất Thối, người tu các giáo môn khác phải trải qua một muôn kiếp mà mỗi đời đều phải liên tục tinh tấn tu hành. Nếu nói đến vị Bất Thối, Hạnh Bất Thối, Niệm Bất Thối lại còn xa nữa! Về môn Tịnh Độ, hành giả đã tin Phật lực lại dùng hết tự lực, tất muôn người tu muôn người vãng sanh, siêu thoát khỏi luân hồi không còn thối chuyển. Nếu dùng hạnh niệm Phật để phát minh tâm địa, ngộ tánh bản lai, thì Tịnh Độ tông không khác với các tông phái kia. Còn dùng Tịnh Độ để vãng sanh cõi Phật thì Tịnh Độ lại có phần đặc biệt hơn. Tịnh Độ có môn Tứ Đoạt mà các tông khác không có. Chữ “Đoạt” có nghĩa là thông suốt lý thể. Bởi toàn thể pháp giới là nhất tâm, người và cảnh đều như huyễn, nếu thấy có người vãng sanh, có cảnh để sanh về, là còn chấp nhưn chấp pháp, phân biệt kia đây, nên gọi là không đoạt, tức không thông suốt lý thể. Và trái lại, tức là đoạt. Cổ đức nói: “Có niệm đồng không niệm. Không sanh tức là sanh. Chẳng phiên đời nữa bước. Thân đến giác vương thành” là ý này vậy. Người và cảnh đều đoạt là mức cao tuyệt của hành giả niệm Phật. Nhưng y theo ba kinh Tịnh Độ và Thiên Thân Luận (Kinh Phật Thuyết A Di Đà, Vô Lượng Thọ, và Quán Vô Lượng Thọ, Thiên Thân Luận tứ Vãng Sanh Luận hay Vô Lượng Thọ Kinh Luận) thì nên lấy “người và cảnh đều không đoạt” làm tông, mới hợp với ý nghĩa của hai chữ vãng sanh. Bởi Đức Như Lai biết hàng phàm phu ở cõi ngũ trước, nhưt là vào thời mạt pháp này, nghiệp chướng sâu nặng, nên Ngài lập cảnh tượng để cho chúng sanh y theo đó trụ tâm tu hành, còn khó có kết quả nói chi đến việc lia tướng? Phàm phu thời mạt pháp trụ tướng mà tu tất hạnh nguyện dễ khẩn thiết, kết quả vãng sanh cũng dễ đoạt thành. Khi về Tây Phương chừng ấy lo gì không được chứng vào cõi vô sanh vô tướng? Nếu chưa phải là bậc thượng căn lợi trí, vội muốn cầu cao lia tướng tu hành, tất tâm không nương vào đâu để sanh niệm khẩn thiết, nguyện đã không thiết làm sao được vãng sanh. Không vãng sanh thì làm sao thoát được cảnh luân hồi khổ lụy? Ấy là muốn mau mà trở thành chậm, muốn cao trái lại thấp, muốn khéo hóa ra vụng. Nhiều kẻ ưa nói huyền lý, thường bác rằng: “Niệm Phật cầu sanh là chấp tướng ngoài tâm tìm pháp, chẳng rõ các pháp đều duy tâm.” Những người này ý muốn diêu

huyền, nhưng kỳ thật lại thành thiền cận. Bởi họ không rõ Ta Bà đã duy tâm thì Cực Lạc cũng duy tâm, tất cả đâu ngoài chân tâm mà có? Vậy thì niệm Phật A Di Đà là niệm Đức Phật trong tâm tánh mình, về Cực Lạc tức là về nơi cảnh giới của tự tâm, chớ đâu phải ở ngoài? Ta Bà và Cực Lạc đều không ngoài tâm, thì ở Ta Bà để chịu sự điên đảo luân hồi, bị ngọn lửa ngũ trước đốt thiêu, sao bằng về Cực Lạc an vui, hưởng cảnh thanh lương tự tại. Nên biết đúng tư cảnh để tôn sùng duy tâm tịnh độ, phải là bậc đã chứng pháp-tánh-thân, mới có thể tự tại trong mọi hoàn cảnh. Chừng đó dù trụ nơi Ta bà hay Cực Lạc cũng đều là Tịnh Độ, là duy tâm, là giải thoát cả. Bằng chẳng thế thì dù cho có nói huyền nói diệu thế nào vẫn không khỏi sự hôn mê khi cách ấm, rồi tùy nghiệp luân hồi chịu khổ mà thôi. Chính vì thế mà nói rằng Tịnh Độ đặc biệt hơn các tông phái khác. Người tu theo Tịnh Độ cũng nên nhớ lời cổ đức dạy về “Tứ Đoạt.” **Thứ nhất** là đoạt cảnh chẳng đoạt người. Sanh tất quyết định sanh, về thật không có về. **Thứ nhì** là đoạt người chẳng đoạt cảnh. Về tất quyết định về, sanh không thật có sanh. **Thứ ba** là cảnh người đều đoạt. Về thật chẳng có về, sanh cũng thật không sanh. **Thứ tư** là cảnh và người đều không không đoạt. Về tất quyết định về, sanh cũng quyết định sanh. Chính vì thế mà nói rằng Tịnh Độ đặc biệt hơn các tông phái khác. Người tu theo Tịnh Độ luôn nhớ về pháp môn Tứ Đoạt Niệm Phật.

**Tứ Hạnh Niệm Phật:** Sở thích và căn túc của chúng sanh vẫn thường sai biệt, cho nên tuy đồng tu hạnh niệm Phật, sự hành trì không khỏi có sự khác biệt nhau. Vì thế, trên đường Tịnh Độ, cổ nhân đã khái ước chia thành bốn hạnh là Thiền Tịnh, Giáo Tịnh, Mật Tịnh và Thuần Tịnh. Bên Trung quốc, Hòa Thượng Thiện Đạo chỉ dạy chuyên tu niệm Phật để tiếp dẫn hàng trung và hạ căn. Đây là lối dạy về chuyên tu niệm Phật. Trong khi, Vĩnh Minh Thiền Sư, ngoài việc niệm mười muôn câu niệm Phật, còn tu các hạnh khác, tất cả gồm 108 môn. Lối này dùng để khuyến tấn các bậc thượng thượng căn, thuộc về “Viên Tu.” **Thứ nhất** là những vị niệm Phật làm chánh, tham thiền làm phụ, thuộc về hạnh Thiền Tịnh. Đây cũng là lối thiền tịnh song tu, nhưng lại lấy sự vắng sanh Tịnh Độ làm yếu điểm chung cuộc, còn việc thấy tánh ngộ đạo chỉ thuộc phần tùy duyên. **Thứ nhì** là những vị lấy niệm Phật làm chánh, tụng kinh làm phụ, gọi là Giáo Tịnh. Về phần kinh giáo, có người thích tụng kinh Kim Cang hay Di Đà; có vị thích tụng Hoa Nghiêm hay Pháp Hoa, hoặc phẩm Phổ Môn hay Phổ Hiền Hạnh

Nguyện chẳng hạn. **Thứ ba** là những vị lấy niệm Phật làm chánh, trì chú làm phụ, đó là tu về Mật Tịnh. Trong sự trì chú, mỗi người lại ưa thích riêng mỗi môn đà la ni như Đại Bi, Chuẩn Đề, Vãng sanh, Công Đức Bảo Sơn, Văn Thù Ngũ Thanh thân chú, Lục Tự Đại Minh chân ngôn, hoặc các đà la ni khác. **Thứ tư** là những vị chỉ chuyên niệm Phật, không xen tạp môn nào khác, thuộc về các hành giả tu hạnh Thuần Tịnh. Trong đây các vị căn cơ cao thì theo Thập Lục Quán, còn đại đa số chỉ chuyên về hạnh trì danh. Hòa Thượng Thiện Đạo chỉ dạy chuyên tu niệm Phật để tiếp dẫn hàng trung và hạ căn. Đây là lối dạy về chuyên tu niệm Phật. Vĩnh Minh Thiền Sư bên Trung Hoa, ngoài việc niệm mười muôn câu niệm Phật, còn tu các hạnh khác, tất cả gồm 108 môn. Lối này dùng để khuyến tấn các bậc thượng thượng căn, thuộc về “Viên Tu.”

### **XII. Niệm Phật Và Trì Chú:**

Hành giả Tịnh Độ có thể trì chú cũng như niệm Phật. Tuy nhiên, cần phải phân biệt một cách rõ ràng cái nào chính, cái nào phụ, trong trường hợp đó thì cái phụ cũng hưởng về cái chính. Trái lại, nếu hành giả không cẩn thận xem cả hai như nhau thì phép tu chính yếu không còn là chính yếu nữa. Hành giả Tịnh Độ nên luôn ghi nhớ trong lòng là chú Chuẩn Đề và chú Đại Bi đâu có hơn kém. Nếu tâm chí thành, pháp pháp đều là diệu ứng; nếu tâm không chí thành, không có pháp nào có hiệu quả cả. Trong “Lá Thư Từ Tổ Ấn Quang,” Đại Sư Ấn Quang dạy: “Trì chú nên được xem như là pháp trợ hạnh, không nên làm chính hạnh cùng với niệm Phật. Công đức có được từ phép trì chú là không thể nghĩ bàn, nhưng phàm phu vãng sanh toàn nhờ nơi tín nguyện cảm ứng với những lời nguyện cao cả của đức Phật A Di Đà, thông nhau mà được tiếp dẫn. Nếu không rõ ràng về chân lý này, nghĩ rằng chú Pháp không thể đo lường nghĩ bàn, và tu môn nào cũng không thành vấn đề, mấy ông sẽ bị kẹt ở chỗ không Thiên mà cũng không Tịnh. Điều này sẽ dẫn đến việc kiếp kiếp lăn trôi trong Sanh Tử, rồi chừng đó biết nương tựa vào ai? Mấy ông nên xét nghĩ mình là phàm phu đầy đầy nghiệp chướng, nếu không nhờ sức hồng thệ của Phật A Di Đà, đời này khó mong thoát khỏi Sanh Tử Luân Hồi. Chỉ có như vậy mấy ông mới thấy được pháp môn Tịnh Độ siêu việt về lực và về dụng hơn các pháp môn khác! Trì chú hay tụng kinh để gieo trồng phước huệ, tiêu trừ ác nghiệp thì được, nếu mê muội mong cầu thần

thông, đó là bỏ gốc theo ngọn, sai lầm trong cách xét đoán. Nếu, lại nữa, tâm của mấy ông cố chấp, sự hiểu biết về Pháp lại thông minh, mà việc trì giới thì lại buông lung, Bồ Đề Tâm không phát triển, lòng hơn thua không kiểm soát được, chắc phải có ngày phát điên vì bị ma dựa.”

### ***XIII. Ba Tiêu Chuẩn Giúp Người Niệm Phật Củng Cố Lòng Tin:***

Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Niệm Phật Thập Yếu và Liên Tông Thập Tam Tổ, kinh điển dạy rằng người niệm Phật nên y theo ba lượng để củng cố lòng tin. ***Thứ Nhất Là Lý Trí Lượng:*** Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Niệm Phật Thập Yếu và Liên Tông Thập Tam Tổ, lý trí lượng là một trong tam lượng được dùng để củng cố lòng tin của hành giả Tịnh Độ. Lý trí lượng là sự suy lường tìm hiểu của lý trí, chẳng hạn như suy nghĩ, ‘các thế giới đều do tâm tạo, đã có cõi người thuộc phân nửa thiện ác, tất có tam đồ thuộc nhiều nghiệp dữ, và các cõi trời thuộc nhiều nghiệp lành. Như thế tất cũng có cõi Cực Lạc do nguyện lực thuần thiện của Phật, và công đức lành của chư Bồ Tát cùng những bậc thượng thiện như. ***Thứ Nhì Là Thánh Ngôn Lượng:*** Tìm hiểu qua lời nói của Phật và Bồ Tát. Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Niệm Phật Thập Yếu và Liên Tông Thập Tam Tổ, Thánh ngôn lượng là một trong tam lượng được dùng để củng cố lòng tin của hành giả Tịnh Độ. Thánh ngôn lượng là giá trị lời nói của chư Phật và chư Bồ Tát trong các kinh điển. Đức Thế Tôn đã dùng tịnh nhãn thấy rõ y báo và chánh báo nơi cõi Cực Lạc, và diễn tả cảnh giới ấy trong các kinh Tịnh Độ. Các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền đều ngợi khen cõi Cực Lạc và khuyên nên cầu vãng sanh. Người Phật tử nếu không lấy lời của Phật, Bồ Tát làm mực thước, thử hỏi còn phải tin ai hơn? ***Thứ Ba Là Hiện Chứng Lượng:*** Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Niệm Phật Thập Yếu và Liên Tông Thập Tam Tổ, hiện chứng lượng là một trong tam lượng được dùng để củng cố lòng tin của hành giả Tịnh Độ. Hiện chứng lượng là lối tìm hiểu do sự thấy biết hoặc chứng nghiệm hiện thực để khởi lòng tin. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đã chứng minh rất nhiều vị niệm Phật được vãng sanh, và ở Việt Nam cũng có nhiều Phật tử tu Tịnh Độ được về Cực Lạc. Chẳng những thế mà hiện tiền khi tịnh niệm, các vị ấy cũng thấy cảnh Tịnh Độ hiện bày. Nếu không có cõi Cực Lạc, và

không có Phật A Di Đà tiếp dẫn, thì làm sao những vị ấy thấy rõ và được kết quả vãng sanh?

***XIV. Ba Lý Do Hành Giả Niệm Phật Không Được Nhứt Tâm Bất Loạn:***

Sao gọi là “Nhứt tâm bất loạn?” “Nhứt tâm” là duy có một tâm niệm Phật, không xen tạp niệm chi khác. “Bất loạn” là lòng không rối loạn duyên tưởng cảnh nào ngoài cảnh niệm Phật. Bậc thượng căn niệm Phật một ngày có thể được nhứt tâm, bậc trung căn hoặc ba bốn ngày có thể được nhứt tâm, còn bậc hạ căn phải đến bảy ngày. Cũng có ý nghĩa khác, bậc thượng căn trong bảy ngày hoàn toàn nhứt tâm, bậc trung căn chỉ nhứt tâm được ba bốn ngày, còn bậc hạ căn duy nhứt tâm được có một ngày. Nhưng tại sao Đức Thế Tôn ước hạn trong bảy ngày có thể được nhứt tâm, mà chúng ta nhiều kẻ niệm hai ba năm vẫn chưa được nhứt tâm? Theo Hòa Thượng Thích Thiền Tâm trong Niệm Phật Thập Yếu, có ba lý do khiến cho hành giả niệm Phật không được nhứt tâm. **Thứ nhất** là về sự tướng, ta không y theo lời Phật dạy kiết kỳ tu hành, khi kiết thất lại tạp tu. Phải biết trong kỳ thất, muốn được nhứt tâm, nên chuyên giữ một câu niệm Phật, không được xen trì chú, tụng kinh hay tham thiền chi khác. **Thứ nhì** là trong bảy ngày chưa tránh được tạp duyên, dứt được tạp niệm, chuyên chú tu hành. Bởi có vị kiết thất, vì thiếu sự ngoại hộ, phải tự lo việc cơm nước, chưa yên lòng về các chuyện lặt vặt bên ngoài, cho đến chưa có tâm cầu sự tất chứng. **Thứ ba** là về Ba căn như đã nói, chỉ là ước lược. Chẳng hạn như trong thượng căn có thượng-thượng căn, thượng-trung căn, thượng-hạ căn; trung và hạ căn cũng thế, thành ra chín căn. Trong chín căn nếu chia chẻ ra hẳn còn rất nhiều căn nữa. Lại nên biết lời Phật nói chỉ là khái lược. Thí dụ như nói bậc thượng căn chỉ nói bảy ngày không loạn, mà chẳng nói tám chín ngày. Thật ra bậc ấy, chẳng những tám chín ngày không loạn, mà cho đến suốt đời cũng có thể không loạn. Ngược lại, kẻ độn căn nghiệp chướng nặng nhiều, chẳng những bảy ngày không được nhứt tâm, mà có thể niệm suốt đời cũng chưa được nhứt tâm. Cho nên đối với tất cả kinh nghĩa phải khéo hiểu, không nên chấp văn hại lời, và chấp lời hại ý.

### ***XV. Bảy Trường Hợp Khó Niệm Phật:***

Theo hai Đại Sư Trí Giả và Thiên Như trong Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, có bảy trường hợp khó niệm Phật: *Thứ nhất*, dù cho bạn không bệnh, mà chết một cách yên ổn, khi lâm chung e duyên đời chưa dứt, niệm tục còn vương, nổi tham sống sợ chết làm cho tâm ý rối loạn phân vân cũng không niệm Phật được. *Thứ nhì*, giả sử bạn không bị những ác duyên mà chỉ bệnh sơ sái rồi mãn phần, thì lúc sắp chết tứ đại đất, nước, lửa, gió phân ly, gân xương rút chuyển, thân tâm đau đớn kinh hoàng, như con đoi mỗi bị lột vảy, con cua rớt vào nước sôi, làm sao mà niệm Phật? *Thứ ba*, nếu là người tại gia, thì lại thêm gia vụ chưa xong xuôi, việc sau chưa sắp đặc, vợ kêu con khóc, trăm mối ưu tư cũng không rời rảnh để niệm Phật. *Thứ tư*, chẳng đợi lúc lâm chung, giả sử trước khi bạn chưa chết mà có chút bệnh nơi thân, phải gắng chịu sự đau khổ, rên rĩ không yên, tìm thuốc hỏi thầy, nhờ người cầu an sám hối, tạp niệm rồi ren, chưa dễ nhiếp tâm niệm Phật. *Thứ năm*, dù bạn chưa có bệnh, nhưng bị tuổi cao sức yếu, đủ sự suy kém, áo não buồn than, chỉ lo sự việc trên cái thân già còn chưa xong, chắc chi đã niệm Phật? *Thứ sáu*, ví như lúc bạn chưa già, thân lực đang cường tráng, mà còn đeo việc thế tục, chưa dứt niệm đời, bôn tẩu đông tây, âu lo đủ việc, biển thức mênh mông, làm sao có thể niệm Phật được? *Thứ bảy*, dù bạn được muôn duyên rảnh rỗi, có chí tu hành, nhưng đối với tướng thế gian, nếu nhìn không thấu, nắm không vững, dứt không xong, khi xúc đối với ngoại duyên không thể tự chủ, tâm tùy theo cảnh mà điên đảo làm sao yên trí để niệm Phật?

### ***XVI. Mười Loại Người Không Niệm Phật Được Lúc Lâm Chung:***

Sở dĩ hàng phàm phu nghịch ác khi lâm chung biết niệm Phật là do từ trước họ đã có căn lành, phước đức, nhân duyên, nên đời này mới gặp thiện hữu tri thức và khởi lòng tin tưởng phụng hành, chứ những kẻ một đời tạo ác, khi lâm chung mong gì có được được một câu niệm Phật để được vãng sanh? Theo Hòa Thượng Thích Thiển Tâm trong Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, câu hỏi số 20, có mười hạng người không thể niệm Phật lúc cận tử. Những sự kiện này có thể xảy đến với bất cứ ai, bất kể là xuất gia hay tại gia. Chúng xảy ra do bởi nghiệp đời trước hay đời này (tức nghiệp hay hiện nghiệp) và xảy ra bất thần không tránh được. Chúng ta không phải là bậc Thánh nhân chứng túc mạng thông, lại cũng chẳng phải là bậc đủ tha tâm, thiên



nhân, biết mình khi mạng chung chết tốt hay xấu, mà bình thời không niệm Phật, đến khi lâm chung nếu rủi mắc phải một trong mười ác duyên, chừng đó dù có Phật sống hay bao nhiêu thiện hữu tri thức cũng không thể nào cứu được. Lúc đó thần thức sẽ tùy theo nghiệp mà đi vào chốn tam đồ bát nạn, nhiều kiếp chịu khổ. *Thứ nhất* là những kẻ không gặp bạn lành hay thiện hữu tri thức nên chẳng ai khuyên họ niệm Phật. *Thứ nhì* là những kẻ bị bức thiết bởi khổ nghiệp, nên không yên ổn rồi rảnh để niệm Phật. *Thứ ba* là những kẻ bị trúng phong thành linh trở nên á khẩu hay khuyết tật ăn nói nên không thể niệm Phật được. *Thứ tư* là những kẻ mất trí nên không thể chú tâm niệm Phật được. *Thứ năm* là những kẻ bất đắc kỳ tử bởi lửa nước nên không có đủ bình tĩnh chí thành niệm Phật. *Thứ sáu* là những kẻ thành linh bị hại bởi dã thú. *Thứ bảy* là những kẻ lúc cận tử gặp thầy tà bạn ác phá hoại lòng tin. *Thứ tám* là những kẻ gặp bạo bệnh, hôn mê bất tỉnh rồi qua đời. *Thứ chín* là những kẻ thành linh trúng thương chết trận. *Thứ mười* là những kẻ té từ trên cao mà vong mạng.

### ***XVII. Niệm Phật Là Mở Cửa Đi Vào Cõi Tịnh Độ:***

***Di Đà Bốn Tánh, Tịnh Độ Duy Tâm:*** Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, sự nhiếp cơ của Tịnh Độ quả là rộng lớn, không thể nghĩ bàn, nhưng chúng ta thường nghe nói “Di Đà Bốn Tánh Tịnh Độ Duy Tâm.” Nghĩa lý của câu này thế nào? Tịnh Độ là miền Cực Lạc ngoài mười muôn ức cõi Phật, Di Đà là vị giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc. Ý nói chân tâm của chúng sanh rộng rãi và sáng suốt vô cùng. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Những non sông, đất liền cho đến hư không ở ngoài sắc thân ta, đều là cảnh vật trong chân tâm mâu sáng. Các pháp sanh hóa, đều là hiện cảnh của duy tâm.” Như thế thì đâu có cõi Phật nào ngoài tâm ta. Cho nên ý nghĩa của Tịnh Độ duy tâm là nói cõi Tịnh Độ ở trong chân tâm của ta, như biển cả nổi lên vô lượng bóng bọt, mà không có bóng bọt nào ở ngoài biển cả. Lại như những hạt bụi nơi đất liền, không có hạt bụi nào chẳng phải là đất; cũng như không có cõi Phật nào chẳng phải là tâm. Thế nên Cổ Đức có nói: “Chỉ một tâm này có đủ bốn cõi: Phạm Thánh đồng cư, Phương tiện hữu dư, Thật báo vô chướng ngại, và Thường tịch quang.

***Niệm Phật Là Mở Cửa Đi Vào Cõi Tịnh Độ:*** Hành giả niệm Phật nên luôn nhớ rằng Niệm Phật là đang mở cửa đi vào cõi Tịnh Độ. Nam

Mô A Di Đà Phật, là quy mệnh đối với Đức Phật A Di Đà hay chúng sanh một lòng quy ngưỡng nơi lời nguyện cứu độ của Đức Phật A Di Đà mà niệm hồng danh của Ngài, tức là mở cửa đi vào cõi Tịnh Độ. Người Nhật niệm là “Nembutsu.” Đây là sự biểu lộ niềm tin nơi Đức Phật A Di Đà, đáng có quyền lực tối thượng đưa chúng sanh đến cõi “Tịnh Độ” sau khi mệnh chung. Khi người sắp chết, người ấy nên giữ tâm tập trung vào niệm Phật A Di Đà từ mười lần hơn trước hơi thở cuối cùng. Nếu làm được như vậy thì tâm thức sẽ được Phật A Di Đà tiếp dẫn về Tịnh Độ. Niệm Phật là phương cách thực tập trọng yếu của phái Tịnh Độ. Nam mô có nghĩa là “về nương,” A Di Đà có nghĩa là “Vô Lượng quang” và “Vô lượng thọ,” Phật có nghĩa là “Đấng giác ngộ.” Vì vậy Nam mô A Di Đà Phật có nghĩa là “Con nguyện về nương nơi Đấng giác ngộ của Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Chúng ta nào ai biết trước ngày mình ra đi, muốn tránh sự bất ngờ của quỷ vô thường, chúng ta phải cố gắng niệm Phật, đừng đợi đến lúc xong việc nhà rồi hẵng niệm Phật, để giây phút cuối cùng thoát đi không bối rối. Một khi được vãng sanh Tịnh Độ, chúng sanh sẽ đắc thành Phật quả không thối chuyển vì điều kiện ở cõi nước này rất tốt cho việc tu tập Phật pháp. Như vậy muốn mở cánh cửa Tịnh Độ hành giả phải luôn niệm câu Di Đà lục tự. Sớm mai A Di Đà, chiều cũng A Di Đà, dù gặp thế mấy cũng không rời A Di Đà.

### ***XVIII. Hộ Niệm Cho Người Sắp Lâm Chung:***

Hộ Niệm là bảo hộ ức niệm (khiến cái ác bên ngoài không xâm phạm thì gọi là hộ, khiến điều thiện ở bên trong được nảy nở thì gọi là niệm). Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Niệm Phật Thập Yếu, người bệnh từ khi đau nặng cho đến lúc sắp tắt hơi, thân bằng quyến thuộc phải bình tĩnh đừng khóc lóc. Có kẻ tuy không khóc nhưng lại lộ nét bi thương sâu thẳm, đó cũng là điều không nên. Bởi lúc bấy giờ bệnh nhân đã đi đến ngã rẽ phân chia giữa quỷ, người, phàm, Thánh; sự khẩn yếu nguy hiểm khác thường, như ngàn cân treo dưới sợi tóc. Khi ấy duy chỉ có nhất tâm trợ niệm Phật là điều thiết yếu. Người dù có chí nguyện vãng sanh, mà bị quyến thuộc thương khóc làm cho khởi động niệm tình ái, tất phải bị đọa lạc luân hồi, công tu cũng đành luống uổng! Lại khi bệnh nhân gần qua đời, tự họ muốn tắm gội, thay y phục hay đổi chỗ nằm, thì có thể thuận theo, song phải nhẹ nhàng cẩn thận mà làm. Như họ không chịu, hoặc á khẩu không nói

được, không nên miễn cưỡng mà làm. Bởi người sắp chết thân thể thường đau nhức, nếu ép di động, đổi chỗ nằm hoặc tắm rửa, thay y phục thì bệnh nhân càng đau đớn thêm. Nhiều người tu hành phát nguyện cầu về Cực Lạc, nhưng khi lâm chung vì bị quyến thuộc di động nhiều loạn, phá mất chánh niệm, nên không được vãng sanh, việc này xảy ra rất thường. Hoặc kẻ mạng chung có thể sanh về cõi lành, nhưng bị người khác không biết, xúc chạm thân thể, sửa đổi tay chân làm cho đau đớn, nên sanh lòng giận tức. Do một niệm đó, liền đọa vào ác đạo, làm rồng, rắn, cạp, beo, hoặc các loài độc khác. Như vua A Xà Thế tu nhiều phước lành, khi lâm chung bị người hầu cận ngủ gục làm rớt cây quạt trên mặt, nên giận rồi chết bị đọa làm rắn mãng xà. Gương này không phải là đáng sợ lắm sao? Người bệnh khi lâm chung hoặc ngồi, hoặc nằm, đều tùy tiện, chớ nên gắng gượng. Nếu cảm thấy suy nhược chỉ có thể nằm, mà muốn xem cho ra vẻ, gắng gượng ngồi dậy, là điều nguy hại không nên làm. Hoặc theo lẽ, phải nằm nghiêng bên mặt hướng về tây, nhưng vì thân thể đau nhức phải nằm ngửa, hay nằm nghiêng bên trái hướng về đông, cũng cứ để tự nhiên chớ nên gắng gượng. Đây chính bệnh nhân phải hiểu như vậy mà tự xử. Còn người thân thuộc cũng phải hiểu lẽ này, chẳng nên cầu danh, bắt người bệnh nằm nghiêng bên mặt hướng về tây, hay đỡ dậy mặc áo tràng sửa thế ngồi kiết già. Đâu biết rằng chỉ vì cầu chút hư danh, mà khiến cho người chết phải đọa tam đồ, chịu vô lượng sự khổ! Lúc bệnh nhân sắp sửa mãn phần, sự trợ niệm là điều rất cần thiết. Bởi khi ấy, người bệnh từ tinh thần đến thể chất đều yếu kém mê mờ, khó bề tự chủ. Đừng nói kẻ bình nhứt chưa tu không giữ nổi câu niệm Phật được lâu bền; mà ngay cả người bình nhứt lấy câu niệm Phật làm thường khóa, nếu không nhờ sức trợ niệm cũng khó mong đắc lực. Hộ niệm là phương thức tụng niệm của những người tu theo Tịnh Độ, giúp cho người quá vãng được vãng sanh Tịnh Độ. Thành viên trong gia đình người sắp chết cũng như bà con phải luôn bình tĩnh, buồn nhưng không khóc, từ lúc người ấy trở bệnh nặng cho đến lúc lâm chung. Chúng ta phải luôn nhớ rằng đây là giai đoạn của thân trung ấm, giai đoạn chuyển tiếp quan trọng nhứt trong kiếp chúng sanh. Đây là giai đoạn mà người lâm chung đang đứng trước ngã rẽ giữa quỷ, người, phàm Thánh. Trong giai đoạn này điều quan trọng nhất nên làm là cùng nhau hộ niệm. Dù cho người ấy đã có ý hướng sanh về cõi nào, có thể là cõi thiện; tuy nhiên, sự than khóc của người thân làm khơi

đây niệm luyện ái trong người ấy, do vậy người ấy có thể rơi trở về vòng sanh tử, uống phí một đời tu. Hộ niệm được những người theo trường phái Tịnh Độ thực hành bên cạnh người sắp chết nhằm giúp người ấy được vãng sanh Tịnh Độ. Phương thức hộ niệm phải theo sự hướng dẫn của một vị Tăng chủ lễ. Nếu nơi nào không có chư Tăng Ni thì gia đình người quá vãng nên theo những phương thức sau đây: thỉnh tượng hay hình Phật Di Đà đứng để ngay trước chỗ người đang lâm chung để cho người ấy thấy Phật; đặt một bình hoa tươi và đốt một cây nến thơm thoang thoang mùi hương nhằm giúp người lâm chung khởi lên chánh niệm. Không nên đốt quá nhiều nhang để khởi bị ngộp; nếu có vị Tăng hay Ni hướng dẫn thì tốt. Nếu không thì ai cũng có thể thay phiên nhau tụng được (tốt nhất là mỗi lần từ bốn năm vị là đủ). Nên tránh co cụm đông quá quanh người lâm chung, vì người ấy vẫn cần không khí trong sạch để thở; những người tham dự nên thay phiên tụng niệm không cho gián đoạn; mỗi phiên có thể kéo dài một tiếng đồng hồ. Ngoài tiếng niệm Phật ra không nên khởi lên bất cứ âm thanh hay tiếng nói nào khác. Sự trì niệm tốt nhất mà Ngài Ấn Quang Đại sư đã đề nghị là chỉ cần niệm lục tự Di Đà (Nam Mô A Di Đà Phật) là đủ vì trong lúc này người sắp lâm chung rất yếu về cả thể xác lẫn tinh thần. Trước khi bắt đầu tụng niệm, nếu người sắp lâm chung vẫn còn có thể nói và trả lời dù rất yếu, gia đình nên hỏi xem người ấy muốn hay thích niệm gì. Làm như vậy là giúp cho người sắp lâm chung có thể niệm thâm theo, vì nếu chúng ta tự ý tụng niệm, thì những lời ấy có thể không đúng sở thích của người ấy cũng gây nên khó chịu và mất chánh niệm cho người sắp lâm chung. Khi niệm chúng ta không nên tụng quá nhanh hay quá lớn vì làm như vậy chúng ta gây khó chịu cho người sắp lâm chung muốn bắt kịp trì niệm với chúng ta. Khi tụng, nên cố đừng tụng quá chậm hay âm thanh quá thấp vì làm như vậy chúng ta cản ngăn sự thu nhận âm thanh nơi cái tâm quá yếu của người sắp quá vãng. Nếu người ấy quá yếu, không thể nghe được lời tụng niệm, chúng ta có thể niệm sát vào lỗ tai người ấy để tâm người ấy luôn vững vàng trong sáng khi chỉ nghe hồng danh Phật A Di Đà hay hồng danh của vị Phật nào mà người ấy muốn. Nói tóm lại, chúng ta phải trì niệm thế nào cho lời niệm được vào tai và thấm sâu vào tâm thức người ấy, để khi lâm chung người ấy chỉ có một niệm Di Đà, ấy là Tây Phương Tịnh Độ. Hòa Thượng Thích Thiện Tâm đã đề nghị phương cách thực hành “Hộ Niệm”. Thứ nhất là thỉnh tượng Phật A Di Đà tiếp

dẫn để trước bệnh nhân, khiến cho họ trông thấy. Cắm một bình hoa tươi và đốt lò hương nhẹ, khói thơm vừa thoang thoảng để giúp dẫn khởi chánh niệm cho bệnh nhân. Nên nhớ khói chỉ nhẹ thôi, đừng để nhiều vì e ngọt ngào khó thở cho cả bệnh nhân lẫn người xung quanh. Thứ nhì là người trợ niệm tùy theo nhiều ít nên luân phiên mà niệm. Ít thì mỗi lần một hoặc hai người, chia thành ba phiên. Nhiều thì mỗi phiên có thể độ sáu hay tám người. Nên nhớ lúc ấy bệnh nhân sức yếu, rất cần không khí thanh sạch, nếu để cho người ta vào đông, hoặc kẻ trợ niệm quá nhiều, tất sẽ làm cho người bệnh ngọt ngào xao động, có hại hơn là có lợi. Lại nữa, các phiên phải canh theo đồng hồ mà im lặng luân chuyển nhau hộ niệm, để cho câu niệm Phật tiếp tục không gián đoạn, đừng kêu gọi nhau lớn tiếng. Mỗi phiên niệm lâu chừng một giờ. Thứ ba theo ngài Ấn Quang, nên niệm bốn chữ A Di Đà Phật để cho bệnh nhân dễ thâm nhập trong khi tinh thần thể chất quá suy yếu. Nhưng ý kiến của Hoàng Nhất đại sư, thì muốn niệm bốn chữ hay sáu chữ, tốt hơn nên hỏi bệnh nhân, để thuận với thói quen ưa thích thuở bình nhật của người bệnh, khiến cho họ có thể niệm thâm theo. Nếu trái với thói quen ưa thích, tức là phá mất chánh niệm của người bệnh, tất mình cũng có tội. Lại cách trợ niệm, không nên niệm to tiếng quá, vì mình sẽ tổn hơi khó bền; không nên niệm nhỏ quá, vì e người bệnh tinh thần lơ lạc khó thâm nhập. Cũng chẳng nên niệm quá mau, bởi làm cho bệnh như đã không nghe nhận được rõ ràng, lại không thể theo kịp; chẳng nên niệm quá chậm, bởi có lỗi tiếng niệm rời rạc khiến người bệnh khó liên tục nhiếp tâm. Đại khái tiếng niệm phải không cao không thấp, chẳng chậm chẳng mau, mỗi chữ mỗi câu đều rành rẽ rõ ràng, khiến cho câu niệm trải qua tai đi sâu vào tâm thức của người bệnh, như thế mới đắc lực. Lại có điều nên chú ý, khi bệnh nhân tâm thức quá hôn trầm, niệm ở ngoài tất họ nghe không rõ. Trong trường hợp ấy, phải kê sát miệng vào tai họ mà niệm, mới có thể khiến cho người bệnh được minh tâm. Thứ tư về pháp khí để dùng trong khi trợ niệm, thông thường nên dùng khánh nhỏ, bởi tiếng mõ âm thanh đục, không bằng tiếng khánh trong trẻo, để khiến cho bệnh nhân tâm thần thanh tịnh. Nhưng việc này cũng tùy, vì theo kinh nghiệm riêng, Hoàng Nhất đại sư đã dạy: “Những kẻ suy yếu thần kinh rất sợ nghe tiếng khánh và mõ nhỏ. Bởi âm thanh của mấy thứ này chất chứa đing tai, kích thích thần kinh, khiến cho người bệnh tâm thần không an. Theo thiền ý, chỉ nên niệm suông là thỏa đáng hơn hết. Hoặc nếu có,

thì chỉ nên đánh thứ chuông mõ lớn. Những món này âm thanh hùng tráng, khiến cho người bệnh sanh niệm nghiêm kính, hơn là đánh khánh và mõ nhỏ. Thứ mõ âm thanh đục cũng không nên đánh, vì làm cho bệnh nhân tâm thần hôn trước. Tuy nhiên, sở thích của mỗi người không đồng, tốt nhất là nên hỏi trước bệnh nhân. Nếu có chỗ nào không hợp, phải tùy cơ ứng biến, chớ nên cố chấp.

### ***(C) Sơ Lược Về Vãng Sanh Tịnh Độ Trong Giáo Thuyết Phật Giáo***

#### ***I. Sơ Lược Về Vãng Sanh Tịnh Độ Trong Tịnh Độ Tông:***

**Sơ Lược Về Vãng Sanh Tịnh Độ:** Tịnh nghĩa là thanh tịnh, tịnh độ là cõi nước không có ô nhiễm, phiền phược. Các Đức Phật vì chúng sanh đã phát tâm tu hành, trồng nhiều căn lành, kiến lập một chỗ nơi, tiếp độ chúng sanh mọi loài lia khỏi thế giới ô trược sanh đến cõi ấy. Cảnh trí rất là trang nghiêm thanh tịnh, chúng sanh đến cõi này chuyên tâm nghe pháp tu tập, chóng thành đạo quả Bồ Đề/Bodhiphala. Chư Phật vô lượng, cõi tịnh cũng vô lượng. Tịnh Độ được mô tả là một nơi không có khổ đau, không có giới tính, và điều kiện rất thuận tiện cho việc tiến tu đến khi thành Phật quả. Giáo lý chính của phái Tịnh Độ là tất cả những ai niệm danh hiệu Phật A Di Đà với lòng thành tín nơi ơn cứu độ lời nguyện của Ngài sẽ được tái sanh nơi cõi Tịnh Độ an lạc của Ngài. Do đó phép tu quán tưởng quan trọng nhất trong các tông phái Tịnh Độ là luôn luôn trì tụng câu “Nam Mô A Di Đà Phật” hay “Tôi xin gửi mình cho Đức Phật A Di Đà.”

Đại sư Huệ Viễn (523-592) lập ra tông Tịnh Độ ở Trung Hoa nhằm dạy một pháp môn dễ tu dễ chứng, căn cứ trên bộ kinh A Di Đà. Trong một thời gian dài, Tịnh Độ Trung Hoa dựa vào Phật Thích Ca Mâu Ni và những vị Bồ Tát quan trọng như Di Lặc, Quán Thế Âm và Địa Tạng. Theo Tiến Sĩ Edward Conze trong quyển “Phật Giáo: Tinh Hoa và Sự Phát Triển,” mặc dầu Bồ Tát Di Lặc luôn được phổ biến, phái thờ phụng ngài Văn Thù và đức Phật Tỳ Lô Giá Na bành trướng một cách rộng rãi vào thế kỷ thứ VIII, kinh điển và ảnh tượng cho thấy đức Phật Vô Lượng Quang được biết tới vào khoảng năm 650 sau tây lịch, và sau đó Bồ Tát Quán Thế Âm được liên kết chặt chẽ với Phật A Di Đà. Trong khi ở Ấn Độ cho mãi đến ngày nay người ta không thấy

những hình ảnh biểu thị Phật A Di Đà và cõi cực lạc của ngài, thì tại Trung Hoa lại đưa ra rất nhiều ảnh tượng thuộc loại này. Chúng ta không biết vì lý do gì mà cõi cực lạc của đức Phật A Di Đà đã kích thích óc tưởng tượng của người Trung Hoa đến mức đó. Nói gì thì nói, ngày nay đức Phật A Di Đà và cõi cực lạc của ngài đã phổ biến trong hầu hết các trường phái Tịnh Độ trên thế giới. Tịnh Độ Tông cho rằng thế giới Tây Phương là nơi ở của Đức Phật A Di Đà và đặt niềm tin vào “cứu độ nhờ đặt sự tin tưởng tuyệt đối vào quyền năng từ bên ngoài.” Họ đặt nặng việc khẩn nguyện hồng danh Đức Phật A Di Đà, xem đây là việc quan trọng của một tín đồ, nhằm tỏ lòng biết ơn đối với Đức Phật cứu độ. Các bản luận về Thập Địa Kinh của các ngài Long Thọ và Thế Thân là những tác phẩm Ấn Độ được Tịnh Độ Tông nhìn nhận vì con đường “dễ dàng” và “tha lực” đã được minh giải trong các bộ luận này. Ngài Long Thọ đã cả quyết rằng có hai phương tiện đạt đến Phật quả, một “khó” (ý nói các tông khác) và một “dễ” (ý nói Tịnh Độ tông). Một như là đi bộ còn một nữa là đáp thuyền. Tín ngưỡng Di Đà sẽ là tối thượng thừa trong các thừa để cho tất cả những ai cần đến. Ý tưởng được cứu độ được coi như là mới mẻ trong Phật giáo. Khi vua Milinda (một vị vua Hy Lạp trị vì tại Sagara vào khoảng năm 115 trước Tây Lịch) đã hỏi luận sư Na Tiên (Nagasena) rằng thật là vô lý khi một người ác lại được cứu độ nếu y tin tưởng nơi một vị Phật vào đêm hôm trước ngày y chết. Tỳ Kheo Na Tiên đáp rằng: “Một hòn đá, dầu nhỏ cách mấy, vẫn chìm trong nước; nhưng ngay cả một tảng đá nặng trăm cân, nếu đặt trên tàu, cũng sẽ nổi bồng bềnh trên mặt nước.” Trong lúc các tông phái khác của Đại thừa chuyên chú về tự giác, thì Tịnh Độ Tông lại dạy y chỉ nơi Phật lực. Đức Phật của những tông phái khác là Thích Ca Mâu Ni, trong lúc Đức Phật của Tịnh Độ tông là A Di Đà hay Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ. Quốc độ của Ngài ở Tây phương thường được gọi là Tây Phương Tịnh Độ. Vô Lượng Quang hay Vô Lượng Thọ là một vị Phật đã được lý tưởng hóa từ Đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni. Theo Giáo Sư Takakusu trong Cương Yếu Triết Học Phật Giáo, nếu Phật A Di Đà chỉ thuần là lý tưởng trên nguyên tắc, đơn giản đó là “Vô Lượng.” Vô Lượng như thế sẽ là một với Chân Như. Vô Lượng nếu miêu tả xét theo không gian, sẽ là Vô Lượng Quang; nếu xét theo thời gian là Vô Lượng Thọ. Đây là Pháp Thân. Pháp thân này là Báo thân nếu Phật được coi như là Đức Phật ‘giáng hạ thế gian.’ Nếu ngài được coi như một vị Bồ Tát

đang tiến lên Phật quả, thì Ngài là một vị Phật sẽ thành như tiền thân Đức Phật là Bồ Tát Cần Khổ. Chính Đức Thích Ca Mâu Ni đích thân mô tả hoạt động của Bồ tát Pháp Tạng như một tiền thân của Ngài. Thệ nguyện của vị Bồ Tát đó hay ngay cả của Đức Thích Ca Mâu Ni, được biểu lộ đầy đủ bằng 48 lời nguyện trong kinh. Triết lý của Tịnh Độ tông căn cứ vào những lời nguyện quan trọng của Phật A Di Đà. Thệ nguyện của vị Bồ Tát đó hay ngay cả của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, được biểu lộ đầy đủ bằng 48 lời nguyện trong kinh. Nguyện thứ 12 và 13 nói về Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ rằng: “Nếu ta không chứng được Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ, ta sẽ không thành Phật.” Khi Ngài thành Phật, Ngài có thể tạo nên cõi Phật tùy ý. Một Đức Phật, lẽ dĩ nhiên là Ngài trụ tại “Niết Bàn Vô Trụ,” và do đó Ngài có thể ở bất cứ nơi nào và khắp ở mọi nơi. Nguyện của Ngài là lập nên một cõi Cực Lạc cho tất cả chúng sanh. Một quốc độ lý tưởng trang nghiêm bằng bảo vật, có cây quý, có ao quý để tiếp nhận những thiện tín thuần thành. Nguyện thứ 18 được xem là quan trọng nhất, hứa cho những ai y chỉ hoàn toàn nơi Phật lực với trọn tâm lòng thanh tịnh và chuyên niệm trì Phật hiệu, sẽ được thác sinh vào cõi Cực Lạc này. Nguyện thứ 19, nguyện tiếp dẫn trước giờ lâm chung những ai có nhiều công đức. Nguyện thứ 20 nói rằng ai chuyên niệm danh hiệu Ngài với ý nguyện thác sanh vào nơi quốc độ của Ngài thì sẽ được như ý.

Theo Phật giáo, nghĩa chính của Vãng Sanh Tịnh Độ ở đây là được sanh về cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà hay Tây Phương Cực Lạc. Theo trường phái Tịnh Độ thì một người chỉ cần niệm Phật, thì dù trong quá khứ người ấy có phạm phải lỗi lầm, vẫn được phước đức của Phật A Di Đà và được nhận về Tây phương Cực Lạc. Theo Tịnh Độ Tông, có hai trường hợp vãng sanh về Tịnh Độ. *Thứ nhất là Vãng sanh Chánh Quốc:* Người nào bình thường tinh tấn niệm Phật, một lòng thành tín không lui sụt, khi lâm chung biết trước ngày giờ, chánh niệm rõ ràng, tự mình tắm gội, thay y phục, hoặc được quang minh của Phật chiếu đến thân, hoặc thấy tướng hảo của chư Phật cùng chư Thánh chúng hiện thân ra giữa không trung hay đi kinh hành trước mặt, có điềm lành hiển hiện rõ ràng, kẻ ấy trong một sát na liền được sanh thẳng về Tịnh Độ, gần gũi chư thượng thiện nhơn, dự vào một trong chín phẩm sen nơi chốn liên trì, hằng nghe được pháp âm của chư Phật, rốt ráo thành tựu được chánh quả. *Thứ Nhì Là Sanh Về Nghi Thành:* Người bình thường giữ giới, cũng có niệm Phật nhưng không được tinh tấn và tin



tưởng cho lắm, khi lâm chung không có tướng lành dữ chi cả, nhắm mắt đi xuôi tựa như người ngủ, vì kẻ ấy nghi tình chưa dứt, tức là tuy có niệm Phật mà lòng không tin tưởng tuyệt đối, nên không được sanh thẳng vào nơi chánh quốc, mà chỉ trụ vào một nơi ở ngoài biên phương tịnh độ mà thôi. Chỗ đó tên là Nghi Thành. Người sanh về cõi này có tuổi thọ là 500 năm (một ngày nơi cõi đó bằng 100 năm ở cõi người). Mãn kiếp xong sẽ bị đáu sanh trở lại trong sáu nẻo luân hồi. Tuy nhiên, mỗi ngày đều có chư Bồ Tát về đây thuyết pháp và khuyến tấn niệm Phật. Nếu chúng sanh nào biết tinh tấn tu hành, khi mạng chung sẽ được vãng sanh vào chánh quốc.

**Nhị Hạnh Vãng Sanh:** Theo Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, chúng sanh trong cõi Ta Bà muốn quyết định vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc, phải có đủ hai hạnh yếm ly ngũ dục và hân nguyện. *Hạnh thứ nhất là Yếm Ly Ngũ Dục Hạnh:* Nói yếm ly, là hạng phàm phu từ vô thủy vẫn đến ngày nay bị ngũ dục buộc ràng nên luân hồi trong lục đạo, chịu không biết bao nhiêu nỗi thống khổ! Trong vòng lẩn quẩn ấy, nếu không chán lìa ngũ dục thì làm sao có thể thoát ly? Cho nên người tu tịnh độ phải thường xét thân này là một khối thịt xương máu mủ, chứa đựng đằm dãi, đại tiểu tiện và các thứ nhơ nhớp hôi tanh. Kinh Niết Bàn nói: “Vòng thành thân kiến như thế, duy chỉ có loài la sát ngu si mới chịu ở trong đó; nếu người có trí ai lại đắm nhiễm thân này!” Lại trong kinh cũng nói: “Thân này là nơi tập hợp của các thứ khổ, là cảnh tù ngục, là một khối ung san, tất cả đều bất tịnh. Nên xét cho cùng, nó không có nghĩa lý ích lợi chi khi ta chấp lấy nó, dù là thân của chư Thiên.” Vì thế hành giả ở trong các oai nghi, hoặc khi nằm nghỉ, lúc thức giấc, nên thường quán sát thân này chỉ có khổ không chi vui, mà thâm tâm sanh niệm chán lìa. Như thế dù cho không dứt liền được việc nam nữ, cũng có thể lần lần khởi tâm nhàm chán. Hành giả cũng cần nên quán bảy pháp bất tịnh (see Thất Pháp Bất Tịnh Quán). Thân mình đã như thế, thân người khác lại cũng như vậy. Nếu thường quán sát bảy điều bất tịnh ấy, đối với các thân nam nữ mà người đời cho rằng xinh đẹp, cũng sanh niệm yếm ly và lửa ái dục cũng lần lần tiêu giảm. Như thực hành thêm môn “Cửu Tướng Quán” càng thêm tốt. *Hạnh thứ nhì là Hân Nguyện Hạnh:* Có hai điều chính yếu để thệ nguyện cứu mình cứu người. Phải nhận rõ mục đích cầu vãng sanh. Điều thứ nhất là phải nhận rõ mục đích cầu vãng sanh. Sở dĩ chúng ta cầu về Tịnh Độ, là vì chúng ta muốn thoát sự khổ cho

mình và tất cả chúng sanh. Hành giả phải nghĩ rằng, ‘sức mình yếu kém, còn bị nghiệp nặng ràng buộc, mà ở cõi đời ác trước này cảnh duyên phiền não quá mạnh. Ta cùng chúng sanh bị chìm đắm nơi dòng mê, xoay vần trong sáu nẻo, trải qua vô lượng kiếp từ vô thủy đến nay, cũng vì lẽ ấy. Bánh xe sống chết quay mãi không ngừng, ta làm thế nào để tìm con đường độ mình độ người một cách yên ổn chắc chắn? Muốn được như thế duy có câu sanh Tịnh Độ, gần gũi Phật, Bồ Tát, nhờ cảnh duyên thắng diệu bên cõi ấy tu hành chứng vô sanh nhĩ, mới có thể vào nơi đời ác cứu khổ cho hữu tình. Luận Vãng sanh đã nói: “Phát tâm Bồ Đề chính là phát tâm cầu thành Phật, tâm cầu thành Phật là tâm độ chúng sanh, tâm độ chúng sanh là tâm nhiếp chúng sanh về cõi Phật. Điều thứ nhì là muốn sanh về Tịnh Độ, phải có đủ hai phương diện, một là xa lìa ba pháp chướng Bồ Đề; hai là tùy thuận ba pháp thuận Bồ Đề. Làm thế nào để thành tựu sự xa lìa và tùy thuận Bồ Đề? Ấy là phải cầu sanh tịnh độ để được thường gần Phật, tu hành cho đến khi chứng vô sanh nhĩ. Chừng đó mặc ý cõi thuyề đại nguyện vào biển luân hồi sanh tử, vận tâm bi trí cứu vớt chúng sanh, tùy duyên mà bất biến, không còn gì trở ngại nữa. Xa lìa ba pháp chướng Bồ Đề. Tâm cầu sự an vui riêng cho mình, chấp ngã và tham trước bản thân. Hành giả phải y theo trí huệ môn mà xa lìa tâm niệm ấy. Tâm rời bỏ không chịu cứu vớt chúng sanh đau khổ. Hành giả phải y theo từ bi môn mà xa lìa tâm niệm ấy. Tâm chỉ mong cầu sự cung kính cúng dường, không tìm phương pháp làm cho chúng sanh được lợi ích an vui. Hành giả phải y theo phương tiện môn mà xa lìa tâm niệm ấy. Thành đạt ba pháp thuận Bồ Đề. Vô Nhiễm Thanh Tịnh Tâm: Tâm không vì tự thân mà cầu các sự vui, vì Bồ Đề là thể trong sạch lìa nhiễm trước, nếu cầu sự vui riêng cho mình tức thân tâm có nhiễm, làm chướng ngại Bồ Đề Môn; nên tâm thanh tịnh không nhiễm gọi là tùy thuận Bồ Đề. An Thanh Tịnh Tâm: Tâm vì cứu độ hết thảy mọi đau khổ cho chúng sanh, bởi vì Bồ Đề là tâm trong sạch làm cho chúng sanh được an ổn, nếu không cứu độ loài hữu tình, khiến họ được lìa sự khổ sanh tử, tức là trái với Bồ Đề môn; nên tâm cứu khổ đem lại an ổn cho chúng sanh gọi là tùy thuận Bồ Đề. Lạc Thanh Tịnh Tâm: Tâm muốn khiến cho tất cả chúng sanh được Đại Niết Bàn. Bởi Đại Niết Bàn là chỗ cứu cánh thường vui, nếu không khiến cho loài hữu tình được niềm vui cứu cánh tức là ngăn che Bồ Đề môn; nên tâm muốn cho chúng sanh được hưởng cảnh thường lạc gọi là tùy thuận Bồ Đề.

Quán tướng y báo và chánh báo nơi cõi Cực Lạc. Quán tướng báo thân (chánh báo) kiết tường của Đức Phật A Di Đà. Hành giả nên quán tướng báo thân của Phật A Di Đà sắc vàng rực rỡ, có tám muôn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám muôn bốn ngàn vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp có tám muôn bốn ngàn tia sáng, soi khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật. Hành giả nên quán tướng báo thân của Phật A Di Đà sắc vàng rực rỡ, có tám muôn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám muôn bốn ngàn vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp có tám muôn bốn ngàn tia sáng, soi khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật. Quán tướng y báo thiện lành nơi cõi Tây Phương Cực Lạc. Hành giả nên quán cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm như các kinh Tịnh Độ đã nói. Ngoài ra, người niệm Phật khi bố thí, trì giới, cùng làm tất cả các hạnh lành đều phải hồi hướng cầu cho mình và chúng sanh đồng vãng sanh Cực Lạc.

**Chuyên Tu Vô Gian Cầu Vãng Sanh:** Theo thuyết Chuyên Tu Vô Gian Cầu Vãng Sanh của Trung Quốc Tịnh Độ Liên Tông Nhị Tổ là ngài Thiệu Đạo Đại Sư, Nhứt Tâm Niệm Phật cần phải hội đủ các điều kiện sau đây: **Thứ nhất** là Thân chuyên lễ Phật A Di Đà, chớ không lễ tạp nhạp. **Thứ nhì** là Miệng chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà, chớ không xưng tạp nhạp. **Thứ ba** là Ý chuyên tưởng Phật A Di Đà, chớ không tưởng tạp nhạp.

**Lục Thời Cầu Vãng Sanh:** Theo Ngài Thiệu Đạo, ngày đêm sáu thời, hành giả tu theo Pháp môn Tịnh Độ nên biết những điều quan trọng sau đây: khởi tâm nghĩ đến sự vô thường; một lòng niệm Phật chớ lâm chung; đừng nên bàn nói các chuyện tạp nhạp của thế gian; khi có người thân sắp lâm chung, chỉ niệm Phật chớ không nên than khóc. Tịnh Độ Thời Tông còn được gọi là Lục Thời Vãng Sanh Tông, tông phái Phật Giáo Nhật Bản lấy ngày đêm 6 giờ chuyên tu phép vãng sanh (lấy phép tu của ngài Thiệu Đạo làm nghiệp nhân vãng sanh). Thời Tông được Nhất Biến (1238-1289) sáng lập tại Nhật năm 1276. Ông nêu ra nghi thức tụng niệm của Thiệu Đạo, 6 thời trong ngày. Do đó mà có tên là Thời Tông. Trên lý thuyết, ông lấy từ Kinh Pháp Hoa, cũng như Lương Nhẫn của phái Dung Thông Niệm Phật, nhưng khi thực hành ông lại theo cách của Ngài Không Dã, là người sáng lập ra lối múa ca bình dân để phổ biến tín ngưỡng Di Đà. Do đó mà tông này có sắc thái hoàn toàn khác biệt với các tông khác của Di Đà giáo. Theo truyền thuyết thì Nhất Biến có đến miếu Hung Dã ở Kỷ Y năm 1275, nơi này ông được gợi bởi một bài kệ mà ông tin rằng do nơi các thần

linh trong miếu này tạo nên. Mỗi một trong ba câu của bài kệ đều bắt đầu bằng số 6, 10, và 10.000 theo thứ tự, và câu chót bằng chữ “dân” cộng chung lại là 600.000 dân. Tức thì ông lập nguyện phải cứu độ cho được một số chúng sanh nhiều như thế, bằng cách truyền bá tín ngưỡng này.

**Tam Chủng Vãng Sanh:** Chúng sanh tu tập cầu vãng sanh về Cực Lạc nhiều không kể xiết, còn hơn vô số điểm giọt mưa. Tuy nhiên, theo Hòa Thượng Thích Thiện Tâm trong Niệm Phật Thập Yếu, chúng sanh cầu về Tịnh Độ không riêng những hạng chán cảnh khổ Ta Bà ngũ trước ác thế, mà cũng có hạng vì thương xót muốn tế độ chúng sanh cõi Ta Bà, cho đến những bậc “thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.” Tuy sở nguyện có cao thấp, một khi đã sanh về Cực Lạc thì cũng đồng được sự lợi ích như nhau, nghĩa là tất cả đều không thối chuyển, cuối cùng đều đạt đến quả vị Phật. Cổ đức đã bảo: “Pháp môn Tịnh Độ rất cao thâm mầu nhiệm, duy có Phật với Phật mới biết hết được, vì bậc Đẳng giác còn nguyện vãng sanh, ngôi Nhất Sanh Bồ Tát còn phải trụ nơi miền Cực Lạc để học hỏi. Các Kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Đại Bảo Tích, vân vân đều khen ngợi Tịnh Độ và đề cập đến sự vãng sanh.” Xét chung về tâm nguyện cầu sanh của những vị ấy, có ba loại vãng sanh. *Thứ nhất* là những phàm phu thấp kém nhưng chân thật. Những phàm phu thấp kém nhưng chân thật, không hiểu công đức cùng sự trang nghiêm ở Tịnh Độ, chỉ cảm nghĩ đời sống nhiều vất vả khổ nhọc, cõi Ta Bà đầy chán nản lo phiền, nên nguyện sanh về cõi nước thanh tịnh an vui. *Thứ nhì* là những phàm phu nhưng có trí huệ và chí nguyện lớn. Tuy cũng là phàm phu nhưng có trí huệ và chí nguyện lớn, muốn sanh về cõi Cực Lạc để bảo đảm thoát ly nẻo luân hồi, mau chứng đạo quả, hoàn thành chí nguyện tự độ độ tha. *Thứ ba* là các tiểu Thánh đã thoát ly vòng sống chết. Gồm từ hàng tiểu Thánh đã thoát ly vòng sống chết cho đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, vì muốn mau tiến lên thượng địa, muốn học hỏi diệu pháp thành Phật, nên phát nguyện vãng sanh.

**Ba Lý Do Hành Giả Niệm Phật Nguyện Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc:** Theo Hòa Thượng Thích Thiện Tâm trong Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, câu hỏi số 13, trong mười phương có vô số chư Phật, những chúng sanh hữu tâm đều có thể thân cận, chứ không riêng gì Đức Phật A Di Đà. Tuy nhiên, có ba lý do mà người tu nguyện vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. *Thứ nhất* vì theo Kinh Vô Lượng Thọ thì

trong nhiều kiếp tu nhân về trước, Đức Phật A Di Đà đã phát bốn mươi tám lời thệ nguyện rộng sâu. Tiêu biểu cho những lời nguyện này là lời nguyện thứ 18 và 11. *Thứ nhì*, theo Tổ của tông Thiên Thai là ngài Trí Giả, nên niệm Phật cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc vì chúng sanh nơi cõi Ta Bà có nhân duyên với Đức Phật A Di Đà. Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, rất nhiều chúng sanh nghe lời từ huấn của Ngài mà quy hướng về Đức Phật A Di Đà. Từ khi Đức Thế Tôn nhập Niết Bàn về sau này, không luận Tăng tục, nam nữ, giàu nghèo, sang hèn, kẻ đã nghe Chánh Pháp hay chưa biết gì về Phật giáo vẫn thường xưng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thế Tôn đã bảo: “Trong đời tương lai, khi tam tạng giáo điển đã diệt hết, ta dùng nguyện lực từ bi, duy lưu kinh này trụ thế một trăm năm. Những chúng sanh nào có duyên được gặp, tùy ý mong cầu thấy đều đắc độ.” Đức Phật lại nói tiếp, ‘Sau khi kinh này diệt rồi, Phật pháp hoàn toàn mất hẳn trong đời, chỉ còn lưu truyền lại bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sanh; kẻ nào không tin mà hủy báng, sẽ bị đọa vào địa ngục, chịu đủ các sự khổ.’” *Thứ ba*, bởi vì giáo thuyết của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong cõi Ta Bà và giáo thuyết của Đức Phật A Di Đà nơi Tây Phương Cực Lạc quan hệ với nhau. Cổ đức bảo: “Đức Phật Thích Ca thị hiện nơi cõi uế, đem các duyên như ác, khổ não, vô thường, chướng nạn mà chiết phục chúng sanh, khiến cho họ sanh lòng nhàm chán mà tu theo Chánh Đạo. Đức Phật A Di Đà thì hiện thân nơi cõi Tịnh, dùng các duyên trong sạch, an vui, lâu dài, không thối chuyển mà nhiếp hóa loài hữu tình, khiến họ khởi tâm ưa mến mà trở lại nguồn chân. Hai vị Phật đã dùng hai môn ‘Chiết’ và ‘Nhiếp’ làm cho giáo pháp lưu hành, nên sự hóa độ có liên quan với nhau. Lại Đức Phật Thích Ca ngoài sự chỉ dạy ba thừa để giáo hóa chúng sanh, đặc biệt nói thêm môn niệm Phật để nhờ Đức A Di Đà tiếp dẫn những kẻ còn chưa được độ. Vì thế trong các kinh Đại Thừa, Đức Thế Tôn đã ân cần dặn bảo, luôn luôn khen ngợi và khuyến khích sự vãng sanh.”

**Ba Yếu Tố Cầu Vãng Sanh Về Tịnh Độ:** Theo Liên Tông Cửu Tổ là ngài Ngẫu Ích Đại Sư: “Nếu Tín Nguyện bền chắc thì khi lâm chung, chỉ xưng danh hiệu Phật mười niệm cũng được vãng sanh. Còn trái lại, thì dù cho có niệm Phật nhiều đến thế mấy đi nữa mà Tín Nguyện yếu kém, thì chỉ được kết quả là hưởng phước báu nơi cõi Nhân Thiên mà thôi.” Tuy nhiên, đây là nói về các bậc thượng căn,

còn chúng ta là những kẻ hạ căn, phước mỏng nghiệp dày, muốn vãng sanh Cực Lạc thì phải có đủ cả Tín Hạnh nguyện, nghĩa là đầy đủ hết cả hai phần Lý và Sự. *Yếu tố thứ nhất là “Tín”*: Niềm tin giữ một vai trò cực kỳ quan trọng trong Phật giáo. Niềm tin chính là một trong năm căn lành đưa đến những thiện nghiệp khác (Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ). *Yếu tố thứ nhì là “Thực hành”*: Còn gọi là Hạnh, tức là phần thực hành, hay sự hành trì. Theo Tịnh Độ Tông, hành là thiết thực xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà cho đến nhứt tâm và cảm ứng đạo giao để được Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn. *Yếu tố thứ ba là “Nguyện”*: Nguyện là phát khởi từ trong tâm tưởng một lời thề, hay lời hứa kiên cố, vững bền, nhất quyết theo đuổi ý định, mục đích, hoặc công việc tốt lành nào đó cho đến lúc đạt thành, không vì bất cứ lý do gì mà thối chuyển lui sụt. Phật tử chơn thuần nên nguyện tu y như Phật để được thành Phật, rồi sau đó nguyện đem pháp mầu của chư Phật độ khắp chúng sanh, khiến cho nhất thiết chúng sanh đều bỏ mê về giác, phản vọng quy chơn. Theo Tịnh Độ tông, nguyện tức là khởi tâm tha thiết mong cầu thoát khỏi Ta Bà khổ lụy để được sanh về cõi Cực Lạc yên vui.

***Ba Trường Hợp Kẻ Nặng Nghiệp Vẫn Được Vãng Sanh***: Theo Quán Kinh Sớ, thì người nghịch ác mà được vãng sanh, là do khi lâm chung, kẻ ấy chí tâm niệm Phật, nên tội chướng được tiêu trừ. Chính vì vậy mà Kinh đề nghị niệm Phật là điều kiện tối quan trọng để được vãng sanh. Có ba trường hợp kẻ nặng nghiệp vẫn được vãng sanh. *Trường hợp thứ nhất*, hành giả chỉ niệm Phật trong thời gian ngắn ngủi mà có thể thắng nổi nghiệp ác trọn đời, là do nhờ tâm lực rất mạnh mẽ, ý chí cực quyết định; đó gọi là đại tâm. Tình cảnh ấy ví như người bị quân giặc vây khốn, đang lúc nguy cấp, do liều chết không kể đến thân mạng, nên phát được sức dũng mãnh cùng cực, xông phá vượt ra khỏi nanh vuốt của vi trùng. *Trường hợp thứ hai*, hành giả tuy có tạo ác, song hoặc hiện đời đã có tu tam muội, nên khi lâm chung nghe người nhắc bảo, định lực được dễ thành. Đây cũng thuộc về hạng người mà trong nhà Phật gọi là Thừa Cấp Giới Hưởng. Nếu hành giả hiện đời không tu tam muội, tất đời trước cũng đã có huân tu. Hạt giống lành ấy nay đến thời kỳ thuận thực, nên khi lâm chung gặp thiện tri thức khuyến bảo, kẻ đó nương nơi túc thiện nghiệp, trong mười niệm mà được thành công. *Trường hợp thứ ba*, nếu hành giả không do công tu trong hiện đời hay nghiệp lành về kiếp trước, tất khi lâm chung

kẻ ấy đã niệm Phật với lòng sám hối tha thiết cùng cực. Nên Ngài Vĩnh Minh nói: “Vì thể nhân duyên vốn không, nên nghiệp thiện ác chẳng định; muốn rõ đường siêu đọa, phải nhìn nơi tâm niệm kém hơn. Cho nên một lượng vàng ròng trắng nổi bông gòn trăm lượng, chút lửa le lói đốt tiêu rơm cỏ muôn trùng.”

**Năm Nhân Duyên Không Thối Chuyển Vãng Sanh:** Kinh Vô Lượng Thọ dạy rằng những kẻ vãng sanh Tịnh Độ đều trụ nơi chánh định, và đều là các bậc A Bệ Bạt Trí, tức là bậc Bất Thối Chuyển. Cổ Đức đã dạy: “Không nguyện vãng sanh Tịnh Độ thì khó lòng vãng sanh; tuy nhiên, một khi đã thực nguyện thì tất cả đều được vãng sanh. Không sanh Tịnh Độ thì khó thành tựu Bất Thối Chuyển; tuy nhiên, khi đã vãng sanh Tịnh Độ thì tất cả đều được bất thối chuyển.” Theo Hòa Thượng Thích Thiên Tâm trong Tịnh Độ Thập Nghi Hoặc Vấn Luận, có năm nhân duyên khiến cho người vãng sanh Tịnh Độ không còn bị thối chuyển nữa. *Thứ nhất* là do nguyện lực đại bi của Phật nhiếp trì. *Thứ nhì* là ánh sáng hay trí huệ Phật thường soi đến thân, nên lòng Bồ Đề của chư thiện nhân luôn luôn tăng tiến. *Thứ ba* là nơi cõi Tây Phương Tịnh Độ, chim, nước, rừng cây, gió, âm nhạc thường phát ra tiếng pháp ‘khổ, không, vô thường và vô ngã;’ hành giả nghe rồi sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. *Thứ tư* là chúng sanh được sanh về Cực Lạc, thì bạn lành toàn là các bậc Bồ Tát thượng thiện, tuyệt tất cả các chướng nạn, ác duyên, lại không có ngoại đạo tà ma, nên tâm thường an tịnh. *Thứ năm*, một khi đã được sanh về Tịnh Độ thì thọ lượng vô cùng, đồng với chư Phật và chư Bồ Tát, an nhiên tu tập trải qua vô biên a tăng kỳ kiếp.

**Chứng Nghiệm Vãng Sanh:** Phật tử chân chánh nên nhớ rằng chứng nghiệm vãng sanh không phải là đoán biết coi ngày nào giờ nào mình chết, hoặc giả thấy một vài cái gọi là điềm lành, vì tà giáo ngoại đạo cũng làm được điều này. Chứng nghiệm vãng sanh thật sự là ngay từ bây giờ trở đi, chúng ta phải từng phút từng giây tinh chuyên tu hành, sáng ngời thiền, trua làm công quả, chiêu niệm Phật.

**Niệm Phật Đồng Nhất Với Vô Niệm Của Thiền:** Pháp Chiếu là tên của vị Tổ thứ tư của Liên Tông, vào đời nhà Đường, khoảng năm 767 sau Tây Lịch. Sư là một trong những đệ tử nổi pháp nổi trội nhất của Đại Sư Thừa Viễn. Pháp Chiếu cũng là tác giả quyển Tịnh Độ Pháp Thân Tán, quyển sách trình bày một hình thức hợp nhất giữa Tịnh Độ và Thiền trong một số phương hướng nào đó. Những bài kệ tuyển

chọn sau đây từ quyển Tịnh Độ Pháp Thân Tán, một thủ bản Đôn Hoàng, cho thấy rằng tâm châu hay viên ngọc của tâm vốn tự thể thanh tịnh, nhưng bụi trần đang che lấp nó phải được loại trừ; rằng hành giả trông thấy Tịnh Độ trong khi ngồi Thiền; rằng Niệm Phật đồng nhất với vô niệm của Thiền; rằng Tịnh Độ ở trong tâm chứ không lệ thuộc vào ảnh tượng thiền quán; và rằng sự dựa dẫm vào văn tự giáo pháp sẽ đưa hành giả vào cảnh giới phân biệt mà thôi:

"Tâm châu tự thể vốn luôn luôn thanh tịnh;  
 Tâm quang tỏa chiếu khắp mười phương;  
 Nên biết tâm không hề có chỗ trụ;  
 Nơi giải thoát ta sẽ đạt được thanh lương...  
 Gương trí huệ không hề có sự tối ám;  
 Ngọc tri kiến luôn hoạt dụng sáng ngời;  
 Bụi trần và lao nhọc phải được đoạn lìa;  
 Và kho bảo sẽ lập tức được mời đến...  
 Mọi người trong lúc này đều chuyên niệm Phật;  
 Hành giả niệm Phật nhập sâu vào Thiền định;  
 Đêm đầu tiên họ ngồi với tâm chính trực;  
 Tây phương hiện ra ngay trước mắt.  
 Nếu hành giả hành trì niệm Phật,  
 Hành giả sẽ biết được vô niệm;  
 Vô niệm là như như thực tính.  
 Nếu hành giả thấu triệt ý này ở đây,  
 Nó được gọi là ngọc Pháp Tánh.  
 Tịnh Độ vốn tự nơi tâm;  
 Kể ngu tìm nó tự bên ngoài;  
 Bên trong tâm có bảo kính;  
 Nó không ngừng chiếu sáng suốt đời người..."

Tâm châu luôn rạng chói xuyên suốt;  
 Tự tánh bỗng lai hoàn toàn ngời sáng;  
 Hãy ngộ lý và hãy biết thực tánh hướng về đâu;  
 Nếu bạn hành trì niệm Phật, thì vô sanh..."

Phật tướng là Không và Vô tướng;  
 Như như thực tính là tịch tịnh và vô văn tự giáo,  
 Bàn về giáo pháp văn tự giáo pháp,



Chỉ là Thiền trên vọng tưởng mà thôi..."

**Tịnh Độ Pháp Thân Tán:** Thiền Sư Thừa Viễn (712-802) người đời nhà Đường, nguyên quán Hán Châu ở Kiếm Nam. Ban sơ ngài theo thọ học với Đường Thiền sư ở Thành Đô. Kế đến, ngài theo học với Tản Thiền Sư và Thiền Sư Tư Châu Xử Tịch ở Tứ Xuyên. Rất có thể dường như Thừa Viễn đã hành trì một hình thức niệm Phật nào đó, vì hai người đệ tử của Sư đã hành trì như thế. Sau này Thừa Viễn theo học với đại sư Tịnh Độ Từ Mẫn; đệ tử của Thừa Viễn là Pháp Chiếu là tác giả quyển Tịnh Độ Pháp Thân Tán, quyển sách trình bày một hình thức hợp nhất giữa Tịnh Độ và Thiền trong một số phương hướng nào đó. Sau ngài đến Kinh Châu tham học với Chân Pháp sư ở chùa Ngọc Tuyên. Sau khi học nghiệp đã xong, tu hành đã ngộ. Chân Pháp sư dạy ngài đến Hoành Sơn để ứng duyên hoằng hóa. Trước tiên khi mới đến, đại sư cất thảo am dưới gộp đá ở phía Tây Nam của núi Hoành Sơn, chuyên tâm tu tập. Người có đạo tâm hay biết, đem cúng thí cho thức ăn thì ngài dùng, hôm nào không có thí ngài ăn bùn đất, tuyệt nhiên không hề đi quyên xin, khát thực chi cả. Ngài khổ tu như thế trải qua nhiều năm đến nỗi mình gầy, mặt nám, trên thân thể chỉ còn có một chiếc y cũ, rách mà thôi. Về phần truyền giáo, đại sư đứng lên lập trường Trung Đạo, tùy theo căn cơ của mỗi người mà quyền biến chỉ dạy. Thấy cư dân quanh vùng phần nhiều đều nghèo khổ, tật bệnh, nên ngài truyền rộng Pháp Môn Tịnh Độ, khuyên tất cả mọi người nên niệm Phật. Trên đá, nơi gốc cây, ven đường, nơi tường vách, bên hang đá hoặc khe suối, đại sư đều có biên lời Thánh giáo khuyên mọi người nên tỉnh ngộ lẽ đạo, việc đời, cần chuyên niệm Phật. Do nơi đức hóa của ngài, từ đó trở đi, không cần chỉ dẫn nhiều mà lần lượt kẻ mang vải, gạo, người khiêng gỗ, đá, đến càng lúc càng đông, xây dựng thành ra một cảnh chùa, đồ tứ sự nhiều đến nỗi dư để bố thí cho những người nghèo. Đại sư vẫn thản nhiên, không khước từ cũng không khuyến khích, để yên cho dân chúng xây cất chùa miếu, sửa soạn tùy tâm. Chẳng mấy chốc, nơi vùng hoang dã trước kia nay đã thành ra một cảnh lan nhã thanh u đồ sộ. Lần lần về sau, bốn phương xa gần, người tín hướng quy-y, niệm Phật càng ngày càng nhiều, tựa như nước trăm sông đổ dồn về biển cả, tính ra đến hàng chục vạn người. Vào năm Trinh Nguyên thứ 18 đời nhà Đường, nhằm ngày 19 tháng 7, đại sư an lành thị tịch.

## **II. Tịnh Độ & Vãng Sanh Tịnh Độ Theo Thiên Tông:**

**Sanh Về Tây Phương Theo Lục Tổ Huệ Năng:** Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Phẩm Thứ Ba (Nghị Vấn). Một hôm Vi Thứ sử hỏi Lục Tổ Huệ Năng rằng: “Đệ tử thường thấy Tăng tục niệm Phật A Di Đà, nguyện sanh Tây Phương, thỉnh Hòa Thượng nói, được sanh nơi cõi kia chăng? Nguyện vì phá cái nghi này.” Tổ bảo: “Sử quân khéo lắng nghe, Huệ Năng sẽ vì ông mà nói. Thế Tôn ở trong thành Xá Vệ nói kinh văn Tây Phương dẫn hóa, rõ ràng cách đây không xa. Nếu luận về tướng mà nói, lý số có mười muôn tám ngàn, tức là trong thân có mười ác tám tà, liền là nói xa, nói xa là vì kẻ hạ căn, nói gần là vì những người thượng trí. Người có hai hạng, nhưng pháp không có hai thứ. Mê ngộ có khác, thấy có mau chậm. Người mê niệm Phật cầu sanh về cõi kia, người ngộ tự tịnh tâm mình. Sở dĩ Phật nói ‘tùy tâm tịnh liền được cõi Phật tịnh. Sử quân người phương Đông, chỉ tâm mình tịnh liền không có tội, tuy người phương Tây tâm không tịnh cũng có lỗi. Người phương Đông tạo tội niệm Phật cầu sanh về phương Tây, còn người phương Tây tạo tội, niệm Phật thì cầu sanh về cõi nào? Phàm ngu không rõ tự tánh, không biết trong thân Tịnh độ, nguyện Đông nguyện Tây, người ngộ thì ở chỗ nào cũng vậy. Sở dĩ Phật nói ‘tùy chỗ mình ở hằng được an lạc. Sử quân, tâm địa chỉ không có cái bất thiện thì Tây phương cách đây không xa. Nếu ôm lòng chẳng thiện, niệm Phật vãng sanh khó đến. Nay khuyên thiện tri thức trước nên dẹp trừ thập ác tức là được mười muôn, sau trừ tám cái tà bèn qua được tám ngàn, mỗi niệm thấy tánh thường hành bình đẳng, đến như trong khảy móng tay, liền thấy Đức Phật A Di Đà. Sử quân chỉ hành mười điều thiện, đâu cần lại nguyện vãng sanh, không đoạn cái tâm thập ác thì có Phật nào đón tiếp. Nếu ngộ được đốn pháp vô sanh, thấy Tây phương chỉ trong khoảng sát na. Còn chẳng ngộ, niệm Phật cầu vãng sanh, thì con đường xa làm sao đến được? Huệ Năng vì mọi người mà khiến cho quý vị thấy trong sát na cõi Tây phương ở ngay trước mắt, quý vị có muốn thấy hay chăng?” Lúc ấy mọi người đều đánh lễ thưa rằng: “Nếu ở cõi này mà thấy được thì đâu cần phải nguyện vãng sanh, nguyện Hòa Thượng từ bi liền hiện Tây phương khiến cho tất cả được thấy.” Tổ bảo rằng: “Này đại chúng! Người đời tự sắc thân là thành, mắt tai mũi lưỡi là cửa, ngoài có năm cửa, trong có cửa ý. Tâm là đất, tánh là vua, vua ở trên đất tâm, tánh còn thì vua còn, tánh mất đi thì vua cũng mất. Tánh ở thì thân tâm còn, tánh đi thì thân tâm hoại.

Phật nằm ở trong tánh mà tạo, chớ hướng ra ngoài mà cầu. Tự tánh mê, tức là chúng sanh, tự tánh giác tức là Phật. Từ bi tức là Quán Thế Âm, hỷ xả gọi là Đại Thế Chí, hay tịnh tức là Đức Thích Ca, bình trực tức là Phật A Di Đà. Nhơn ngã ấy là Tu Di, tà tâm là biển độc, phiền não là sóng mới, độc hại là rồng dữ, hư vọng là quỷ thần, trần lao là rùa trạnh, tham sân là địa ngục, ngu si là súc sanh. Nầy thiện tri thức! Thường làm mười điều lành thì thiên đường liền đến, trừ nhơn ngã thì núi Tu Di ngã, dẹp được tham dục thì biển nước độc khô, phiền não không thì sóng mới mất, độc hại trừ thì rồng cá đều dứt. Ở trên tâm địa mình là giác tánh Như Lai phóng đại quang minh, ngoài chiếu sáu cửa thanh tịnh hay phá sáu cõi trời dục, tự tánh trong chiếu ba độc tức liền trừ địa ngục, vân vân., các tội một lúc đều tiêu diệt, trong ngoài sáng tốt, chẳng khác với cõi Tây phương, không chịu tu như thế nầy làm sao đến được cõi kia?" Đại chúng nghe nói đều rõ ràng thấy được tự tánh, thấy đều lễ bái, đều tán thán: "Lành thay!" Thưa rằng: "Khắp nguyện pháp giới chúng sanh nghe đó một thời liền ngộ hiểu."

**Phổ Hóa Pháp Tu Tịnh Độ:** Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XXVI, một hôm, có một vị Tăng hỏi Thiền Sư Vĩnh Minh Diên Thọ (904-975): "Làm sao người ta dẫm bước trên đường Tuyết Đậu?" Vĩnh Minh đáp: "Bước bước qua diệu cảnh hàn, lời lẽ hoàn toàn đóng băng!" Tuy nhiên, không ai trong chúng hội hiểu được những lời lẽ này. Thiền Sư Vĩnh Minh thất vọng rời pháp đường. Sau nhiều năm dạy Thiền, Thiền Sư Vĩnh Minh nhận thấy những phương pháp tu Thiền quá khó, nhất là đối với những Phật tử tại gia; nên về lúc cuối đời, Thiền Sư Vĩnh Minh Diên Thọ đã giúp phổ thông hóa trường phái Tịnh Độ, là trường phái dễ cho quần chúng đến gần hơn là Thiền. Đạt ngộ, như được dạy trong truyền thống Thiền là một tiến trình dài và khó khăn thường chỉ có chư Tăng Ni theo đuổi mà thôi. Ngược lại, trường phái Tịnh Độ dạy rằng đức Phật A Di Đà hứa rằng những ai chuyên cần niệm danh hiệu ngài với lòng tin sẽ được tái sanh vào cõi Tịnh Độ Cực Lạc. Đây là phép tu tập tín ngưỡng mà ai cũng có thể đảm nhận được, và chẳng bao lâu sau đó thì trường phái Tịnh Độ đã trở thành một hình thức Phật giáo phổ biến được tu tập ở Trung Hoa.

### ***III. Tịnh Độ & Vãng Sanh Tịnh Độ Của Chư Bồ Tát Theo Tinh Thân Kinh Duy Ma:***

***Tịnh Độ Của Chư Bồ Tát Theo Tinh Thân Kinh Duy Ma:*** Theo kinh Duy Ma Cát, chương một, sau khi trưởng giả tử Bảo Tích đọc bài kệ tán thán Phật xong bèn bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Năm trăm vị trưởng giả tử này đều đã phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, nguyện nghe cõi Phật thanh tịnh. Cúi mong Thế Tôn dạy cho những hạnh của Bồ Tát được Tịnh Độ. Phật bảo: “Hay thay Bảo Tích! Ông lại vì các vị Bồ Tát mà hỏi Như Lai những hạnh được Tịnh Độ, vậy hãy lắng nghe chín chắn, suy nghĩ kỹ nhớ lấy, ta sẽ nói cho ông rõ.” Lúc ấy Bảo Tích cùng 500 vị trưởng giả tử vâng lời Phật dạy, cung kính lắng nghe. Phật dạy rằng: “Này Bảo Tích! Tất cả chúng sanh là cõi Phật của Bồ Tát. Vì sao? Bồ Tát tùy chỗ giáo hóa chúng sanh mà lãnh lấy cõi Phật; tùy theo chỗ điều phục chúng sanh mà lãnh lấy cõi Phật; tùy chúng sanh ứng theo quốc độ nào vào trí tuệ của Phật mà lãnh lấy cõi Phật; tùy chúng sanh ứng theo quốc độ nào phát khởi căn tánh Bồ Tát mà lãnh lấy cõi Phật. Vì sao thế? Vì Bồ Tát lãnh lấy cõi Phật thanh tịnh đều vì muốn lợi ích chúng sanh. Ví như có người muốn xây dựng cung nhà nơi khoảng đất trống, tùy ý được thành công, nếu xây dựng giữa hư không quyết không thành tựu được; Bồ Tát cũng thế, vì thành tựu chúng sanh nên nguyện lãnh lấy cõi Phật. Nguyện lãnh lấy cõi Phật chẳng phải ở nơi rỗng không vậy. Bảo Tích, ông nên biết! a) Trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh không dua vạy, sanh sang nước đó. b) Thâm tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đầy đủ công đức sanh sang nước đó. c) Bồ Đề tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh có tâm Đại Thừa sanh sang nước đó. d) Bồ Thí là Tịnh Độ của Bồ Tát khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh hay thí xả tất cả mọi vật sanh sang nước đó. e) Trì Giới là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh tu mười điều lành, hạnh nguyện đầy đủ sanh sang nước đó. f) Nhẫn Nhục là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đủ 32 tướng tốt trang nghiêm sanh sang nước đó. g) Tinh Tấn là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh siêng năng tu mọi công đức sanh sang nước đó. h) Thiền Định là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh biết thu nhiếp tâm chẳng loạn sanh sang nước đó. i) Trí Tuệ là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh được chánh định sanh sang nước đó. j)

Tứ Vô Lượng Tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh thành tựu từ bi hỷ xả sanh sang nước đó. k) Tứ Nhiếp Pháp là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh được giải thoát sanh sang nước đó. l) Phương Tiện là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh khéo dùng được phương tiện không bị ngăn ngại ở các pháp, sanh sang nước đó. m) Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đầy đủ niệm xứ, chánh cần, thân tức, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo, sanh sang nước đó. n) Hồi Hương Tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, được cõi nước đầy đủ tất cả công đức. o) Nói Pháp Trừ Bát Nạn là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, cõi nước không có ba đường ác và bát nạn. p) Tự Minh Giữ Giới Hạnh-Không Chê Chở Kém Khuyết Của Người Khác là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, cõi nước không có tên phạm giới cấm. q) Thập Thiện là Tịnh Độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh sống lâu, giàu to, phạm hạnh, nói lời chắc thật, thường dùng lời dịu dàng, quyến thuộc không chia rẽ, khéo hòa giải việc đua tranh kiện cáo, lời nói có lợi ích, không ghét không giận, thấy biết chân chánh sanh sang nước đó. Như thế, Bảo Tích! Bồ Tát tùy chỗ trực tâm mà hay phát hạnh; tùy chỗ phát hạnh mà được thâm tâm; tùy chỗ thâm tâm mà ý được điều phục; tùy chỗ ý được điều phục mà làm được như lời nói; tùy chỗ làm được như lời nói mà hay hồi hương; tùy chỗ hồi hương mà có phương tiện; tùy chỗ có phương tiện mà thành tựu chúng sanh, tùy chỗ thành tựu chúng sanh mà cõi Phật được thanh tịnh; tùy chỗ cõi Phật thanh tịnh mà nói Pháp thanh tịnh; tùy chỗ nói Pháp thanh tịnh mà trí huệ được thanh tịnh; tùy chỗ trí huệ thanh tịnh mà tâm thanh tịnh; tùy chỗ tâm thanh tịnh mà tất cả công đức đều thanh tịnh. Cho nên, này Bảo Tích! Bồ Tát muốn được cõi Phật thanh tịnh, nên làm cho tâm thanh tịnh; tùy chỗ Tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh.”

Lúc ấy ông Xá Lợi Phát nương oai thần của Phật mà nghĩ rằng: “Nếu tâm Bồ Tát thanh tịnh chắc chắn cõi Phật phải được thanh tịnh, vậy Thế Tôn ta khi trước làm Bồ Tát, tâm ý lẽ nào không thanh tịnh, sao cõi Phật này không thanh tịnh như thế?” Phật biết ông suy nghĩ vậy liền bảo rằng: “Ý ông nghĩ sao? Mặt trời, mặt trăng há không thanh tịnh sáng suốt ư, sao người mù không thấy?” Xá Lợi Phát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải thế. Đó là tại người mù, không phải lỗi ở mặt trời và mặt trăng.” Phật bảo: “Xá Lợi Phát! Cũng thế, bởi chúng

sanh do tội chướng nên không thấy được cõi nước của Như Lai thanh tịnh trang nghiêm, chớ không phải lỗi ở Như Lai. Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước của ta đây vẫn thanh tịnh mà tại ông không thấy đó thôi.” Lúc bấy giờ ông Loa Kế Phạm Vương thưa với ông Xá Lợi Phất rằng: “Ngài chớ nghĩ như thế, mà cho cõi Phật đây không thanh tịnh. Vì sao? Vì tôi thấy cõi nước của Phật Thích Ca Mâu Ni thanh tịnh, ví như cung trời Tự Tại.” Xá Lợi Phất nói: “Sao tôi thấy cõi này toàn gò nong, hầm hố, chông gai, sỏi sạn, đất đá, núi non, nhơ nhớp đầy đầy như thế.” Loa Kế Phạm Vương thưa: “Đấy là do tâm của Ngài có cao thấp không nương theo trí tuệ của Phật nên thấy cõi này không thanh tịnh đó thôi. Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng, thâm tâm thanh tịnh y theo trí tuệ của Phật thì mới thấy được cõi Phật này thanh tịnh.” Khi ấy Phật lấy ngón chơn nhấn mạnh xuống đất, tức thì cõi Tam thiên đại thiên thế giới liền hiện ra bao nhiêu trăm ngàn thứ trân bảo trang nghiêm rực rỡ, như cõi Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm của Phật Bảo Trang Nghiêm mà tất cả đại chúng ngợi khen chưa từng có và đều thấy mình ngồi trên tòa sen báu. Phật bảo Xá Lợi Phất: “Ông hãy xem cõi Phật đây trang nghiêm thanh tịnh.” Xá Lợi Phất thưa: “Dạ, bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ con chưa từng thấy chưa từng nghe nói đến cõi nước hiện rõ trang nghiêm thanh tịnh của Phật.” Phật bảo: “Này Xá Lợi Phất! Cõi nước của ta thường thanh tịnh như thế! Nhưng vì muốn độ những kẻ căn hạ liệt nên thị hiện ra cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh đó thôi. Ví như chư Thiên đồng dùng một thứ bát bằng ngọc báu để ăn, nhưng tùy phước đức của mỗi vị mà sắc cơm có khác. Như thế, Xá Lợi Phất! Nếu tâm người thanh tịnh, sẽ thấy cõi này công đức trang nghiêm.” Trong khi Phật hiện ra cõi nước trang nghiêm thanh tịnh, 500 vị trưởng giả tử do ông Bảo Tích dắt đến đều chứng được Vô sanh Pháp nhãn, tám vạn bốn ngàn người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ Phật thu nhiếp thân tức lại, cõi nước trở thành như xưa. Ba vạn hai ngàn người và trời cầu Thanh Văn thừa đều nhận rõ các Pháp hữu vi là vô thường, xa lìa trần cấu đặng pháp nhãn thanh tịnh, tám ngàn vị Tỳ Kheo không còn chấp thọ các pháp, kiết lậu đã hết, tâm ý được giải thoát.

***Vãng Sanh Tịnh Độ Theo Tinh Thần Kinh Duy Ma:*** Theo Kinh Duy Ma Cát, chương mười, phẩm Phật Hương Tích, cư sĩ Duy Ma Cát đã nói với chư Bồ Tát nước Chúng Hương về “Vãng Sanh Tịnh Độ”.

Các Bồ Tát nước Chúng Hương hỏi: “Bồ Tát phải thành tựu mấy pháp ở nơi cõi này làm không lầm lỗi, được sanh về cõi Tịnh Độ?” Ông Duy Ma Cật đáp: “Bồ Tát thành tựu tám pháp thời ở cõi này làm không lầm lỗi, được sanh về cõi Tịnh Độ. Tám pháp là gì? *Thứ nhất* là lợi ích chúng sanh không mong báo đáp. *Thứ nhì* là thay thế tất cả chúng sanh chịu mọi điều khổ não. *Thứ ba* là bao nhiêu công đức đều ban cho tất cả chúng sanh. *Thứ tư* là lòng bình đẳng đối với chúng sanh khiêm nhường không ngại, đối với Bồ Tát xem như Phật. *Thứ năm* là những kinh chưa nghe, nghe không nghi. *Thứ sáu* là không chống trái với hành Thanh Văn. *Thứ bảy* là thấy người được cúng dường cũng không tạt đổ, không khoe những lợi lộc của mình, ở nơi đó mà điều phục tâm mình. *Thứ tám* là thường xét lỗi mình, không nói đến lỗi người, hằng nhứt tâm cầu các công đức. Sau khi ông Duy Ma Cật và ngài Văn Thù Sư Lợi nói pháp này rồi, ở trong đại chúng có cả trăm ngàn vị trời, người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mười ngàn Bồ Tát chứng đặng Vô sanh Pháp nhẫn.

**Tài Liệu Tham Khảo**  
**References**

- 1) *Kinh Phật Thuyết A Di Đà*, Hán dịch Cưu Ma La Thập, Việt dịch Cư Sĩ Tuệ Nhuận, 1951.
- 2) *Lá Thư Tịnh Độ*, Đại Sư Ấn Quang, dịch giả Hòa Thượng Thích Thiện Tâm, 1956.
- 3) *The Land of Bliss*, Luis O. Gomez, 1996.
- 4) *Liên Tông Thập Tam Tổ*, Hòa Thượng Thích Thiện Tâm, 1956.
- 5) *Liên Tông Bảo Giám*, Đại Sư Ưu Đàm, Việt dịch Thích Minh Thành, NXB Đông Phương, 2009.
- 6) *Nguyễn Sinh Kế Chú Lược Luận Tịnh Độ*, Đàm Loan, Việt dịch Thích Nhất Chân, NXB Tôn Giáo, 2007.
- 7) *Những Đóa Hoa Vô Ưu*, 3 tập, Thiện Phúc, USA, 2012.
- 8) *Niệm Phật Căn Bản Cho người Tại Gia*, 2 tập, Thiện Phúc, USA, 2018—*Basic Buddha Recitation For Lay People*, 2 Volumes, Thiện Phúc, USA, 2018
- 9) *Niệm Phật Thập Yếu*, Hòa Thượng Thích Thiện Tâm, 1950.
- 10) *Pháp Môn Tịnh Độ*, Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Sài Gòn, 1961.
- 11) *Pháp Môn Tịnh Độ Thù Thắng*, Hòa Thượng Thích Hân Hiền, 1991.
- 12) *Phật Giáo Tuyển Luận, Tập I*, Thiện Phúc, USA, 2022—*Selective Essays On Buddhism, Volume I*, Thiện Phúc, USA, 2022.
- 13) *Phật Học Phổ Thông*, Thích Thiện Hoa: 1958 (3 volumes).
- 14) *Phật Pháp Căn Bản (Việt-Anh)*—*Basic Buddhist Doctrines*, 08 Volumes, Thiện Phúc, USA, 2009.
- 15) *Phật Thuyết A Di Đà Kinh*, Hán dịch Cưu Ma La Thập, Việt dịch Cư Sĩ Tuệ Nhuận, 1951.
- 16) *Sự Tích Phật A Di Đà*, 7 Vị Bồ Tát và 33 Vị Tổ Sư, Trần Nguyên Chấn, 1950.
- 17) *Tam Kinh Tịnh Độ*, Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Sài Gòn, 1961.
- 18) *Tám Quyển Sách Quý*, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, 1954.
- 19) *Từ Điển Phật Học Việt-Anh*—*Vietnamese-English Buddhist Dictionary*, 6 volumes, Thiện Phúc, USA, 2005.
- 20) *Từ Điển Phật Học Anh-Việt*—*English-Vietnamese Buddhist Dictionary*, 10 volumes, Thiện Phúc, USA, 2007.
- 21) *Vãng Sanh Tịnh Độ Luận Giảng Ký*, Ấn Thuận, Việt dịch Thích Nhất Chân, NXB Tôn Giáo, 2007.
- 22) *Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá*, Đàm Loan, Việt dịch Thích Nhất Chân, NXB Tôn Giáo, 2007.
- 23) *The Vimalakirti Nirdeśa Sutra*, Charles Luk, 1972.



## *A Summary of the Dharma Door of Buddha Recitation In Buddhist Cultivation*

*Thiền Phúc*

*In Buddhist theories, every Buddha has His own Pure Land. In Buddhism, there are many other pure lands, i.e. the pure land of patience, zeal, wisdom, and Eastern Paradise of the Medicine Buddha, Aksobhya Buddha, etc. In Buddhist teachings, this Pure Land is not included in the six realms of cyclic existence because once beings are born there, they'll definitely attain enlightenment and will never be reborn in cyclic existence again. Of course, once people become Buddhas in Sukhavati, they will manifest in our world to lead others to enlightenment. Why is rebirth in Pure Land desirable? In the human world, sincere practitioners often face many obstacles; they have to work long hours and thus have less time for concentrated practice; there is crime and ceaseless anger in society; people have to worry about money to support their families; distractions from the media lure their attention away from practice. Even though the Buddha passed away 2500 years ago in Kusinagara, a small village in Northern India, His teachings of love, wisdom and worry free approach never died. And, Buddhism is still a great religion which has been enlightening human beings for more than twenty-five centuries. An "Udumbara" tree is said to bear fruit without flowers. Once in a very long period of time (about 3,000 years), it is said to bloom; hence, the udumbara flower is a symbol of the rare appearance of a Buddha. This flower is said to bloom once every three thousand years. For this reason, it is often used as an illustration of how difficult it is to come in contact with true Buddhist teachings as well as the rarity of encountering a Buddha. The Buddha once said: "Just as the ocean, although vast, is of one taste, the taste of salt, so as my teaching, although many-faceted and vast as the ocean, is of one taste, the taste of worrylessness of Nirvana." Nirvana in Buddhism is not a place to come, it is a condition of total cessation of changes, of perfect rest, of the absence of desire, illusion and sorrow, as well as a state of the total obliteration of everything that constitutes a physical man, and a state of no more rebirth. Devout Pure Land practitioners do not consider the Buddha as one who can save us from the consequence of our individual sins. On the contrary, we should consider the Buddha as an all-seeing, all-wise Counselor; one who discovered the safe path and pointed it out; one who showed the cause of, and the only cure for, human sufferings and afflictions. In pointing out the road, in showing us how to escape these sufferings and afflictions, He became our Guide. The Buddha appeared, for the changing beings from illusion into enlightenment (according to the Lotus Sutra), or the Buddha-nature (according to the Nirvana Sutra), or the joy of Paradise (according to the Infinite Life Sutra). In summary, a straight mirror image requires a straight object. If you want to reap the "Buddhahood," you must sow the Buddha-seed. A*

*mirror reflects beauty and ugliness as they are, the Buddha's Teachings prevail forever, knowing that requital spans three generations, obviously good deeds cause good results, evil deeds causes evil results. The wise know that it is the object before the mirror that should be changed, while the dull and ignorant waste time and effort hating and resenting the image in the mirror. Encountering good or adverse circumstances, devoted Pure Land practitioners should always be peaceful, not resent the heaven nor hate the earth. In the contrary, they should strive their best to recite the Buddha name until they attain a rebirth in the Pure Land and attain the Buddhahood there. Pure Land practitioners should always remember that in the Long Amitabha Sutra, Sakyamuni Buddha made the following prediction: "In the days to come, the paths of the sutras will come to extinction. I, with compassion and mercy, will purposely make this sutra survive for a hundred years. Anybody who encounters this sutra will, according to his wish, surely attain Enlightenment." In the Great Heap Sutra, Sakyamuni Buddha predicted: "In the Dharma-Ending Age, among multitude of practitioners, very few will attain the Way. The most they can expect is to rely on the Pure Land method to escape Birth and Death.*

*Remember the Buddha is a real historical person, not a myth. He taught people in accordance with their abilities. Like the case of Queen Vaidehi, the Buddha guided her to practice Buddha recitation to purify her mind, that eventually helped her to have a peaceful and emancipated life. Besides, basic teachings of Buddha recitation also help beings to see clearly that all roots of evil originated from ignorance; so from there they can eliminate whatever needs be eliminated. The hard way of self-trained, vigorous wisdom was no longer feasible for many, if not for the majority, even among those who had renounced the world. Under these circumstances, the easy way of faith was the only one of which people were still capable. The movement of the easy way of faith had gathered momentum in India from four hundred years Before Christ, and about the beginning of our era it had gained great strength. And the Pure Land Schools continue to develop quickly and strongly till today, for it had not only concentrated on the elite, but it also was an effective means that helped the less endowed to salvation. Pure Land practitioners should remember there exist eighty-four thousand dharma-doors; it is to say the way in practicing Buddhism are numerous. Eighty-four thousand is a symbolic number, which represents a countless number of the Buddha Dharma-door. However, we choose the Dharma-door that suits our potentials. We should never ridicule any other Dharma-door because even though it does not suit us, it may suit someone else's potentials. Buddhist practitioners should always remember that even though there exist different dharma doors, each path is different from the others, but they ultimately lead to the same goals of proper understandings and viewpoints, purity, and enlightenment.*

*Buddhist practitioners should always remember that among all precious jewels, life is the greatest; if there is life, it is the priceless jewel. Thus, if you are able to maintain your livelihood, someday you will be able to rebuild your life. However, everything in life, if it has form characteristics, then, inevitably, one day it will be destroyed. A human life is the same way, if there is life, there must be death. Even*

*though we say a hundred years, it passes by in a flash, like lightening streaking across the sky, like a flower's blossom, like the image of the moon at the bottom of a lake, like a short breath, what is really eternal? Sincere Buddhists should always remember when a person is born, not a single dime is brought along; therefore, when death arrives, not a word will be taken either. A lifetime of work, putting the body through pain and torture in order to accumulate wealth and possessions, in the end everything is worthless and futile in the midst of birth, old age, sickness, and death. After death, all possessions are given to others in a most senseless and pitiful manner. At such time, there are not even a few good merits for the soul to rely and lean on for the next life. Therefore, such an individual will be condemned into the three evil paths immediately. Ancient sages taught: "A steel tree of a thousand years once again blossom, such a thing is still not bewildering; but once a human body has been lost, ten thousand reincarnations may not return." Sincere Buddhists should always remember what the Buddha taught: "It is difficult to be reborn as a human being, it is difficult to encounter (meet or learn) the Buddha-dharma; now we have been reborn as a human being and encountered the Buddha-dharma, if we let the time pass by in vain we waste our scarce lifespan." Finally, in Buddhist cultivation, devout Pure Land practitioners do not consider the Buddha as one who can save us from the consequence of our individual sins. On the contrary, we should consider the Buddha as an all-seeing, all-wise Counselor; one who discovered the safe path and pointed it out; one who showed the cause of, and the only cure for, human sufferings and afflictions. In pointing out the road, in showing us how to escape these sufferings and afflictions, He became our Guide. The Buddha appeared, for the changing beings from illusion into enlightenment.*

## **(A) A Summary of the Pure Land In Buddhist Teachings**

### ***I. A Summary of the Pure Land In Buddhist Teachings:***

In Buddhism, the Pure Land is described as a place in which there is no suffering, no gender, and in which conditions are optimal for attainment of Buddhahood. The central doctrine of the Pure Land sects is that all who evoke the name of Amitabha with sincerity and faith in the saving grace of his vow will be reborn in his Pure Land of peace and bliss. Thus, the most important practice of contemplation in the Pure Land sects is the constant voicing of the words "Namo Amitabha Buddha" or "I surrender myself to Amitabha Buddha." Practices which are required for the attainment of birth in the Pure Land. Vasubandhu presented the five mindful practices and Shan Tao systematized the

Five Right Acts. Two ways of attaining liberation in the Pure Land Sect: 1) By discipline to attain to temporary nirvana; 2) Happy salvation to Amitabha's paradise through trust in him. Pure Land School is a Buddhist tradition popular in East Asia, whose adherents strive for rebirth in Sukhavati, the "buddha-realm" (buddha-ksetra) of Amitabha Buddha. This is regarded by its adherents as an "easy practice," because it does not require the difficult meditations that are considered necessary for the attainment of buddhahood in Indian Mahayana Buddhism. Instead, practitioners rely on the "other-power" of Amitabha. This is based on Amitabha's eighteenth vow as reported in the Sukhavati-Vyuha-Sutra, in which he promised who have faith in him will be reborn in his pure pure land and attain Buddhahood easily. Adherents of this school commonly demonstrate this faith by chanting the nien-fo (Nembutsu (jap) or "Praise to Amitabha Buddha." The school traces itself back to Hui-Yuan (344- 416), the first Chinese patriarch of the tradition, which claims Nagarjuna as its first Indian patriarch. Nowadays, many Buddhist followers in China, Korea, Japan and Vietnam are practitioners of the Pure Land sect because they don't have to be ordained in order to be reborn in the Pure Land. They believe that even lay people can also be reborn there.

In the Pure Land such as Sukhavati, these above mentioned hindrances don't exist. Everyone practices Dharma, and all the conditions, physical, social, economic, etc, are conducive to realizing the path. Because attaining enlightenment is easy there, rebirth in Sukhavati desirable. In addition, Sukhavati is unusual among the many pure lands because it's easier to go there: ordinary beings who have neither perception of emptiness nor full-fledged altruistic intention(bodhicitta) can be reborn there. Sukhavati Pure Land came into existence as a result of the practice of a Bodhisattva monk, Dharmakara, who many eons ago had the wish to create a place where other beings could easily practice Dharma. He made a series of vows in which he promised to establish this pure land when he became a Buddha and described the means by which others could be reborn there. Dharmakara then learned the Dharma from a previous Buddha, generated the altruistic intention, and completed the practices of calm abiding and special insight. In this way, he became the Buddha Amitabha, and by the power of his positive potential and wisdom,

Sukhavati came into being. How can people be reborn in Sukhavati? Some people believe that having strong faith in Amitabha and reciting his name are sufficient. Then, by Amitabha's power, they'll be led to the pure land when they die. This is a rather simplistic view and raises the question, "Buddha said no one can save us but ourselves. We must practice Dharma and transform our own minds. Isn't it contradictory to say one needs only to have faith and Amitabha will do the rest?" Yes, this is contradictory. While Amitabha can inspire and guide people, they must practice. The Sukhavati Sutras set out this practice: ethical conduct, purification of destructive actions, generation of the altruistic intention, concentration on meditation on the qualities of the Buddha and the Pure Land. Then, with a heart-felt aspiration, one dedicates the positive potential from one's practice to be reborn in Sukhavati in order to attain enlightenment for the benefit of all others. Thus, here faith is an adjunct to meditation. It arises not through blind belief or desperation, but through knowing the qualities of the Buddhas, Dharma and Sangha. The practice of reciting Amitabha's name can be used to develop the above mentioned qualities. For example, by reciting "Namo Amitabha Buddha" while thinking of Amitabha's altruistic intention, one admires the bodhicitta and will develop it in one's life. By focusing on the sound of Amitabha's name, one eliminates distractions and develops concentration. One can gain calm abiding by using a visualized image of Amitabha and the Pure Land as one's meditation object. Special insight on selflessness is developed by meditating on the emptiness of inherent existence of Amitabha and oneself. Thus we see the Pure Land practice is very profound and very rich and goes beyond merely reciting Amitabha's name. During daily life activities one continues the recitation to remind oneself of the qualities of the Three Jewels. While walking or driving, one can develop mindfulness on the sound of Amitabha's name. Remembering that ethical conduct is a principal cause for rebirth in a pure land, one becomes mindful of what one thinks, says and does. Some of the confusion about whether recitation of Amitabha's name is sufficient practice arose because the Chinese term "nien Fo" has several meanings. "Nien" can mean: i) concentration or meditation, ii) a moment of time, iii) vocal recitation. In India, Amitabha practice centered upon meditation. In China and Vietnam, it emphasized

recitation of his name. The same Chinese term could be applied to both of the above mentioned emphases.

## ***II. The Philosophy of the Pure Land:***

Great Master Hui-Yuan founded Chinese Pure Land School to teach an easy way to practice and salvation, based on the Sukhavati Sutra. For a long time the Chinese Pure Land based on Sakyamuni Buddha and some important Bodhisattvas like Maitreya, Avalokitesvara, and Ksitigarbha. According to Dr. Edward Conze in "Buddhism: Its Essence and Development (p.205)," although Maitreya Bodhisattva always remained popular, and the cult of Manjusri and Vairocana spread widely in the eighth century, the inscription and images suggest that Amitabha came to the fore about 650 A.D., and Avalokitesvara became then firmly associated with his cult. While in India so far scarcely any portrayals of Amitabha and none of his Paradise have been found, China offers an abundance of such images. We do not know the reasons why just Amitabha's Paradise should have stirred the imagination of the Chinese to such an extent. Whatever we say, nowadays Amitabha Buddha and His Paradise have been popular in most of the world Pure Land Schools. According to the doctrine of the Pure Land, the Western Heaven is the residence of the Amitabha Buddha. This sect bases its belief on the formula that salvation is to be attained "through absolute faith in another's power," and lays emphasis on the recitation of the name of Amitabha Buddha, or Namo Amitabha Buddha, which is regarded as a meritorious act on the part of the believer. The recitation of the Buddha's name is looked upon as the expression of a grateful heart. Nagarjuna's Dasabhumi Sutra and Vasubandhu's commentary on it are the Indian authorities recognized by the Pure Land School because the "easy way" and "power of another" are indicated and elucidated by them. Nagarjuna asserted that there were two ways for entering Buddhahood, one difficult (other sects) and one easy (the Pure Land sect). One was traveling on foot and the other was passage by boat. Amitabha-pietism will be the greatest of all vehicles to convey those who are in need of such means. The idea of being saved is generally considered new in Buddhism. But King Milinda (a Greek ruler in Sagara, about 115 B.C.) questioned a learned priest Nagasena, saying that it was unreasonable that a man of

bad conduct could be saved if he believed in a Buddha on the eve of his death. Nagasena replied: "A stone, however small, will sink into the water, but even a stone weighing hundreds of tons if put on a ship will float." While all other schools of Mahayana insist on self-enlightenment, Pure Land Sects teach sole reliance on the Buddha's power. The Buddha of all other exoteric schools is Sakyamuni while the Buddha of the Pure Land Sects is Amita, or Infinite Light (Amitabha), or Infinite Life (Amitayus) whose Land is laid in the Western Quarter, often designated as the Western Pure Land. The Amitabha or Amitayus is a Buddha idealized from the historical Buddha Sakyamuni. According to Prof. Takakusu in *The Essentials of Buddhist Philosophy*, if the Buddha is purely idealized, he will be simply the Infinite in principle. The infinite will then be identical with Thusness. The Infinite, if depicted in reference to space, will be the Infinite Light; and if depicted in reference to time, will be the Infinite Life. This is Dharma-kaya or ideal. This dharma-kaya is the sambhogakaya or the Reward-body or body of enjoyment if the Buddha is viewed as a Buddha 'coming down to the world.' If he is viewed as a Bodhisattva going up to the Buddhahood, he is a would-be Buddha like the toiling Bodhisattva (Sakyamuni). It is Sakyamuni himself who describes in the *Shukavati-vyuha* the activities of the would-be Buddha, Dharmakara, as if it had been his former existence. The vow, original to the would-be Buddha or even to Sakyamuni Buddha himself, is fully expressed in forty-eight vows in the text. The philosophy of the Pure Land is based on Amitabha's most important vows: Vows 12 and 13 refer to the Infinite Light and Infinite Life. "If he cannot get such aspects of Infinite Light and Life, he will not be a Buddha." If he becomes a Buddha he can constitute a Buddha Land as he likes. A Buddha, of course, lives in the "Nirvana of No Abode," and hence he can live anywhere and everywhere. His vow is to establish the Land of Bliss for the sake of all beings. An ideal land with adornments, ideal plants, ideal lakes or what not is all for receiving pious aspirants. The eighteenth vow which is regarded as most important, promises a birth in his Land of Bliss to those who have a perfect reliance on the Buddha, believing with serene heart and repeating the Buddha's name. The nineteenth vow promises a welcome by the Buddha himself on the eve of death to those who

perform meritorious deeds. The twentieth vow further indicates that anyone who repeats his name with the object of winning a birth in his Land will also be received.

### ***III. Amitayurdhyana Sutra:***

The smaller text of Sukhavati-vyuha is a résumé or abridged text of the larger one. The last of the three texts, the Amitayur-dhyana Sutra, tells us the origin of the Pure Land doctrine taught by Sakyamuni Buddha. The reason for the Buddha to preach this sutra was from the following story, Ajatasatru, the prince heir-apparent of Rajagriha, revolted against his father, King Bimbisara, and imprisoned him. His consort, Vaidehi, too was confined to a room. Thereupon the Queen asked the Buddha to show her a better place where no such calamities could be encountered. The World-Honored One appeared before her and showed all the Buddha lands and she chose the Land of Amitabha as the best of all. The Buddha then taught her how to meditate upon it and finally to be admitted there. He instructed her by his own way of teaching and at the same time by the special teaching of Amitabha. That both teachings were one in the end could be seen from the words he spoke to Ananda at the conclusion of his sermons. "Oh Ananda! Remember this sermon and rehearse it to the assembly on the Vulture Peak. By this sermon, I mean the name of Amitabha." "From this we can see that the object of the sermon was the adoration of Amitabha. Thus, we see that Sakyamuni Buddha's teaching was after all not different from that of Amitabha. The smaller Sakhavati-vyuha is the main text for reciting of the Pure Land Sect. With the Pure Land, the devotional repetition of the Buddha's name is a necessary action of the pious to deepen the faith, without which salvation will never be complete.

### ***IV. Three Methods in the Pure Land Cultivation:***

According to Most Venerable Thích Thiên Tâm in The Pure Land Buddhism, the Dharma methods are not, in themselves, high or low. It is only because the different natures and capacities of individuals that they have been categorized as such. Sentient beings are at different levels of spiritual development, and therefore, various methods are required. There are numerous methods; however, we can summarize in



the three basic ones. *The First Method Is the Visualization Method:* According to Most Venerable Thích Thiên Tâm in The Pure Land Buddhism, visualization Method, is explained as follows in the Meditation Sutra: “Every Buddha, Tathagata, is One who is a Dharma realm Body and enters into the Mind of all beings. For this reason when you perceive the Buddha-state in your Minds, this indeed is the Mind which possesses the thirty-two signs of perfection and the eighty minor marks of excellence. It is the Mind that becomes Buddha; indeed, it is the Mind that is Buddha. The ocean of true and universal knowledge of all the Buddhas is born of Mind and thought. For this reason, you ought to apply your Mind with one thought to the meditation on that Buddha. According to the T’ien-T’ai Treatise, the passage beginning from ‘Every Buddha, Tathagata’ refers to all Buddhas. The passage beginning with ‘You ought to apply your Minds,’ etc., refers specifically to meditation on Buddha Amitabha. The Dharma Realm Body is the Dharma Body of the Reward Buddha. If the Minds of sentient beings are pure, the Dharma Body reveals itself. Thus, the word ‘enter’ is used. This is similar to the brilliant sun; when it rises, its image appears in a multitude of rivers. This is to indicate that the Buddha Body is free and unimpeded and can manifest itself according to the object. Moreover, the ‘Dharma Realm Body’ refers to the Buddha Body, appearing everywhere, taking the Dharma Realm as its nature. When the practitioner achieves this Buddha Visualization Samadhi, his understanding and actions (noumenon and phenomenon) interpenetrate and become one. This is expressed in the words ‘enters into the Minds of all beings.’ “It is the Mind that becomes Buddha” means that the Buddha has always been inherently empty and void. Because the Minds of sentient beings are pure, Buddha exists. Indeed, it is the Mind that is Buddha. Since people might misunderstand what was said previously and think that the Buddha has spontaneously come into existence, the words ‘is Buddha’ are used. The word ‘become’ indicates the beginning of visualization, while the word ‘is’ means that visualization has been accomplished. Another commentary states: “To visualize the Buddha’s body, you should clearly understand the nature of visualization. That nature is self-enlightenment. Visualization methods are developed from there. Self-enlightenment is the Dharma Realm Body of the Buddhas because what the Buddhas have

completely attained is nothing other than the Self-Nature of sentient beings. Only when the ‘initial enlightenment’ is meritorious does ‘self-enlightenment’ appear. This is the meaning of the words ‘the Dharma Realm Body is born of Mind and thought.’ Moreover, Amitabha Buddha and all Buddhas possess the same Dharma Body, the same wisdom and the same capacities and functions. When the body of Amitabha Buddha is manifested, the bodies of all Buddhas are manifested; when the bodies of the Buddhas are understood, the nature of Amitabha Buddha is revealed. Therefore, the Meditation Sutra refers broadly to all Buddhas in order to end in the visualization of Amitabha Buddha. “From the words ‘Dharma Realm Body’ on, the Sutra refers to the mutual response between the Buddhas and the practitioner and the ‘interpenetration’ between understanding and action (theory and practice). Commenting on these two explanations, Elder Master Dung Tâm has written: “Without the first explanation, the above visualization would not be a meditation on the Buddha. Without the second explanation, the practitioner could misunderstand and think that the nature of sentient beings is different from that of the Buddhas. The two explanations are complementary in elucidating the Visualization method.” *The Second Method Is the Method of Recollection Method:* According to Most Venerable Thích Thiên Tâm in The Pure Land Buddhism, with recitation or recollection method, the cultivator either “recollects” the auspicious features of Amitabha Buddha or “recites” His name. This method has both noumenal and phenomenal aspects. First, the method of One-pointedness of Mind on noumenal level. In the Avatamsaka Sutra, the Elder Liberation said: “If I wish to see Amitabha Thus Come One in the World of Happiness, then as soon as I formulate the intention I see Him. I can clearly see all the various Buddhas, their lands and retinues as well as their spiritual powers. And yet, these Thus Come Ones do not come here, nor do I go to them. . This is so because I know that all Buddhas and my own Mind are completely like a dream. I know that all Buddhas are like an image or reflection in the water. I know that all the physical characteristics of all Buddhas together with my own Mind, are both like an illusion, an echo. I realize this as such and recollect and consider this as such, that all Buddhas I see arise from my own Mind. Because I clearly understand my Mind as such, I can at will see the Buddhas. An Elder

Master commented on the above quote as follows: “From the first sentence to the words ‘Nor do I go to the Buddhas,’ the sutra elucidates the truth of Mind-Only. If the practitioner is enlightened to the truth of ‘Mind but not Mind,’ he immediately enters the True Thusness Samadhi. When the practitioner truly understands that all realms and marks are illusory, created from the Mind, and awakens to the truth of ‘Mind-Only and Mind is Buddha,’ then, depending on the object of his thoughts and recollection, there is nothing which is not Buddha. The second part of this quote refers to four examples. These four examples encompass the Four Meditations and include the ‘general’ and the ‘specific,’ thus revealing the truth of Mind-Only, everything has always been perfect and unobstructed. ‘Like a dream’ stands for the truth of ‘neither coming nor going.’ This means that everything is Mind-Only. ‘Like a reflection in the water’ represents the truth of ‘neither leaving nor entering.’ This shows that because it is Mind-Only, it is empty. ‘Like an illusion’ stands for the truth of ‘neither existing nor non-existing.’ This indicates that because it is Mind-Only, it is false. ‘Like an echo’ means ‘neither disintegrating nor amalgamating.’ This shows that because it is Mind-Only, it is the Middle Way. If the practitioner clearly understands this truth and concentrates upon the Buddha’s name, he or she will be free of the followings: the mind of existence and non-existence, the mind of simultaneous existence and non-existence, the mind of simultaneous non-existence and non-non-existence, serving all past, present and future, this is call “Noumenal recitation. If the practitioner can recite singlemindedly in this way throughout the six periods of day and night, i.e., all the time, without interruption and without developing a single thought , he need not pass through any stage of cultivation but can enter directly into the realm of the Buddhas. This is also called “One-pointedness of Mind” or noumenal level. One-pointedness of Mind on noumenal level is the practice of those of the highest capacities. The next method is the method of one-pointedness of Mind on phenomenal level. The Surangama Sutra states: “Moreover, whoever recites the name of Amitabha Buddha, whether in the present time, or in the future time, will surely see the Amitabha Buddha and never become separated from him. By reason of that association, just as one associating with the maker of perfumes becomes permeated with the same perfumes, so he

will become enlightened without Amitabha's compassion, and will become enlightened without any other expedient means. Another sutra teaches that: "Whether he focusses on the Buddha constantly throughout his life, or recites assiduously for three months, or forty-nine days, or one to seven days and nights, or recites only ten times each morning, as long as the practitioner holds the Buddha's name with deep faith and fervent vows, like a dragon encountering water or a tiger hidden deep in the mountains, he will be assisted by the Buddha's power and achieve rebirth in the Pure Land. A dragon outside the ocean or a tiger without the protection of the forest has but one thought in mind: to return to its environment. One-pointedness of Mind on phenomenal level refers to the practitioner whose Mind is still attached to recitation, one recitation following another without pause, leading to the state of extinction of all sundry thought. *The Third Method Is the Method of Sundry Practices*: This method includes seeking rebirth through the power of vows, achieving rebirth through Mind-power, achieving rebirth through spiritual power, and achieving rebirth through the power of accumulated merits.

#### ***V. Three Doubts of Practitioners About the Pure Land:***

According to Most Venerable in The Pure Land Buddhism in Theory and Practice, there are some people who truly want to recite the Buddha's name or have engaged in the practice; however, because their study and understanding of the Dharma are still wanting, they develop doubts as soon as they hear criticisms of others. There are many such doubts; however, here we only mention three of the most common. *First, Pure Land Is Really Just an Expedient Teaching*: Seeing the Pure Land described in overly majestic terms in the sutras, some people suddenly develop the idea that the Pure Land is merely an expedient of the Buddhas. How can there exist a world in which everything, from the ground to the trees and towers, is made of seven jewels(see Thất Bảo). Moreover, the inhabitants radiate health and tranquility; they spring to life from lotus blossoms, free of old age, disease and death. Ethereal food and clothing appear before them according to their wishes. All these are far removed from the realities spread before our own eyes, how can we believe in them? In reply to this I will say: "All these doubts derive from the limited sights and

sounds perceived by the eyes and ears of common mortals. Those who wish to study the Dharma should not assess the realms of the saints with the limited faculties of sentient beings. Let us not talk of faraway things. In Asia, in the last century, when Mr. Phan Thanh Giản, a high-ranking official returned from Europe, reported that over there, lamps required no fire to light them, while carriages and barges moved on their own, without horses or men to pull them. He then praised Europeans for their intelligence and skills, which in hundreds of instances rivalled those of God, only life and death remaining within the purview of the Almighty. His words were met with disbelief from the king on down to his entire court. Even the official's closest friends smiled and thought that returning from far away, he was just exaggerating. In reality, all issues mentioned by Mr. Phan were true.

***Second, Hearing That the Pure Land Method Is Easy to Practice But the Results Are Speedy and Lofty, Some People Develop Doubts:*** How can there be such an easy method leading to Buddhahood? The usual way of Buddhist cultivation centers around concentration and contemplation. When we start cultivating, we practice first concentration (samatha), then contemplation (vipasyana), or we can begin first with contemplation and follow up with concentration. We then progress to the stage where “in contemplation there is concentration, in concentration there is contemplation.” Upon reaching the level of “non-dual concentration and contemplation, still-but-illuminating samadhi and wisdom,” we have stepped into the realm of the Self-Nature. From then on, if we vigorously keep up with our cultivation life after life, it will take ten thousand eons before we reach the level of non-retrogression, according to the sutras and commentaries. How is it that after only a few singleminded utterances of the Buddha's name, we can be reborn in the Pure Land in this very lifetime, at the stage of non-retrogression? Is it not really too easy? When responding to this doubt, we should realize that most other methods involve complete reliance on “self-power,” and are therefore bound to be difficult. The Pure Land method characteristically involves two factors, the power of one's own mind and Amitabha Buddha's power of “welcoming and escorting.” Therefore, obtaining results is extremely easy. For example, if someone with weak, hobbled feet wanted to climb a mountain unaided, it would be difficult indeed!

However, if he were assisted by a great athlete who took him by the arm and climbed the mountain along with him, head held high, the result would not be that difficult to achieve. The same is true of Pure Land. As we earnestly recite the Buddha's name, our mind-power keeps developing. When one-pointedness of mind is achieved, the mind-power manifests itself perfectly. At that point the power of our karma is subdued and is no longer a hindrance. If we add to that Amitabha Buddha's power to "welcome and escort," we will achieve rebirth in the Pure Land in spite of the fact that not all of our bad karma is extinguished. Once reborn, our lifespan extends over innumerable eons. Non-retrogression until complete Enlightenment and Buddhahood are attained is therefore an easily understandable occurrence. ***Third, Sentient Beings Lack Conditions and Merit and Therefore Cannot Achieve Rebirth in the Pure Land:*** The Land of Ultimate Bliss is so extremely lofty and beautifully adorned that we cannot rely merely on a few good roots, blessings, virtues, causes and conditions to achieve rebirth in that land. Reflecting upon ourselves, we see that our good roots, merits and virtues are indeed shallow, while our bad karma and obstructions are heavy; how can we expect to attain, in this very life, conditions favorable to rebirth in the Pure Land? I respectfully beg of you, ten million times, not to have such doubts! For, if you can finger a rosary and recite the Buddha's name, you already have deep roots of merit and virtue. Do think again. How many people are there on this very earth who lack the opportunity to hear the Buddha's name? How many, even after hearing Amitabha Buddha's name, continue to seek fame and profit, chasing after mundane dusts and refusing to recite the Buddha's name? You have now heard the Dharma and recited the Buddha's name in all sincerity. Is this not proof enough that you already have many good roots, merits and virtues? In the Longer Amitabha Sutra, Sakyamuni Buddha said to Maitreya Bodhisattva: "If any sentient being hears the name of Amitabha Buddha and is transported with delight even for a moment, you should know that he has received great benefit and has perfected supreme merit and virtue." This quote should be proof enough: the very fact that a person practices Buddha Recitation shows that he already has many good roots, merits and virtues. The book, *Biographies of Pure Land Sages and Saints*, records the life histories of individuals who

committed extremely heavy transgressions, yet achieved rebirth in the Pure Land through singleminded recitation of the Buddha's name at the time of death. Your good roots, merits and virtues far surpass those of the evil beings cited in these biographies. Therefore, why should you have doubts about being reborn in the Pure Land in this very lifetime?

#### ***VI. Four Aspects of Amitabha Pietism:***

According to the Pure Land Sects, Amitabha Buddha is more than one of the five Buddhas, although his land is laid in the Western Quarter; instead, he is one of the principal Buddha in Buddhism. Thus we see the ideas of the Amitabha schools concerning the Buddhological principle of Mahayana. According to the theory of "original immanence" of T'ien-T'ai and the "two essences in one" theory of the Shingon, the principle of "one-is-all and all-are-one" will be readily admitted. Of the five Wisdom Buddhas, Amitabha of the West may be identical with the central Mahavairocana, the Buddha of homo-cosmic identity. Amitabha's original vows, his attainment of Buddhahood of Infinite Light and Life, and his establishment of the Land of Bliss are all fully described in the Sukhavati text. It is but natural that Sakyamuni Buddha, who hinted to his disciples in the Lotus Sutra not to regard Amitabha Buddha as a Buddha of eighty years of age with a small stature, for he is in reality a Buddha of remote ages and of world-wide pervasions, should be identified with the Buddha of Infinite Light and Life. A complete reliance on such a Buddha's power will be a reasonable outcome of this teaching. Sakyamuni Buddha insisted on an absolute faith in Amitabha Buddha because faith alone being the cause of salvation. According to Prof. Junjiro Takakusu in *The Essentials of Buddhist Philosophy*, Amitabha-pietism is of four aspects. *First, the aspect of T'ien-T'ai and Shingon:* The aspect in which Amitabha Buddha is one of the five Wisdom Buddhas (Dhyani-Buddhas) governing the Western Quarter, having Mahavairocana (the Great Sun Buddha) at the center. *Second, the aspect of combining reciting Amitabha Buddha's name and cultivating:* Also called Yuzunembutsu (Japanese), in which the value of one's faith in Amitabha is transferable to another or vice versa, i.e., religion of mutual help with faith. *Third, the aspect of the Pure Land Sect:* The aspect in which Amitabha Buddha's faith is taught exclusively in

accordance with the three Sukhavati texts of the school, especially based on the Buddha's vows. *Fourth, the aspect of the Shingon Sect:* The aspect in which the faith is taught strictly in accordance with the eighteenth vow of Amitabha Buddha described in the larger Sukhavati text: See Forty-eight vows of Amitabha (18) in (B) VIII.

### ***VII. Pure Land Practitioners' Mind:***

"Mind" is another name for Alaya-vijnana. Unlike the material body, immaterial mind is invisible. We are aware of our thoughts and feelings and so forth by direct sensation, and we infer their existence in others by analogy. The mind is the root of all dharmas. In Contemplation of the Mind Sutra, the Buddha taught: "All my tenets are based on the mind that is the source of all dharmas." The mind has brought about the Buddhas, the Heaven, or the Hell. It is the main driving force that makes us happy or sorrowful, cheerful or sad, liberated or doomed. Ten Minds developed by the Pure Land practitioners in the Maharatnakuta Sutra, Sakyamuni Buddha told Maitreya Bodhisattva: "Ten Minds developed by the Pure Land practitioners cannot be developed by ordinary people, nor those who lack virtue and are beset by afflictions." What are these ten? *First*, to develop great loving kindness, not to harm sentient beings. *Second*, to develop great compassion, not to cause any afflictions to sentient beings. *Third*, to protect the true Dharma of the Buddha without regard for one's life. *Fourth*, to develop Supreme Tolerance of the Correct Dharma, without clinging nor grasping. *Fifth*, to be still and peaceful, without seeking gain, support nor respect. *Sixth*, to seek the Buddha's wisdom at all times. *Seventh*, to be respectful and reverential toward all sentient beings at all times. *Eighth*, to avoid indulging in mundane discussions; to resolve to Bodhi-Mind. *Ninth*, to keep the Mind pure, to plant all good roots. *Tenth*, to give up attachment to the marks of the Buddhas, while always keeping the Buddhas in mind.

According to Great Master Ying-Kuang, the Thirteenth Patriarch of Chinese Pure Land Sect: "The mind encompasses all the ten directions of dharma realms, including Buddha dharma realm, Bodhisattva dharma realm, Pratyeka-Buddha dharma realm, Sravaka dharma realm, Heaven dharma realm, Human dharma realm, Asura dharma realm, Animal dharma realm, Hungry Ghost dharma realm, and Hell dharma



realm. One mind can give rise to everything. Buddhas arise from within the cultivator's mind, Hells also arise from the cultivator's mind." The mind is so closely linked with the body that mental states affect the body's health and well-being. Some doctors even confirm that there is no such thing as a purely physical disease. Unless these bad mental states are caused by previous evil acts, and they are unalterable, it is possible so to change them as to cause mental health and physical well-being to follow thereafter. Man's mind influences his body profoundly. If allowed to function viciously and entertain unwholesome thoughts, mind can cause disaster, can even kill a being; but it can also cure a sick body. When mind is concentrated on right thoughts with right effort and understanding, the effect it can produce is immense. A mind with pure and wholesome thoughts really does lead to a healthy and relaxed life. In the Dharmapada Sutra, the Buddha taught: Of all dharmas, mind is the forerunner, mind is chief. We are what we think, we have become what we thought (what we are today came from our thoughts of yesterday). If we speak or act with a deluded mind or evil thoughts, suffering or pain follows us, as the wheel follows the hoof of the draught-ox (Dharmapada 1). Of all dharmas, mind is the forerunner, mind is chief. We are what we think, we have become what we thought. If we speak or act with a pure mind or thought, happiness and joy follows us, as our own shadow that never leaves (Dharmapada 2). As rain penetrates and leaks into an ill-thatched hut, so does passion enter an untrained mind or uncultivated mind (Dharmapada 13). As rain does not penetrate a well-thatched hut, so does passion not enter a cultivated mind (Dharmapada 14). The wavering and restless, or unsteady mind, difficult to guard, difficult to hold back; a wise man steadies his trembling mind and thought, as a fletcher makes straight his arrow (Dharmapada 33). As a fish drawn from its watery abode and thrown upon the dry land, our thought quivers all over in its effort to escape the realm of Mara (Dharmapada 34). It is good to control the mind, which is difficult to hold in and flighty, rushing wherever it wishes; a controlled mind brings happiness (Dharmapada 35). The mind is hard to perceive, extremely subtle, flits whenever it wishes. Let the wise person guard it; a guarded mind is conducive to happiness (Dharmapada 36). Traveling far, wandering alone, bodiless, lying in a cave, is the mind. Those who subdue it are freed from the bonds of

Mara (Dharmapada 37). He whose mind is not steady, he who does not know the True Law, he whose confidence wavers, the wisdom of such a person will never be perfect (Dharmapada 38). He whose mind is free from lust of desires, he who is not affected by hatred, he who has renounced both good and evil, for such a vigilant one there is no fear (Dharmapada 39). Knowing that this body is as fragile as a jar, establishing this mind as firm as a fortress, he should be able to fight Mara with the weapon of wisdom. He should be able to guard his conquest and be without attachment (Dharmapada 40). In a short period of time, this body will lie on the ground, cast aside, without consciousness, even as a useless piece of dry log (Dharmapada 41). Whatever harm an enemy may do to an enemy, or a hater to a hater, an ill-directed mind can do one far greater harm (Dharmapada 42). What neither mother, nor father, nor any other relative can do, a well-directed mind can do one far greater good (Dharmapada 43). Like the earth, Arhats who are balanced and well-disciplined, resent not. He is like a pool without mud; no new births are in store for him (Dharmapada 95). Those Arhats whose mind is calm, whose speech and deed are calm. They have also obtained right knowing, they have thus become quiet men (Dharmapada 96). In the past times, this mind went wandering wherever it liked, as it wished and as it pleased. But now I shall completely hold it under control as a rider with his hook a rutting elephant (Dharmapada 326). Take delight in heedfulness, check your mind and be on your guard. Pull yourself out of the evil path, just like the elephant draws itself out of the mud (Dharmapada 327). In the Forty-Two Sections Sutra, a Sramana asked the Buddha: ‘What are the causes and conditions by which one come to know past lives and also by which one’s understanding enables one to attain the Way?’ The Buddha said: ‘By purifying the mind and guarding the will, your understanding can achieve (attain) the Way. Just as when you polish a mirror, the dust vanishes and brightness remains; so, too, if you cut off and do not seek desires, you can then know past lives.’ (Chapter 13). The Buddha said: “Be careful not to believe your own mind; your mind cannot be believed. Be careful not to get involved with sex; involvement with sex leads to disasters. Once you have attained Arahantship, then you can believe your own mind.” (Chapter 28).

In short, this single mind encompasses the four kinds of lands in their totality. From the Six Common Dharma Realms to the Four Dharma Realms of the Sages are not beyond the present thought in the Mind. The mind can create the heavens as well as the hells. The mind can achieve Buddhahood, but it can also turn into a hungry ghost or an animal, or fall into the hells. It can be a Bodhisattva, a Pratyekabuddha, or a Sravaka. Since everything is made from the mind, nothing goes beyond the mind. If we want to create Buddhas in our minds, we become part of the retinue of the Dharma Realm of the Buddhas. The other Dharma Realms are the same way. Sincere Buddhists should always see this and pay attention to all daily activities from walking, standing, lying down, or sitting... We must regulate ourselves in accord with propriety of a true Buddhist. Sincere Buddhists should always remember that we create more and more karmas and commit more and more sins because we are not concentrated and determined. We get dragged into situations until we forget what we want to do. We forget our goal is to cultivate to become a Buddha, a Bodhisattva, or any of the four kinds of the sages. Instead, we only know how to create hells, hungry ghosts, and animals, etc. Thus, Buddhas and demons are only a single thought apart. Buddhas are kind and compassionate, while demons are always competitive with unwholesome thoughts. In the Lankavatara Sutra, the Buddha taught: "The Bodhisattva-mahasattvas sees that the triple world is no more than the creation of the citta, manas, and mano-vijnana, that it is brought forth by falsely discriminating one's own mind, that there are no signs of an external world where the principle of multiplicity rules, and finally that the triple world is just one's own mind."

Someone asked Great Master Yen-Shou that if the realm of "Pureland within the Mind" is ubiquitous throughout the ten directions, why not try to penetrate it instead of wanting the Pureland and abandoning the Impure Land praying to gain rebirth to the Ultimate Bliss World and sit on the lotus throne. Doing so not seem to be consistent with the theory of "No Birth." If one has the mind of being tired of impurity but is fond of purity then that is not the mind of equality and non-discrimination? The Great Master replied: "Pureland within the Mind is a state achieved only by those who have seen and penetrated the true nature and have attained the Non-Form Dharma

Body. Despite this, according to the Buddha's Inconceivable (Unimaginable) World Sutra, those Bodhisattvas who have attained the First Ground Maha-Bodhisattva or Rejoicing Ground to enter the world of "Everything within the Mind," still vow to abandon their bodies to be born quickly to the Ultimate Bliss World. Thus, it is necessary to understand "No Dharma exists outside the Mind." If this is the case, then the Ultimate Bliss World is not outside the realm of the Mind. As for the theory of no-birth and the mind of equality and non-discrimination, of course, in theory this is true. However, for those who still do not have enough spiritual power, have shallow wisdom, impure minds, are bound by heavy karma and afflictions; moreover when tempted with the five desires and the forces of life, how many actually will be able to attain and penetrate this theory. Therefore, these people, most sentient beings of this Dharma Ending Age, need to pray to gain rebirth to the Ultimate Bliss World so they can rely on the extraordinary and favorable conditions of that world in order to be able to enter quickly the realm of Pureland within the Mind and to practice the Bodhisattva's Conducts. Moreover, the book of commentary "Ten Doubts of Pureland Buddhism" taught: "Those who have wisdom and have already attained the theory of "Everything is within the Mind," yet are still motivated to pray for rebirth to the Pureland because they have penetrated completely the true nature of non-birth is illusory. Only then can it be called the "true nature of non-birth. As for the ignorant, those who lack wisdom and are incapable of comprehending such a theory; therefore, they are trapped by the meaning of the world "Birth." Thus, when they hear of birth, they automatically think and conceptualize the form characteristics of birth actually exist, when in fact nothing exists because everything is an illusion. When they hear "Non-Birth," they then mistakenly think of "Nothing being born anywhere!" Given this misconception, they begin to generate a mixture of gossip, criticism, and mockery; thus create various false views and then degrade the Dharma. Such people truly deserve much pity!"

***(B) Dharma Door of Buddha Recitation  
In Buddhist Teachings***

***I. Overview and Meanings of Buddha Recitation:***

Buddha recitation means to repeat the name of a Buddha audibly or inaudibly, or visualization of the Buddha's auspicious marks. It is to say to depend upon or dependence on the Amitabha Buddha, who confers his strength on all who seek it and upholds them; it implies prayer, because of obtaining the Buddha's power and transferring it to others. In general it means to aid or to support. By the aid of Buddha to enter the Pure Land. Sentient beings are reborn in the Pure Land owing to the assistance of the following Buddhas; the guidance of our original teacher, Sakyamuni Buddha, and his teachings, and the welcoming and escorting of Amitabha Buddha. Great Master Ying-Kuang reminded Buddhist followers to singlemindedly recite the Buddha's name if they wish for their mind not to be attaching and wandering to the external world. Do not forget that death is lurking and hovering over us, it can strike us at any moment. If we do not wholeheartedly concentrate to practice Buddha Recitation, praying to gain rebirth to the Western Pureland, then if death should come suddenly, we are certain to be condemned to the three unwholesome realms where we must endure innumerable sufferings and sometime infinite Buddhas have in turn appeared in the world, but we are still trapped in the evil paths and unable to find liberation. Thus, cultivators should always ponder the impermanence of a human life, while death could come at any moment without warning. We should always think that we have committed infinite and endless unwholesome karmas in our former life and this life, and the sufferings awaiting for us in the unwholesome realms. Upon thinking all these, we will be awakened in every moment, and we no longer have greed and lust for the pleasures of the five desires and six elements of the external world. According to the "Uninterrupted Cultivation" method of the the Second Patriarch of Chinese Pureland Buddhism, the Great Venerable Master Sen-Tao, in order for recitation to be considered a "Singlemindedness Buddha Recitation," it is necessary to have the following criteria: body must often prostrate to Amitabha Buddha, and not prostrate in a random or

disorderly way; mouth must often recite the virtuous name of Amitabha Buddha, and not recite in a random and disorderly way; and mind must often think of Amitabha Buddha, and not think in a random and disorderly way. There are many different methods of Buddha Recitation, such as oral recitation of Amitabha Buddha's name; visualization or contemplation of Amitabha Buddha's auspicious marks and those enlightening beings of the Pure Land); cultivation of Practices of the ten great vows of Samantabhadra, and so on. In fact, Buddha Recitation is one of the most important koans for Buddhist cultivators. The koan of Buddha Recitation uses the invocation of Amitabha Buddha as a koan. At the very moment the name is uttered, it must be the focal point in respect to which all doubts and delusions are laid aside. At the same time you ask "Who is this person reciting the Amitabha's name?" When you rely steadily on the koan, all illusions and confused thoughts will be broken down the way knotted threads are cut. When there is no longer any place for them to reappear, it is like the shining sun in the sky. When illusion does not arise and delusions disappear, the mind is all calm and transparent. The intermediate goal of Buddha Recitation is to achieve one-pointed mind; from one-pointed mind gradually one can see one's own nature or to achieve the ultimate goal of Buddhahood. In the Long Amitabha Sutra, Sakyamuni Buddha made the following prediction: "In the days to come, the paths of the sutras will come to extinction. I, with compassion and mercy, will purposely make this sutra survive for a hundred years. Anybody who encounters this sutra will, according to his wish, surely attain Enlightenment." In the Great Heap Sutra, Sakyamuni Buddha predicted: "In the Dharma-Ending Age, among multitude of practitioners, very few will attain the Way. The most they can expect is to rely on the Pure Land method to escape Birth and Death. Elder Zen Master T'ien-Ju, having attained the Way, also admonished: "In the Dharma-Ending Age, all sutras will disappear, and only the words "Amitabha Buddha" will remain to bring liberation to sentient beings." This is because, in the distant future, deep in the Degenerate Age, when all sutras have disappeared and people's capacities are at a low level, they will not be aware of any method other than Buddha Recitation. If they do not believe in and practice Pure Land, they will certainly remain mired in the cycle of Birth and

Death. Within that cycle, good actions are difficult to perform while bad deeds are easy to commit. Thus sooner or later they are bound to sink into the hellish realms. The Patriarch Yin Kuang, a Chinese Pure Land Master of recent times, also said: “The magnificence and extraordinary nature of the Buddha Recitation dharma can only be fully understood among the Buddhas. For those who look down on this dharma door of Buddha Recitation, not only will they belittle the ‘old men and elderly women’ who are practicing Pureland, they will also belittle the Buddhas and the Maha-Bodhisattvas such as Manjusri, Samantabhadra, Asvaghosha, and Nagarjuna. In the current Dharma-Ending Age, sentient beings bear heavy karma and their minds are deluded. If they practice other methods rather than Buddha Recitation, they can expect to sow the seeds of merit, virtue and wisdom but not to escape the cycle of Birth and Death in their present lifetimes. Although there are a few instances of great monks exhibiting extraordinary achievement, they are in reality transformation Bodhisattvas. In accordance with their vows, they act as examples for sentient beings in the Dharma-Ending Age, as is taught in the Surangama Sutra (a key Zen text). Even then, these Bodhisattvas, adapting themselves to people's capacities, can only take the expedient appearance of having awakened to the Way, but not having attained Enlightenment. In the specific case of Pure Land, very few sentient beings can achieve the Buddha Recitation Samadhi these days, compared to earlier times. However, through Buddha Recitation, they can take their residual karma along with them to the Pure Land by relying on their own vows and those of Amitabha Buddha. Once there, they have escaped Birth and Death, achieved non-retrogression, and can progress in cultivation until they reach the stage of Non-Birth.”

## ***II. The Door of Buddha Recitation:***

The true intention of Sakyamuni Buddha, when He appeared in the world to preach the Dharma and rescue sentient beings, was for all beings to escape Birth and Death and attain Enlightenment immediately. However, because sentient beings were all of differing capacities and thus could not entirely meet His transcendental expectations, so the Buddha resorted to one expedient after another, all of them adapted to the individual capacities of sentient beings. To

those of the highest capacities, the Buddha taught the path of the Buddhas, showing them the Self-Nature directly so that they might attain Buddhahood in one lifetime, as in the case of Sudhana in the Avatamsaka Sutra or the Dragon Princess in the Lotus Sutra. To those of more modest capacities, the Buddha taught the Bodhisattva, Pratyeka Buddha and Arhat paths, so that they might reach Buddhahood through step-by-step cultivation. To those of still lower capacities, the Buddha taught the Five Precepts and the Ten Virtues. In 'Letters From Patriarch Yin-Kuang,' Great Master Yin-Kuang said: "These methods, high or low, some leading to swift liberation, others to gradual liberation, are all different. However, they all require self-power and deep cultivation to escape from the cycle of Birth and Death and reach the Self-Nature. If even a trace delusion of views or delusion of thought remains, the root of Birth and Death cannot be extirpated. This being the case, even if the cultivator's powers of concentration and wisdom are profound, he will continue to revolve in the cycle of Birth and Death. Only at the level of the Arhats are the roots of Birth and Death completely severed. However, transcending Birth and Death is merely the small fruit of the Arhats; the cultivator must still aim for the path of Great Bodhi, relying on his Vow to be reborn in the worlds of the ten directions. He may then cultivate the six paramitas and the ten thousand conducts, in order to achieve Buddhahood and rescue sentient beings. In this manner, he will gradually achieve the fifty-two stages of Bodhisattvahood, up to the level of Wonderful Enlightenment, before finally reaching Buddhahood." Pure Land practitioners should always keep in mind that in the midst of this Dharma-Ending Age, there are very few good spiritual advisors, while the capacities of sentient beings are limited. It is difficult enough to find someone who is awakened to the Way, not to mention one who has truly attained Enlightenment? Knowing that sentient beings would find it extremely difficult to achieve liberation by relying on self-power alone, Sakyamuni Buddha taught, in addition to other methods, the special approach of Pure Land. With this method, as long as their Faith and Vows are true and earnest, even those who have committed the Five Grave Offenses or the Ten Evil Acts, may, on the verge of death, when the mark of the hells appear, follow the advice of a good spiritual advisor and recite the Buddha's name one to ten times; then, thanks to the compassionate



power of Amitabha Buddha, even they will be received and guided to the Pure Land, not to mention those who practice wholesome deeds and do not commit transgressions! To repeat the name of a Buddha audibly or inaudibly, or visualization of the Buddha's auspicious marks. The intermediate goal of Buddha Recitation is to achieve one-pointed mind; from one-pointed mind gradually one can see one's own nature or to achieve the ultimate goal of Buddhahood. In the Great Heap Sutra, Sakyamuni Buddha predicted: "In the Dharma-Ending Age, among multitude of practitioners, very few will attain the Way. The most they can expect is to rely on the Pure Land method to escape Birth and Death. Besides, in the Long Amitabha Sutra, Sakyamuni Buddha made the following prediction: "In the days to come, the paths of the sutras will come to extinction. I, with compassion and mercy, will purposely make this sutra survive for a hundred years. Anybody who encounters this sutra will, according to his wish, surely attain Enlightenment." In 'Letters From Patriarch Yin-Kuang,' Great Master Yin-Kuang said: "To receive true benefits in this very life, the practitioner should follow the Pure Land method, reciting the Buddha's name with Faith and Vows, seeking rebirth in the Land of Ultimate Bliss. Escape from the realms of Birth and Death will then be assured. Otherwise, not only will those who have not received the true transmission of the Dharma fail to achieve liberation, even those who have received it will have no hope of achieving liberation! This is because to receive the true transmission of the Dharma is to awaken to the Way, but not to attain Enlightenment. Only by attaining Enlightenment, at the Arhat level or above, will you escape the cycle of Birth and Death. Awakening to the Way is still within that cycle. Cultivating other methods requires severance of karmic obstructions and attainment of the Truth before you can escape Birth and Death. With the Pure Land method, you need only recite the Buddha's name with deep Faith and earnest Vows, while ceasing transgressions and performing good deeds, thus engaging simultaneously in the main and subsidiary practices in order to be assured of rebirth in the Western Pure Land. In fact, the highest level of rebirth will be achieved. Not only are those who have perfected Pure Land practice assured of rebirth, even those guilty of the Five Grave Offenses and the Ten Evil Acts can also achieve it, as long as, on the verge of death, they

awaken, become utterly ashamed of their transgressions, grow frightened and recite the Buddha's name in utmost sincerity. This is because Amitabha Buddha has great, all-embracing compassion and considers it His calling to rescue sentient beings. Anyone who sincerely seeks His assistance will be gathered and rescued. This is called 'taking one's karma along to the Pure Land, through the power of Amitabha Buddha.' In this Dharma-Ending Age, if you cultivate other methods, abandoning the Dharma Door or Pure Land, you can only reap merits and blessings in the celestial and human realms or sow the causes and conditions of liberation in future eons. This is because few in this day and age truly have the strength to sever all karmic obstructions. Therefore, the roots of Birth and Death continue to exist. Under these circumstances, how can you prevent the dream-like seeds of Birth and Death from sprouting anew?" According to the Pure Land School, the more diligently the cultivator engages in wholesome conduct and the deeper his power of concentration, the higher his level of rebirth will be. He will see Amitabha Buddha soon after rebirth and be able to hear the wonderful Dharma. Therefore, even those who have awakened the Way, severed delusion and attained the Truth should dedicate all merits toward rebirth in the Pure Land, seeking perfect attainment of the Dharma Body and swift attainment of Buddhahood. Despite its loftiness, the Pure Land Dharma Door is a very easy method of cultivation. For this reason, not only do ordinary beings find it difficult to believe, but cultivators of the Two Vehicles (Theravada followers) also harbor doubts. This applies even to Bodhisattvas at the expedient level. Only those who have sown the wholesome seeds of Pure Land in previous lives as well as the higher level Bodhisattvas can truly have firm and deep Faith in it.

### ***III. The Door of Visualization:***

***Contemplate Upon the Buddha:*** To contemplate upon the Buddha means to meditate upon Buddha. According to the Vimalakirti Sutra, chapter twelve, Seeing Aksobhya Buddha, the Buddha asked Vimalakirti: "You spoke of coming here to see the Tathagata, but how do you see Him impartially?" Vimalakirti replied: "Seeing reality in one's body is how to see the Buddha. I see the Tathagata did not come in the past, will not go in the future, and does not stay in the present.

The Tathagata is seen neither in form (rupa, the first aggregate) nor in the extinction of form nor in the underlying nature of form. Neither is He seen in responsiveness (vedana), conception (sanjna), discrimination (samskara) and consciousness (vijnana) (i.e. the four other aggregates), their extinction and their underlying natures. The Tathagata is not created by the four elements (earth, water, fire and air), for He is (immaterial) like space. He does not come from the union of the six entrances (i.e. the six sense organs) for He is beyond eye, ear, nose, tongue, body and intellect. He is beyond the three worlds (of desire, form and formlessness) for He is free from the three defilements (desire, hate and stupidity). He is in line with the three gates to nirvana and has achieved the three states of enlightenment (or three insights) which do not differ from (the underlying nature of) unenlightenment. He is neither unity nor diversity, neither selfness nor otherness, neither form nor formlessness, neither on this shore (of enlightenment) nor in mid-stream when converting living beings. He looks into the nirvanic condition (of stillness and extinction of worldly existence) but does not dwell in its permanent extinction. He is neither this nor that and cannot be revealed by these two extremes. He cannot be known by intellect or perceived by consciousness. He is neither bright nor obscure. He is nameless and formless, being neither strong nor weak, neither clean nor unclean, neither in a given place nor outside of it, and neither mundane nor supramundane. He can neither be pointed out nor spoken of. He is neither charitable nor selfish; he neither keeps nor breaks the precepts; is beyond patience and anger, diligence and remissness, stillness and disturbance. He is neither intelligent nor stupid, and neither honest nor deceitful. He neither comes nor goes and neither enters nor leaves. He is beyond the paths of word and speech. He is neither the field of blessedness nor its opposite, neither worthy nor unworthy of worship and offerings. He can be neither seized nor released and is beyond 'is' and 'is not'. He is equal to reality and to the nature of Dharma (Dharmata) and cannot be designated and estimated, for he is beyond figuring and measuring. He is neither large nor small, is neither visible nor audible, can neither be felt nor known, is free from all ties and bondage, is equal to the All-knowledge and to the (underlying) nature of all living beings, and cannot be differentiated from all things. He is beyond gain and loss,

free from defilement and troubles (klesa), beyond creating and giving rise (to anything), beyond birth and death, beyond fear and worry, beyond like and dislike, and beyond existence in the past, future and present. He cannot be revealed by word, speech, discerning and pointing. “World Honoured One, the body of the Tathagata being such, seeing Him as above-mentioned is correct whereas seeing Him otherwise is wrong.”

***Visualization of Amitabha Buddha:*** Visualization or contemplation of Amitabha Buddha’s auspicious marks and those enlightening beings of the Pure Land. According to the Pure Land Sect, meditation by contemplating on any object to obtain wisdom and to eliminate delusions. The Meditation Sutra taught: “Every Buddha, Tathagata, is One who is a Dharma realm Body and enters into the Mind of all beings. For this reason when you perceive the Buddha-state in your Minds, this indeed is the Mind which possesses the thirty-two signs of perfection and the eighty minor marks of excellence. It is the Mind that becomes Buddha; indeed, it is the Mind that is Buddha. The ocean of true and universal knowledge of all the Buddhas is born of Mind and thought. For this reason, you ought to apply your Mind with one thought to the meditation on that Buddha. Contemplation by thought recitation is one of the four methods of Buddha recitation. This entails meditation on the features of Buddha Amitabha and His Land of Ultimate Bliss, in accordance with the Meditation Sutra (the sutra teaches a total of 16 contemplations). If this practice is perfected, the cultivator will always visualize the Pure Land before him. Whether his eyes are open or closed, his mind and thoughts are always coursing through the Pure Land. At the time of death, he is assured of rebirth there. The virtues obtained through this method are immense and beyond imagination, but since the object of meditation is too profound and subtle, few practitioners can achieve it. This is because, in general, the method presents five difficulties. Very few can avoid all five pitfalls. Thus upon reflection, this method also belongs to the category of difficult Dharma doors: With dull capacities, one cannot easily succeed; with a crude mind, one cannot easily succeed; without knowing how to use expedient skillfully and flexibly during actual practice, one cannot easily succeed; without the ability to remember images clearly, one cannot easily succeed; with low energy, one cannot easily succeed.

***One-Pointedness of Mind on Noumenal Level:*** In the Avatamsaka Sutra, the Elder Liberation said: “If I wish to see Amitabha Thus Come One in the World of Happiness, then as soon as I formulate the intention I see Him. I can clearly see all the various Buddhas, their lands and retinues as well as their spiritual powers. And yet, these Thus Come Ones do not come here, nor do I go to them. This is so because I know that all Buddhas and my own Mind are completely like a dream. I know that all Buddhas are like an image or reflection in the water. I know that all the physical characteristics of all Buddhas together with my own Mind, are both like an illusion, an echo. I realize this as such and recollect and consider this as such, that all Buddhas I see arise from my own Mind. Because I clearly understand my Mind as such, I can at will see the Buddhas. An Elder Master commented on the above quote as follows: “From the first sentence to the words ‘Nor do I go to the Buddhas,’ the sutra elucidates the truth of Mind-Only. If the practitioner is enlightened to the truth of ‘Mind but not Mind,’ he immediately enters the True Thusness Samadhi. When the practitioner truly understands that all realms and marks are illusory, created from the Mind, and awakens to the truth of ‘Mind-Only and Mind is Buddha,’ then, depending on the object of his thoughts and recollection, there is nothing which is not Buddha. The second part of this quote refers to four examples. These four examples encompass the Four Meditations and include the ‘general’ and the ‘specific,’ thus revealing the truth of Mind-Only, everything has always been perfect and unobstructed: *First*, ‘Like a dream’ stands for the truth of ‘neither coming nor going.’ This means that everything is Mind-Only. *Second*, ‘Like a reflection in the water’ represents the truth of ‘neither leaving nor entering.’ This shows that because it is Mind-Only, it is empty. *Third*, ‘Like an illusion’ stands for the truth of ‘neither existing nor non-existing.’ This indicates that because it is Mind-Only, it is false. *Fourth*, ‘Like an echo’ means ‘neither disintegrating nor amalgamating.’ This shows that because it is Mind-Only, it is the Middle Way. If the practitioner clearly understands this truth and concentrates upon the Buddha’s name, he or she will be free of the followings: The Mind of existence and non-existence, the Mind of simultaneous existence and non-existence, the Mind of simultaneous non-existence and non-non-existence, serving all past, present and

future, this is call “Noumenal recitation. If the practitioner can recite singlemindedly in this way throughout the six periods of day and night, i.e., all the time, without interruption and without developing a single thought , he need not pass through any stage of cultivation but can enter directly into the realm of the Buddhas. This is also called “One-pointedness of Mind” or noumenal level. One-pointedness of Mind on noumenal level is the practice of those of the highest capacities.

***One-Pointedness of Mind on Phenomenal Level:*** The Surangama Sutra states: “Moreover, whoever recites the name of Amitabha Buddha, whether in the present time, or in the future time, will surely see the Amitabha Buddha and never become separated from him. By reason of that association, just as one associating with the maker of perfumes becomes permeated with the same perfumes, so he will become enlightened without Amitabha’s compassion, and will become enlightened without any other expedient means. Another sutra teaches that: “Whether he focusses on the Buddha constantly throughout his life, or recites assiduously for three months, or forty-nine days, or one to seven days and nights, or recites only ten times each morning, as long as the practitioner holds the Buddha’s name with deep faith and fervent vows, like a dragon encountering water or a tiger hidden deep in the mountains, he will be assisted by the Buddha’s power and achieve rebirth in the Pure Land. A dragon outside the ocean or a tiger without the protection of the forest has but one thought in mind: to return to its environment. One-pointedness of Mind on phenomenal level refers to the practitioner whose Mind is still attached to recitation, one recitation following another without pause, leading to he state of extinction of all sundry thought.

#### ***IV. The Purpose of Buddha Recitation:***

***Reasons for Buddha Recitation:*** Great Master Ying-Kuang reminded Buddhist followers to singlemindedly recite the Buddha’s name if they wish for their mind not to be attaching and wandering to the external world. Do not forget that death is lurking and hovering over us, it can strike us at any moment. If we do not wholeheartedly concentrate to practice Buddha Recitation, praying to gain rebirth to the Western Pureland, then if death should come suddenly, we are certain to be condemned to the three unwholesome realms where we

must endure innumerable sufferings and sometime infinite Buddhas have in turn appeared in the world, but we are still trapped in the evil paths and unable to find liberation. Thus, cultivators should always ponder the impermanence of a human life, while death could come at any moment without warning. We should always think that we have committed infinite and endless unwholesome karmas in our former life and this life, and the sufferings awaiting for us in the unwholesome realms. Upon thinking all these, we will be awakened in every moment, and we no longer have greed and lust for the pleasures of the five desires and six elements of the external world.

***From One-Pointed Mind to the Ultimate Goal of Buddhahood:*** The intermediate goal of Buddha Recitation is to achieve one-pointed mind; from one-pointed mind gradually one can see one's own nature or to achieve the ultimate goal of Buddhahood. In the Long Amitabha Sutra, Sakyamuni Buddha made the following prediction: "In the days to come, the paths of the sutras will come to extinction. I, with compassion and mercy, will purposely make this sutra survive for a hundred years. Anybody who encounters this sutra will, according to his wish, surely attain Enlightenment." In the Great Heap Sutra, Sakyamuni Buddha predicted: "In the Dharma-Ending Age, among multitude of practitioners, very few will attain the Way. The most they can expect is to rely on the Pure Land method to escape Birth and Death. Elder Zen Master T'ien-Ju, having attained the Way, also admonished: "In the Dharma-Ending Age, all sutras will disappear, and only the words "Amitabha Buddha" will remain to bring liberation to sentient beings." This is because, in the distant future, deep in the Degenerate Age, when all sutras have disappeared and people's capacities are at a low level, they will not be aware of any method other than Buddha Recitation. If they do not believe in and practice Pure Land, they will certainly remain mired in the cycle of Birth and Death. Within that cycle, good actions are difficult to perform while bad deeds are easy to commit. Thus sooner or later they are bound to sink into the hellish realms. The Patriarch Yin Kuang, a Chinese Pure Land Master of recent times, also said: "The magnificence and extraordinary nature of the Buddha Recitation dharma can only be fully understood among the Buddhas. For those who look down on this dharma door of Buddha Recitation, not only will they belittle the 'old

men and elderly women' who are practicing Pureland, they will also belittle the Buddhas and the Maha-Bodhisattvas such as Manjusri, Samantabhadra, Asvaghosha, and Nagarjuna. In the current Dharma-Ending Age, sentient beings bear heavy karma and their minds are deluded. If they practice other methods rather than Buddha Recitation, they can expect to sow the seeds of merit, virtue and wisdom but not to escape the cycle of Birth and Death in their present lifetimes. Although there are a few instances of great monks exhibiting extraordinary achievement, they are in reality transformation Bodhisattvas. In accordance with their vows, they act as examples for sentient beings in the Dharma-Ending Age, as is taught in the Surangama Sutra (a key Zen text). Even then, these Bodhisattvas, adapting themselves to people's capacities, can only take the expedient appearance of having awakened to the Way, but not having attained Enlightenment. In the specific case of Pure Land, very few sentient beings can achieve the Buddha Recitation Samadhi these days, compared to earlier times. However, through Buddha Recitation, they can take their residual karma along with them to the Pure Land by relying on their own vows and those of Amitabha Buddha. Once there, they have escaped Birth and Death, achieved non-retrogression, and can progress in cultivation until they reach the stage of Non-Birth."

***Buddha-Recitation for Final Rebirth:*** Countless sentient beings will be reborn in the Pure Land, their numbers exceeding even the innumerable rain drops. However, according to Most Venerable Thích Thiều Tâm in *The Pure Land Buddhism in Theory and Practice*, sentient beings who seek rebirth in the Pure Land are not limited to those weary of the sufferings in the realm of the Five Turbidities, there are also those who compassionately wish to save sentient beings in the Saha World, and those who look upward to the goal of Buddhahood and downward to the salvation of deluded sentient beings throughout the worlds of the ten directions. Whether their vows and aspirations are low or high, once they are reborn in the Pure Land, all derive the same benefits; none will ever regress and will ultimately achieve Buddhahood and help sentient beings. Ancient masters once said: "The Pure Land method is extremely lofty, profound and wonderful; only the Buddhas can really fathom its depth. This is why even those great Bodhisattvas who have reached the level of Equal Enlightenment still



vow to be reborn there. Even “One-life Bodhisattvas” or those who will become Buddhas in their next lifetime must remain there to study and practice. Such Mahayana texts as the Avatamsaka Sutra, the Lotus Sutra, the Maharatnakuta Sutra, etc., all extol the Pure Land and discuss rebirth there. There are three categories of rebirth in the Pure Land. *The first level is “Rebirth Through Mind-power”*: According to the Maharatnakuta Sutra, Sakyamuni Buddha told Maitreya Bodhisattva: “There are ten minds cannot be developed by ordinary people, nor those who lack virtue and beset by afflictions. For someone to attain one of these ten frames of Mind while seeking rebirth in the Pure Land and yet fail to be reborn is simply impossible.” *The second level is “Rebirth Through the Power of Accumulated Merits”*: According to the Meditation Sutra states: “Those who wish to be reborn in the land of Ultimate Bliss, must cultivate the three-fold goodness. These are the efficient causes for the pure actions of all the Buddhas of the three worlds, past, present and future. They should be filial toward their parents and support them; serve and respect their teachers and elders; be of compassionate heart and abstain from doing harm; and cultivate the ten virtuous actions. They should accept and hold on to their refuge in the Three Jewels; perfectly observe all moral precepts and not lower their dignity nor neglect ceremonial observances. They should awaken in their Minds a longing for Bodhi, deeply believe in the principle of cause and effect, recite Mahayan sutras, persuade and encourage other practitioners. Furthermore, those who perform good deeds, carrying them out to perfection and transferring the merits with a Mind of faith and vows, can all achieve rebirth as well. These meritorious acts include erecting temples, stupas and statues of the Buddhas, worshipping the Buddhas, burning incense, offering flowers, donating pennants and other decorations to Buddhist temples, making offerings of food to the clergy, practicing charity, etc.. *The third level is “Rebirth Through the Power of Vows”*: The “Sundry Practices” is the method in which the cultivator engages in many practices seeking rebirth in the Pure Land. Thus, in the Avatamsaka Sutra, the Bodhisattva Samantabhadra advises and urges the youth Sudhana (Good Wealth) and the Ocean-Wide Great Assembly to seek rebirth through the Ten Great Vows. Each Vow contains the clause: “When the realm of empty space is exhausted, my Vows will be

exhausted. But because the realm of empty space is inexhaustible, my Vows will never end. In the same way, when the realm of living beings, the karma of living beings, and the afflictions of living beings are exhausted, my Vows will be exhausted. But the realms of living beings, the karma of living beings, and the afflictions of living beings are inexhaustible. Therefore, my Vows are inexhaustible. They continue in thought after thought without cease. My body, mouth and mind never tire of doing these deeds. At the time of death, when all family and possessions are left behind and all faculties disintegrate, only these great vows will follow close behind, and in an instant, the practitioner will be reborn in the Pure Land. *The fourth level is "Achieving Rebirth Through Spiritual Power"*: Moreover, in the Sutra of the Heart of Great Compassion Mantra, Avalokitesvara Bodhisattva (Kuan-Yin) said to the Buddha: "Great Honored Teacher! If any sentient being should assiduously recite the Great Compassion Mantra and still descend upon the Three Evil Paths, I vow not to attain Buddhahood. If any practitioner should assiduously recite the Great Compassion Mantra and fail to be reborn in the lands of the Buddhas, I vow not to attain Buddhahood. If any practitioner should assiduously recite the Great Compassion Mantra and not to achieve innumerable samadhis and great eloquence, I vow not to attain Buddhahood. If anyone should assiduously recite the Great Compassion Mantra and not have all wishes and hopes of his present life fulfilled, this dharani cannot be called the Great Compassion Mantra! The only exceptions are wishes which are unwholesome and those made when the Mind is not utterly sincere." Moreover, practitioners who assiduously recite such dharani as the Thousand-Armed Avalokitesvara Mantra, the Rebirth Mantra, etc. with utmost sincerity, can all be reborn in the Western Pure Land or other pure lands.

#### ***V. Categories of Buddha Recitation:***

***Two Kinds of Buddha Recitation:*** According to The Treatise on the Ten Doubts, question number three, there are two kinds of Recitation of Buddha-name: One method of Buddha Recitation is to focus on or visualize the thirty-two auspicious signs of the Buddha, concentrating the Mind so that, asleep or awake, you always see the Buddha. Another, more common employed method is to concentrate exclusively

on reciting the Buddha's name, holding fast singlemindedly and without interruption. In this way, the practitioner will see the Buddha in this very life. This method requires that the Mind be calm, still and undisturbed, each recitation follows one before, the Mind focus on the Buddha name. While the mouth recites the Buddha's name, the Mind should clearly contemplate each and every utterance, so that each and every word is clear and distinct. During recitation, regardless of the number of utterances, Mind and thought should be utterly sincere and focussed. Only with such singleminded practice can each utterance erase 'eight million eons of heavy transgressions.' Otherwise, karmic obstructions are difficult to eradicate. To call on the Buddhas in general, not not limit to any specific Buddha. To intone the name of a special Buddha to gain concentration or singleminded.

***Four Kinds of Buddha Recitation:*** Buddha Recitation does not consist of oral recitation alone, but also includes contemplation and meditation. According to Great Master Yin-Kuang in "Letters From Patriarch Yin-Kuang," there are, in general, four methods of Pure Land practice: oral recitation (holding the name), contemplation of a Buddha image, visualization (contemplation by thought) and true-mark recitation. Among these four methods, oral recitation has the broadest appeal. It is not only easy to practice, it does not lead to demonic events. If you wish to practice the Visualization method, you should carefully read and study the Meditation Sutra and clearly understand such principles as "This Mind is the Buddha," "If the mind is pure, the Buddha appears," "All realms and states are Only-Mind, there should be no attachment to them." Once you understand that realms and states do not come from the outside and avoid developing attachments to them, these states then become more sublime and the mind grows purer and more focussed. If you reach that point, the benefits of Visualization are significant. On the other hand, if you are unfamiliar with the realms visualized and have not comprehended the essence of the Dharm, but are over-eager to see auspicious realms, everything is delusion. Not only are you not in communion with the Buddhas, you even begin to create the causes of demonic events (hallucinate). This is because the more eager you are to see realms, the agitated and deluded your mind becomes. Since from the outset, you have failed to apply your mind correctly, you will not be able to realize that these

realms are demonic apparitions. Therefore, you are overcome with joy, your thoughts and feelings are not peaceful and calm. Taking advantage of this, demons will cloud your mind and plunder your Self-Nature. At that point, even if a living Buddha were to appear, He would have no way of rescuing you! *First, Real Mark' Buddha Recitation*: 'Self-Nature' Buddha Recitation, this entails penetrating the Mind's foremost meaning, reciting our own original Buddha Nature. It is to contemplate the Real Mark Dharma Body of the Buddhas, resulting in attainment of True Thusness Samadhi. This method is really a Zen practice; however, since the realm revealed by the meditational mind is the Pure Land, it also qualifies as a Pure Land practice. This method is not for those of limited or moderate capacities. If the practitioner is not of the highest capacity, he cannot become enlightened and enter into it. For this reason, few Pure Land teachers promote it and the proponents of the method are found chiefly within the Zen tradition. Incidentally, I would venture to say here that while we are still treading the path of practice, not having reached the sage of Perfect Enlightenment, all Dharma methods are expedients. Buddha Recitation is an expedient and so is Zen. According to the three Pure Land sutras, Buddha Sakyamuni provided the expedient teaching of the Western Pure Land, and urged sentient beings to recite Amitabha Buddha's name seeking rebirth there. Within this method, they can escape Birth and Death, avail themselves of that wonderful, lofty realm to pursue cultivation, and swiftly attain Buddhahood. Diligent Buddha Recitation also leads to Awakening, as in Zen; however, the principal goal of the Pure Land School is rebirth in the Land of Ultimate Bliss, while the degree of Awakening achieved is a secondary consideration. Furthermore, ancient virtues taught: "The superior person makes demands on himself. The dull person makes demands on others." Devout Buddhists should diligently cultivate the method of Buddha Recitation, but should not totally be dependent on others. We should recognize that responses result from our own efforts; they do not come from a provisional explanation spoken for greedy living beings who hope to put in a little effort and obtain a lot. The Buddhas and Patriarchs tried to accommodate potentials of living beings and said that the Buddhas' power leads us, with the goal of making living beings recite vigorously. In reality, when we recite the names of the Buddhas,

we are relying on our own strength to obtain rebirth in the Pure Land. Thus, the goal of Real Mark Buddha Recitation falls within Pure Land teachings. However, from the standpoint of an expedient leading to rebirth in the Land of Ultimate Bliss, it does not truly qualify as a Pure Land method within the meaning of the Three Pure Land sutras taught by Buddha Sakyamuni. This is, perhaps, the reason why Pure Land Patriarchs merely referred to it to broaden the meaning of Buddha Recitation, but did not expound it widely. *Second, Contemplation by Thought Recitation:* Contemplation by Thought Recitation entails meditation on the features of Buddha Amitabha and His Land of Ultimate Bliss, in accordance with the Meditation Sutra (the sutra teaches a total of 16 contemplations). To contemplate Buddha, especially Amitabha, in the mind and repeat his name silently, in contrast with repeating his name loudly. Contemplation by Thought Recitation entails meditation on the features of Buddha Amitabha and His Land of Ultimate Bliss, in accordance with the Meditation Sutra (the sutra teaches a total of 16 contemplations). If this practice is perfected, the cultivator will always visualize the Pure Land before him. Whether his eyes are open or closed, his mind and thoughts are always coursing through the Pure Land. At the time of death, he is assured of rebirth there. The virtues obtained through this method are immense and beyond imagination, but since the object of meditation is too profound and subtle, few practitioners can achieve it. This is because, in general, the method presents five difficulties. Very few can avoid all five pitfalls. Thus upon reflection, this method also belongs to the category of difficult Dharma doors: With dull capacities, one cannot easily succeed, with a crude mind, one cannot easily succeed, without knowing how to use expedient skillfully and flexibly during actual practice, one cannot easily succeed, without the ability to remember images clearly, one cannot easily succeed, with low energy, one cannot easily succeed. According to the Vimalakirti Sutra, Chapter Twelve, Seeing Aksobhya Buddha, the Buddha asked Vimalakirti: “You spoke of coming here to see the Tathagata, but how do you see Him impartially?” Vimalakirti replied: “Seeing reality in one’s body is how to see the Buddha. I see the Tathagata did not come in the past, will not go in the future, and does not stay in the present. The Tathagata is seen neither in form (rupa, the first aggregate) nor in the extinction of

form nor in the underlying nature of form. Neither is He seen in responsiveness (vedana), conception (sanjna), discrimination (samskara) and consciousness (vijnana) (i.e. the four other aggregates), their extinction and their underlying natures. The Tathagata is not created by the four elements (earth, water, fire and air), for He is (immaterial) like space. He does not come from the union of the six entrances (i.e. the six sense organs) for He is beyond eye, ear, nose, tongue, body and intellect. He is beyond the three worlds (of desire, form and formlessness) for He is free from the three defilements (desire, hate and stupidity). He is in line with the three gates to nirvana and has achieved the three states of enlightenment (or three insights) which do not differ from (the underlying nature of ) unenlightenment. He is neither unity nor diversity, neither selfness nor otherness, neither form nor formlessness, neither on this shore (of enlightenment) nor in mid-stream when converting living beings. He looks into the nirvanic condition (of stillness and extinction of worldly existence) but does not dwell in its permanent extinction. He is neither this nor that and cannot be revealed by these two extremes. He cannot be known by intellect or perceived by consciousness. He is neither bright nor obscure. He is nameless and formless, being neither strong nor weak, neither clean nor unclean, neither in a given place nor outside of it, and neither mundane nor supramundane. He can neither be pointed out nor spoken of. He is neither charitable nor selfish; he neither keeps nor breaks the precepts; is beyond patience and anger, diligence and remissness, stillness and disturbance. He is neither intelligent nor stupid, and neither honest nor deceitful. He neither comes nor goes and neither enters nor leaves. He is beyond the paths of word and speech. He is neither the field of blessedness nor its opposite, neither worthy nor unworthy of worship and offerings. He can be neither seized nor released and is beyond 'is' and 'is not'. He is equal to reality and to the nature of Dharma (Dharmata) and cannot be designated and estimated, for he is beyond figuring and measuring. He is neither large nor small, is neither visible nor audible, can neither be felt nor known, is free from all ties and bondage, is equal to the All-knowledge and to the (underlying) nature of all living beings, and cannot be differentiated from all things. He is beyond gain and loss, free from defilement and troubles (klesa), beyond creating and giving rise (to

anything), beyond birth and death, beyond fear and worry, beyond like and dislike, and beyond existence in the past, future and present. He cannot be revealed by word, speech, discerning and pointing: “World Honoured One, the body of the Tathagata being such, seeing Him as above-mentioned is correct whereas seeing Him otherwise is wrong.”

*Third, to Contemplate the Buddha's Statue:* Contemplation of the Buddha's statue is one of the four kinds of contemplation of the Buddha, to contemplate the image of Amitabha Buddha and repeat his name. To contemplate the image of Amitabha Buddha and repeat his name. In this method, the practitioner faces a statue of Amitabha Buddha and impresses all the features of that statue in his memory, contemplating to the point where, even in the absence of a statue, and whether his eyes are open or closed, he clearly sees the image of Amitabha Buddha. This method is also difficult, because it requires a great deal of energy, a faithful memory and skillful use of expedients. There are cases of individuals who have practiced it in an inflexible way and have developed headaches difficult to cure. Moreover, upon examination, this method of seeking rebirth in the Pure Land is not mentioned in the Buddhist sutras. It is merely a technique to assist in the practice of Buddha Recitation, so that the practitioner can harness his mind and achieve right thought. Still, if we practice this method in a pure, devoted frame of mind, we can obtain a response, eradicate our bad karma, develop virtue and wisdom, and, through an illusory statue of Amitabha Buddha, awaken to His True Marks and achieve rebirth in the Pure Land.

*Fourth, Holding Buddha's Name Recitation:* Holding the name of a Buddha, another, more common employed method is to concentrate exclusively on reciting the Buddha's name, holding fast singlemindedly and without interruption. In this way, the practitioner will see the Buddha in this very life. This method requires that the Mind be calm, still and undisturbed, each recitation follows one before, the Mind focus on the Buddha name. While the mouth recites the Buddha's name, the Mind should clearly contemplate each and every utterance, so that each and every word is clear and distinct. During recitation, regardless of the number of utterances, Mind and thought should be utterly sincere and focussed. Only with such singleminded practice can each utterance erase ‘eight million eons of heavy transgressions.’ Otherwise, karmic obstructions are difficult to

eradicate. You should, therefore, take your capacities and circumstances into consideration and not aim for what is too lofty and beyond your reach; seeking benefits only to receive harm. The Patriarch Shan-Tao has said: “Sentient beings in the Dharma-Ending Age have agitated inverted minds. Visualizing lofty realms with such coarse minds is certainly difficult to accomplish!” Therefore, the Great Sage Sakyamuni Buddha took pity and specifically recommended oral recitation because He feared that those who were not skillful in using their minds would be lost in demonic realms. Cultivation through oral recitation is very easy. To achieve rebirth in the Pure Land, you need only ensure that singleminded thought follows singleminded thought. Moreover, utmost sincerity and earnestness are also wonderful methods to treat the deluded mind and demonic realms. You should think this over carefully and strive with all your mental strength to cultivate. Oral recitation is the most common Pure Land method at the present time. In 'Letters From Patriarch Yin-Kuang,' Great Master Yin-Kuang said: “Pure Land practitioners should always remember that you may suffer from overexertion as a result of reciting the Buddha's name too rapidly and hurriedly. This is, of course, because you were not skillful. Buddha Recitation should be practice according to one's strength; it can be done silently or audibly, softly or loudly. Why do you have to insist on reciting in such a loud voice that you will become exhausted and fall ill?” According to Most Venerable Thích Thiên Tâm, there are ten variants in oral recitation. In this method, the practitioner recites, aloud or silently, either “Nam Mo Amitabha Buddha” or “Amitabha Buddha.” The short form (Amitabha Buddha) has the advantage of easily focussing the cultivator's mind, while the longer version facilitates development of a truly earnest, respectful mind conducive to a response. This method, taught by Sakyamuni Buddha in the Shorter Amitabha Sutra, is the dominant form of Pure Land practice at the present time.

#### ***VI. Ten Variants in Oral Recitation:***

As mentioned above, oral recitation method means “holding the name” method or holding on or relying on the name of Amitabha. Oral recitation is the most common Pure Land method at the present time. According to Most Venerable Thích Thiên Tâm, there are ten variants



in oral recitation. *The first oral recitation is Reflecting the Name Recitation:* With this technique, the ear catches the sound as the mouth recites, examining each individual word and each individual phrase, to make sure they are clear and distinct, phrase after phrase. There are two ways of hearing, with the ears or with the mind. Although the ears ‘hear deep inside,’ the sounds do not reside anywhere. The practitioner gradually forgets everything inside and out, even body, mind, realm, time and space, with only the Buddha’s name remaining. This technique of ‘reflecting the name,’ makes it easy for the cultivator to filter out deluded thoughts and Surangama Sutra expresses this very idea when it states, in the words of the Bodhisattva Manjusri: “This common method of concentrating the mind on its sense of hearing, turning it inward, is most feasible and wise.” *The second oral recitation is “Counting Rosary Beads Recitation”:* In this method, as the mouth recites, the hand fingers the rosary. At first, thoughts are tied to the rosary beads, but later on they gradually move away from the beads, leading to the state of one-pointedness of mind. This technique increases the power of recitation in the same way that a cane enables a mountain climber with weak legs to ascend higher and higher. With this technique, we should write down the number of recitations per session or per day. This has the advantage of forcing us to keep an exact count, eliminating the affliction of laziness. However, we should take care not to be too ambitious, attempting to achieve too much too soon, or our recitation will not be clear and distinct. The ancients, while reciting the Buddha’s name over and over, did so in a clear, distinct manner thanks to two factors: correct understanding, and correct concentration of mind. Elder Master Ou-I, the Ninth Patriarch of Pure Land once taught: “There is no better or loftier way to reach the state of one-pointedness of mind. At first the practitioner should finger the rosary, keeping an exact count, while reciting the Buddha’ name over and over in a clear, distinct manner, 30,000, 50,000 up to 100,000 times each day, maintaining that number without fail, determined to remain constant throughout his life. Such recitation will, in time, become second nature, not reciting being reciting. At that time, recording or not recording no longer matters. If such recitation, accompanied by earnest Faith and Vows, did not lead to rebirth in the Pure Land, the Buddhas of the Three Periods (past, present and future) would all be guilty of false

speech. Once we are reborn in the Pure Land, all Dharma methods will appear before eyes. If at the outset we seek too high a goal, are overconfident and eager to show that we are not attached to forms and marks, preferring to study according to the free and perfect method, we reveal a lack of stability and depth in our Faith and Vows as well as perfunctoriness in our practice. Even if we were to lecture exhaustively on the Twelve Divisions of the Dharma and become enlightened to the 1,700 Zen koans, these would merely be activities on the fringes of life and death.” This advice is indeed a hand-guide for the Pure Land practitioners. ***The third oral recitation is “Breath-by-Breath Recitation”***: This technique consists of reciting silently or softly, with each breath, inhaling or exhaling, accompanied by one recitation of the Buddha’s name. Since life is linked to breath, if we take advantage of breath while practicing Buddha Recitation, we will not be apart from Amitabha Buddha in life and at the time of death, when breath has stopped, we will be immediately reborn in the Pure Land. The practitioner should remember, however, that once he has mastered this technique, he should recite aloud as well as silently. In this way, the power of recitation will be strengthened and the will to be reborn in the Pure Land more easily developed. Otherwise, his resolve will not be earnest and he might stray into the practice of the “Five Meditations to calm the mind” of the Theravada tradition. ***The fourth oral recitation is “Continuously Linked Recitation”***: With this technique, the practitioner recites softly, each word following the one immediately before, each phrase closely following the previous phrase. During this practice, through discretion and patience, there are no empty time frames and therefore ‘sundry thoughts’ cannot intrude. The cultivator’s feelings and thoughts are intense, his mind and mouth move boldly forward reciting the Buddha’s name, the power of right thought embraces everything, temporarily subduing ignorance and delusive thought. Thus, the light of transcendental samadhi breaks through and shines forth. From early times, Pure Land practitioners would avail themselves of this method when their emotions and thoughts wandered or were in a state of confusion. ***The fifth oral recitation is “Enlightened, Illuminating Recitation”***: With this technique, the practitioner on the one hand recites the Buddha’s name and on the other hand, returns the light and illumines his True Nature. He thus

enters into the realm of ultimate transcendental emptiness; what remains is only the consciousness that his body-mind and the True Mind of the Buddha have become one, all-illuminating and all-encompassing. At that time, meditation rooms, cushions, gongs and all else have disappeared. Even the illusory, composite body is nowhere to be found. With this practice, even while our present retribution body is not yet dead, silent illumination is attained. Uttering the Buddha's name, the practitioner immediately achieves the state of samadhi. There is no swifter method for common mortals to enter the realm of the saints. Unfortunately, we cannot understand or practice this method unless we are of the highest capacity. Therefore, its scope is rather modest and limited. ***The sixth oral recitation is "Bowling to the Buddha Recitation"***: This technique consists of making bows as we recite the Buddha's name. Either we recite once before each bow or we bow as we recite, regardless of the number of recitations. The bowing should be supple yet deliberate, complimenting recitation, bowing and reciting perfectly synchronized. If we add a sincere and earnest mind, body, speech and mind are gathered together. Except for the words Amitabha Buddha, there is not the slightest deluded thought. This method has the ability to destroy the karma of drowsiness. Its benefits are very great, because the practitioner engages in recitation with his body, speech and mind. A lay practitioner of old used to follow this method, and each day and night, he would bow and recite an average of one thousand times. However, this practice is the particular domain of those with strong mind-power. Lacking this quality, it is difficult to persevere, because with extended bowing, the body easily grows weary, leading to discouragement. Therefore, this method is normally used in conjunction with other methods and is not practiced exclusively. ***The seventh oral recitation is "Decimal Recording Recitation"***: This is the inscription technique of Buddha Recitation, taking each ten utterances of the Buddha's name as a unit. Individuals with short breath spans can divide the ten utterances into two subunits (five utterances each) or three smaller subunits (two three utterance units and one four-utterance unit). One rosary bead is fingered after each group of ten utterances is completed. With this practice, the mind must not only recite, it must also remember the number of utterances. In this way, if we are not diligent we must become so; otherwise, it will be impossible to avoid

mistakes. This technique, in general, is an excellent expedient forcing the cultivator to concentrate his mind and is very effective with those subject to many errant thoughts. Elder Master Yin Kuang used to recommend it to Pure Land practitioners. ***The eighth oral recitation is “Lotus Blossom Recitation”***: As he recites, the practitioner contemplates the four colours of the lotus blossom (blue, yellow, red, and white), one colour after another without interruption. With his first utterance of the Buddha’s name, he visualizes a huge, blue lotus blossom before his eyes, emitting a blue light. With the second utterance, he visualizes a yellow lotus blossom, emitting a yellow light. The third and fourth utterances are accompanied, respectively, by visualization of red and white lotus flowers, each colour emitting its own light. He then repeats the visualization in the same sequence. As the flowers appear, he imagines a vague, lingering touch of pure, soft lotus fragrance. Ancient masters devised this method because many practitioners in the T’ien-T’ai School, despite using all available techniques, found it difficult to stem their errant thoughts. This method uses various forms and colours to focus mind and thought. These forms and colours take the marks of lotus blossoms in the Seven-Jewel Pond of the Pure Land (one utterance of the Buddha’s name, one jewelled lotus blossom), because the lotus blossom appearing in the Pure Land are inseparable from the lotus blossoms created by virtues of reciting mind. At the time of death, the mind-consciousness of the practitioner relies on these jewelled lotus blossoms to achieve rebirth in the Western Pure Land. Should the Pure Land cultivator discover that he has an affinity with this technique, he should apply it and quickly enter the Wonderful Lotus Blossom Buddha Recitation Samadhi. ***The ninth oral recitation is “Recitation Amidst Light”***: This method was specially designed for certain practitioners who, as soon as they close their eyes to recite, suddenly see filthy forms and marks (ugly grimacing faces, for example), or dark forms and colours swirling around. With this technique, the practitioner, while reciting the Buddha’s name, visualizes himself seated in the middle of an immense, brilliant zone of light. Within that zone of light, when his mind has quieted down, the practitioner feels bright and refreshed. At that time, not only have deluded thoughts been annihilated, filthy, evil forms have also disappeared. After that, right thought is reinforced and

samadhi is, in time, achieved. Although this is a special expedient to destroy evil deluded marks, even the practitioner who is not in this predicament can apply this method to clear his mind and enter deeply into the Buddha Recitation Samadhi. *The tenth oral recitation is “Contemplation of the Buddha Recitation”*: The methods of contemplation taught in the Meditation Sutra are very important and lead to immense virtue, but they are not a popular expedient for sentient beings in the Dharma-Ending Age. Nevertheless, since the ancient masters did not wish to see the special benefits of the meditation method go unused, they selected the easiest of the Sixteen Contemplations (Contemplation of Amitabha Buddha) and combined it with Oral Recitation to form the Contemplation of the Buddha-Oral Recitation technique. Recitation is predominant, with contemplation of the Buddha occupying a subsidiary position. Each day, after reciting the Buddha’s name, the practitioner reserves a special period of time for concentrating his mind and contemplating the Embellishments and Light of Amitabha Buddha. This method derived from Contemplation Number Thirteen in the Meditation Sutra, in which Amitabha Buddha is visualized as some sixteen feet tall and of golden hue, standing at the edge of the Seven-Jewel Pond. If the practitioner cannot yet visualize the Seven-Jewel Pond, he can picture Amitabha Buddha standing before his eyes in a zone of light, in open space, the left hand held at chest level and forming the auspicious mudra, the right arm extending downward in the position of welcoming and guiding. To be successful in this meditation, it is necessary, at the outset, to visualize the body of Amitabha Buddha in general, then concentrate on the urna (white mark between the eyebrows). This mark is empty and transparent, like a white gem with eight facets. The urna is the basic mark among the thirty-two auspicious marks of the Buddhas. When this visualization is successful, thanks to the affinity thus created between Amitabha Buddha and the practitioner, other marks will appear clearly, one after another. However, to ensure success, the practitioner should read through the Meditation Sutra, memorizing the thirty-two auspicious marks of Amitabha Buddha before commencing his practice. With this method, Buddha Recitation should be primary, because if the practitioner does not succeed at visualization, he can still fall back on recitation to ensure rebirth in the Pure Land. In fact, recitation aids

visualization and visualization complements recitation, so that these two aspects work in parallel, leading the practitioner toward the desired goal. Although this technique is somewhat more difficult than the others, if it can be accomplished successfully, immeasurable benefits are achieved. It is therefore described here at the very end, to foster diligent practice.

***VII. Ten Recitation in One Breath:***

The “Ten Recitation in One Breath” method was taught by the great Venerable Tsu-Yun, the Third Patriarch of the Thirteen Patriarchs of Chinese Pureland Buddhism. Essentially, this method requires the practitioner to recite the Buddha’s name ten times per breath. First, inhale, hold breath, and begin reciting ‘Namo Amitabha Buddha’ ten times. Next, exhale, then inhale and repeat the process as done previously. If a practitioner is short of breath, it is acceptable to divide the segment of ten recitations into two; with each breath, recite Amitabha Buddha’s name five times. There are many advantages to practicing this method: speech reciting the Buddha’s name, ears listening, and mind counting the number of recitations. Thus, if able to concentrate, it will lead the practitioner to focus the mind because if not not focused, the count will be lost. Therefore, the ultimate goal of this method is to force the Pureland cultivator into achieving ‘singlemindedness’ while engaging in Buddha Recitation. This is one of the best methods for those who are easily distracted or have a wandering mind. It is important to remember while reciting the Buddha’s name, try not to think of anything else, and not to be doubtful or skeptical. If the practitioner is able to maintain a sincere and truthful mind in this way, then each recitation will eliminate many karmic offenses in eight million past reincarnations. If not practiced this way, the power to eliminate karmic offenses as well as gaining merits will not be as great. Thus, it will be difficult to eliminate many of one’s karmic offenses. In ‘Letters From Patriarch Yin-Kuang,’ there’s a paragraph that Great Master Yin-Kuang reminded everybody regarding Elder Master Tzu-Wen’s words as follows: “The form of Buddha Recitation Practice depends on the circumstances of each individual; there is no single set way... If the cultivator is very busy, having no free time, he should set aside a specific period in the early morning. After

washing up, he should bow three times to the Buddha in front of the altar, if he has one. Then, standing erect, he should join his palms and singlemindedly recite the words 'Namo Amitabha Buddha' as many times as he can in one stretch, each stretch counting as one recitation. He should recite thus for ten stretches, and then utter the following stanza:

'I vow that, along with other Pure Land cultivators,  
I will be reborn in the Land of Ultimate Bliss,  
See Amitabha Buddha, escape Birth and Death,  
And rescue all, as the Buddha does.'

After reciting this stanza, he should bow three times before retiring. If the cultivator does not have an altar, he can face west with palms joined, reciting according to the above method. This is also the Ten Recitations Method that Elder Master Tzu-Wen established for rulers and officials who are too busy with affairs of state to engage in cultivation. Why recite in one stretch? It is because sentient beings have scattered, unsettled minds and are thus unable to practice assiduously. This recitation method relies on the breath to concentrate the mind. However, the number of utterances is dependent on the length of the breath span. There should be no effort or constraint, as this would lead to fatigue. Cultivators should only keep ten recitations, not twenty or thirty, for this will also lead to unnecessary fatigue. Since recitation with a scattered mind cannot easily lead to rebirth in the Pure Land, this method is useful for focussing the mind. While the recitations are few in number, the virtuess accrued are profound and rebirth in the Land of Ultimate Bliss is assured.”

### ***VIII. Forty-Eight Aspects of Buddha Recitation:***

According to the Buddhist scholar Cheng-Wei-An’s narration, there are forty-eight aspects of Buddha Recitation. ***First, the Method of Buddha Recitation and the Mind:*** Once we make up our mind to engage in practicing Buddha Recitation, we should not dwell on any actions, good or bad. It is to say, we should carry out our daily activities in a matter of fact way, and once finished, let them go. Do not cling to them, or they will disturb our peace of mind. In fact, the reason we fail to let go things, good or bad, because our mind has not yet tamed. If we have practiced Buddha Recitation to the point where our mind is bright

and clear, it has no room for any odd thoughts. We should realize that Buddha Recitation can turn ordinary people into sages. It is the most important means of liberation in this world and the supramundane worlds. ***Second, the Method of “Watch Your Mouth During Buddha Recitation”***: Once we make up our mind to engage in practicing Buddha Recitation, with bad karmas of killing, stealing, sexual misconduct and dishonesty, we should not be reckless or inconsiderate with words. If we have mistaken, we should remind ourselves immediately that practitioners of Buddha Recitation should never utter such words, then try to recite the Buddha’s name aloud a few times to quell the mind and immediately wash away the unwholesome words. ***Third, the Method of “Regulating Actions of the Body During Buddha Recitation”***: Once we make up our mind to engage in practicing Buddha Recitation, we should keep actions of our body pure at all times and in all movements and gestures, whether walking, standing, sitting or lying, for when the body is solemn, the mind will be pure. Practitioners of Buddha Recitation should ponder this teaching, it’s never wrong. ***Fourth, the Method of “Buddha Recitation With a String of Beads (rosary)”***: We finger the string of beads on each Recitation of the Buddha’s name. We should recite four syllables of “A-mi-tabha Buddh”, rather than the six syllables of “Na-mo A-mi-tabha Buddha”, as it is very easy to achieve singlemindedness with the shorter expression. We can finger the rosary upon the first or third syllable of the word “Amitabha”, either on the syllable of “A” or on “tabha”. We should plan and stick to what we have plan and not to make mistakes. This is called the method of using the string of beads to focus the mind. ***Fifth, the Method of “Reciting Aloud”***: When our mind is in a state of torpor or when delusive thoughts arise, compose ourselves and recite the Buddha’s name aloud a few hundred times. We will then naturally experience a pure and peaceful state. This is because the faculty of hearing is very keen and therefore people are easily influenced by external factors which disturb the mind and lead to errant, delusive thoughts. Thus, we need to recite aloud to control the faculty of hearing and enlighten the mind. When the mind hears only its own sounds, each sound in its totality following upon the one before, all thoughts of right and wrong, what should and should not be done, are naturally abandoned. ***Sixth, the Method of “Recitation in a Low Voice”***: When



the mind is scattered, or when we are tired and weighed down by many pressing tasks, we need not recite aloud. We need only focus our mind and thoughts and recite in a low voice. Only when our breath returns to normal, our spirits rise, and our mind is calm and at peace, should we recite aloud. ***Seventh, the Method of “Whispering or Diamond Recitation”***: If the mind is agitated and the breath uneven, something is bothering us, or reciting the Buddha’s name either aloud or in a low voice is inconvenient, we should just move our lips, practicing silent recitation or diamond recitation. With this method, the number of recitations does not matter; the essential condition is that each word, each recitation should come from the mind. ***Eighth, the Method of “Silent Recitation”***: There are instances when it is not appropriate to recite either aloud or in a low voice. There are times when it is awkward to finger a rosary. There are still other times when even silent recitation may be inappropriate. For such instances, the ancients have advised an excellent expedient. It is not to move the lips, not to utter a sound, but merely to concentrate mind and thoughts on recitation, silently touching the upper teeth with the tongue, or alternatively, to visualize this action. The only condition is that the Buddha’s name be clear and distinct, though it is uttered not from the mouth but from the Self-Nature. The faculty of hearing and the inner mind interpenetrate, the inner mind is stamped on the tip of the tongue, the tip of the tongue pulls along the faculty of recitation, the faculty of hearing hears the Self-Nature, the three (inner mind, hearing, recitation) form one unit. recitation interpenetrates with recitation, in time the visualization of “everything as Mind Only” is realized. ***Ninth, the Method of “Regulating the Breath”***: When the breath is regular and the mind is at peace, we should first visualize ourselves sitting in circular zone of the halo, then visualize the breath going in and out of our nose as we silently recite the Buddha’s name once with each breath. We should regulate the breath so that it is neither slow nor fast, the mind and the breath leaning on (reinforcing) each other, following each other in and out in any position, whether walking, standing, sitting, or lying without interruption. We should always secretly recite and focus the mind over a long period of time until there will no longer be a distinction between the breath and the recitation, our body and mind merging with empty space. When recitation is perfected, the mind-eye will open up and

samadhi is suddenly realized. This is the state of Mind-Only Pure Land.

**Tenth, the Method of “Reciting According to One’s Situations”:** When we experience the delusive obstruction of drowsiness, we should stand up and practice reciting the Buddha’s name while walking. When we are occupied with numerous odd thoughts, we should sit straight and recite silently. If neither walking or sitting is inappropriate, we can kneel or stand, or even lie down for a moment, or whatever position which can alleviate our Buddha Recitation. The important thing is not to forget the words “Amitabha Buddha”, even for an instant. This is the essential art to subdue the deluded mind.

**Eleventh, the Method of “Buddha Recitation Can Be Practiced Anywhere”:** We should practice Buddha Recitation anywhere, whether in a clean or dirty place, a quiet or a noisy place, a place we like or a place we dislike, we should only turn the light inwards on ourselves, thinking thus: I have encountered situations like this countless times throughout numerous lifetimes, yet there is one thing I have not been able to do is to recite the Buddha’s name to achieve rebirth in the Pure Land. That’s why even now I am still in the cycle of birth and death. At this time, I should not worry about where Buddha Recitation takes place, I need only hold firmly to this ‘mind of Buddha Recitation’, even if it costs my life. I must recite without interruption, one recitation after another without any gap.” Why? Because if there is just a single gap, all kinds of odd thoughts, such as good, bad, or neutral, will arise. For this reason, even in the bathroom, or even in the process of giving birth, we should concentrate on reciting the Buddha’s name. The greater the suffering, the greater the pain, the more we need to recite, just as an infant cries out for his mother, without being afraid that she will become upset or angry. If he is afraid of his mother’s anger and stops calling her, he may fall into the dung-ditch. Thus he can die without seeing his mother.

**Twelfth, the Method of “Planned Schedules for Buddha Recitation or Not?”:** In the eleventh method, we talked about practicing Buddha Recitation at all times without interruption, if so, few people can practice it. With this method, the expedient of fixed periods of recitation. There should usually be two periods per day, in the morning and in the evening, and these periods should be strictly observed everyday, without fail, throughout life. Furthermore, if during the 24-hour period, we can recite Buddha’s name one additional time, do it once; if we can recite

it many times, do so many times. It does not matter whether the recitation is audible or not. The ancients had a saying:

“Utter one fewer idle phrase;  
Recite the Buddha’s name one more time  
How wonderful it is!

***Thirteenth, the Method of “Do Practitioners of Buddha Recitation Need to Face an Image of the Buddha”***: When we face a statue of the Buddha during recitation, we should consider it as a real Buddha. There is no need to get attached to any particular direction or to any of the Three Bodies of the Buddha. We should think thus: I must achieve singlemindedness, and that singlemindedness must be about the Buddha. My eyes should be focused on the Buddha’s image, my mind should recite the Buddha’s name with utmost sincerity, for with utmost sincerity a response will be guaranteed. If we do not have a statue, just sit straight facing west. As soon as we begin reciting, visualize the Buddha’s light shining on our head, recitation following recitation without a break. If we practice this way, even the heaviest karma can be dissipated. ***Fourteenth, the Method of “Buddha Recitation at Busy Times”***: If we can recite the Buddha’s name once, recite it once; if we can recite it ten times, recite it ten times. In one hundred busy things, we should try our best to spare a moment to let go everything and recite the Buddha’s name clearly and distinctly. The famous Chinese poet Po-Lo-T’ien wrote the following verse:

Recite the Buddha’s name while walking  
Recite the Buddha’s name while seated.  
Even when busy as an arrow  
Always recite the Buddha’s name.

The ancients practiced Buddha Recitation with such eagerness, we should follow their footsteps truly. ***Fifteenth, the Method of “Buddha Recitation at Leisure Times”***: In this world, there are many unfortunate people who don’t have even a single leisure time, however much they may so desire. Therefore, they cannot cultivate. Now we have the time, and moreover, the opportunity to learn about the practice of Buddha Recitation, we should make every effort to bind both body and mind in reciting the Buddha’s name at all times, without interruption, so we will not be wasting time. If we let our mind and thoughts wander, not doing anything worthwhile, wasting days and

months, turning our back on the original debts (parent's, patriarch's, country's and all other sentient beings'), and then, tomorrow, the ghost of impermanence suddenly arrives, what can we do to resist it? ***Sixteenth, the Method of "Rich and Noble People Should Practice Buddha Recitation"***: Merits and virtues in this life all stem from cultivation in past lifetimes. This is true of those who presently enjoy honors and esteem, as well as of high ranking monks whose goal is to rescue humanity. However, honors and esteem cannot last; if because of them evil karma is created, it will be difficult to escape the ocean of birth and death. We should ponder this: what can we carry with us when we close our eyes forever? It is the virtues generated by Buddha Recitation. It is the same as a boat that sails thanks to the current of the river. Thus, we should schedule sessions of Buddha Recitation, or invite monks and nuns to provide guidance in Buddha Recitation, or publish and distribute Pure Land sutras and commentaries, or placing image of Amitabha Buddha for veneration and recitation. Such activities may be limited, we should try our best to practice Buddha Recitation with a strong determination to be reborn in the Western Pure Land. This is the path of cultivation for everyone, no matter what we are, rich, poor, noble, vile...What can be more honorable than to serve as the envoy of the King of the Dharma? ***Seventeenth, the Method of "The Poor Should Also Practice Buddha Recitation"***: Alas! there are slaves who toil day in and day out, ordered by others, miserable and suffering. If they do not seek to escape such a life, they will be worse in future lifetimes. Remember that the word "Amitabha" is for everyone, whether we are rich, poor, exalted or humble, young or old, male or female. We should face west early each morning and recite the Buddha's name with utmost sincerity and without interruption, without letting odd thoughts intrude upon the utterances. We dedicate all virtues toward rebirth in the Pure Land. In doing that, we will have numerous benefits in this very life and, upon leaving this world, naturally achieve rebirth in the Pure Land. Amitabha Buddha is truly a rescue ship for everyone in the ocean of suffering. ***Eighteenth, the Method of "Pure Buddha Recitation"***: A wise man should not let himself misled. He should recite the Buddha's name in a pure way so as to strengthen his wisdom. We should know that if a wise person recites the Buddha's name, many others will follow his lead and

externalists will find it easier to return to the Buddha's way. Why? It is because the reputation of a wise person can open their minds, and his mind (the mind of a wise person) can find a way to rescue them.

***Nineteenth, the Method of "True and Honest Buddha Recitation"***: Not seeking wealth and fame, nor showing off one's capacities, but merely to practice sincerely is difficult and not so many people can do it. Patriarchs taught that it is difficult to find a "dull and ignorant" Zen practitioner, yet, a practitioner of Buddha Recitation need only worry that he is not "dull and ignorant". The two words "True and earnest" are a straight boulevard leading to the Western Pure Land. Why? Because when Buddha Recitation is true and earnest, there are only the words "Amitabha Buddha", and not a single deluded thought.

***Twentieth, the method of "People should practice Buddha Recitation even when they are happy."*** Happiness derives either from our interaction with other people or from favorable events. Even though the cause may be trivial, this kind of happiness are part of a human life. We, practitioners of Buddha Recitation, should realize that such happiness is ephemeral, it is false and not true. We should take advantage of those moments of happiness to return the light inward and recite the Buddha's name. We should then avail ourselves of the Buddha's light and within the context of those joyful events, abandon our negative thoughts to cultivate good deeds continuously for the rest of our life. We will then surely be reborn in the Pure Land, a great happiness indeed!

***Twenty-First, the Method of "Vow to Practice Buddha Recitation"***: The goal of Buddha Recitation is rebirth in the Pure Land. However, the solemn power of the Buddha is unfathomable, if we recite their names and wish will be fulfilled. For this reason, the sutras teach that Buddha Recitation can bring ten major benefits. On the other hand, worshipping and bowing down before spirits and repenting before their altars, engaging in odd practices, taking unwholesome vows, or foolishly believing in divination, fortune-telling and horoscopes... non of these activities can be compared to reciting Amitabha's name and seeking His assistance. Someone might ask: what if we fail to obtain a response after reciting the Buddha's name? Answer: you have not yet recite and are already worried about not obtaining a response. This doubt is the very cause that will bring the result of non-response. Cause and result cannot differ. Is the doubt not

something you should fear? *Twenty-Second, the Method of “Practice Buddha Recitation to Overcome Adversities”*: All untoward circumstances and events in life are the result of adverse cause and conditions from previous lives. Do not try to develop evil thoughts and create karmic debts, leading to the cycle of resentment and wrongdoing into the future. Adapt to causes and conditions and, more important, not to forget to recite the Buddha’s name. The Buddha has all wisdom, all light, all merit and virtue. He will respond to our call, and even if we meet with untoward circumstances, these will soon turn out to be favorable. *Twenty-Third, the Method of “Practice Buddha Recitation When Ashamed”*: In this life or in previous ones, once evil karma has matured, suffering follows in its wake. Each bit of suffering in this life is due to a bit of evil karma. We cannot blame fate for being uneven; we can only be ashamed for not having cultivated sooner. Each time we think of the Buddha, we should be so moved that every hair on our body stands on end and, overcome with emotion, we are completely drained. Each utterance of the Buddha’s name, each syllable, then comes from our liver, marrow... this is the true state of Buddha Recitation. Nowadays, laymen or monks and nuns recite the Buddha’s name with their lips, while their minds are scattered, or else they concentrate the mind only during recitation, when recitation is over, the mind is again deluded. Others engage in mundane conversation while reciting. Thus, even if they recite all their life, they obtain no response. People who witness this may think that seeking rebirth in the Pure Land through Buddha Recitation is just an illusion, but this is assuredly not the Buddha’s fault. *Twenty-Fourth, the Method of “Earnest Buddha Recitation”*: If we see anyone stuck in a situation that deserves compassion, but we do not respond, it is contrary to human mortality. However, if we only develop intellectual compassionate but fail to act, how can we merge with the compassionate nature of the Buddhas? Once compassion has developed, we must find a way to save others from suffering, a way to help all sentient beings escape suffering once and for all. We should realize that the reason why Amitabha Buddha is honored with the title “Great Compassionate Being” is that He always rescues sentient beings. Since it is based on this compassionate that we seek the Buddha’s assistance to escape suffering, how can we fail to recite with the highest level of resolve?

***Twenty-Fifth, the Method of “Buddha Recitation As an Offering”***: On the occasion of a seasonal festival or the festival of a Buddha or Bodhisattva, it is customary to make offerings of incense, lights, flowers and fruits. However, these are only material offerings, not offerings of the Dharma. Dharma offerings relate to the mind and are on a much higher plane than any material offering. Recently, because of the popularity of heresy beliefs, with all kinds of weird (odd or strange) practices such as making offerings of non-vegetarian foods on the Buddha’s altar or conjuring up ghosts and spirits in search of health and riches. Such practices are wasteful and deceptive. Only Buddha recitation can eliminate all ills and it costs nothing. Yet, few people bother to learn about it. Sincerely hoping that the wise will not allow themselves to be misled. ***Twenty-Sixth, the Method of “Practice Buddha Recitation to Repay Your Filial Debts to Your Parents”***: How can we ever repay our parents’ greatest debts? To provide all their necessities and earn titles and honors to glorify their names are mundane ways. While these actions are meritorious, from the vantage point of Truth, they are not the ideal, perfect way because they still fall within the cycle of suffering that is the human condition. There is only one perfect way, it is to recite the Buddha’s name and counsel our parents to do likewise, dedicating all the merits and virtues toward rebirth in the Pure Land. We will thus sow a diamond seed, as in the future, both we and our parents will be liberated. Moreover, one utterance of the Buddha’s name can eradicate the karma of countless transgressions and afflictions. Therefore, anyone who wishes to repay his profound debt to his parents cannot fail to learn about the Pure Land method. ***Twenty-Seventh, the Method of “Practicing Charity Through Buddha Recitation”***: When we see someone suffering, we should first help him with the necessities of life and then comfort him and counsel him to recite the Buddha’s name. To relieve suffering temporarily, charity is the urgent thing. However, to relieve the suffering of many lifetimes, the Pure Land method is more urgent still. If we see a person or an animal in danger but cannot help, immediately recite the Buddha’s name, dedicating all the merits and virtues to his soul. Moreover, during a serene night, we might recite a sutra or the Buddha’s name, wishing that all sentient beings may escape suffering and disaster. In time of war or epidemic, recite the Buddha’s name

throughout the night, wishing that all the wrongs and suffering of sentient beings may be eliminated. While reciting the Buddha's name, we should visualize that each recitation is bringing benefits to all sentient beings, from the heavens above to the cosmic winds below (the wheel, or circle, of wind below the circle of water and metal on which the earth rests; the circle of wind rests on space). Such charitable practice is truly inconceivable. ***Twenty-Eighth, the Method of "Self-Nature Recitation, Self-Nature Listening"***: The mind begins to think will move the tongue; the tongue in turn producing sound, and that sound returns to the Self-Mind. This is the method of "mind-reciting, mind-listening". If the mind recites and listens, the eyes cannot see wrongly, the nose cannot smell wrongly, the body cannot move wrongly because the mind has been "kidnapped" by the words "Amitabha Buddha". ***Twenty-Ninth, the Method of "Recitation Within Recitation"***: Once Buddha Recitation is perfected, in the six dust, only the 'dust' of hearing remains. All six faculties are entirely concentrated in the faculty of hearing. The body no longer feels any coming or going, the tongue no longer knows how to move, the mind how to discriminate, the nose how to breath, the eyes how to open and close. The two supreme methods of cultivation of the Avalokitesvara and Mahasthama Bodhisattvas are but one; nothing is not round and perfect. This is because sense organ is sense object, sense object is sense organ, and both organ and object are consciousness. The Eighteen Elements are all gathered in one element. Although at the outset they do not penetrate one another, in time they will gradually do so. Usually a clean and quiet place should be selected for Buddha recitation, about 4 to 5 square meters in area. We should circumambulate once, moving clockwise, then slowly recite the Buddha" name with our voice growing louder and louder. As we recite this way for three or more circumambulations, we will feel our mind and voice becoming clearer, filling the universe, encircling the Ten Directions, encompassing the whole Dharma Realm. This is the method of resting body, mind and realm in the sound of the Buddha's name, and it is to rest body and mind in the sound of the Buddha's name that we recite. This is the supreme realm, which erases the polluted mind full of afflictions, and which the practitioner should endeavor to reach. ***Thirtieth, the Method of "Buddha Recitation in the Light of the Self-***



**Mind**”: All sounds are the sound of the Self-Mind, all lights also the light of Self-Mind. If the sound of the Self-Mind exists anywhere, the light of the Self-Mind also shines from that place. If we rest in the sound of the Self-Mind to recite the Buddha’s name, we are also resting in the light of the Self-Mind as we recite. This is also the supreme realm where the polluted, afflicted mind has been eliminated. The practitioner should strive to cultivate this method. **Thirty-First, the Method of “Buddha Recitation in the Nature of the Self-Mind”**: As the sound of the Self-Mind surrounds us and the light of the Self-Mind shines upon us, the Mind-Nature naturally reveals itself. This True Mind is like a huge round, bright mirror that nothing can obstruct. The Ten Directions, the Three Periods of Time, ourselves, the Buddhas and sentient beings, the cycle of suffering in the impure world, the lotus seat in the Pure Land, all are but images in the mirror. Thus, to recite aloud is to recite in the light, to recite in the mirror; it is neither the same nor different. This is the ultimate auspicious realm, completely free of deluded mind. We should strive our best to attain it. **Thirty-Second, the Method of “Uninterrupted Buddha Recitation”**: Buddha Recitation in the morning, in the evening, at leisure time, at busy time, at clean place, or at an unclean place, there should not be a single thought which is not of the Buddha. Even if we have to entertain friends and serve guests everyday and thus have to interrupt our recitation, only vocal recitation should be interrupted, not mental recitation. Practicing with such constancy, we can easily achieve samadhi. **Thirty-Third, the Method of “Buddha Recitation Without Odd Thoughts”**: The absence of odd thoughts is stopping. Stopping is the cause of samadhi. If we can put a stop to odd and impure thoughts, correct thoughts or samadhi will naturally appear. Odd thoughts fall into three categories: good, bad, and neutral. To eliminate all three is to eliminate odd thoughts. The mind requires stillness. With stillness, neither good nor bad thoughts arise. The mind requires clarity. With clarity, there is not neutral thought. There is no recitation except recitation of the Buddha’s name. Therefore, the mind is always still. In recitation, there is only Buddha, therefore, the mind is always bright and clear. **Thirty-Fourth, the Method of “Unstopped Buddha Recitation”**: Buddha Recitation without interruption is visualization, and visualization is the cause of wisdom. The previous utterance of the

Buddha's name has gone, the next one has not come, the present utterance is not static. Practice visualization in this manner, clearly but without attachment, without attachment but clearly. Proceeding continuously in this way, we will arrive at the truth that "everything is made from Mind alone". Buddha is Mind, Mind is Buddha. ***Thirty-Fifth, the Method of "Zen Is Buddha Recitation"***: Meditation based on a koan is called koan meditation. meditation in which the practitioner sits and stops the thought process is referred to sitting meditation. Koan and sitting meditation are both Zen. Zen and Buddha are both Mind. Zen is the Zen of Buddha. Buddha is Buddha in Zen. Buddha Recitation does not conflict with koan or sitting meditation. Moreover, the meditator can use the words "Amitabha Buddha" as a koan, reciting forward, reciting backward, reciting in one direction, reciting in another, upside down, turning around, without leaving his current thought. Even if it is not called Zen, Zen is still part of it. The Zen practitioner, to succeed in his cultivation, must practice to the stage of "one thought in resonance with the Mind" or samadhi, and enter suddenly into the realm of Emptiness. To recite the Buddha's name to the level of one-pointedness of mind, if this is not resonance (samadhi), what else can it be? To recite to the point where the mind is empty, is it not perpetual samadhi? In alert, focused Buddha recitation there is samatha, vipassana, samadhi, wisdom, each recitation is perfect. Where else can Zen be found if not here? ***Thirty-Sixth, the Method of "Precepts Are Buddha"***: To observe the precepts is to control the body; to recite the Buddha's name is to control the mind. Observing the precepts for an extended period of time rectifies the body; reciting the Buddha's name for an extended period of time leads to an empty mind. The nature of the precepts and the nature of recitation are not two different things. Constantly observing the precepts prevents transgressions and mistakes; constantly reciting the Buddha's name enables the cultivator to overcome "near-death karma" and transcend the triple Realm. If our precept-keeping has reached a high level and we dedicate these virtues toward rebirth in the Pure Land, we are bound to achieve rebirth in the middle Lotus Grades. If, on the other hand, we cannot do both, then try to recite the Buddha's name earnestly, as though we were extinguishing a fire burning on our head. ***Thirty-Seventh, the Method of "Sutras Are Buddha"***: The entire

Buddhist canon comes from the Mind; if the Mind is not Buddha, the teachings are just a waste. However, is there anyone's mind which is not Buddha? It is because he does not stop and think. Those who have studied the Dharma must have read the Surangama Sutra, and among them there are some who belittle the Bodhisattva Mahasthamaprapta while praising the Bodhisattva Avalokitesvara. A tiny bit of attachment on this point is enough to plant a seed of Birth and Death. All their learning, farsighted views and profound understanding serve merely to strengthen the seed of suffering; they are of no help at all toward the goal of escaping birth and death. Let's let go quickly, let go of everything and concentrate on Buddha recitation, seeking rebirth in the Pure Land and the company of Amitabha Buddha. Otherwise, if we cannot let go of these attachments immediately, then dedicate the virtues of studying and explaining the sutras toward rebirth in the Pure Land and fulfillment of the Four Great Vows. This will bring rebirth in the Pure Land. If, moreover, we can spread the Pure Land teachings, making others understand the benefits of Buddha Recitation, then even a wink or a thought will adorn the Pure Land. Thus, there is no doubt that our rebirth will be at the highest Lotus Grade! ***Thirty-Eighth, the Method of "Not Reciting Is Reciting"***: As soon as any action is completed or a word is uttered, and there has not even been time to think of reciting the Buddha's name, yet the Buddha's name has already appeared, this is the state leading to samadhi. ***Thirty-Ninth, the Method of "Reciting But Not Reciting"***: Reciting but not reciting means reciting without growing weary or bored, while feeling better and better. It means reciting the words "Amitabha Buddha" in a very clear and distinct way, without interruption and finding that these words have suddenly, temporarily, become frozen in our mind. It is to have no thoughts of the word "Amitabha" and no thoughts other than this word. This can provisionally be called attaining an auspicious realm, but not true the state of Empty Mind. However, if we are diligent in reciting the Buddha's name, the realm always appears and in time we will achieve the state. If because of a thought of Empty Mind, we succumb to drowsiness and lethargy, we are lacking in wisdom. We should realize that the more empty our mind is, the more wondrous and pure our recitation will be. When we use the self within the Buddha Mind to recite the Buddha in our own mind, neither Emptiness nor Non-

Emptiness can be found. It is as though the sun or moon, while shining on the Jade Palace, were revolving around the Polar Mountain and shining on the whole world. Indeed, what can be better than Wonderful Enlightenment becoming Perfect Enlightenment or Buddhahood?

***Fortieth, the Method of “Practice Buddha Recitation in Isolation”:*** When cultivating, a monk or a nun does not require the presence of fellow-cultivators. The more isolated his place of practice the better! He may recite in either a loud or low voice, as he pleases, slowly and deliberately, or with utterances following one another in rapid succession. The only important condition is to achieve singlemindedness. He should tell himself “my body is alone but my mind is not, because the Mind of Amitabha Buddha and of all the Buddhas has never left me, even momentarily. The Buddhas know immediately what is going through my mind. If I give rise to even a single thought, the Buddhas know it. How can I be isolated? If we have questions about the Pure Land method, we should consult Pure Land sutras and treatises for clarification. There are many such sutras and commentaries such as the Shorter Amitabha Sutra, the Longer Amitabha Sutra, the Meditation Sutra, Patriarch Chih-i’s Treatises on Ten Doubts about the Pure Land, Master T’ien Ju’s Doubts and Questions about Pure Land, etc. These are only some of the books on Pure Land teachings. There are many more interesting teachings to be found throughout the above-mentioned books. Furthermore, we should also try to study at the feet of masters who understand the Pure Land method in depth.

***Forty-First, the Method of “Organizing a Buddha Recitation Retreat”:*** Buddha Recitation Retreat usually lasts seven days. If we are in retreat alone, we should see to it that all the basic necessities of life are available. During the retreat, we should discovered others from moving about in the general area, so as to reserve the entire time for Buddha Recitation. If there are five or six persons who wish to go into retreat together, we should plan to have a retreat attendant, as well as to establish strict rules and affix them to the door. All comings and goings, meals, offerings of flowers and fruits should be handled by the attendant, so that the participants can concentrate on reciting the Buddha’s name throughout the seven-day period.

***Forty-Second, the Method of “Group Recitation”:*** In case four or five people decide to meet as a group to engage in Buddha

Recitation, they should establish the rules and agree on the order of seniority at the outset, before beginning to practice. Someone is assigned to strike a wooden fish before each time the Buddha's name is recited, one person should take the lead, while everyone else follows in a regular, even manner, without confusion. ***Forty-Third, the Method of "Buddha Recitation for the Purpose of Helping Others"***: To dedicate the merits and virtues to others, we can either recite the Buddha's name peacefully in one spot and; or join in a retreat with other people; or propagate the Pure Land method; or lend Pure Land texts to others; or dispel other people's doubts about the Pure Land method; or counsel others to recite the Buddha's name steadfastly. However, if we can practice "supportive recitation" at bedside of the dying, helping them to keep the Buddha's name continuously in mind so that they may be reborn in the Pure Land, we will helping to realize the Dharma Body Wisdom-Life or Pure Mind of others. The virtues of such action are on a higher level than all other activities. ***Forty-Fourth, the Method of "Buddha Recitation in Time of Calamity"***: If we remember to practice Buddha Recitation in time of calamity, we will receive a wonderful response. Buddha Recitation should be practiced steadfastly in both a country suffering invasion or a village decimated by a plague. if one person recites, one person is at peace; if a hundred persons recite, a hundred are at peace. It is not that the Buddha is being partial, but rather that He always appears in the equal, non-discriminating light... the light of the Buddha coming to protect us, the Dharma protecting deities resuming us, we will naturally escape danger and calamity. Do not doubt this. ***Forty-Fifth, the Method of "Buddha Recitation in Dreams"***: If we have unshakeable vows and engage in deep, pure cultivation, holding firmly to the Buddha's name in the daytime, holding firmly to it at night, then we will naturally recite the Buddha's name even in our dreams. This presages that we will soon achieve the goal of rebirth in the Pure Land. Therefore, we should continue to recite evenly, redouble our efforts, never scaling them down, never allowing our mind to become scattered. ***Forty-Sixth, the Method of "Buddha Recitation in Times of Illness"***: A serious illness is a reminder of death. Death is the important link between sages and ordinary men, the pure and the impure. In the event of terminal illness, we should develop thoughts of death to avoid fearing it

and be diligent in reciting the Buddha's name, awaiting death with determination. When the time comes, the light of Amitabha Buddha will appear to welcome and escort us, thus fulfilling our vow of rebirth in the Pure Land. If we stop reciting the Buddha's name when we are ill, all our feelings of attachment, fear and affliction will create a turmoil in our mind, while all manner of odd thoughts will arise. How then can we escape the path of birth and death? Once, long ago, there was a monk who, afflicted with a serious illness, groaned loudly "help, help!" He then realized that a Buddhist cultivator should remember to practice, and that to groan was wrong. Immediately, he began to recite the Buddha's name. However, his suffering did not diminish. Therefore, each time he groaned "help, help" he would follow the groan with the Buddha's name, day and night without fail. Upon recovering, he told everyone: "when I was ill, each time I groan, I followed it with the Buddha's name. Now that I am well, the words 'Amitabha Buddha' remain while the words 'help, help' have disappeared and are nowhere to be found. How amazing!" This is an instance of being steadfast in the face of illness. ***Forty-Seventh, the Method of "Buddha Recitation at the Time of Death"***: At the time of death, make the effort to remember the words "Amitabha Buddha", never letting them slip away from our mind. If we can recite aloud, by all means do so. If not, then recite softly. If we are too weak to recite at all, think of the words "Amitabha Buddha", engraving them in the depths of our mind, and never forget them. Those who attend the dying should counsel them, continuously urging them to remember the Buddha, to recite the Buddha's name. We should realize that because of scattered, deluded thoughts at time of death, we have been sunk in the Triple Realm throughout many lifetimes, many eons. Why? It is because Birth and Death are governed by our last thought at the time of death. If that single thought is focus on the Buddha, our body may be dead but our mind, being undisturbed, will immediately follow that single thought toward rebirth in the Pure Land. Therefore, remember to recite the Buddha's name, always, without fail! ***Forty-Eighth, the Method of "Vows, Repentance and Buddha Recitation"***: Alas! There are countless people who know nothing about Buddha Recitation. Those who think Buddha Recitation is akin to superstition and refuse to recite. There are monks and nuns who recite the Buddha's name as a

matter of routine without knowing the true reason why. There are people with 'deluded wisdom' who believe in the Buddha yet refuse to recite. There are ignorant people who do not know about the Buddha and therefore do not recite. These are but a few examples. In addition, there are ordinary people who, upon learning about cause and effect, recite the Buddha's name. However, they do so with the expectation of receiving merits and blessings in future lifetimes. Thus, they, too, cannot escape the seeds of Birth and Death. It is truly difficult to find anyone who recites the Buddha's name for the sake of transcending Birth and Death, perhaps one or two out of a hundred! We should realize that to recite the Buddha's name is to be unison with the compassionate Mind of the Buddha; it is to make the great vow of rescuing all sentient beings. All offenses and past wrongs done to others, I now repent; all virtues and good roots, large and small, I now dedicate to rebirth in the Pure Land. This is the principal cause or motive of Buddha Recitation.

### ***IX. Other Kinds of Buddha Recitation:***

Besides, there are also other methods of Buddha Recitation such as ***Truthful and Genuine Buddha Recitation:*** Pure Land practitioners should always remember that a single recitation of the Buddha's name encompasses all the teachings of the Tripitaka. It includes all methods in full without omitting a single method. Only those who are well-versed in all Buddhist traditions and teachings can be true Buddha Recitation practitioners. On the other hand, the dull, who are ignorant of everything but how to follow instructions sincerely, can also become true practitioners. Outside of these two groups, the correctness of practice depends on the cultivator's diligence and on whether or not he is practicing in accordance with the teachings. According to Great Master Yin-Kuang, truthful and genuine Buddha Recitation includes each recitation overfilled with Buddha as the Mind; Buddha is Mind, do not waste time searching; Buddhahood is Mind and Environment in harmony; equality of Mind is the birth of a Buddha; abandon the True Mind but wish to follow Buddha is a delusional dream; attach to Mind is Buddha will not lead to goodness; mind and Buddha is inherently artificial and illusory; Buddha, Mind both eliminated, attains Perfection. Once you are determined and have no further doubts about Pure Land

practice, why do you have to inquire about the results that other practitioners obtain? Even if no one else in the whole world obtain results, you should not develop a single thought of doubt. This is because the true words of Sakyamuni Buddha and the Patriarchs should be proof enough. If you, so-called Pure Land practitioners, continually inquire about the results other practitioners obtain, it means that you lack complete faith in the Buddha's words, and thus your practice certainly cannot bring results. The wise must not abandon the words of the Buddhas to follow those of human beings. Those who have no firm position and are only guided by the results of others are greatly to be pitied! Most Venerable Thich Thien Tam explained about "Truthful and Genuine Buddha Recitation" of Great Master Yin-Kuang in the Thirteen Patriarchs of Pureland Buddhism as follows: "Each recitation overfilled with Buddha as the Mind means when Pureland cultivators count beads reciting Buddha, the Mind needs to be pure and quiescent; mouth recites Buddha, ear listens clearly to the sounds of Buddha Recitation, Mind does not wander and think about any thing else, in other words, do not let any delusional thought arise. If this is accomplished, in that very moment, each recitation will be harmonious, establishing the "miraculous connections" with Buddha. This is presently the "form-Practice," which is the dharma practice of Buddha Recitation Lotus cultivators. Buddha is Mind, do not waste time searching means it is important to understand Buddha does not come from the outside, but is attained from within the cultivator's Mind. For the Mind encompasses all the ten directions of dharma realms. One Mind can give rise to everything. If anyone who cultivates but is determined to find Buddha outside of his or her Mind, then such a person is one who is not clear about the dharma door of "Theory Nature Is Within The Mind" or everything comes from the Mind. Old saints taught: "The Buddha in the West is inherently not far, Western direction truly exists within our nature." Moreover, it is necessary to know that the three domains, evil paths are inherently not far, three domains truly exist from within our nature. Therefore, sincere cultivators just calmly and peacefully re-examine our Minds to see if Buddha exists or the three domains and unwholesome paths exist. Buddhahood is Mind and Environment in harmony means if anyone wishes to attain the Emancipation and the fruit of Ultimate



Enlightenment of Buddhahood, it is necessary to harmonize both Practice and Theory. It is important to understand that Mind is Theory because it is formless, and Practice is Environment because it has form. Equality of Mind is the birth of Buddha means if the Equality of Mind exists then that is the Buddha's Mind for all dharmas are equal, fair, non-biased, and are complete with the following three doors of emancipation and enlightenment of Emptiness, Non-Form, and Non-Vow. The Buddha is known as the "Equality One" because in associating with all sentient beings, He uses compassion, mercy, and empathy to transform and aid them regardless of their forms whether they are heavenly beings or are hell dwellers. The Patriarch wanted to remind all of us on the cultivated path, if anyone wishes to attain enlightenment, it is necessary to eliminate the "Discriminatory Mind." Abandon True Mind but wish to follow Buddha is a delusional dream means anyone who cultivates for enlightenment but always continue to allow the Mind to follow delusional thoughts or distractions, allowing for the Mind to pull and dictate one's being, and to forget about one's True Mind or Buddha Nature. If cultivated in this way but wishes to attain the enlightened path, or have Buddha delivered to the Western Ultimate Bliss World, then such a person is only a delusional dreamer, such an individual is certain never see the Buddha. Sincere cultivators should always allow their minds to be pure and quiescent in order to accord with the Mind of the Buddha, and once this happens they will see the Buddha. Attach to Mind is Buddha then will not attain goodness means for cultivators who often speak hollowly and only in Theory, such as my Mind is already Buddha, then what is the need for a cultivated path? What is the need for prostrating to Buddha, or reciting Buddha's name? What is the need to chant sutra, leave home, or taking precepts? What is the need for going to temples to listen to the Dharma? etc. Thus, they refuse to cultivate, refuse to apply the teaching to practice, and their minds are filled with egotism and conceit. Such people will never attain goodness. If they never attain goodness, then clearly they will attain wickedness. The Patriarch would like to remind all of us that do not speak hollowly by saying 'Buddha is Mind' and then abandon all 'form practices and applications' because to say and to do so one is guaranteed to 'not attain goodness' on the cultivated path. Mind, Buddha is inherently artificial and illusory means

in the True Dharma Realm Characteristic, the Mind does not exist the Buddha does not exist either. Thus, if any cultivator still sees or discriminates there is Buddha, there is Mind, that cultivator is still trapped and stuck in 'attaching to forms and discriminations' and will never attain liberation and enlightenment. The Patriarch wanted to open our Minds to follow the Highest and Most Deeply Penetrating Doctrine belonging in the realm of the 'Great Enlightenment' of the Saintly Beings who have attained liberation and does not belong to the realm of the unenlightened mortals such as ourselves. Because we are ordinary mortals who have not attained enlightenment, it is necessary for us to be attached to the practice and form characteristics in order to cultivate, in other words, we need the dharma as means for us to attain enlightenment. This means we see the existence of the delusional mind needing to be eliminated, and we see the existence of Buddha in order to pray for deliverance. Buddha, Mind both eliminated: Attain Perfection means if anyone is able to penetrate fully the state where the mind no longer exists or no longer seen, as the way the Second Patriarch said to Bodhidharma 'I cannot find the Mind,' or do not see the existence of Buddha; then such a person has attained enlightenment and has returned to Oneness of emptiness and Nirvana. The Heart Sutra refers to the Mind as the 'Five Skandhas Emptiness.' If this is achieved, one has crossed over and landed on the shore of enlightenment.

***Reciting the Buddha's Name with One Mind:*** During repeating the Buddha's name, the individual whole-heartedly thinks of the appearance of the Buddha or of the Dharmakaya. During reciting the Buddha's name, one should inhale and exhale regularly and comfortably; try not to lengthen or shorten your normal breath span because by trying to lengthen or shorten your breath, you may develop a respiratory problem. A person who come to the temple to help in the kitchen, dull-witted, and face is covered with soot, but diligently practises Buddha recitation will surely achieve the Pure Land rebirth; in contrast, an intelligent person spends all time in gossiping, rebirth in hells is inconceivable. In 'Letters From Patriarch Yin-Kuang,' Great Master Yin-Kuang said: "If practitioners experience difficulty in reaching one-pointedness of mind, you should focus your mind and recite with care. The main criteria of such concentration are utter

sincerity and earnestness. It is very difficult to achieve one-pointedness of mind without utter sincerity. However, sincerity is not enough. Practitioners should next listen attentively to the recitation. Whether or not recitation is performed aloud, it should originate from the mind. It then proceeds from the mouth and enters the ears. Even if you recite silently, the marks of oral recitation still exist in the mind. With mind and mouth reciting clearly, the ears hearing clearly and the mind thus concentrated, deluded thoughts will cease by themselves.” Pure Land practitioners should always remember that if we wish to attain liberation in this very life, we should concentrate on the Pure Land method. The Diamond Sutra and the Lotus Sutra should be temporarily set aside, until such time as you fully possess the Pure Land principles and achieve one-pointedness of mind through Buddha Recitation. If we spend time studying while we are trying to engage in cultivation, we may not have the time or the energy. Thus, we will achieve neither and lose the benefits of both. Also according to Great Master Yin-Kuang, the thirteenth Patriarch of Chinese Pureland Buddhism Thirteen Patriarchs, if any practitioner wishes to achieve “singlemindedness” while reciting Buddha’s name to eliminate infinite karmic offenses in many reincarnations in the past, it is necessary to recite the Buddha’s name with one mind. First, settle and focus the mind, don’t let it become distracted, wander, or think aimlessly. Second, each line of Buddha Recitation must follow the previous one evenly, not too fast, not too slow, similar to a rain drop trickling down from the roof; the first drop does not wait for the next one, the next drop does not interfere with the first. Third, recite each word and each phrase clearly. Fourth, mouth chanting the Buddha’s name, eyes fixed on the Buddha’s statue, ear listening clearly to the sound of Buddha Recitation.

***Buddha Recitation Samadhi:*** During repeating the Buddha’s name, the individual whole-heartedly thinks of the appearance of the Buddha or of the Dharmakaya. During reciting the Buddha’s name, one should inhale and exhale regularly and comfortably; try not to lengthen or shorten your normal breath span because by trying to lengthen or shorten your breath, you may develop a respiratory problem. A person who come to the temple to help in the kitchen, dull-witted, and face is covered with soot, but diligently practises Buddha recitation will surely achieve the Pure Land rebirth; in contrast, an intelligent person spends

all time in gossiping, rebirth in hells is inconceivable. There are two kinds of samadhi: a fixed mouth samadhi and a fixed mind samadhi. According to Great Master Hui-Yuan in *The Thirteen Patriarchs of Pureland Buddhism*, Buddha Recitation Samadhi means “often remembering” and “having quiescence”. First, Often Remembering which means always to think and remember Amitabha Buddha and if this is the case, the mind will not be split into infinite directions; therefore, the cultivator is able to penetrate the state of “single mind of complete equality”; first, one mind which means the mind that has only “one determination,” that is “to gain rebirth in the Ultimate Bliss World”; and complete equality which means this mind is similar to the Mind of Buddhas, which is a mind of complete purity and quiescence. Second, having quiescence which means to have all our sentient beings’ delusional thoughts, filled with afflictions, become completely tranquil and quiet. If this is achieved, the cultivator will be able to enter the state of “pure mind and enlightened spirit.” These two states will naturally and spontaneously combine to depend on each other to give rise to an unfathomable connection with the Buddhas and Bodhisattvas. When pure mind exists, it will give rise to Wisdom. This wisdom shines through and penetrates all of the most profound and magnificent Dharma teachings. Enlightened spirit means the spirit will shine to all darkness, there is no area of ignorance does not reach it.

***Universally Penetrating Via Praying to the Buddha:*** Liang-Jen (Ryônin), founder of the Japanese named “Universally Penetrating via Praying to the Buddha (Yuzunembutsu)” Sect in the twelfth century. This is an eclectic sect of the T'ien-T'ai and Jodo School which in reality is a compromise between the Lotus doctrine and Amitabha-pietism. He is said to have been inspired by Amitabha himself about the truth: “One in all, all in one; one acts for all, all act for one (one is all and all is one; the essential unity of all things).” It is the idea of salvation by another's power, mutual help being the basic idea. Accordingly, an act of adoration to the Amitabha Buddha done by one will be of help to another. Their practice will be not only for one another but also for the salvation of society at large. This faith became extinct soon after Ryônin's death but was revived by Hômyô, one of the believers, in 1321. Although it belongs to Amitabha-pietism, it uses the Lotus text and the Wreath text as well. Thus we can regard it as

belonging to the doctrine of the “Holy Path” rather than to that of the Pure Land. Nowadays the headquarters of this school are at the Dainembutsu-ji Temple in Hirano, near Osaka, where it governs around 357 monasteries in Japan.

***To Sit in Buddha Recitations:*** Sitting Buddha Recitations mean to sit to recite the Buddha names. There are many ways of sitting; however, two major styles which are usually utilized: half-lotus and full-lotus. A 'half lotus' position is a sitting posture recommended to those who cannot maintain the full lotus position for a long period of time without great pain, even though half lotus position is not as balanced and stable and thus not so conducive to absorption as a so-called full lotus position. A Bodhisattva's form of sitting, one foot on the thigh of the other or vice versa (left foot over right thigh and right foot under left thigh, both knees touching mat, to facilitate the knees resting on the mat, it may be necessary to use a thin support cushion under the regular round one), different from the completely cross-legged form of a Buddha (with right foot over left thigh and left foot over right thigh). The Buddha's sitting posture with legs crossed and soles upward or to sit cross-legged. The sitting position which in Oriental traditions is regarded as the most appropriate sitting posture for Buddha Recitations. This is the posture in which the Buddha is depicted. In the lotus position the legs are crossed, the right foot rests on the left thigh, the left foot rests on the right thigh, the back is straight, and the hands rest with the palms turned up on heels of both feet. Unlike in most Buddhist schools, in the practice of sitting Buddha Recitations, the left palm rests on the right; this is an expression of the dominance of the passive over the active side of the body in the practice of Buddha Recitations. There are two kinds of cross-legged sitting. First, the left leg is over right, the left hand is over the right hand for being subduing of demons. That's the full-lotus posture, or the jeweled vajra sitting position, or the Bodhi position. If you sit in this position, it's easy to stabilize your mind for Buddha Recitation sessions. Second, the right leg is over left for blessing, the right hand is being placed over the left one. When you sit in the “Padmasana” position, your body should be held upright. Do not lean backwards or forwards. Do not swing to the right or left. Try to sit straight, but not stiff as a wooden board or as an iron bar. When you sit for Buddha

Recitations in this position, you want to make your breath even. You should always breathe at the speed at all times. Breathe and and breathe out naturally, not to force yourself with a long breath-in, or breath-out. When sitting in this position, don't be afraid of the pain. Perhaps you can sit for half an hour before the pain starts, but when it does appear you should be patient. The more you feel painful, the more you should be patient. If you are patient enough, sooner or later, you'll be able to sit for an hour, two hours, or even longer. Remember to concentrate on nothing else but your Buddha Recitations. If something else appears in your mind, just ignore it and go back to your Buddha Recitations.

***Walking in Buddha Recitations:*** Walking Buddha Recitations by walking up and down. To walk about in contemplation with Buddha Recitations to prevent sleepiness. Walking in Buddha Recitations by walking up and down. To walk about when reciting the Buddha names to prevent sleepiness. After a session of sitting sit in Buddha Recitations, practitioners commonly walk in a line, with heads down, looking at the ground. This practice is said to refresh the body while maintaining the mind's concentration on just Buddharecitations.

***Koan of Buddha Recitation:*** The koan of Buddha Recitation uses the invocation of Amitabha Buddha as a koan. At the very moment the name is uttered, it must be the focal point in respect to which all doubts and delusions are laid aside. At the same time you ask "Who is this person reciting the Amitabha's name?" When you rely steadily on the koan, all illusions and confused thoughts will be broken down the way knotted threads are cut. When there is no longer any place for them to reappear, it is like the shining sun in the sky. When illusion does not arise and delusions disappear, the mind is all calm and transparent.

#### ***X. Characteristics of Buddha Recitation:***

***Five Points Any Diligent Pureland Practitioner Should Know How to Reflect On One's Self:*** According to Most Venerable Thích Thiều Tâm in The Thirteen Patriarchs of Pureland Buddhism, to prevent demonic obstructions on the cultivating path, there are five points any Pureland practitioner should know how to reflect on one's self. *First*, if wishing to gain rebirth in the Western Pureland of Ultimate Bliss, it takes much more than a few good meritorious and virtuous deeds.

*Second*, if wishing to find liberation from the eternal suffering in tens and thousands of reincarnations of the cycle of rebirths, it cannot be accomplished by procrastinating and being lazy. *Third*, it is necessary to think that the impermanence of life is sudden, time truly flies, the morning had just come but night has arrived. Why not be diligent and prepare in anticipation. *Fourth*, Remember the “wheel power” is unable to overcome the “powerful forces of love, lust and desires.” *Fifth*, also remember that the Buddha Recitation Mind is not stronger than the the mind of worldly desires.

***Five Circumstances (criteria) That Can Help Us Determine Which Events Are Real and Which Belong to the Demonic Realms:*** According to the Buddhism, there are five circumstances: *First*, circumstances where cause and effect do not correspond, such as visualizing one mark and see another, or hoping to see one realm but see another, as well as scenes and realms that do not resemble to those described in the sutras are all demonic realms. *Second*, Buddhas and Bodhisattvas have pure compassion; therefore, if they take the appearance of demons to test us, we should still feel calm, at peace and pure. Demons on the contrary, are inherently evil and wicked; thus even when they take the appearance of Buddhas and Bodhisattvas or of any good and moral people, we still feel agitated, angry and uneasy. *Third*, the Buddha’s light always makes us feel calm and refreshed; it has neither shadow nor a blinding effect on the eye. The light of demons, on the other hand, affects our eyes and makes us feel agitated rather than calm and peaceful; it also has shadows as described in the Lankavatara Sutra. *Fourth*, the teachings of the Buddhas and Bodhisattvas are in accord with the sutras and the truth. The teachings of the demons are contrary to the truth and not in line with the teaching in sutras. *Fifth*, when an auspicious mark appears, the practitioner who wishes to test it, needs only concentrate on reciting the Heart Sutra with a pure mind, or reciting a mantra or Buddha’s name with one-pointedness of mind. If the mark is really auspicious, the more the practitioner recites, the clearer it becomes. If the mark belongs to the demonic realm, it will gradually disappear because evil can never infringe upon the truth and the auspicious. However, an advanced cultivator should always remember that during meditation, you must eliminate whatever appear, Buddhas, Bodhisattvas or demons.

Five circumstances according to Most Venerable Thích Thiên Tâm in *The Pure Land Buddhism in Theory and Practice*. Sometimes the Buddha Recitation practitioner sees marks and forms which could actually be demonic realms. These are instances where cause and effect do not correspond. For example, while visualizing the physical features of Amitabha Buddha, a practitioner may suddenly see the features of a beautiful woman. Another cultivator, diligently reciting the Buddha's name in the hope of seeing auspicious scenes of the Pure Land, may unexpectedly see a slum area, with men, women and domestic animals running back and forth in all directions. Yet another practitioner, hoping to see precious lotus blossoms in the Pure Land, suddenly sees a small cart instead. These are demonic realms, as cause and effect do not correspond. There are five criteria that can help us determine which events are real and which belong to the demonic realms. We should judge events by all five circumstances, not just one or two. This is because there are many celestial demons, externalist deities and Immortals who want to lead us their way and therefore falsely take the appearance of Buddhas and Bodhisattvas preaching the Dharma. Although their cultivation is not the ultimate way leading to liberation, they may have good karma or fairly high level of samadhi. Thus, their light can also make us feel refreshed and peaceful. Moreover, their teachings at times also encourage the performance of good deeds, keeping the precepts, vegetarianism and Buddha Recitation. However, they diverge from the Buddhist sutras on certain crucial points, such as the need to escape Birth and Death. Only by exercising careful judgment and understanding the Dharma in depth are we able to know. For example, certain externalist deities urge vegetarianism and Buddha Recitation, but teach that the sacred words should be visualized as circulating throughout the body, this, they say, is 'turning the Dharma wheel,' to release blockages in the energy system. This is the preaching of externalist demons. There are also demons who take the appearance of Elder Masters and say, "Buddha statues made of bronze or cement cannot vanquish water, because they sink in water; Buddha statues made of wood or paper cannot vanquish fire, because they would burn. Only the Mind-Buddha cannot be destroyed by anything. You need only cultivate the Mind-Buddha, striving to make it pure; there is no need to cultivate body and speech.



Therefore, even eating meat and drinking wine, lusting and begetting children (in the case of monks and nuns) are no consequence. Cultivating body and speech through such restrictive, ascetic practices as precept-keeping, vegetarianism, Sutra, Mantra and Buddha Recitation is of no use and brings no benefit. This is a typical teaching of some spirits of long years standing or demons of sexual lust. There are some types of demons who have reached a fairly high level of attainment and can use their powers of concentration to help the practitioner reach a state of samadhi for a period of seven or twenty-one days. However, their teaching does not lead to ultimate liberation and, in the end, cannot transcend the cycle of ego-attachment. Ancient masters have said: "When we see demons yet remain undisturbed, the demons self-destruct; when we see ghosts yet remain undisturbed, the ghosts are vanquished." This saying means if we see demons and ghosts but our minds are unmoved and unafraid, holding fast to correct thoughts or singlemindedly reciting the Buddha's name, these demons and ghosts cannot hurt us in any way, and will leave of their own accord. Not only should we act in such a manner when seeing demons, but even when we achieve some results or see auspicious marks during cultivation, we should not be moved to astonishment, sadness or joy. It is as if we had lost a diamond at the bottom of the lake and because the water was murky, we were unable to recover it despite our best efforts. However, once the water became still and transparent, we found it. Since the diamond had always belonged to us, why should we have been astonished and happy? If the cultivator's mind is not calm and peaceful and is overly given to sorrowful compassion, he will be harmed by the demon of sorrow and cry all the time. If he is given to too much happiness, he will be harmed by the demon of happiness and laugh all the time, as though insane. Thus, although the Pure Land practitioner may also hope to see transcendental realms and scenes, he should not long for or dream of them too much, because to recite is already to seek. He should be calm and seek but not seek, not seek but seek, so as to avoid disturbing his mind. He should just earnestly recite the Buddha's name and in time, when the power of his recitation is pure, there will be a response and he will witness auspicious realms. To continuously seek and hope for them is deluded thought which brings harm. These followings are five circumstances: First, instances

where cause and effect do not correspond, such as visualizing one mark but seeing another, hoping to see one realm but seeing another, as well as scenes and realms that do not resemble those described in the sutras, are all demonic realms. Second, Buddhas and Bodhisattvas have pure compassion; therefore, even if they take the appearance of 'demons' to test us, we still feel calm, at peace and pure. Demons, on the contrary, are inherently evil and wicked; thus, even when they take the appearance of Buddhas and Bodhisattvas, we feel agitated, angry and uneasy. Third, the Buddhas' light makes us feel calm and refreshed; it has neither shadow nor a blinding effect on the eye. The light of demons, on the other hand, affects our eyes and makes us feel agitated rather than calm and peaceful; it also has shadows. The reference to the Buddhas' light in the Lankavatara Sutra illustrates this point. Fourth, the teachings of the Buddhas and Bodhisattvas are in accord with the sutras and the truth. The words of demons are contrary to the truth and not in line with the sutras' teachings. Fifth, when an auspicious mark appears, the practitioner who wishes to test it need only concentrate on reciting the Heart Sutra with a pure mind, or reciting a mantra or the Buddha's name with one-pointedness of mind. If the mark really is auspicious, the more he recites, the clearer it becomes, because genuine gold is not harmed by fire. If it belongs to the demonic realm, it disappears as he recites, because evil can never withstand the truth.

***Eight Crucial Elements for Pureland Cultivators:*** According to Great Master Ch'i-Sun, the twelfth of the thirteen Patriarchs of Pureland Buddhism, there are eight crucial elements all Pureland cultivators must often reflect and remember. *First*, because of life and death, developing Bodhi Mind. This should be the common path of all Buddhists. *Second*, use "deep faith and vow" to practice Buddha Recitation. This is the essence of the Pureland Dharma Door. *Third*, use "focus and concentration" to recite Buddha as a means to gain rebirth. *Fourth*, use the matter of "taming the images and workings of afflictions" as a crucial step in cultivating the mind. *Fifth*, use the matter of "maintaining the four grave precepts" (no killing, no stealing, no sexual misconduct, and no lying) as the fundamental foundations of the cultivated path. *Sixth*, use the "Ascetic practices" as supports for the cultivated path, meaning do not become too greedy for the

pleasures of the five desires. *Seventh*, use the “one mind without distractions” as the ultimate goal of the Pureland Buddhism. *Eighth*, use “wholesome spiritual achievement” as proofs and validations for gaining rebirth.

***Ten Great Benefits:*** According to the two Great Masters Chih-I and T’ien-Ju in The Pure Land Buddhism, those who invoke the Buddha’s name with utmost sincerity will derive ten great benefits in this very life: *First*, day and night they enjoy the invisible protection of all celestial beings, powerful deities and their multitudes of retainers. *Second*, twenty-five great Bodhisattvas, including Avalokitesvara Bodhisattva (Kuan-Yin) and other Bodhisattvas, constantly keep them in mind and protect them. *Third*, they enjoy the continuous aid and protection of the Buddhas; Amitabha Buddha emits constant light to gather them in. *Fourth*, no evil demons, ferocious dragons, poisonous snakes or the like can harm them. *Fifth*, they do not meet with such calamities as drowning, burning or other violent death; nor do they encounter such punishment as being shackled and imprisoned, or sudden death. *Sixth*, previous karma is gradually dissipated; the souls of those whom they have murdered in past lives are liberated and no longer seek revenge. *Seventh*, they have restful sleep or dream of auspicious events or view the supremely wonderful body of Amitabha Buddha. *Eighth*, their Minds are always joyful and at peace, their complexions clear and bright, their bodies filled with energy and strength; whatever they undertake generally meets with success. *Ninth*, they are always honored and assisted by others, and are gladly accorded the respect reserved for the Buddhas. *Tenth*, at the time of death, they do not experience fright, as right thoughts manifest themselves; they witness Amitabha Buddha and the Sacred Assembly bearing the golden lotus, to welcome and escort them to the Pure Land, where they will enjoy peace of Mind and happiness forever.

#### ***XI. Four Realizations & Four Practices In Buddha Recitation Door:***

***Buddha Recitation and the Four Realizations:*** According to Most Venerable Thích Thiên Tâm in The Pure Land Buddhism in Theory and Practice, reciting the Buddha’s name seeking rebirth in the Pure Land is a “perfect sudden” method in the Mahayana tradition, because

the cultivator takes Enlightenment in the “effect stage” as his point of departure of awakening the mind in the “causal stage.” If it were not taught by Sakyamuni Buddha Himself, who would believe that a common mortal of the “Four Ways of Birth and Six Paths” could reach the stage of non-retrogression, equal to the higher level Bodhisattvas, thanks to Amitabh Buddha’s power of “welcoming and escorting”? After all, cultivators following other methods would have to spend ten thousand eons in diligent, continuous cultivation to obtain such results. With the Pure Land method, since the cultivator has put his faith in the Buddha’s power in addition to using all his “self power,” every single cultivator will be reborn in the Land of Ultimate Bliss, escape the cycle of Birth and Death and achieve non-retrogression. If we were to use Buddha Recitation to discover the Mind-Ground and awaken to our Original Nature, the Pure Land method would be no different from other methods. However, when we rely on Buddha Recitation to seek rebirth in the Pure Land, the Pure Land method has unique characteristics. The Pure Land has four statements explain the Four True Realizations of Pure Land teachings. True Realization means thorough comprehension of essence, or noumenon. Since the whole Dharma Realm or cosmos is only Mind, sentient beings and realms are illusory. If we conceive that there are sentient beings achieving rebirth in the Pure Land and that there are realms to go back to, we are still attached to beings and dharmas and are still making a distinction between here and there. This is not True Realization, i.e., not a completed understanding of essence and noumenon. The reverse is called the True Realization. The ancients have summarized the idea in the following stanza: “Recitation is equal to non-recitation. No Birth is Birth. Having reached that stage do not bother to move even half a step. You have arrived at the Enlightened Capital City.” True realization of beings and realms is the ultimate goal of Pure Land practitioners. Nevertheless, the doctrine taught in the Three Pure Land sutras and Commentary on Rebirth (not True Realization of Realms and Beings), which is consonant with seeking rebirth in the Pure Land. This is because Sakyamuni Buddha knew that common mortals in this world of the Five Turbidities, especially in this Dharma-Ending Age, would have heavy and deep karmic obstructions; establishing a realm of marks or the Pure Land, enabling them to anchor their minds and

cultivate, would be difficult enough, not to mention abandoning all marks! If common human beings of this Dharma-Ending Age cultivate while grasping at marks, i.e., the Pure Land, their Practice and Vows will be more earnest and the final result of rebirth in the Pure Land is easier to achieve. Once reborn in the Pure Land, why worry about not attaining the state of No-Birth and No-Mark? For those who are not of the highest capacity or endowed with a sharp mind, hastening to achieve lofty goals and engaging in cultivation without marks leave the minds with no anchor. Earnestness and sincerity are then difficult to develop. If their Vows are not earnest, how can they achieve rebirth in the Pure Land, and without rebirth in that Land, how can they escape Birth and death? This is an instance of “haste makes waste,” climbing high but landing low, wanting to be clever and ending up clumsy and awkward! Many who like to voice lofty principles frequently reject the Pure Land method in these terms: “To recite the Buddha’s name seeking rebirth in the Pure Land is to grasp at marks. Seeking the Dharma outside the Mind, failing to understand that all dharmas are Mind-Only.” These individuals, seeking the subtle and lofty, are in reality shallow and superficial! This is because they do not understand that if the Saha World is Mind-Only, then the Western Pure Land is also Mind-Only, and nothing can be found outside the True Mind. Thus, to recite Amitabha Buddha’s name is to recite the Buddha of our own Nature and Mind; to be reborn in the Pure Land is to return to the realm of our own Mind, not to an outside realm! Since neither the Saha World nor the Pure Land is outside the Mind, how can remaining in the Saha World, enduring samsara, scorched and burn by the fire of the Five Turbidities, be compared with returning to the tranquil and blissful Pure Land, the pure and cool realm of freedom? We should realize that the ones truly in a position to honor the Mind-Only Pure Land are those who have attained the Dharma-Nature-Body, always free and at ease in all circumstances. At that time, whether in the Saha World or in the Land of Ultimate Bliss, they are in a “pure land,” in the state of Mind-Only, in the state of liberation. Otherwise, though they may discourse endlessly on the mystery and loftiness of the Pure Land, they cannot escape bewilderment and delusion in the “bardo stage,” and following their karma, revolving in the cycle of Birth and Death! *First*, true realization of realm, not of beings. Birth in the Pure Land is

definitely birth; however, return to the Pure Land is, in truth, no return. **Second**, true realization of beings, not of realms. Return is definitely return; however, birth is, in truth, No Birth. **Third**, true realization of both realms and beings. Return is, in reality, no return; birth is also, in truth, no birth. **Fourth**, not a true realization of realms and beings. Return is definitely return; birth is definitely birth. Thus, the Pure Land method has unique characteristics. Pure Land practitioners should always remember the “Buddha recitation and the Four Realizations.”

**Four Practices of Buddha Recitation:** Sentient beings usually differ in preferences and innate capacities. Therefore, although they may engage in the common practice of Buddha Recitation, they are bound to differ somewhat in their practice. For this reason, ancient masters have summarized four types of practice: Zen-Pure Land; Sutra Recitation-Pure Land; Esotericism-Pure Land; Exclusive Pure Land Practice. In China, the Pure Land Patriarch Shan-Tao taught diligent Buddha Recitation alone, which is designed to help those of limited or moderate capacities and belong to the exclusive Pure Land practice. While Master Yung-Ming’s method, totalling of 108 in all, aims specifically to encourage those of the highest capacity, and belongs to the Perfect Practice. **The first category** of cultivators comprises those who engage primarily in Buddha Recitation but practice Zen as well. They are said to practice Zen-Pure Land, also called dual practice of Zen and Pure Land. Here, rebirth in the Pure Land is the principal goal, while seeing the True Nature and becoming enlightened to the Way is a secondary matter which depends on the individual practitioner’s good roots and conditions. **The second category** comprises those whose main practice is Buddha Recitation with Sutra Recitation as an ancillary practice. They are said to practice Sutra Recitation-Pure Land. As for the sutras chanted, some prefer the Diamond Sutra or the Amitabha Sutra, while others prefer the Avatamsaka Sutra or Lotus Sutra, or else individual chapters, such as the “Avalokitesvara Chapter” in the Lotus Sutra (chapter 25), or the Chapter on Samantabhadra’s Practices and Vows in the Avatamsaka Sutra (chapter 40). **The third category** is composed of those who engage in Buddha Recitation as their primary practice and Mantra Recitation as an ancillary one. They follow the practice of Esotericism-Pure Land. The mantras vary with the practitioner and include such dharani as the Great Compassion Mantra,

the Thousand-Armed Avalokitesvara Dharani, the Rebirth Dharani, etc... *The fourth category* of cultivators comprises those who practice Buddha Recitation diligently and exclusively without cultivating other methods. Within this group, those of high capacities practice the sixteen Meditations as taught in the Meditation Sutra, while the great majority only practice oral recitation of the Buddha's name. The Pure Land Patriarch Shan-Tao taught diligent Buddha Recitation alone, which is designed to help those of limited or moderate capacities and belong to the exclusive Pure Land practice. Master Yung-Ming's method, totalling of 108 in all, aims specifically to encourage those of the highest capacity, and belongs to the Perfect Practice.

### ***XII. Buddha Recitation and Mantra Recitation:***

Pure Land practitioners may recite mantras as well as the Buddha's name. However, they should make a clear distinction between the main and the subsidiary practice, in which case the subsidiary practice naturally points to the main practice. If, on the other hand, they are careless and consider the two practices to be equal, even the main practice is no longer the main practice. Pure Land practitioners should always keep in mind that the Ten Thousand-Arm Avalokitesvara Mantra (Cundi Dharani) is neither more nor less efficacious than the Great Compassion Mantra. If the mind is utterly sincere, each and every Dharma method elicits a wonderful response; if the mind is not utterly sincere, no method is effective. In 'Letters From Patriarch Yin-Kuang,' Great Master Yin-Kuang said: "Reciting mantras should be considered an ancillary practice, rather than a principal method along with Buddha Recitation. The merits derived from mantra recitation are indeed inconceivable, but ordinary people who achieve rebirth in the Pure Land owe it entirely sincere Faith and Vows, as these correspond to the lofty Vows of Amitabha Buddha. If you are not clear about this truth, thinking that all Dharmas are unfathomable and therefore it does not matter which method you cultivate, you will end up practicing neither Zen nor Pure Land. This will lead to eons of wandering in the wasteland of Birth and Death, whom, then, could you rely on for help? You should realize that as a common being full of karmic obstructions, you will certainly find it difficult to escape Birth and Death in this very life unless you rely on the Vows of Amitabha Buddha. Only then will

you discover that the Pure Land method surpasses other Dharma methods in power and utility! Reciting mantras and sutras for the purpose of sowing merits and wisdom and eliminating evil karma and transgressions is all to the good. However, to be deluded and seek spiritual powers is to abandon the roots for the branches, an error in judgment. If, furthermore, your mind is grasping, your understanding of the Dharma nebulous, your precept-keeping lax, your Bodhi Mind undeveloped and your discriminatory, win-lose mind raging unchecked, you will be exposed one day to demons that may drive you insane!”

***XIII. Three Guidelines to Consolidate One’s Faith:***

According to Most Venerable Thích Thiên Tâm in *The Pure Land Buddhism in Theory and Practice* and *The Thirteen Patriarchs of Pure Land Buddhism*, the Buddhist sutras and commentaries, the Pure Land practitioner should follow three guidelines to consolidate his faith. ***First, the Guideline of Reason:*** According to Most Venerable Thích Thiên Tâm in *The Pure Land Buddhism in Theory and Practice* and *The Thirteen Patriarchs of Pure Land Buddhism*, “Guideline of Reason” is one of the three guidelines to consolidate one’s faith. This is the reasoning and understanding of human logic. For example, we may reflect, ‘all realms are created from the mind. If there is a world such as ours, where good karma and bad karma are about equal, there must exist other worlds such as the three Evil Paths, with a preponderance of evil karma, as well as celestial realms, where good karma prevails. It therefore stands to reason that the Western Pure Land exists as a result of the pure, good Vows of Amitabha Buddha as well as the virtues of the Bodhisattvas and other morally superior beings. ***Second, the Guideline of the Teachings of the Sages:*** According to Most Venerable Thích Thiên Tâm in *The Pure Land Buddhism in Theory and Practice* and *The Thirteen Patriarchs of Pure Land Buddhism*, “Guideline of the Teachings of the Sages” is one of the three guidelines to consolidate one’s faith. These are the words of the Buddhas and Bodhisattvas in sutras and commentaries. Buddha Sakyamuni, with his pure vision, clearly saw the auspicious environment and superior beings of the Western Pure Land and described them in the Pure Land sutras. The great Bodhisattvas, such as Manjusri and Samantabhadra, all extolled the Land of Ultimate Bliss



and enjoined sentient beings to seek rebirth there. If Buddhists are not guided by the words of Buddhas and Bodhisattvas, whom then should they believe? ***Third, the Guideline of Actual Seeing and Understanding:*** According to Most Venerable Thích Thiên Tâm in *The Pure Land Buddhism in Theory and Practice* and *The Thirteen Patriarchs of Pure Land Buddhism*, “Guideline of Actual Seeing and Understanding” is one of the three guidelines to consolidate one’s faith. This is a method of reasoning based on actual occurrences, verifiable through our eyes and understanding. The commentary, *Biographies of Pure Land Sages and Saints*, has amply documented the stories of individuals who have achieved rebirth in the Land of Ultimate Bliss through Buddha Recitation. Moreover, those who have practiced Buddha Recitation with a pure mind have been known to witness scenes of the Pure Land during their current lifetimes.

***XIV. Three Causes Which Practitioners of Buddha Recitation Cannot Achieve “One-Pointedness of Mind”:***

What does it mean to have “one-pointedness of mind?” It means to concentrate the mind on recitation without sundry thoughts. “One-pointedness” means the mind is devoid of all distractions, thinking about no other realm except the realm of Buddha Recitation. Individuals of high capacities may reach such a state in, perhaps, one day; those of moderate capacities in three or four days; those of limited capacities in seven days. There is still another point of view, individuals of high capacities, ideally, achieve one-pointedness of mind during the entire seven-day period; those of moderate capacities only do so for three or four days; while those of limited capacities may only do so for one day during the whole period of retreat. However, why did Sakyamuni Buddha estimate that we could achieve one-pointedness of mind within a week, when in fact, some of us may recite for two or three or even many years without ever reaching that state? According to Most Venerable Thích Thiên Tâm in *The Pure Land Buddhism in Theory and Practice*, there are three causes which practitioners of Buddha Recitation cannot achieve “one-pointedness of mind.” ***First***, from the viewpoint of “mark” or phenomena, we fail to follow Sakyamuni Buddha’s admonition to conduct periodic retreats for cultivation. When we do so, we engage in several practices at the same

time (sundry practices). We should realize that if we would like to achieve one-pointedness of mind, we should practice oral recitation exclusively during the retreat period, and not engage in Mantra or Sutra Recitation or meditation as well. *Second*, there are various reasons why some practitioners cannot avoid sundry conditions and thoughts or concentration on cultivation for seven days. These reasons range from lack of external support, i.e., the need to prepare their own meals and attend to other miscellaneous activities, to lack of earnestness. *Third*, the three capacities mentioned above are a rough estimation. For example, within the category of high capacity cultivators, we have “supremely high,” “moderately high,” and “low high” capacities. Moderate and limited capacities may likewise be subdivided. There are thus a total of nine categories, which may in turn be divided into many more categories. We should also realize that Sakyamuni Buddha’s words are only generalities. For example, the sutras state that individuals of high capacities can achieve one-pointedness of mind for seven days, not eight or nine. In reality, these sages are not only undisturbed for eight or nine days, conceivably, their minds can remain empty and still during their entire lives. Conversely, those of limited capacities, weighed down by heavy karmic obstructions, not only may fail to reach one-pointedness of mind after seven days, they may even recite during their whole lifetime without ever reaching that state. Thus we should interpret the words and meaning of the sutras flexibly, without being attached to the words and betraying the phrase, or grasping at the phrase and doing injustice to the meaning.

***XV. Seven Circumstances That Are Difficult to Practice Buddha Recitation:***

According to Masters Chih-I and T’ien-Ju in *The Pure Land Buddhism*, there are seven circumstances that are difficult for Pure Land practitioners to practice Buddha Recitation: *First*, even if you die peacefully, without illness, you may not have severed all worldly ties, or you may still be caught up in defiled thoughts. The desire to survive, coupled with the fear of death, disturb your Mind, rendering it perplexed and undecided. In such circumstances as well, you cannot recite the Buddha’s name. *Second*, even if you do not meet with evil

conditions, but simply expire after a mild illness, at that time the four elements (earth, water, fire, air) separate, your ligaments and bones jerk and retract, Mind and body are aching and in a state of panic, not unlike a turtle being skinned alive or a crab thrown alive into a boiling pot. How can you then recite the Buddha's name? *Third*, moreover, if you are a layman, you have, in addition, unfinished family obligations, unsettled projects and plans, wailing wife and weeping children, along with hundreds of other worries and apprehensions. How can you have the leisure to recite the Buddha's name? *Fourth*, let us not even talk about the time of death. Even in daily life, if you are afflicted with some mild illness, you suffer, moaning and groaning endlessly. As you search for a physician or a cure or seek out monks and nuns to recite verses of repentance, hoping for a quick recovery, your sundry thoughts are legion. It is not easy, then, to concentrate the Mind and recite the Buddha's name. *Fifth*, even under normal circumstances, when you are in good health, you may be afflicted with old age and declining strength, beset by all kinds of worries and sorrows. Keeping the aging body together is a never-ending task; how can you have time for Buddha Recitation? *Sixth*, even when you have not reached old age and your body is still vigorous, you are still weighed down by mundane preoccupations and have not yet severed worldly thoughts. You run hither and yon, worrying about ten thousand things. With your sea of consciousness so vast, how can you recite the Buddha's name? *Seventh*, even if you are free of all conditions and entanglements and are determined to cultivate the Dharma, unless you can see through mundane marks, understand them thoroughly, and sever them completely, you will not be in control of yourself when faced with external conditions. Your Mind, then, will move erratically, following the environment. How can you have the peace of Mind to recite the Buddha's name?

***XVI. Ten Types of People Who Cannot Recite the Buddha's Name at Near-Death Time:***

The reason perverse and evil beings manage to recite the Buddha's name at the time of death is that they have 'good roots, causes, conditions, merits, and virtues' from the past. That is why they are able to encounter good spiritual advisors, believe in them and act

accordingly. How can those who commit evil deeds throughout their lives be reborn in the Pure Land with just a single recitation of the Buddha's name? According to Most Venerable Thích Thiền Tâm in the Treatise on The Ten Doubts, question number 20, there are ten types of people who cannot recite the Buddha's name at the time of death. These are common occurrences which can befall anyone, clergy or laypeople. They are due to previous or current karma and occur suddenly and unavoidably. We are not sages who have attained the 'knowledge of previous lives,' and who can thus know in advance whether or not we will encounter karmic retribution at the moment of death. Neither do we have the faculty of reading other people's Minds nor supernatural vision, to know whether we will die peacefully or not. Thus, if we do not recite the Buddha's name in daily life, how will we react if, at the time of death, we inadvertently meet with one of these calamities? At such time, even if a living Buddha or a multitude of good spiritual advisors surround us, they will have no way to save us. Our consciousness will then follow our karma and descend upon the Three Evil Paths, subject to eight adversities and enduring many eons of suffering. *First*, those who fail to meet spiritual friends or good advisors and thus have no one to urge them to recite. *Second*, those who are oppressed by karmic suffering and lack both peace of Mind and free time to practice Buddha Recitation. *Third*, those stricken by sudden illness and become dumb or speech impaired, which prevents them from actually reciting the Buddha's name aloud. *Fourth*, those who are insane and cannot focus the Mind on invoking the Buddha's name. *Fifth*, those who meet with sudden death by fire or drowning and lose their calmness and utter sincerity. *Sixth*, those who are suddenly injured by ferocious beasts. *Seventh*, those who encounter wicked teacher and evil friends at the time of near death, as such friends destroy their faith. *Eighth*, those stricken by fatal illness and become unconscious when passing away. *Ninth*, those who are wounded and die suddenly on the battlefield. *Tenth*, those who lose their lives falling from high places.

***XVII. To Recite Amitabha Buddha Is to Open the Entrance to the Pure Land:***

***Self-nature Amitabha, Mind-Only Pure Land:*** According to Most Venerable Thích Thiên Tâm in *The Pure Land Buddhism*, the gathering power of the Pure Land method is truly all-embracing and unconceivable. However, we always hear such expression as “Self-Nature Amitabha, Mind-Only Pure Land.” What is the meaning of this expression? The Pure Land is the land of Ultimate Bliss, ten billion Buddha lands from here, and Amitabha Buddha is the teacher of that land. It means that the True Mind of sentient beings is all-extensive and all-illuminating. The Surangama Sutra states: “The various mountains, rivers and continents, even the empty space outside our physical body, are all realms and phenomena within the wonderful, bright True Mind. Phenomena which are born, they are all manifestations of Mind-Only.” Therefore, where can you find a Buddha land outside the Mind? Thus, the concept of Mind-Only Pure Land refers to the Pure Land within our True Mind. This is no different from the ocean, from which springs an untold number of bubbles, none of which is outside the wide ocean. It is also like the specks of dust in the soil, none of which is not soil. Likewise, there is no Buddha land which is not Mind. Therefore, ancient sages and saints have said: “This single mind encompasses the four kinds of lands in their totality: the Land of Common Residence of beings and saints, the Land of Expediency, the Land of True Reward, and the Land of Eternally Tranquil Light.

***To Recite Amitabha Buddha Is to Open the Entrance to the Pure Land:*** Practitioners should always remember that to recite the Buddha's name means to open the entrance to the Pure Land. *Namah Amitabha*, the formula of faith of the Pure Land sect, representing the believing heart of all beings and Amitabha's power and will to save; repeated in the hour of death it opens the entrance to the Pure Land. Japanese term for “*Namo Amitabha*” is “*Nembutsu*.” It is an expression of faith in Amitabha, who is believed to have the super power to bring people to his “Pure Land” after they die. When a person is dying, he needs to keep the mind focused and recite *Namo Amitabha Buddha* up to ten times before his last breath. If this happens, his spirit will follow the vow of Amitabha Buddha and go to the Pure Land. Recitation is the

central practice of the Pure Land sect. Namo means to return to take refuge; Amitabha means Limitless Light and Limitless Life; Buddha means the “Enlightened One.” We don’t know when our life ends, to avoid being surprised by the spirit of impermanence, let us at all times apply ourselves to earnest recitation of the Buddha’s name, not waiting until we have fulfilled our family obligations before reciting the Buddha’ name, only then will we escape bewilderment and confusion in our last moment. Once reborn in the Sukhavati, sentient beings will inevitably progress toward Buddhahood because the conditions in the Pure Land are optimal for Buddhist practice. Thus, those who want to open the gate to the Pure Land should always recite the six words of “Na-Mo-A-Mi-Ta-Bha”. Recite Amitabha Buddha’s name in the morning, recite it again in the evening, no matter how rush you are, do not part from the recitation of Amitabha Buddha’s name.

### ***XVIII.Supportive Recitation For Dying People:***

Supportive Recitation means recitation that guards and cares for, protects and keeps in mind. Family members and relatives of a dying person should always remain calm, without weeping or lamenting, from the time that person becomes gravely ill until his last moments. Some people, while not crying, still show sorrow and emotion on their faces. This, too, should be avoided, the crossroads which separate the living from the dead, and the mundane from the transcendental. The critical importance and danger of this moment can be compared to a mass of thousand pounds hanging under a hair, his fate is determined by a hair’s breadth! At this time, the most important thing is to practice supportive recitation. Even though a person may have set his mind on rebirth in the Pure Land, if family members weep and lament, thus arousing deep-seated feeling of love-attachment, he will certainly sink into the cycle of Birth and Death, wasting all his efforts in cultivation! When a patient on the verge of death wishes to bathe, dress in different garments, or change his position or sleep quarters, we may comply, while exercising caution and acting in gentle, careful manner at all times. If the patient refuses, or cannot give his consent because he has become mute, we certainly should not go against his wishes. This is because the patient on the verge of death is generally in great physical pain. If he is forced to move, bathe or change clothing, he may

experience even greater pain. There are numerous cases of cultivators who had sought rebirth in the Pure Land but failed to achieve this goal because their relatives moved them around, disturbing them and destroying their right thought. This unfortunate development occurs very often. There are also cases of individuals who might have achieved rebirth in the higher realms. However, out of ignorance, others made them suffer physically, by rearranging the positions of their hands and feet, for instance, making them irritated and angry. Because of this one thought of anger, they immediately sank into the evil realms. As an extreme example, King Ajatasatru had earned numerous merits and blessings through cultivation. However, at the time of death, one of his attendants dozed off and inadvertently dropped a paper fan onto the king's face. He became so furious that he expired on the spot, to be reborn, it is said, as a pathon. This example should serve as a warning to all of us. At the time of death, the cultivator himself should either lie down or sit up, according to what comes naturally, without forcing himself. If he feels weak and can only lie down, forcing himself to sit up for appearances' sake, is dangerous and should be discouraged. Likewise, even though, according to Pure Land tradition, he should lie on his right side facing west; if, because of pain, he can only lie on his back or on his left side facing east, he should act naturally and not force himself. The patient and his family should understand all this and act accordingly. Supportive recitation by family members or Dharma friends is most necessary when a patient is on the verge of death. This is because, at that time, he is weak in body and mind and no longer master of himself. In such trying circumstances, not only is it difficult for those who have not cultivated in daily life to focus on Amitabha Buddha, even individuals who have regularly recited the Buddha's name may find it difficult to do so in all earnestness, unless there is supportive recitation. Supportive Recitation is recitation performed by one or more Pure Land practitioners alongside a dying person, to assist him in achieving rebirth in the Pure Land. Family members and relatives of a dying person should remain calm, show sorrow without weeping or lamenting from the time that person becomes gravely ill until her or his last moments. We should always remember that this is the Bardo stage, the most important juncture in any being's life. This is the period where the dying person

is standing in front of a crossroads which separate demons from humans, and the mundane from the transcendental. At this time the most important thing to do is to recite the supportive recitation together. Even though that person already set her or his mind on rebirth, may be an upward path; however, when the relatives weep and lament would arouse deep-seated feeling of love-attachment in that person, thus he or she will certainly sink in the cycle of births and deaths, wasting all her or his whole-life efforts in cultivation. Supportive recitation is recitation performed by one or more Pure Land practitioners alongside a dying person, to assist him in achieving rebirth in the Pure Land. Such Supportive Recitation should follow the guidelines of the chief monk. Where there is no monk or nun, family members of the dying person should follow the following procedures: respectfully place a statue or image of the standing Amitabha Buddha in front of the dying person, so that he or she can see the image of the Buddha; place a vase of fresh flowers and a burn light incense with soft fragrance. This will help the dying person to develop right thoughts. Not to burn so much incense to prevent choking; if there is a monk or a nun who guide the practice of supportive recitation, that is helpful. If not, anybody (the best is about four to five person at a time) can take turns to practice the supportive recitation. Try to prevent any crowded gathering around the dying person because the person always needs fresh air to breathe; participants in the supportive recitation should take turns to recite continuously (uninterrupted); each session should last about an hour. Other than reciting the name of Amitabha. The best recitation recommended by the famous master Yin Kuang is only the words of "Amitabha Buddha" because at that time the dying person is very weak in both body and mind. Before starting supportive recitation, if the dying person is still able to talk and respond to questions even with a very weak or soft voice, family members can ask the person about what kind of recitation the person likes to recite. To do this, we help the dying person silently recite along with the supportive recitation party. If we recite what the person does not like or not his or her habits, we may cause uneasiness and destroy the person's right thought. When reciting, we should not recite too fast or too loud because by doing this we create uneasiness for the dying person to catch up reciting with us. When reciting, try not to recite too slow or too



soft because by doing this we prevent the dying person's weakened mind to register the words. If the person is too weak and is not able to hear external recitation, we can recite into the person's ear. This will help keep the person's mind clear and steady with only the words of Amitabha Buddha or whatever name of the Buddha the person likes. In conclusion, we should try to recite so that the name of the Buddha can pass through the person's ears and penetrate deep into his or her Alaya consciousness, so that when his or her dying time comes, his Alaya consciousness only bears the words of Amitabha Buddha, he or she will surely go to the Pure Land. Most Venerable Thích Thiên Tâm recommended the following Practices of Supportive Recitations. First, respectfully place a standing Amitabha Buddha statue in front of the patient, so that he can see it clearly. Place some fresh flowers in a vase and burn light incense with a soft fragrance. This will help the patient develop right thought. A reminder: the incense should not be overpowering, to avoid choking the patient and everyone around. Second, those who come to practice supportive recitation should take turns. It should be remembered that the patient, in his weakened state, requires a lot of fresh air to breathe. If too many persons come and go or participate in the recitation session, the patient may have difficulty breathing and become agitated, resulting in more harm than benefit. Therefore, participants should consult their watches and silently take turns reciting, so that recitation can continue uninterrupted. They should not call to one another aloud. Each session should last about an hour. Third, according to Elder Master Yin-Kuang, the short recitation from Amitabha Buddha should be used, so that the patient can easily register the name in his Alaya consciousness, at a time when both his mind and body are very weak. However, according to Elder Master Hung-I, we should ask the patient and use the form he prefers, either short or long, to conform to his everyday practice. In this way, the patient can silently recite along with the supportive recitation party. To go counter to his like and habits may destroy his right thought and create an offense on our part. Furthermore, we should not practice supportive recitation in too loud a voice, as we will expend too much energy and be unable to keep on for very long. On the other hand, neither should we recite in too low a voice, lest the patient, in his weakened state, be unable to register the words. Generally speaking,

recitation should not be too loud or too low, too slow or too fast. Each utterance should be clear and distinct so that it can pass through the ear and penetrate deep into the patient's Alaya consciousness. One caveat: if the patient is too weak or is in a coma, he will not be able to hear external recitation. In such a case, we should recite into the patient's ear. This helps the patient keep his mind clear and steady. Fourth, with regard to percussion instruments, it is generally better to use the small hand bell, instead of the wooden fish gong with its bass tone. The hand bell, with its clear, limpid sound, can help the patient develop a pure and calm mind. However, this may not apply in all cases. For instance, an Elder Master once taught, "It is best to recite the Buddha's name by itself without musical accompaniment, but since each person's preferences are different, it is best to ask the patient in advance. If some details do not suit him, we should adapt to the circumstances and not be inflexible.

### ***(C) A Summary of Gaining Rebirth to the Pureland In Buddhist Teachings***

#### ***I. A Summary of Gaining Rebirth to the Pureland In the Pure Land Sect:***

***A Summary of Gaining Rebirth to the Pureland:*** Pure Land is a paradise without any defilements. For the sake of saving sentient beings, through innumerable asankhya, all Buddhas cultivated immeasurable good deeds, and established a Pure Land to welcome all beings. Beings in this paradise strive to cultivate to attain Buddhahood. The Pure Land is described as a place in which there is no suffering, no gender, and in which conditions are optimal for attainment of Buddhahood. The central doctrine of the Pure Land sects is that all who evoke the name of Amitabha with sincerity and faith in the saving grace of his vow will be reborn in his Pure Land of peace and bliss. Thus, the most important practice of contemplation in the Pure Land sects is the constant voicing of the words "Namo Amitabha Buddha" or "I surrender myself to Amitabha Buddha."

Great Master Hui-Yuan founded Chinese Pure Land School to teach an easy way to practice and salvation, based on the Sukhavati

Sutra. For a long time the Chinese Pure Land based on Sakyamuni Buddha and some important Bodhisattvas like Maitreya, Avalokitesvara, and Ksitigarbha. According to Dr. Edward Conze in "Buddhism: Its Essence and Development (p.205)," although Maitreya Bodhisattva always remained popular, and the cult of Manjusri and Vairocana spread widely in the eighth century, the inscription and images suggest that Amitabha came to the fore about 650 A.D., and Avalokitesvara became then firmly associated with his cult. While in India so far scarcely any portrayals of Amitabha and none of his Paradise have been found, China offers an abundance of such images. We do not know the reasons why just Amitabha's Paradise should have stirred the imagination of the Chinese to such an extent. Whatever we say, nowadays Amitabha Buddha and His Paradise have been popular in most of the world Pure Land Schools. According to the doctrine of the Pure Land, the Western Heaven is the residence of the Amitabha Buddha. This sect bases its belief on the formula that salvation is to be attained "through absolute faith in another's power," and lays emphasis on the recitation of the name of Amitabha Buddha, or Namo Amitabha Buddha, which is regarded as a meritorious act on the part of the believer. The recitation of the Buddha's name is looked upon as the expression of a grateful heart. Nagarjuna's Dasabhumi Sutra and Vasubandhu's commentary on it are the Indian authorities recognized by the Pure Land School because the "easy way" and "power of another" are indicated and elucidated by them. Nagarjuna asserted that there were two ways for entering Buddhahood, one difficult (other sects) and one easy (the Pure Land sect). One was traveling on foot and the other was passage by boat. Amitabha-pietism will be the greatest of all vehicles to convey those who are in need of such means. The idea of being saved is generally considered new in Buddhism. But King Milinda (a Greek ruler in Sagara, about 115 B.C.) questioned a learned priest Nagasena, saying that it was unreasonable that a man of bad conduct could be saved if he believed in a Buddha on the eve of his death. Nagasena replied: "A stone, however small, will sink into the water, but even a stone weighing hundreds of tons if put on a ship will float." While all other schools of Mahayana insist on self-enlightenment, Pure Land Sects teach sole reliance on the Buddha's power. The Buddha of all other exoteric schools is Sakyamuni while

the Buddha of the Pure Land Sects is Amita, or Infinite Light (Amitabha), or Infinite Life (Amitayus) whose Land is laid in the Western Quarter, often designated as the Western Pure Land. The Amitabha or Amitayus is a Buddha idealized from the historical Buddha Sakyamuni. According to Prof. Takakusu in *The Essentials of Buddhist Philosophy*, if the Buddha is purely idealized, he will be simply the Infinite in principle. The infinite will then be identical with Thusness. The Infinite, if depicted in reference to space, will be the Infinite Light; and if depicted in reference to time, will be the Infinite Life. This is Dharma-kaya or ideal. This dharma-kaya is the sambhoga-kaya or the Reward-body or body of enjoyment if the Buddha is viewed as a Buddha 'coming down to the world.' If he is viewed as a Bodhisattva going up to the Buddhahood, he is a would-be Buddha like the toiling Bodhisattva (Sakyamuni). It is Sakyamuni himself who describes in the *Shukavati-vyuha* the activities of the would-be Buddha, Dharmakara, as if it had been his former existence. The vow, original to the would-be Buddha or even to Sakyamuni Buddha himself, is fully expressed in forty-eight vows in the text. The philosophy of the Pure Land is based on Amitabha's most important vows: Vows 12 and 13 refer to the Infinite Light and Infinite Life. "If he cannot get such aspects of Infinite Light and Life, he will not be a Buddha." If he becomes a Buddha he can constitute a Buddha Land as he likes. A Buddha, of course, lives in the "Nirvana of No Abode," and hence he can live anywhere and everywhere. His vow is to establish the Land of Bliss for the sake of all beings. An ideal land with adornments, ideal plants, ideal lakes or what not is all for receiving pious aspirants. The eighteenth vow which is regarded as most important, promises a birth in his Land of Bliss to those who have a perfect reliance on the Buddha, believing with serene heart and repeating the Buddha's name. The nineteenth vow promises a welcome by the Buddha himself on the eve of death to those who perform meritorious deeds. The twentieth vow further indicates that anyone who repeats his name with the object of winning a birth in his Land will also be received.

According to Buddhism, the main meaning here of "Rebirth in the Pure Land" is to go or to be reborn in the Pure Land of Amitabha, or to have a rebirth in the Western Paradise. According to the Pure Land

tradition, if a person merely repeat the name of Amitabha, no matter how evil his life may have been in the past, will acquire the merits of Amitabha and be received into Western Paradise. According to the Pure Land Sect, there are two conditions of rebirth to the Pureland.

*First, to Gain Rebirth to the Main Land:* This condition is reserved for those who regularly and diligently practice Buddha Recitation, those who have a sincere and faithful mind without regression. They will know beforehand the time and place of their death, having clear and proper thoughts, they will bathe themselves, changing clothes, or receive the great lights of the Buddha shine to their bodies. Or they may see the enlightened characteristics of the Buddhas and an assembly of enlightened beings appearing in the sky often walking in meditation before their eyes. All the various good and wholesome images will appear clearly, within a split moment, these people will gain rebirth to the Pure land, be near the most supremely virtuous beings, and earn a place among the nine levels of the lotus throne. They will often be able to hear the dharma sounds of the Buddhas and ultimately they will attain the enlightenment fruit of Buddhahood.

*Second, to Be rRborn to the Outer Border of the Pureland:* This condition is reserved for those who normally maintain precepts, who practice Buddha Recitation but are not diligent and lack faith. Thus, when death arrives, they do not have any good or evil thoughts, but close their eyes similar to a sleeping person. Because those people's doubts are not eliminated. They may practice Buddha Recitation, but do not have absolute faith. They do not gain rebirth directly to the main land. Instead, they are born to a domain on the outskirts of the Pureland. That domain is called "Doubtful Land." People who are born to that domain have a life expectancy of 500 years (a day in that land equals a 100 years in the human realm). After living out their existence, they must return to the six paths of the cycle of rebirths. However, Bodhisattvas come there everyday to expound sutras and to encourage them to diligently recite the Buddha's name. For those who diligently cultivate, when their lives come to an end, they will gain rebirth in the main land.

*Two Practices That Lead to Rebirth in the Pure Land:* According to Ten Questions in the Pure Land Buddhism, sentient beings in the Saha World who wish to be assured of rebirth, they should perfect two

practices: the practice of “disgust” at the five desires and the practice of joyfulness in vows. *First, practice of disgust of the five desires:* If a Pure Land cultivator wishes to be assured of rebirth, he or she should always practice the practice of disgust of the five desires. This practice of disgust refers to the fact that common people have been bound by the five desires from time immemorial. Thus, they wander along the six paths, enduring untold suffering! In that quagmire, unless they become disgusted with the five desires, how can they escape the cycle of birth and death? Therefore, the Pure Land cultivator should constantly visualize this body as a mass of flesh and bones, blood and pus, a skinbag containing phlegm, pus, urine, feces and other foul-smelling substances. The Parinirvana Sutra states: “This fortress of body, only evil, deluded demons could tolerate living in it. Who with any wisdom could ever cling to or delight in such a skinbag!” Another scripture states: “This body is the confluence of all kinds of suffering; it is a jail, a prison, a mass of ulcers; everything is impure. In truth, it is not worth clinging to, even the celestial bodies of deities are no different.” Therefore, whether walking, standing, sitting or reclining, whether asleep or awake, cultivators should always visualize this body as nothing but a source of suffering, without any pleasure, and develop a deep sense of disgust, thus gradually becoming free from lustful thoughts. Moreover, the cultivator should also engage in the seven types of meditation on impurity. Our own bodies being thus, the bodies of others are likewise. If we constantly meditate on these seven impurities, we will develop disgust toward those male and female forms which ordinary people judge handsome and beautiful. The flames of lust will thus gradually diminish. If, in addition, we can practice the meditations on the Nine Kinds of Foulers, so much the better. *Second, the practice of Joyous Vows:* There are two main aspects to making the joyous vows of “rescuing oneself and others.” The practitioner should clearly realize the goal of rebirth. The first thing is that the practitioner should clearly realize the goal of rebirth. The goal of our cultivation is to seek escape from suffering for him/herself and all sentient beings. He/She should think thus: ‘My own strength is limited, I am still bound by karma; moreover, in this evil, defiled life, the circumstances and conditions leading to afflictions are overpowering. That is why other sentient beings and myself are

drowning in the river of delusion, wandering along the evil paths from time immemorial. The wheel of birth and death is spinning without end; how can I find a way to rescue myself and others in a safe, sure manner? There is but one solution, it is to seek rebirth in the Pure Land, draw close to the Buddhas and Bodhisattvas, and relying on the supremely auspicious environment of that realm, engaging in cultivation and attain the Tolerance of Non-Birth. Only then can I enter the evil world to rescue sentient beings. The Treatise on Rebirth states: “To develop the Bodhi-Mind is precisely to seek Buddhahood; to seek Buddhahood is to develop the Mind of rescuing sentient beings; and the Mind of rescuing sentient beings is none other than the Mind that gathers all beings and helps them achieve rebirth in the Pure Land. The second thing for ensuring rebirth, we should perfect two practices; first is abandoning the three things that hinder enlightenment, second is abiding by the three things that foster enlightenment. How can we abandon the things that hinder enlightenment and abide by the things that foster enlightenment? It is precisely by seeking rebirth in the Western Pure Land, remaining constantly near the Buddhas and cultivating the Dharmas until Tolerance of Non-Birth is reached. At that point, we may sail the boat of great vows at will, enter the sea of Birth and Death and rescue sentient beings with wisdom and compassion ‘adapting to conditions but fundamentally unchanging,’ free and unimpeded. Abandoning the three things that hinder enlightenment. The Mind of seeking our own peace and happiness, ego-grasping and attachment to our own bodies. The practitioner should follow the path of wisdom and leave all such thoughts far behind. The Mind of abandoning and failing to rescue sentient beings from suffering. The practitioner should follow the path of compassion and leave all such thoughts far behind. The Mind of exclusively seeking respect and offerings, without seeking ways to benefit sentient beings and bring them peace and happiness. The practitioner should follow the path of expedients and leave all such thoughts far behind. Obtaining the three things that foster enlightenment. The ‘Undefined Pure Mind’ of not seeking personal happiness, that is enlightenment is the state of undefiled purity. If we seek after personal pleasure, body and Mind are defiled and obstruct the path of enlightenment. Therefore, the undefiled Pure Mind is called consonant with

enlightenment. Pure Mind at Peace: The ‘Pure Mind at Peace,’ rescuing all sentient beings from suffering. This is because Bodhi is the undefiled Pure Mind which gives peace and happiness to sentient beings. If we are not rescuing sentient beings and helping them escape the sufferings of Birth and death, we are going to counter to Bodhi path. Therefore, a Mind focussed on saving others, bringing them peace and happiness, is call consonant with enlightenment. Blissful Pure Mind: A ‘Blissful Pure Mind,’ seeking to help sentient beings achieve Great Nirvana. Because Great Nirvana is the ultimate, eternally blissful realm. If we do not help sentient beings achieve it, we obstruct the Bodhi path. Hence the Mind which seeks to help sentient beings attain eternal bliss is called consonant with enlightenment. The cultivator should contemplate the wholesome characteristics of the Pure Land and auspicious features of Amitabha Buddha. Contemplate the auspicious features of Amitabha Buddha. The cultivator should contemplate the auspicious features of Amitabha Buddha. Amitabha Buddha possesses a resplendent, golden Reward Body, replete with 84,000 major characteristics, each characteristic having 84,000 minor auspicious signs, each sign beaming 84,000 rays of light which illuminate the entire Dharma Realm and gather in those sentient beings who recite the Buddha’s name. The cultivator should contemplate the wholesome characteristics in the Western Pure Land. The Western Pure Land is adorned with seven treasures, as explained in the Pure Land sutras. In addition, when practicing charity, keeping the precepts and performing all kinds of good deeds, Pure Land practitioners should always dedicate the merits toward rebirth in the Pure Land for themselves and all other sentient beings.

***Uninterrupted cultivation to Seek Immortality:*** According to the method of “Uninterrupted Cultivation” to Seek Rebirth in the Pure Land of the the Second Patriarch of Chinese Pureland Buddhism, the Great Venerable Master Sen-Tao, in order for recitation to be considered a “Singlemindedness Buddha Recitation,” it is necessary to have the following criteria: ***First***, Body must often prostrate to Amitabha Buddha, and not prostrate in a random or disorderly way. ***Second***, Mouth must often recite the virtuous name of Amitabha Buddha, and not recite in a random and disorderly way. ***Third***, Mind



must often think of Amitabha Buddha, and not think in a random and disorderly way.

***Six Periods of Worship to Seek Immortality:*** According to the Great Master San-Tao, six times in every day and night, Pureland cultivators should always remember the followings: reflect upon the matter of impermanence; recite the Buddha's name with one mind to wait to die; do not indulge in futile discussions of the world, i.e., gossips, politics, etc.; if a relative's illness becomes terminal, try not to cry. In the contrary, everyone should recite the Buddha's name wholeheartedly. Shih school is a Japanese Pure Land sect, whose members by dividing day and night into six periods of worship seek immortality. The Shih School in Japan was founded in 1276 by I-Bien (1238-1289). He set forth the rule of reciting the hymns of Shan-Tao six times every day, hence the name 'time.' In theory, he derived his idea from the Lotus Sutra as did Liang-Ran of Yuzunembutsu, but in practice he followed K'ung-de who invented a popular dance for the popularization of the Amita-faith. Thus the school has a totally different feature from the other schools of Amita-pietism. I-Bien is said to have visited Kumano Shrine in Kii in 1275 where he was inspired by a holy verse of four lines which he believed to have come from the deity of the shrine. Each of the first three lines was headed by a numeral 6, 10, and 10,000 and the last line by 'people,' altogether making up six hundred thousand people. At once he made up his mind to save that number of people by a propagation of the Amita-faith.

***Three Categories of Rebirth in the Pure Land:*** Countless sentient beings will be reborn in the Pure Land, their numbers exceeding even the innumerable rain drops. However, according to Most Venerable Thích Thiên Tâm in *The Pure Land Buddhism in Theory and Practice*, sentient beings who seek rebirth in the Pure Land are not limited to those weary of the sufferings in the realm of the Five Turbidities, there are also those who compassionately wish to save sentient beings in the Saha World, and those who look upward to the goal of Buddhahood and downward to the salvation of deluded sentient beings throughout the worlds of the ten directions. Whether their vows and aspirations are low or high, once they are reborn in the Pure Land, all derive the same benefits; none will ever regress and will ultimately achieve Buddhahood and help sentient beings. Ancient masters once said: "The

Pure Land method is extremely lofty, profound and wonderful; only the Buddhas can really fathom its depth. This is why even those great Bodhisattvas who have reached the level of Equal Enlightenment still vow to be reborn there. Even “One-life Bodhisattvas” or those who will become Buddhas in their next lifetime must remain there to study and practice. Such Mahayana texts as the Avatamsaka Sutra, the Lotus Sutra, the Maharatnakuta Sutra, etc., all extol the Pure Land and discuss rebirth there. There are three categories of rebirth in the Pure Land. *First*, ordinary beings with limited capacities but true and sincere. Ordinary beings with limited capacities but true and sincere comprise beings who are of limited capacities but true and sincere. They may not understand what constitutes the virtues or adornments of Buddha lands; nevertheless, realizing that life is full of hardship and suffering, and that the Saha World abounds in worries and troubles, they vow to be reborn in a pure and happy land. *Second*, ordinary beings with great aspirations and a certain degree of wisdom. Ordinary beings with great aspirations and a certain degree of wisdom are composed of individuals who, although ordinary beings, possess great aspirations and a certain degree of wisdom. They seek rebirth in the Pure Land to ensure escape from transmigration, swift attainment of Buddhahood and fulfillment of their Vows to rescue themselves and others. *Third*, lesser Saints and greatest Bodhisattvas. They are those who have escaped Birth and Death to the greatest Bodhisattvas, those at Equal Enlightenment stage. They vow to be reborn in the Pure Land in order to progress swiftly to the ultimate “Bodhisattva ground” and study the wonderful Dharma leading to Buddhahood.

***Three Reasons for Reciting Amitabha Buddha:*** According to Most Venerable Thích Thiên Tâm in the Treatise on the Ten Doubts, question number 13, there are countless Buddhas in the ten directions. All right-minded sentient beings can approach and study with them, not necessarily Amitabha buddha alone. However, there are three reasons for reciting Amitabha Buddha: *First*, because according to the Longer Amitabha Sutra or the Infinite Life Sutra, in his previous lifetimes, Amitabha Buddha has made forty-eight profound, all-encompassing vows. The general tenor of these vows is best exemplified in the eighteenth and eleventh vows (see Tứ Thập Bát Nguyên #11 and #18 in Chapter One (VI)). *Second*, according to the founder of the T’ien-

T'ai School, the Patriarch Chih-I, the reason why we should beg to be reborn in the Western Bliss is that sentient beings in this world have great affinities (causes and conditions) with Amitabha Buddha. When Sakyamuni Buddha was still alive, a great many sentient beings, listening to His compassionate teaching, directed their Minds toward Amitabha Buddha. Since Sakyamuni Buddha entered Nirvana, many Buddhists, whether clergy or layman, man or woman, rich or poor, upper or lower class, familiar with the Dharma or not, have recited the name of Amitabha Buddha. In the Longer Amitabha Sutra, Sakyamuni Buddha stated: "The the days to come, the paths of the sutras will come to extinction. I, with compassion and mercy, will purposely make this sutra survive for a hundred years. Anybody who encounters this sutra will, according to his wish, surely attain enlightenment.' The Buddha added further, 'After this sutra is no longer existence, the Buddha Dharma will entirely disappear from the world. Only the words Amitabha-Buddha will remain to rescue sentient beings. Those who disbelieve this and vilify the Buddha's words will sink into the hells and endure all kinds of suffering.'" *Third*, because the teachings of Sakyamuni Buddha in the saha World those of Amitabha Buddha in the West are interrelated. Ancients have said: "Sakyamuni Buddha manifests himself in the impure world and subdues sentient beings through such conditions as filth, suffering, impermanence and obstacles, creating in them a sense of abhorrence so that they will follow the right path. Amitabha Buddha, on the other hand, manifests himself in the Pure Land, gathers sentient beings in through such conditions as purity, happiness, permanence and non-retrogressions, creating in them the desire to return to the source of truth. In this way, the two Buddhas employ the dual method of 'subduing' and 'gathering' in to propagate the correct Dharma. Their activities of teaching and transformation are thus related. Moreover, while preaching the Three Vehicles, Sakyamuni Buddha specially added the Pure Land method, so that, through the help of Amitabha Buddha, those sentient beings who were still left out could be rescued. Therefore, in Mahayana Sutras, Sakyamuni Buddha compassionately recommended and constantly extolled rebirth in the Pure Land."

***Three Factors for Rebirth in the Pure Land:*** According to the Ninth Patriarch of Pureland Buddhism, the Great Master Ou-I: "If Faith

and Vow are solidified, when nearing death, it is possible to gain rebirth by reciting the Buddha's name in ten recitations. In contrast, no matter how much one recites Buddha, if Faith and Vow are weak and deficient, then this will result only in reaping the merits and blessings in the Heavenly or Human realms." However, this teaching only applies to beings with higher faculties. As for us, beings with low faculties, thin blessings and heavy karmas; if we wish to gain rebirth to the Ultimate Bliss World, we must have Faith, Practices and Vow. In other words, we must carry out both parts of Theory and Practice. *The first factor is "Faith"*: Faith plays an extremely important role in Buddhism. It is one of the Five Roots (Positive Agents) that give rise to other wholesome Dharmas (Faith, Energy, Mindfulness, Concentration, Wisdom). *The second factor is "Practice"*: According to the Pureland Buddhism, practice means one must recite the Amitabha Buddha with the utmost sincerity to the point of achieving one-mind or single-minded recitation in order to establish the unimaginable connections and having the Buddha rescue and deliver the cultivator to the Western Pureland after death. *The third factor is "Resolve"*: Vow is something that comes from the heart and soul, a deep rooted promise, swearing to be unrelenting in seeking to attain a goal. This is having a certain mindset or something one wishes to achieve and never give up until the objective is realized. Thus, there there should be absolutely no reason whatsoever that should cause one to regress or give up that vow or promise. Sincere Buddhists should vow to follow the teachings to cultivate to become Buddhas, then to use the magnificent Dharma of enlightenment of the Buddhas and vow to give them to all sentient beings to abandon their ignorance to cross over to enlightenment, to abandon delusion to follow truths. According to the Pureland Buddhism, Vow is to wish sincerely, praying to find liberation from the sufferings of this saha World, to gain rebirth to the peaceful Ultimate Bliss World.

***Three Conditions that Evil Beings May Be Reborn In the Pure Land:*** According to the Treatise on the Meditation Sutra, the rebirth of depraved, evil beings is due to their recitation of the Buddha's name with utmost sincerity at the time of death, as this leads to the dissipation of karmic obstructions. Therefore, the Treatise suggests that Buddha Recitation is the most important condition for rebirth. There

are three conditions that evil beings may be reborn in the Pure Land. *The first condition*, very strong mind-power and utterly determined will, which allow the practitioner to overcome the evil karma of an entire lifetime by reciting the Buddha's name for only a short period of time. This is called the Great Mind. This situation can be compared to that of a soldier surrounded by enemies ready to harm him. In such dangerous circumstances, boldly risking his life, he musters his utmost power and strength and thus breaks out of encirclement. *The second condition*, previous or current good karma. Although the person has created evil karma, he has also practiced samadhi during his current lifetime. Thus, at the time of death, when he is reminded by others, he easily achieves concentration. If the dying person has not cultivated samadhi in this lifetime, he must have done so assiduously in a previous life. That good seed has now come to maturity. Therefore, thanks to his previous good karma, once he is counselled by a good spiritual advisor, he easily achieves rebirth with just ten thoughts of Amitabha Buddha at the time of death. *The third condition*, a mind of utterly sincere repentance. If rebirth is not due to efforts at cultivation in this life nor good karma from previous lives, the cultivator, at the time of death, must have recited the Buddha's name with a mind of utterly sincere repentance. Thus, Elder Master Yung Ming has said: "Since the nature of causes and conditions is intrinsically empty, good or bad karma is not fixed. In determining the path of salvation or perdition, we should consider whether the state of mind is slowly transcendental at the time of death. This is analagous to an ounce of pure gold which is worth much more than a hundred times its weight in cotton wool, or a small, isolated flame, which can reduce a pile of straw, enormous beyond reckoning, to ashes.

***Five Reasons of Non-Retrogression for Rebirth in the Pure Land:***

Five reasons why those who are reborn in the Pure Land achieve non-retrogression. The Infinite Sutra confirms that those who achieve rebirth in the Pure Land always dwell in correct samadhi, and are all at the stage of "Avaivartika" or non-retrogression. The ancients have said: "Without a vow to be reborn, rebirth cannot be achieved; however, with a sincere vow, all achieve rebirth. Without rebirth in the Pure Land, the stage of non-retrogression cannot easily be reached; however, with rebirth, all achieve non-retrogression. According to Most

Venerable Thích Thiên Tâm in the Treatise on The Ten Doubts, question number 19, there are five reasons why those who are reborn in the Pure Land achieve non-retrogression. *First*, the power of the Buddha's great, compassionate vow embraces and protects them. *Second*, the Buddha's light or wisdom always shines upon them, and, therefore, the Bodhi Mind of these superior people will always progress. *Third*, in the Western Pure Land, the birds, water, forests, trees, wind and music all preach the Dharma of 'suffering, emptiness, impermanence and no-self.' Upon hearing this, practitioners begin to focus on the Buddha, the Dharma and the Sangha. *Fourth*, those who are reborn in the Pure Land have the highest level Bodhisattvas as their companions and are free from all obstacles, calamities and evil conditions. Moreover there are no externalists or evil demons, so their Minds are always calm and still. *Fifth*, once they are reborn in the Pure Land, their life span is inexhaustible, equal to that of the Buddhas and Bodhisattvas. Thus they can peacefully cultivate the Dharma for countless eons.

***Proof of Rebirth in the Pure Land:*** Devoted cultivators should always remember that to have "proof of rebirth in the Pure Land" does not mean that you know the day and time you will die, or see some so-called auspicious signs for externalists can guess such thing. Real "proof of rebirth in the Pure Land" is that from now on we must be earnest in our cultivation, practicing Zen in the morning, performing good deeds at noon, and reciting Amitabha Buddha's name at night.

***Buddha Recitation is Identical to No-thought of Ch'an:*** Fa-Chao, name of the fourth patriarch of the Chinese Lotus Sect or Pureland Buddhism, during the T'ang dynasty, around 767 A.D. He was one of the most outstanding Dharma heirs of Great Master Ch'eng-yuan. Fa-chao also authored the Praises on the Pure Land Dharma-body (Ching-t'u fa-shen tsan), which shows the extent of the Buddha Recitation (Buddha Mindfulness) and Ch'an fusion in some quarters. The following selected verses from the Praises on the Pure Land Dharma-body, a Tun-huang manuscript, teach that the pearl of the mind is intrinsically pure but dust on it must be eliminated; that the practitioner sees the Pure Land during sitting-ch'an; that Buddha Recitation is identical to no-thought of Ch'an; that the Pure Land is in the mind and

is not dependent upon contemplative imagery; and that reliance upon the written teaching leads into the realm of discrimination:

"The pearl of the mind is always intrinsically pure;  
 The rays of spirit pervade the ten directions;  
 Know that the mind has no place to abide in;  
 Upon liberation you will obtain purity and coolness...  
 The mirror of wisdom has no darkness;  
 The pearl of knowledge is always functioning brightly;  
 Dust and toil must be cut off;  
 And the treasury will be welcome spontaneously..."

People at present specialize in the Buddha Recitation;  
 Mindfulness-practitioners enter into deep ch'an;  
 The first night they sit with upright mind,  
 The Western Land is before their eyes.  
 If one practices mindfulness,  
 He knows no-thought;  
 No-thought is thusness.  
 If one understands the intention herein,  
 It is called the pearl of the Dharma-nature.  
 The Pure Land is in the mind;  
 The stupid seek it on the outside;  
 Within the mind there is the precious mirror;  
 It does not know to stop throughout one's lifetime...  
 The pearl of the mind is always of penetrating splendor;  
 The self-nature from the outset is perfectly bright;  
 Awaken to principle and know  
 Where the real is tending toward;  
 If you practice Buddha-Recitation, then no-arising..."

The Buddha-marks are void and markless;  
 Thusness is quiescent and wordless;  
 Chatting about the written teaching,  
 From this comes the Ch'an of false thoughts..."

***Praises on the Pure Land Dharma-body:*** Great Venerable Master Thừa Viễn, the third Patriarch of Chinese Pureland Buddhism, lived during the T'ang Dynasty, he was a native of Han-chou in Chien-nan.

In the beginning, he studied with Zen Master T'ang in the Imperial City. He then went to learn from Zen Master Tan and Zen Master Tzu-chou Ch'u-chi at Szechwan (Tzu-Chuan). He might have likely practiced some form of Buddha-mindfulness (nien-fo), since two of his students did. Ch'eng-yuan later studied the Pure Land teacher Tz'u-min; Ch'eng-yuan's Fa-chao authored the Praises on the Pure Land Dharma-body (Ching-t'u fa-shen tsan), which shows the extent of the Buddha Recitation (Buddha Mindfulness) and Ch'an fusion in some quarters. Thereafter, he came to Ching-Chou to seek the teachings from Dharma Master Chan of Clear Creek Temple. After he completed his studies of the philosophy of Buddhism and his cultivated path had reached a high level, Dharma Master Chan encouraged him to go up to the region of Hung-Shan Mountain to propagate Buddhism. He was told that that region was his destined land where he could greatly benefit people by teaching the Buddha Dharma. When he first arrived, he built a small thatched hut under a cave in the Northwest direction of Hung-Shan Mountain to cultivate with one mind. Those with a religious mind who knew of him, brought food as an offering, he would eat, but on the days when he did not receive food offerings, he would eat mud. Not once did he wander out to beg or ask for food from anyone. He cultivated asceticism in this way for many years. It came to a point where he was merely a skeleton covered by a worn out Buddhist robe. With regard to the propagation of Buddhism, he practiced the "Middle Way" by following and adapting accordingly to the cultivated capacity of each individual to teach and guide him or her. Seeing the local residents suffering from poverty and illnesses, he spread widely the teachings of Pureland Buddhism, encouraging everyone to practice Buddha Recitation. On rocks, trees, road sides, walls, caves, creeks, he would write the teachings of the Enlightened to encourage everyone to be awakened to the Way and see the truths of existence, life is full of pain, suffering, impermanence, etc., to practice Buddha Recitation diligently. Through his transforming virtues, from that time on, without even teaching and guiding others significantly, gradually more and more people came bringing fabric, rice, wood, stones, etc. to build a temple. In fact, the goods they brought were so much in excess many items were donated to the poor in the surrounding community. Throughout this process, he remained undisturbed and peaceful; he did



not resist nor did he encourage, but let the people to build the temple and decorate as they pleased. Before long, an isolated area of the past was transformed into a large tranquil and enchanting temple. In time, gradually, from the four directions near and afar, people of faith who gathered to rely on him increased more and more, similar to hundreds of rivers all converging to the sea. There were hundreds of thousands of faithful disciples followed him to cultivate at the time.

## ***II. Lands of Purity & Being Reborn in the Pure Land In the Zen Sect:***

***To Be Reborn in the West According to the Sixth Patriarch Hui Neng:*** In the Dharma Jewel Platform Sutra, Chapter Three (Doubts and Questions). One day, Magistrate Vi asked the Sixth Patriarch, Hui-Neng: “Your disciple has often seen the Sangha and laity reciting ‘Amitabha Buddha,’ vowing to be reborn in the West. Will the High Master please tell me if they will obtain rebirth there and, so, dispel my doubts?” The Master said, “Magistrate, listen well. Hui Neng will explain it for you. When the World Honored One was in Shravasti City, he spoke of being led to rebirth in the West. The Sutra text clearly states, ‘it is not far from here.’ If we discuss its appearance, it is 108,000 miles away but in immediate terms, it is explained as far distant for those of inferior roots and as nearby for those of superior wisdom. There are two kinds of people, not two kinds of Dharma. Enlightenment and confusion differ, and seeing can be quick or slow. The deluded person recites the Buddha’s name, seeking rebirth there, while the enlightened person purifies his own mind. Therefore, the Buddha said, ‘As the mind is purified, the Budhaland is purified.’ Magistrate, if the person of the East merely purifies his mind, he is without offense. Even though one may be of the West, if his mind is impure, he is at fault. The person of the East commits offenses and recites the Buddha’s name, seeking rebirth in the West. When the person of the West commits offenses and recites the Buddha’s name, in what country does he seek rebirth? Common, deluded people do not understand their self-nature and do not know that the Pure Land is within themselves. Therefore, they make vows for the East and vows for the West. To enlightened people, all places are the same. As the Buddha said, ‘In whatever place one dwells, there is constant peace

and happiness.’ Magistrate, if the mind-ground is only without unwholesomeness, the West is not far from here. If one harbors unwholesome thoughts, one may recite the Buddha’s name but it will be difficult to attain that rebirth. Good Knowing Advisors, I now exhort you all to get rid of the ten evils first and you will have walked one hundred thousand miles. Next get rid of the eight deviations and you will have gone eight thousand miles. If in every thought you see your own nature, always practice impartiality and straightforwardness, you will arrive in a finger-snap and see Amitabha. Magistrate, merely practice the ten wholesome acts; then what need will there be for you to vow to be reborn there? But if you do not rid the mind of the ten evils, what Buddha will come to welcome you? If you become enlightened to the sudden dharma of the unproduced, you will see the West in an instant. Unenlightened, you may recite the Buddha’s name seeking rebirth but since the road is so long, how can you traverse it? Hui-Neng will move to the West here in the space of an instant so that you may see it right before your eyes. Do you wish to see it? ” At that time, the entire assembly bowed and said, “If we could see it here, what need would there be to vow to be reborn there? Please, High Master, be compassionate and make the West appear so that we might see it.” The Master said, “Great assembly, the worldly person’s own physical body is the city, and the eye, ear, nose, tongue, and body are the gates. Outside there are five gates and inside there is a gate of the mind. The mind is the ‘ground’ and one’s nature is the ‘king.’ The ‘king’ dwells on the mind ‘ground.’ When the nature is present, the king is present but when the nature is absent, there is no king. When the nature is present, the body and mind remain, but when the nature is absent, the body and mind are destroyed. The Buddha is made within the self-nature. Do not seek outside the body. Confused, the self-nature is a living being; enlightened, it is a Buddha. ‘Kindness and compassion’ are Avalokitesvara and ‘sympathetic joy and giving’ are Mahasthamaprapta. ‘Purification’ is Sakyamuni, and ‘equanimity and directness’ are Amitabha. ‘Others and self’ are Mount Sumeru and ‘deviant thoughts’ are the ocean water. ‘Afflictions’ are the waves. ‘Cruelty’ is an evil dragon. ‘Empty falseness’ is ghosts and spirits. ‘Defilement’ is fish and turtles, ‘greed and hatred’ are hell, and ‘delusion’ is animals. Good Knowing Advisors, always practice the ten

good practices and the heavens can easily be reached. Get rid of others and self, and Mount Sumeru topples. Do away with deviant thought, and the ocean waters dry up. Without defilements, the waves cease. End cruelty and there are no fish or dragons. The Tathagata of the enlightened nature is on your own mind-ground, emitting a great bright light which outwardly illuminates and purifies the six gates and breaks through the six desire-heavens Inwardly, it illuminates the self-nature and casts out the three poisons. The hells and all such offenses are destroyed at once. Inwardly and outwardly, there is a bright penetration. This is no different from the West. But if you do not cultivate, how can you go there?" On hearing this speech, the members of the great assembly clearly saw their own natures. They bowed together and exclaimed, "This is indeed good! May all living beings of the Dharma Realm who have heard this awaken at once and understand."

*Propaganized the Practice of the Pure Land:* According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XXVI, one day, a monk asked Yong-Ming, "How can one walk upon the path of Xue-T'ou?" Yong-Ming said, "Step by step through the wondrous cold landscape; words entirely frozen!" However, no one could understand. Zen Master Yong-ming disappointedly left the hall. After many years of teaching Zen, Zen Master Yong-Ming realized that the methods of practicing Zen were so difficult, especially for laity; therefore, later in his life, Zen master Yung-ming helped popularize the Pure Land sect, which was much more accessible to the general population than Zen. Attaining awakening, as taught in Zen tradition, was a long and difficult process that was generally only pursued by monks and nuns. In contrast, the Pure Land sect taught that the Buddha Amitabha had promised that those who chanted his name with devotion would be rewarded by being reborn in the Pure Land of Extreme Bliss. This was a devotional practice anyone could undertake, and soon the Pure Land School became the most popular form of Buddhism practiced in China.

***III. Lands of Purity & Being Reborn in the Pure Land In the Spirit of the Vimalakirti Sutra:***

***Bodhisattvas' Pure Lands In the Spirit of the Vimalakirti Sutra:***

According to the Vimalakirti Sutra, Chapter One, after chanting the gatha, Bodhisattva Ratna-rasi said to the Buddha: “World Honoured One, these five hundred sons of elders have set their minds on seeking supreme enlightenments (anuttara-samyak-sambodhi); they all wish to know how to win the pure and clean land of the Buddha. Will the World Honoured One teach us the Bodhisattva deeds that leads to the realization of the Pure Land?” The Buddha said: “Excellent, Ratna-rasi, it is good that you can ask on behalf of these Bodhisattvas about deeds that lead to the realization of the Buddha’s Pure Land. Listen carefully and ponder over all what I now tell you.” At that time, Ratna-rasi and the five hundred sons of elders listened attentively to His instruction. The Buddha said: “Ratna-rasi, all species of living beings are the Buddha land sought by all Bodhisattvas. Why is it so? Because a Bodhisattva wins the Buddha land, according to the living beings converted by him (to the Dharma); according to the living beings tamed by him; according to the country (where they will be reborn to) realize the Buddha-wisdom and in which they will grow the Bodhisattva root. Why is it so? Because a Bodhisattva wins the pure land solely for the benefit of all living beings. For instance, a man can build palaces and houses on vacant ground without difficulty, but he will fail if he attempts to build them in (empty) space. So, a Bodhisattva, in order to bring living beings to perfection seeks the Buddha land which cannot be sought in (empty) space. The Buddha told Ratna-rasi, you should know that: a) The straightforward mind is the Bodhisattva’s pure land, for when he realizes Buddhahood, beings who do not flatter will be reborn in his land. b) The profound mind is the Bodhisattva’s pure land, for when he realizes Buddhahood, living beings who have accumulated all merits will be reborn there. c) The Mahayana (Bodhi) mind is the Bodhisattva’s pure land, for when he attains Buddhahood all living beings seeking Mahayana will be reborn there. d) Charity (dana) is the Bodhisattva’s pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who can give away (to charity) will be reborn there. e) Discipline (sila) is the Bodhisattva’s pure land, for when he realizes Buddhahood, living beings who have kept the ten prohibitions will be

reborn there. f) Patience (ksanti) is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings endowed with the thirty-two excellent physical marks will be reborn there. g) Devotion (virya) is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who are diligent in their performance of meritorious deeds will be reborn there. h) Serenity (dhyana) is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings whose minds are disciplined and unstirred will be reborn there. i) Wisdom (prajna) is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who have realized samadhi will be reborn there. j) The four boundless minds (catvari apramanani) are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who have practiced and perfected the four infinites: kindness, compassion, joy and indifference, will be reborn there. k) The four persuasive actions (catuh-samgraha-vastu) are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who have benefited from his helpful persuasion will be reborn there. l) The expedient methods (upaya) of teaching the absolute truth are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings conversant with upaya will be reborn there. m) The thirty-seven contributory states to enlightenment (bodhipaksika-dharma) are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, living beings who have successfully practised the four states of mindfulness (smrtyu-pasthana), the four proper lines of exertion (samyakpra-hana), the four steps towards supramundane powers (rddhipada), the five spiritual faculties (panca indriyani), the five transcendental powers (panca balani), the seven degrees of enlightenment (sapta bodhyanga) and the eightfold noble path (astamarga) will be reborn in his land. n) Dedication (of one's merits to the salvation of others) is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, his land will be adorned with all kinds of meritorious virtues. o) Preaching the ending of the eight sad conditions is the Buddhahood his land will be free from these evil states. p) To keep the precepts while refraining from criticizing those who do not is the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, his country will be free from people who break the commandments. q) The ten good deeds are the Bodhisattva's pure land, for when he attains Buddhahood, he will not die young, he will be wealthy, he will live

purely, his words are true, his speech is gentle, his encourage will not desert him because of his gift of conciliation, his talk is profitable to others and living beings free from envy and anger and holding right views will be reborn in his land. So, Ratna-rasi, because of his straightforward mind, a Bodhisattva can act straightforwardly; because of his straightforward deeds, he realizes the profound mind; because of his profound mind his thoughts are kept under control; because of his controlled thoughts, his acts accord with the Dharma (he has heard); because of his deeds in accord with the Dharma, he can dedicate his merits to the benefit of others; because of this dedication, he can make use of expedient methods (upaya); because of his expedient methods, he can bring living beings to perfection; because he can bring them to perfection, his Buddha land is pure; because of his pure Buddha land, his preaching of the Dharma is pure; because of his pure preaching, his wisdom is pure; because of his pure wisdom, his mind is pure, and because of his pure mind, all his merits are pure. Therefore, Ratna-rasi, if a Bodhisattva wants to win the pure land, he should purify his mind and because of his pure mind, the Buddha land is pure.”

As Sariputra was fascinated by the Buddha’s awe-inspiring majesty, he thought: “If the Buddha land is pure, because of the Bodhisattva’s pure mind, is it because the mind of the World Honoured One was not pure when He was still in the Bodhisattva stage, that this Buddha land (i.e. this world) is so unclean (as we see it now)?” The Buddha knew of his thought and said to Sariputra: “Are the sun and the moon not clean when a blind man does not see their cleanliness?” Sariputra said: “World Honoured One, this is the fault of the blind man and not that of the sun and the moon.” The Buddha said: “Sariputra, because of their (spiritual) blindness, living beings do not see the imposing majesty of the Tathagata’s pure land; this is not the fault of the Tathagata. Sariputra, this land of mine is pure but you do not see its purity.” Thereupon, Brahma with a tuft of hair on his head (resembling a conch) said to Sariputra: “Don’t think this Buddha land is impure. Why? Because I see that the land of Sakyamuni Buddha is pure and clean, like a heavenly palace.” Sariputra said: “I see that this world is full of hills, mountains, pits, thorns, stones and earth, which are all unclean.” Brahma said: “Because your mind is up and down and disagrees with the Buddha-wisdom, you see that this land is unclean.

Sariputra, because a Bodhisattva is impartial towards all living beings and his profound mind is pure and clean in accord with the Buddha Dharma, he can see that this Buddha land is (also) pure and clean.” At that time, the Buddha pressed the toes of His (right ) foot on the ground and the world was suddenly adorned with hundreds and thousands of rare and precious gems of the great chiliocosm, like the precious Majestic Buddha’s pure land adorned with countless precious merits, which the assembly praised as never seen before; in addition each person present found himself seated on a precious lotus throne. The Buddha said to Sariputra: “Look at the majestic purity of this Buddha land of mine.” Sariputra said: “World Honoured One, I have never seen and heard of this Buddha land in its majestic purity.” The Buddha said: “This Buddha land of mine is always pure, but appears filthy so that I can lead people of inferior spirituality to their salvation. This is like the food of devas which takes various colours according to the merits of each individual eater. So, Sariputra, the man whose mind is pure sees this world in its majestic purity.” When this Buddha land (i.e. the world) appeared in its majestic purity, the five hundred sons of elders, who came with Ratna-rasi, realized the patient endurance of the uncreate (anutpattika-dharma-ksanti), and eighty-four thousand people developed their minds set on Supreme Enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi). The Buddha then stopped pressing His toes on the ground and the world returned to its previous (filthy) condition. Thirty-two thousand devas and men aspiring to the sravaka stage understood the impermanence of all phenomena, kept from earthly impurities and achieved the Dharma-eye (which sees the truth of the four noble truths); eight thousand bhiksus kept from phenomena and succeeded in putting an end to the stream of transmigration (thus realizing arhatship).

***Being Reborn in the Buddha’s Pure Land In the Spirit of the Vimalakirti Sutra:*** According to the Vimalakirti Sutra, chapter ten, the Buddha of the Fragrant Land, Upasaka Vimalakirti told Bodhisattvas from the Fragrant Land about “Being reborn in the Buddha’s Pure Land”. The Bodhisattvas from the Fragrant Land asked: “How many Dharmas should a Bodhisattva achieve in this world to stop its morbid growth (defilements) in order to be reborn in the Buddha’s pure land?” Vimalakirti replied: “A Bodhisattva should bring to perfection eight Dharmas to stop morbid growth in this world in order to be reborn in

the pure land. What are they? First, benevolence towards all living beings with no expectation of reward. *Second*, endurance of sufferings for all living beings dedicating all merits to them. *Third*, impartiality towards them with all humility free from pride and arrogance. *Fourth*, reverence to all Bodhisattvas with the same devotion as to all Buddhas (i.e. without discrimination between Bodhisattvas and Buddhas). *Fifth*, absence of doubt and suspicion when hearing (the expounding of) sutras which he has not heard before. *Sixth*, abstention from opposition to the sravaka Dharma. *Seventh*, abstention from discrimination in regard to donations and offerings received with no thought of self-profit in order to subdue his mind. *Eighth*, self-examination without contending with others. Thus he should achieve singleness of mind bent on achieving all merits; these are the eight Dharmas. After Vimalakirti and Manjusri had thus expounded the Dharma, hundreds and thousands of devas developed the mind set on supreme enlightenment, and ten thousand Bodhisattvas realized the patient endurance of the uncreate.



**Tài Liệu Tham Khảo**  
**References**

- 1) *Kinh Phật Thuyết A Di Đà*, Hán dịch Cưu Ma La Thập, Việt dịch Cư Sĩ Tuệ Nhuận, 1951.
- 2) *Lá Thư Tịnh Độ*, Đại Sư Ấn Quang, dịch giả Hòa Thượng Thích Thiện Tâm, 1956.
- 3) *The Land of Bliss*, Luis O. Gomez, 1996.
- 4) *Liên Tông Thập Tam Tổ*, Hòa Thượng Thích Thiện Tâm, 1956.
- 5) *Liên Tông Bảo Giám*, Đại Sư Ưu Đàm, Việt dịch Thích Minh Thành, NXB Đông Phương, 2009.
- 6) *Nguyễn Sinh Kế Chú Lược Luận Tịnh Độ*, Đàm Loan, Việt dịch Thích Nhất Chân, NXB Tôn Giáo, 2007.
- 7) *Những Đóa Hoa Vô Ưu*, 3 tập, Thiện Phúc, USA, 2012.
- 8) *Niệm Phật Căn Bản Cho người Tại Gia*, 2 tập, Thiện Phúc, USA, 2018—*Basic Buddha Recitation For Lay People*, 2 Volumes, Thiện Phúc, USA, 2018
- 9) *Niệm Phật Thập Yếu*, Hòa Thượng Thích Thiện Tâm, 1950.
- 10) *Pháp Môn Tịnh Độ*, Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Sài Gòn, 1961.
- 11) *Pháp Môn Tịnh Độ Thù Thắng*, Hòa Thượng Thích Hân Hiền, 1991.
- 12) *Phật Giáo Tuyển Luận, Tập I*, Thiện Phúc, USA, 2022—*Selective Essays On Buddhism, Volume I*, Thiện Phúc, USA, 2022.
- 13) *Phật Học Phổ Thông*, Thích Thiện Hoa: 1958 (3 volumes).
- 14) *Phật Pháp Căn Bản (Việt-Anh)*—*Basic Buddhist Doctrines*, 08 Volumes, Thiện Phúc, USA, 2009.
- 15) *Phật Thuyết A Di Đà Kinh*, Hán dịch Cưu Ma La Thập, Việt dịch Cư Sĩ Tuệ Nhuận, 1951.
- 16) *Sự Tích Phật A Di Đà*, 7 Vị Bồ Tát và 33 Vị Tổ Sư, Trần Nguyên Chấn, 1950.
- 17) *Tam Kinh Tịnh Độ*, Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Sài Gòn, 1961.
- 18) *Tám Quyển Sách Quý*, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, 1954.
- 19) *Từ Điển Phật Học Việt-Anh*—*Vietnamese-English Buddhist Dictionary*, 6 volumes, Thiện Phúc, USA, 2005.
- 20) *Từ Điển Phật Học Anh-Việt*—*English-Vietnamese Buddhist Dictionary*, 10 volumes, Thiện Phúc, USA, 2007.
- 21) *Vãng Sanh Tịnh Độ Luận Giảng Ký*, Ấn Thuận, Việt dịch Thích Nhất Chân, NXB Tôn Giáo, 2007.
- 22) *Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá*, Đàm Loan, Việt dịch Thích Nhất Chân, NXB Tôn Giáo, 2007.
- 23) *The Vimalakirti Nirdeśa Sutra*, Charles Luk, 1972.



**Mục Lục**  
**Table of Content**

- (A) *Sơ Lược Về Tịnh Độ Trong Giáo Thuyết Phật Giáo—A Summary of the Pure Land In Buddhist Teachings (Vietnamese p.3/English p.91)*
- I. *Sơ Lược Về Tịnh Độ Trong Giáo Thuyết Phật Giáo—A Summary of the Pure Land In Buddhist Teachings*
  - II. *Triết Lý Của Tịnh Độ Tông—The Philosophy of the Pure Land*
  - III. *Kinh Quán Vô Lượng Thọ—Amitayurdhyana Sutra*
  - IV. *Ba Cửa Tịnh Độ—Three Methods in the Pure Land Cultivation*
  - V. *Ba Mối Nghi Của Phật Tử Về Tịnh Độ—Three Doubts of Practitioners About the Pure Land*
  - VI. *Bốn Sắc Thái Tín Ngưỡng Di Đà—Four Aspects of Amitabha Pietism*
  - VII. *Tâm Của Hành Giả Tu Tập Tịnh Độ—Pure Land Practitioners' Mind*
- (B) *Pháp Môn Niệm Phật Trong Giáo Thuyết Phật Giáo—Dharma Door of Buddha Recitation In Buddhist Teachings (Vietnamese p.18/English p.109)*
- I. *Tổng Quan Và Ý Nghĩa Của Niệm Phật—Overview and Meanings of Buddha Recitation*
  - II. *Niệm Phật Môn—The Door of Buddha Recitation*
  - III. *Quán Tưởng Môn—The Door of Visualization*
  - IV. *Mục Đích Niệm Phật—The Purpose of Buddha Recitation*
  - V. *Các Loại Niệm Phật—Categories of Buddha Recitation*
  - VI. *Mười Loại Niệm Phật Trì Danh—Ten Variants in Oral Recitation*
  - VII. *Mười Loại Niệm Phật Ký Số—Ten Recitation in One Breath*
  - VIII. *Bốn Mươi Tám Pháp Niệm Phật—Forty-Eight Aspects of Buddha Recitation*
  - IX. *Các Loại Niệm Phật Khác—Other Kinds of Buddha Recitation*
  - X. *Những Đặc Điểm Của Niệm Phật—Characteristics of Buddha Recitation*
  - XI. *Tứ Đoạt & Tứ Hạnh Niệm Phật Môn—Four Realizations & Four Practices In Buddha Recitation Door*
  - XII. *Niệm Phật Và Trì Chú—Buddha Recitation and Mantra Recitation*
  - XIII. *Ba Tiêu Chuẩn Giúp Người Niệm Phật Củng Cố Lòng Tin—Three Guidelines to Consolidate One's Faith*
  - XIV. *Ba Lý Do Hành Giả Niệm Phật Không Được Nhứt Tâm Bất Loạn—Three Causes Which Practitioners of Buddha Recitation Cannot Achieve “One-Pointedness of Mind”*
  - XV. *Bảy Trường Hợp Khó Niệm Phật—Seven Circumstances That Are Difficult to Practice Buddha Recitation*
  - XVI. *Mười Loại Người Không Niệm Phật Được Lúc Lâm Chung—Ten Types of People Who Cannot Recite the Buddha's Name at Near-Death Time*
  - XVII. *Niệm Phật Là Mở Cửa Đi Vào Cõi Tịnh Độ—To Recite Amitabha Buddha Is to Open the Entrance to the Pure Land*

*XVIII. Hộ Niệm Cho Người Sắp Lâm Chung—Supportive Recitation For Dying People*

*(C) Sơ Lược Về Vãng Sanh Tịnh Độ Trong Giáo Thuyết Phật Giáo—A Summary of Gaining Rebirth to the Pureland In Buddhist Teachings (Vietnamese p.70/English p.178)*

- I. Sơ Lược Về Vãng Sanh Tịnh Độ Trong Tịnh Độ Tông—A Summary of Gaining Rebirth to the Pureland In the Pure Land Sect*
- II. Tịnh Độ & Vãng Sanh Tịnh Độ Theo Thiền Tông—Lands of Purity & Being Reborn in the Pure Land In the Zen Sect*
- III. Tịnh Độ & Vãng Sanh Tịnh Độ Của Chư Bồ Tát Theo Tinh Thần Kinh Duy Ma—Lands of Purity & Being Reborn in the Pure Land In the Spirit of the Vimalakirti Sutra*

*Tài Liệu Tham Khảo—References*

201

*Mục Lục—Table of Content*

203